

# Đặc San CVA 2000

**CHU VĂN AN**

**Đặc San Xuân Canh Thìn 2000**

*Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An  
Bắc California, Hoa Kỳ*

## Mục lục

<b>Bài</b>	<b>Tác giả</b>	<b>Trang</b>
Lời tựa	Ban biên tập	3
Sớ Táo Quân	Táo CVA/ Bắc California	4
Những môn đệ của CVA	GS. Nguyễn Xuân Vinh	9
Chu Văn An	Đào Đình Đắc	22
Lý tác Tiên Rồng	GS. Đào Văn Dương	30
Người Việt tinh ròng (Thơ)	Lưu Văn Vịnh	47
Cao Bá Quát vịnh CVA	GS. Nguyễn Đình Hòa	48
Vài cảm nghĩ về dòng văn học	Đình Nhật Thịnh	50
Bài thơ cho con (Thơ)	Nguyễn Đàm Duy Trung	60
CVA cửa Bắc	Vũ Bằng Đình	61
Tình khúc mùa xuân (Thơ)	Minh Viên	73
Ngũ quý	Lê Văn Ninh	74
Ngại gì xa nhau (Thơ)	Vũ Tiến	84
Người Quân tử	Đoàn Văn Khanh	85
Ông Đồ, thơ Vũ Đình Liên	Kim Vũ dịch qua Anh Ngữ	93
Xin đừng để mắt chúng ta	Hoàng Cơ Định	95
Gặp bạn cũ (Thơ)	Vũ Văn Vĩnh	101
Đòi vợ lên năm	Nguyễn Đình Phương	102
Hà Nội ngày về (Thơ)	Tuấn Tú	108
Thời tiết	Trần Trung Chính	109

Khung trời tưởng nhớ (Thơ)	Phan Cẩm Anh	117
Mối tình học trò	Đặng Tường Ngừ	119
Nhớ mái trường xưa (Thơ)	Nguyễn Văn Tài	123
Vài kỷ niệm năm đầu tiên	Đặng Gia Thoại	124
Dốc Núi (Thơ)	Hà Quốc Bảo	128
Nhớ về miền Tây	Đặng Khắc Khánh	129
Đầu xuân khai bút (Thơ)	Phạm Hữu Thuật	132
Soi bóng hồ Tây	Hoàng Chí Kiên	133
Tập hợp CVA	Lưu Văn Vịnh	144
Câu chuyện cụ Trọng Trình	Đỗ Đăng Tiến	147
Chút hạnh phúc còn lại	Trần Việt Sơn	149
Chờ Xuân (Thơ)	Duy Lam	152
Thư Xuân gửi bạn hiền	Nguyễn Quốc Sứ	153
Cơn mưa cuối mùa đông	Đặng Vũ Thám	158
Người xưa ca hát ra sao nhỉ?	Vũ Đức Nghiêm	162
Phiếm luận về giờ giấc cao su	Phạm Nguyên Khôi	166
Thi thư thuở ấy chốn này	Nguyễn Gia Bình	172
Em cứ tưởng (Thơ)	Nguyễn Phương Liên	185
Anh ơi, giờ này anh ở đâu?	Bùi Đức Lạc	186
Triệu chứng C.V.A.	Ba Lăng	195
Bệnh tiểu đường	Đỗ Khắc	199
Đi bộ, chạy bộ	Nguyễn Huy Lăng	202
Gió khơi (Thơ dịch)	Lãng Nhân	206
Hà Nội tôi về	Lão Đâu	208
Mỗi nụ cười một tuổi thọ	Nguyễn Văn Hồ	228
Mùa xuân nhớ quê hương (Thơ)	Phan Chùng Thanh	230
Truyện vui	Cả Móm	231
Bạn bè của tôi	Trần Minh Phương	233
Mây trời nửa nắng (Thơ)	Vũ Tiến	243
Mơ về một quê hương VN	Phan Bích Hà	244
Vài cảm nghĩ về cuộc sống	Nguyễn Quốc Long	249
Picnic liên trường (Thơ)	Trần Khánh Hồng	254
Tường thuật picnic liên trường	Vũ Mạnh Phát	256
Tường trình họp mặt tết	Phạm Huy Thịnh	261
Sinh hoạt CVA bắc Calif	Ban chấp hành CVA	266
Danh sách yểm trợ	Ban chấp hành CVA	269
Vui họp mặt (Nhạc)	Thanh Hằng	273
Mừng em thi đỗ (Nhạc)	Nguyễn Đức Chung	274
Chanson du Lypro (Nhạc)	Vũ Đức Nghiêm	275
Danh sách hội viên	Ban chấp hành CVA	276

# Lời Tựa

*Đặc San Chu Văn An Bắc California 2000 đã được sự hưởng ứng nồng nhiệt của quý vị Giáo Sư, quý bạn đồng môn đủ các thế hệ qua việc đóng góp bài vở, hình ảnh, yểm trợ tài chính, khích lệ tinh thần . Nhờ sự đóng góp tích cực đó, Đặc San Canh Thìn đã hình thành và đến được tay của quý vị.*

*Ban Chấp Hành Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California và Ban Biên Tập luôn luôn ghi nhớ ân tình sâu đậm này của quý Thầy, quý bạn.*

*Vì số trang có giới hạn nên một số bài vở phải gác lại, mong các bạn đã gửi bài thông cảm . Hơn nữa, dù cố gắng thế nào, cũng không sao tránh khỏi sơ sót, xin quý vị độc giả bỏ qua cho và cũng ước mong đón nhận được những tôn kiến xây dựng để chúng tôi cải tiến cho những Đặc San sau này .*

*Bước vào thế kỷ 21, ước mong rằng tập thể Chu Văn An chúng ta sẽ tiếp tục triển nở tốt đẹp trên mọi phương diện trong Tinh Thần Chu Văn An.*

*Thân kính chào toàn thể quý vị và quý bạn.*

*Ban Chấp Hành & Ban Biên Tập*

# Sớ tảo quân

Muôn tâu Ngọc Hoàng

Thần là Táo Quân

Hội Chu Văn An

Thung Lũng Hoa Vàng

Kính chúc Ngọc Hoàng

Long thể khang an

Xét truyện nhân gian

Sao cho ...khỏi oan

Thần nay tới hạn

Hai năm một lần

Báo cáo tường tận

Sinh hoạt trần gian

Của Đại gia đình  
Bưởi-Chu văn An  
Nơi này nơi khác  
Trước hết là chuyện  
Sinh hoạt vùng này  
Thần xin nói ngay  
Hợp mặt vui thay  
Dịp Tết Mậu Dần  
Tất cả thần dân  
Hội Chu Văn An  
Thật là vui vẻ  
Cười rơn hả hê  
Chào đón bạn bè  
Bằng những bài vè  
Tự biên tự diễn  
Anh em tự nguyện  
Đứng lên kể chuyện  
Rồi đó bạn bè  
Mọi người lắng nghe  
Đua nhau trả lời  
Tiếng cười không thôi  
Đua nhau ra ...tố  
Lại còn xô số  
Thật là vui ghê  
Ăn uống ..khỏi chê  
Văn nghệ ...số dách  
Hội còn tặng sách  
Đặc San Mậu Dần  
Món quà tinh thần  
Sưởi ấm tình thân

Anh em tần ngần  
Chẳng muốn chia tay  
Ngoài trời giông bão  
Gió lạnh mưa bay!  
Tết Năm Kỷ Mão  
Bao nhiêu anh hào  
Xúm vào giúp đỡ  
Người lãnh tiếp tân  
Anh lo trật tự  
Người làm quân sự  
Anh thì tổ chức  
Văn nghệ văn gừng  
Tập quạ chùng chùng  
Thật là xôm tụ  
Kỳ này đầy đủ  
Bao nhiêu nhân tài  
Tự lèo tự lái  
Quyết làm cho cái  
Họp mặt lần này  
Nổi đình nổi đám  
Kỷ niệm mười năm  
Hội nhà thành lập  
Người dự tấp nập  
Không đủ chỗ ngồi  
Lạng quạ lạng quạ  
Như năm Mậu Dần  
Này ban tiếp tân  
Đã có ...đầu đàn  
Xếp chỗ xếp bàn  
Như mời tiệc cưới

Anh em khi tới  
Là biết bàn ngồi  
Tha hồ chạy chơi  
Bàn này bàn nọ  
Thật là thoải mái  
Không còn e ngại  
Đạp phải ...chân ai  
Khi muốn ..bai bai  
Trở về chỗ cũ  
Anh em gật gù:  
"Khung cảnh ...mộng mơ  
Văn nghệ ..ờ ...ờ ...  
Tập dượt ra trò  
Thật là chọn lọc"  
Thế mà bị ...học  
Vài ba ...sợi tóc  
Đôi người cau có  
"Ăn chẳng đủ no  
Không hợp khẩu vị!"  
Cả chuyện ca sĩ  
Mong đến ...giờ về  
Nhiều chuyện ...cà kê  
Thêm chuyện... bên lề  
Chuyện nọ ...chuyện kia  
Giờ phút chia ly  
Mỗi người một ý  
Sinh hoạt mùa hè  
Giữa năm Mậu Dần  
Anh em quyết mãn  
Pic nic vào hè

Không có ai chê  
Mọi người đều mê  
"Cứ làm nữa nhé!"  
Tới cuối mùa hè  
Tổ chức Đại hội  
Bầu ban chấp hành  
Lần này mấy anh  
Trong nhiệm kỳ trước  
Cứ muốn từ khước  
Muốn được nghỉ ngơi  
Không vác ngà voi  
Không làm ... chơi chơi  
Lại bị "dí " tới  
Cùng đường cùng lối  
Phải gật đầu thôi  
Đôi chút thay đổi  
Bầu Phạm Nguyên Khôi  
Làm Tổng Thư Ký  
Anh thật ăn ý  
Vớ người quyết chí  
Làm việc từ bi  
Tối ngày phải đi  
Lo việc ...chú bác  
Việc hội chẳng ... nhất  
Anh Vũ mạnh Phát  
Làm phó cho Khôi  
Bàì trùng cặp đôi  
Thật đúng như lời  
Anh em đã nói !  
Công việc của Hội

Giải quyết thế nào  
Đứng mũi chịu sào  
Là Phạm Huy Thịnh  
Ráng mà gồng mình  
Người vừa khỏi bệnh  
Là Phạm Phúc Hưng  
Cũng phải đau lưng  
Mà lo cho Hội  
Khi nào ... rảnh rồi  
Chứ không... lè phè  
Còn chàng Gà Tre  
Đình Phương nhỏ bé  
Công việc vẫn thế  
Giữ nguyên chiếc ghế  
"Quản thủ nhà kho"  
Anh lại hay lo  
Hội nhà cạ vốn  
Đặc San lại ngón  
Tốn biết bao nhiêu  
Tiền đâu mà trả ?  
Con người tài hoa  
Tuổi đời ...còn trẻ  
Vấn đề râu trê  
Lo chuyện văn nghệ  
Là Trần Minh Phương  
Thật là ...sung sướng  
Người được thừa hưởng  
Trách vụ " giao liên "  
Là Nguyễn Huy Tiên  
Tính vốn thật hiền



Với Hoàng Ưông Lễ  
Luôn cười ...hề ...hề ...  
Chúng bạn chẳng chê!  
Hè năm Kỷ Mão  
Hội Chu Văn An  
Khởi xưởng họp bàn  
Với Petrus Ký  
Cùng với các chị  
Trung Vương, Gia Long  
Tất cả đồng lòng  
Làm chung picnic  
Võ Trường Toàn thích  
Liên nhập cuộc chơi  
Hồ Ngọc Cẩm tới  
Rất là thân thương  
"Hợp Mặt Liên Trường"  
Cùng chung góp sức  
Thật là đông đúc  
Mọi người há hê  
Ăn uống khỏi chê  
Chính nhờ mấy chị  
Đến khi nhẩy thi  
Chọn toàn... bồ nhí  
Tiếng cười ..hí ...hí  
Vang cả công viên  
Hát hò như ...điên  
Sao mà vui thế  
Ông cháu đê huề  
Vừa ca vừa chạy  
Mấy chị ra tay

Đứng giữa mùa may  
Cho bà con đoán  
Anh em hô hoán  
" Múa bụng đây à ?"  
Thần thấy cả nhà  
Đúng là đại gia  
Đủ ba thế hệ  
Không hề câu nệ  
Tham dự đề huề  
Cuộc chơi lý thú  
Bao người "ẩn tu"  
Xuất đầu lộ diện  
Nhiều người lại đến  
Từ vùng thật xa  
Chỉ muốn ghé qua  
Cho biết sự tình  
Nhưng rồi quyết định  
Chơi tới ... tàn canh!  
Gặp em, gặp anh  
Gặp thầy, gặp bạn  
Xa cách, trở ngại  
Bất ngờ gặp lại  
Những chuyện ...gai gai  
Cũng có lai rai  
Nào đâu đáng kể  
Như âm thanh bể  
Cứu vãn kịp thời  
Áy cũng nhờ trời  
Nhờ anh Lộc đó  
Thuộc trường họ Võ

Bỏ hết sức mình  
Chạy về ...tư dinh  
Khuân dàn loa mới  
Máy Trường khi tới  
Trương bảng hiệu lên  
Chọn chỗ ...liền liền  
Thật là ... vui quá  
Anh em Hội nhà  
Nhìn chỗ xa xa  
Sao mà ... choáng váng  
Thôi thì cũng ráng  
Cũng phải trương bảng  
Cho giống bạn ta  
Chẳng muốn đi xa  
Thượng ngay chính tòa  
Bạn bè cười la  
"Thật là ...chơi cha!"  
Nhưng quả thật là  
Nhờ ...chúng bạn ...nhường  
Họp mặt Liên Trường  
Thật là thân thương  
"Trăm hoa đua nở "  
Chuyện lớn chuyện nhỏ  
Chuyện hai cái loa  
Bất ngờ bốn ba  
Tới năm ăn vạ  
Trụ sở Hội nhà  
Thật giống như là ...  
Là đôi ...bông hoa!  
Suốt hai năm qua

Vẫn ...sản xuất ra  
Tin Thư đều đều  
Đồng môn mến yêu  
Trao trọn tâm tình  
Tới năm hai nghìn  
Đặc san Canh Thìn  
Ra mắt bà con  
Cho tròn nhiệm vụ  
Của Ban chấp hành  
Sinh hoạt chung quanh  
Thung Lũng Hoa Vàng  
Thần quá bàng hoàng  
Sao mà loạng quạng...  
Lây sang Hội nhà  
Nói vào nói ra  
Ba... buổi họp hành  
Tranh luận loanh quanh  
Muốn Hội ...tiến mạnh  
Theo hướng...xoay nhanh...  
Làm ban chấp hành  
Phải điên cái đầu  
Cố lái con tàu  
Theo hướng...nội qui  
Đến hết nhiệm kỳ  
Đi chơi đấu láo  
Hết còn bận nào  
Khỏi phải kêu gào ...  
Nhiều chuyện .....tào lao  
Thần không tâu nữa !  
Bây giờ sắp sửa

Bầu ban chấp hành

Ngọc Hoàng nhanh nhanh

Chọn người thay thế

Kiểm người tuổi trẻ

Cho Hội mạnh mẽ

Giờ thì đã trễ

Thần xin trở về

Cuộc sống...lè phè

Chúc thọ rồi ..de

"Ngọc Hoàng vạn tuế!"

*Táo CVA/BC sao lục*

*Tết Canh Thìn 2000*

\* \* \*

# NHỮNG MÔN ĐỆ CỦA CHU VĂN AN

*GIÁO SƯ NGUYỄN XUÂN VINH*

*Ở Việt Nam, cựu học sinh Bưởi - Chu Văn An là những người theo tôi có điểm phúc nhất vì đã được đào tạo ở một trường có truyền thống cao quý lại nổi tiếng là có những thầy hay, trò giỏi. Cựu môn sinh, ở bất cứ lớp tuổi nào đều hãnh diện vì trường mang tên Chu Văn An, một người đã được tôn là bậc thầy của mọi người như bài thơ vịnh của vua Tự Đức được ghi trong Việt Sử Tổng Vịnh*

*" Thượng tòng sơn đầu thế gian sự ,*

*Tâm dự nhân quai nhất khứ trì.*

*Thất trăm số thành thiên địa giám,*

*Trực thanh bát cộng hữu Trần suy !*

Tạm dịch là :

" Non cao, Bắc Đẩu bậc thầy,

Một đi làm tám gương tây thế gian.

Sớ dăng, trời đất biết gan,

Lòng trung không toại, đời Trần suy vi !"

Dù không được là truyền nhân chính thống mấy chục đời sau của tôn sư Chu Văn An từ khi thầy nhận lời vờ của vua Trần Minh Tông (1314 - 1329) tới Thăng Long giữ chức Tư nghiệp trường Quốc tử giám, nhưng chúng ta vẫn thường coi nhau như là môn đệ đời sau được thừa hưởng tinh thần Chu Văn An như ngọn lửa bùng hào khí bất khuất trong lòng kẻ sĩ của chúng ta. Tên truyền thống của trường là trường Bưởi và từ những năm hai mươi cho đến giữa những năm bốn mươi tên trường Bưởi vẫn được nhắc đến như là một trường danh tiếng đã đào tạo ra nhiều nhân tài cho đất nước Việt Nam. Một điều đặc biệt là tuy trước khi được đổi tên là trường Trung Học Chu Văn An trường đã có tên chính thức là Collège du Protectorat rồi đổi thành Lycée du Protectorat, chúng ta vẫn trước sau như một, coi như là thời thế hệ huynh trưởng, tên trường là Trường Bưởi, và sau này từ năm 1945 tên bất diệt của trường là Trường Chu Văn An.

Và như thế, ở khắp năm châu hiện nay các hội ái hữu và các nhóm thân hữu cựu học sinh đều dùng tên ghép Bưởi / Chu Văn An để làm danh hiệu. Muốn hiểu hiện tượng này ta có thể coi trường hợp của trường đại học danh tiếng nhất của nước Pháp, ở kinh thành ánh sáng với tên chính thức qua mấy thế kỷ là Université de Paris. Tuy vậy, trường vẫn được nhắc đến như là trường đại học Sorbonne. Cũng như tên Bưởi của trường chúng ta, chữ Sorbonne đã được coi đồng nghĩa với học vấn và trí tuệ. Danh từ này không những đã được dùng làm tiếng lóng trong giới anh chị để chỉ những người khôn ngoan, mưu mẹo, như ta có thể thấy khi đọc cuốn *Les Mystères de Paris* của Eugène Sue, nhưng cũng được các giáo sư đại học đôi khi dùng theo nghĩa trịch thượng để giới thiệu sách của mình.

Tôi lấy vài thí dụ trong những sách học tôi có. Giáo sư Gaston Darboux, bí thư vĩnh viễn của Hàn Lâm Viện Khoa Học Pháp trong bài mở đầu của tập 1, bộ sách *Hình Học Vi Phân* của ông in năm 1887 đã viết đó là những bài ông đã giảng dạy ở Sorbonne, mặc dầu chức vụ chính thức của ông là Doyen de la Faculté des Sciences, Université de Paris, nghĩa là không dính líu chút gì tới chữ Sorbonne.

Gần bảy mươi năm sau, giáo sư Jean Chazy, cũng là viện sĩ Hàn Lâm Viện Khoa Học với chức vụ là Professeur à la Faculté des Sciences de Paris cũng đã giới thiệu cuốn sách *Cơ Học Thiên Thể* của ông, in năm 1953, là đã viết lại những bài giảng từ mười năm nay của ông ở Sorbonne.

Sau những vụ biểu tình của sinh viên Đại Học Paris vào năm 1968, đòi hỏi cải tổ và nâng cao phương tiện giáo dục, đặc biệt là các trường ốc từ hàng trăm năm nay đã bị hạn hẹp ở khu Latin, chính phủ Pháp đã mở rộng Đại Học Paris chia làm nhiều trường ở nhiều khu và tạm đặt tên là Université de Paris I,

Université de Paris II,...và toàn bộ Faculté des Sciences cũ đã được đặt ở Université de Paris VI. Giai đoạn tiếp là lấy tên các vĩ nhân Pháp đặt cho trường, và muốn giữ truyền thống khoa học xuất sắc nhất, Université de Paris VI đã lấy tên chính thức là Université Pierre et Marie Curie vì cặp khoa học gia này đã là biểu tượng cho trí tuệ tuyệt vời, hi sinh cao cả và thành công rực rỡ.

Trong thế kỷ mới, khi danh hiệu này của đại học Paris trở nên quen thuộc, sinh viên tốt nghiệp sẽ chỉ nhớ đến tên Sorbonne và Pierre et Marie Curie và cảm thấy hãnh diện đã được đào tạo ở một học hiệu có truyền thống khoa học siêu việt ở nước Pháp, mang tên những người đã suốt đời tận tụy trong phòng thí nghiệm, phát minh ra những điều mới lạ trong khoa học để phục vụ nhân loại.

Qua một lần nói chuyện với giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, tiến sĩ quốc gia văn chương của Đại Học Paris, ông cũng cho sự gọi tên Bưởi cho Lycée du Protectorat cũng giống như gọi tên Sorbonne cho Université de Paris.

Như chúng ta đã biết, trường yêu quý của chúng ta được xây cất vào năm 1907 trên một khu đất rộng gần Hồ Tây và thuộc làng Yên Thái, tục gọi là làng Bưởi, nên trường được gọi tên là Trường Bưởi. Cũng như vậy, đại học Paris được ông Robert de Sorbon lập ra nên được quen gọi là La Sorbonne và từ đó thành tục danh. Giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch cũng nhấn mạnh ở điểm là tuy Université de Paris gồm có nhiều ngành, qua các Faculté de Droit, Faculté de Médecine,...nhưng chữ Sorbonne chỉ được dùng riêng để chỉ Faculté des Sciences và Faculté des Lettres mà thôi.

Danh sư Chu Văn An, còn được gọi là Chu An, tên chữ là Linh Triệt, tên thụy là Vân Trinh. Ông là người làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm, nay là huyện Thanh Trì ở ngoại thành Hà Nội. Ông sinh năm nào chưa rõ nhưng mất năm Canh Dần (1370). Về năm sinh của ông, nếu phân tách lẻ lối khoa cử đời Trần và căn cứ vào sự nghiệp của ông và của các học trò nổi tiếng như Lê Quát và Phạm Sư Mạnh thì cũng có thể ước đoán được, xê dịch chừng vài năm.

Theo văn sử chép lại thì ông đậu thái học sinh, là học vị tiến sĩ đời Trần, nhưng không ra làm quan mà mở trường dạy học ở quê làng để truyền bá đạo Nho và khai hóa dân trí trong vùng, bài xích những dị đoan, hủ tục. Như trên đã viết, cho tới thời minh trị của vua Trần Minh Tông, ông mới chịu ra kinh đô, giữ chức Tư Nghiệp, dạy riêng cho Thái Tử và thuyết giảng ở Quốc tử giám.

Nếu căn cứ vào điểm một cao đồ của Chu Văn An là Phạm Sư Mạnh đậu thái học sinh vào triều này và bắt đầu làm quan năm 1323, và nghĩ rằng cùng là những nhân tài lỗi lạc, thầy hơn trò chừng mười tuổi thì ta cũng có thể tạm đoán là ông Chu Văn An mất giữa khoảng 75 đến 80 tuổi. Vài tháng trước khi mất, ông còn từ Chí Linh ra Thăng Long bệ kiến vua Trần Nghệ Tông mới lên ngôi.

Hầu hết tác phẩm của Chu Văn An đều không còn nữa. Theo tài liệu ghi chép ở văn học sử thì trong thời gian làm Quốc tử giám tư nghiệp ông biên soạn bộ Tư Thư Thuyết Ước, gồm mười quyển, là thuyết minh tóm tắt bốn tác phẩm lớn của Nho giáo để giảng dạy môn sinh. Đến đời Trần Dụ Tông (1341-1369), trong triều chính trị đổ nát, gian thần lộng quyền, ông viết một bài văn hùng hồn, được gọi là Thất Trảm Sớ, dâng lên vua xin chém đầu bảy tên gian nịnh.

Dụ Tông là một ông vua ham rượu chè, cờ bạc, chỉ lo chuyện đào hồ, xây cung điện, bắt vương hầu công chúa đặt chuyện hát tuồng nên không biết nghe lời can gián của người trung thần cương trực. Ông Chu Văn An xin từ chức về ẩn, ở núi Phượng Hoàng, làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

Thời gian này ông sáng tác thi ca lấy biệt hiệu là Tiểu Ẩn. Hai tập thơ bày tỏ khí tiết thanh cao sống giữa vẻ đẹp của thiên nhiên hòa tình cảm mình với tạo vật được ghi lại là Tiểu Ẩn Thi Tập, gồm những bài thơ chữ Hán, và Tiểu Ẩn Quốc Ngữ Thi Tập gồm những bài thơ chữ Nôm. Tuy trong thời gian sáng tác, ít ra là 50 năm, thi văn của Chu Văn An rất phong phú, nhưng nay chỉ còn được ghi lại mười hai bài thơ chữ Hán trong Toàn Việt Thi Lục.

Bài văn Thất Trảm Sớ phải là một công trình văn hóa bộc lộ cái dũng của một nho sĩ tiết tháo, bất khuất trước cường quyền, được tạo dựng nên sau nhiều đêm suy nghĩ bạc đầu, trước cảnh vận nước suy vong. Bài văn, sau khi bị vua Dụ Tông từ khước, tất nhiên đã bị bọn gian thần toa rập hủy diệt. Nhưng tinh thần bài văn chắc chắn sẽ được lưu truyền vạn đại. Theo Lê Tung trong "Việt Giám Thông Khảo Tổng Luận" thì đã khen rằng

" Thất trảm chi sớ

Nghĩa động can khôn

Vạn ngôn chi thư

Trung quán nhật nguyệt

*Xin tạm dịch, diễn thêm là :*

" *Dâng thư chém bầy ác ôn,  
Oai phong chấn động, càn khôn kinh hoàng.  
Lời văn trùng điệp hàng hàng,  
Sáng như nhật nguyệt, ẩn tàng thuyết minh.*"

*Muốn tìm hiểu thêm tinh thần Chu Văn An ta có thể đọc bài thơ vịnh của ông Cao Bá Quát (...- 1854) là một nhà văn thơ nổi tiếng thời vua Tự Đức, có chí hướng cách mạng.*

### **Vịnh Chu An**

" *Kinh tiết thanh tu khí phách dương,  
Dịch tương chích thủ văn đòi dương.  
Lôi đình bất tóa cô trung phần,  
Quý mị do kinh thất trăm chương.  
Hạo khí dĩ bằng thiên địa bạch  
Cao phong do đối thủy sơn trường  
Lâm tuyền cụ ẩn kim hà tại ?  
Văn miếu duy dư tính tự hương ."*

*Xin tạm dịch là*

### **Vịnh Chu An**

" *Tiết sạch lòng son chí dũng cường,  
Muốn đem tài sức néo tà dương.  
Sấm uy khôn chặn người trung phần,  
Sớ trăm kinh hoàng lũ quỷ vương.  
Khí thế tràn dâng, trời đất ngát  
Gió cao thổi lộng núi sông trường.  
Ẩn cư rừng suối nay đâu biết,  
Văn miếu tên truyền tụng khói hương."*

*Đây là một bài thơ tuyệt tác đã nói lên được cái **Trí** của Chu Văn An biết được kỹ cương suy đồi, muốn cứu vãn tình thế, cái **Dũng** của nhà nho tiết tháo không sợ uy sấm sét của cường quyền, cái **Nhân** của kẻ sĩ đã tá thành **Văn** để thảo nên một chương thất trăm làm cho quỷ mị kinh hoàng.*



*Đó là tinh thần Chu Văn An và cũng là tinh thần bất khuất của dân tộc. Bài số đã thất truyền mà tinh thần vẫn lưu truyền vạn đại. Cũng như cột đồng Đông Hán tuy không còn vết tích mà giòng giống Giao Chỉ chúng ta vẫn sống mạnh muôn đời.*

*Chu Văn An là người có tài, hội đủ các đức tính Trí, Dũng, Nhân và Văn. Tuy cáo quan, quy ẩn trong dãy Côn Sơn, giữa khung cảnh tịch mịch, bên ao Miết Trì, mà lòng ông vẫn chưa hoàn toàn nguội lạnh với thời thế, nghĩ đến triều vua xưa còn có kỷ cương mà thấy sa giọt lệ nhu trong bài thơ*

### **Miết Trì**

*" Thủy nguyệt kiều biên lộng tịch huy,  
Hà hoa, hà diệp, tĩnh tương y .  
Ngư phù cổ chiếu, long hà tại ?  
Vân mẫn, không sơn hạc bất quy !  
Lão quế tùy phong hương thạch lộ,  
Nộn đài trước thủy một từng phi  
Thốn tâm, thù vị như hôi thổ,  
Văn thuyết Tiên hoàng lệ án huy ."*

*Tạm dịch là :*

### **Miết Trì**

*" Bên cầu, trăng nước chiều tà,  
Cánh sen chen lẫn hoa ngà tựa nhau.  
Cá bơi, rờng ẩn nơi nao ?  
Mây treo núi trắng, hạc sao chưa về ?  
Quế già thơm ngát đường đê,  
Rêu non dẫm nước khôn che cửa hàn.  
Lòng son thấm đất chửa tan,  
Nghe Tiên hoàng, lệ muôn tràn trên mi."*

*Bài thơ nói lên tâm sự của Chu Văn An, nghĩ đến triều vua trước là Trần Minh Tông, có nhiều nhân tài trí lự như Đoàn Nhữ Hài, Phạm Ngũ Lão, Trương Hán Siêu, Mạc Đĩnh Chi..., tuy gồm hai lớp tuổi tác chênh lệch nhưng đã cùng ông hành đạo giữ được kỷ cương mà nay người tài như rờng hạc bay mất phương xa, chỉ còn lũ cá nổi nhón nhơ mặt bèo.*

*Học sinh đích truyền của ông có nhiều người lãnh hội được ý thầy. Có người như Phạm Sư Mạnh, theo gương thầy được chữ **Hành** . Dù thấy gian thần lộng quyền, nhưng ông cố gắng làm trọn vẹn sứ mệnh trọng đại, khi đi sứ ra nước ngoài tranh luận với quan chức nhà Nguyên giữ vẻ vang cho quốc thể, trong công việc nội trị ông củng cố biên phòng, bảo vệ sơn hà. Nhờ vậy mà Phạm Sư Mạnh còn được quyền uy, với chức Lang*

Trung, ông có dịp tiêu trừ được một số tham quan ô lại. Như trong bài thơ kinh lý lộ Thao Giang ông có hai câu kết :

" Ngã vị triều đình phỏng dân mịch,  
San trừ đồ tệt, cách gian tham."

nghĩa là :

" Vì nước , ta thăm dân đời khổ,  
Bãi trừ tệ hại, diệt gian tham ."

Một bạn đồng song, thân thiết của Phạm Sư Mạnh là Lê Quát cũng đã cố gắng cùng nhau liên kết bài trừ tệ đoan, tham nhũng, nêu cao gương sáng của sĩ phu. Tuy đạt được tới chức Thượng thư hành khiển nhưng về sau vì cô thế, thời cuộc bất đắc, ông theo thầy ở chữ **Tàng** , coi đường công danh là nhẹ, giữ được phong thái thanh cao của nho sinh. Theo bài Thư Hoài-Kỳ Nhị còn để lại, Lê Quát đã viết :

" Niên lai, thế sự dữ tâm vi,  
Nhật vọng gia sơn phú thức vi.  
Thùy quốc thiên hàn kinh tuế mộ.  
Mộc lan hoa lão vũ phi phi."

Năm mới tới, mà thế sự trái với lòng mình mong muốn. Hàng ngày nhìn núi xa ở quê nhà, ngâm câu thơ Quốc Phong ở Thi Kinh bộc lộ tâm sự của người lưu lạc, Lê Quát chắc cũng muốn theo thầy về quy ẩn, nhưng xét ra còn muốn cố gắng tiếp tay với bạn đồng song là Phạm Sư Mạnh cứu vãn cơ đồ.

Bài thơ xin tạm dịch là :

" Cuộc đời trái với sự lòng,  
Hương về quê cũ, ngâm dòng Thức Vi.  
Nước triều, trời lạnh năm đi.  
Mộc lan tàn cánh hoa vì mưa bay."

Nán lại ở chốn triều trung, tuy tham quan nịnh thần bao vây tứ phía, ông đã theo tấm gương của thầy học là không để công danh làm bả vinh hoa, gây sự đố kỵ của những tiểu nhân. Trong bài tiễn bạn là Phạm Sư Mạnh đi Bắc sứ, Lê Quát đã viết :

" Triều trung, sứ giả, thiên biên khách,  
Quân đắc công danh , ngã đắc nhàn. "

dịch là :

" Bác đi triều sứ ngoài biên,  
Công danh đã toại, tôi riêng chữ nhàn."

Tuy ẩn trong chữ nhàn, vị cao đồ của Chu Văn An vẫn coi quân mệnh là trọng. Vì vậy năm Đại Trị thứ chín (1366), gần cuối triều Dụ Tông, tuy tuổi đã cao, ông vẫn còn phụng chỉ đi Thanh Hóa là chỗ quê nhà để

thanh tra tài chính. Coi thế thì trong con người của Lê Quát tuy có cái Tài của nho sinh nhưng cũng có cái Hành của sĩ phu. Những điều này ông đã học được ở thầy.

Chúng ta có thể tự hào là môn đệ đời sau của thầy vì chúng ta đã giữ được tinh thần Chu Văn An. Sáu trăm năm sau ngày Chu Văn An tới triều ở Thăng Long để dạy học thì học sinh trường Bưởi bãi khóa để phản đối thực dân bắt giữ cụ Phan Bội Châu năm 1925 ở Thượng Hải đưa xuống tàu về nước để kết án tử hình trước Hội đồng Đê hình. Trước cao trào phản kháng sôi nổi lan từ Bắc vào Nam, Toàn quyền Varenne phải nhượng bộ ký giấy ân xá để đưa cụ Phan về an trí tại Bến Ngự ở Huế. Tiếp theo đó cụ Phan Chu Trinh về nước để tranh đấu đòi quyền tự do cho người dân Việt. Được thắm nhuần gương sáng của cụ Tây Hồ, khi cụ qua đời, học sinh trường Bưởi đã long trọng làm lễ truy điệu. Với tinh thần ấy trường Bưởi thật xứng đáng được mang tên Chu Văn An vào năm 1945.

Thời Việt Minh cộng sản về cướp chính quyền, Nha Công An đã bắt cụ Nguyễn Gia Tường là hiệu trưởng trường Chu Văn An để giam giữ và thẩm vấn vì cụ là một nhân sĩ quốc gia chân chính, đã biết rõ mặt thật của cộng sản là chủ trương tiêu diệt các đảng phái quốc gia để đưa đất nước theo chế độ ngoại lai, độc tài chuyên chính. Học sinh Chu Văn An đã bãi khóa và cùng với học sinh trường Trung Học Nguyễn Trãi, là trường Đỗ Hữu Vị được cải tên, tới trụ sở Công An biểu tình đòi trả tự do cho cụ. Trước khí thế hăng say của học sinh theo truyền thống tinh thần Chu Văn An, cộng sản phải nhượng bộ trả tự do cho cụ Nguyễn Gia Tường. Trong thời Cộng Hòa ở miền Nam, mỗi lần thấy chính quyền cầm cán cân công lý thiên lệch, hay thấy những tệ đoan tham nhũng làm quốc gia suy đồi, thì học sinh Chu Văn An lại thấy phẫn nộ, như vị thế gian sư khi xưa, để vùng lên tranh đấu, mong cho đất nước trung hưng, một khi chế độ được cải tổ lành mạnh.

Kể từ ngày vong quốc năm 1975, học sinh Bưởi-Chu Văn An, người còn ở lại sống dưới chế độ phi nhân, độc tài, kẻ bắt đầu lưu vong, ở tản mạn khắp năm châu. Qua một thời gian xáo trộn lúc đầu, môn đệ Chu Văn An đã tìm lại nhau và trong năm qua các học sinh Bưởi-Chu Văn An ở trong nước cũng như ở khắp nơi trên thế giới đều làm lễ kỷ niệm 90 năm ngày thành lập trường. Đến với nhau, dù thấy mái tóc chớm phong sương của những người hải ngoại, hay tâm thân gầy guộc vì thiếu thốn của những người còn ở trong nước, nhưng trong ánh mắt của những cụ học sinh, lửa kiên cường vẫn còn bùng sáng vì dù chỉ theo học ở trường một năm, hay suốt một giải bảy năm, hay dù chỉ biết trường Chu Văn An qua bạn bè quyến thuộc, con người Việt cũng được thắm nhuần tinh thần Chu Văn An, trọng công bình, nhân ái, chống tham nhũng, độc tài là gốc rễ của bạo lực, cường quyền đã làm cho văn hóa suy đồi, muôn dân đói khổ, vận nước suy vi.

Môn đệ Chu Văn An đã lên tiếng tranh đấu cho Nhân Quyền và Tự Do cho dân tộc ở khắp nơi, những người can trường và bất khuất đã đồng đạc kêu gọi tất cả mọi lực lượng đấu tranh cho Tự Do, Dân Chủ và Đa Nguyên trong và ngoài nước kết hợp thành một Cao Trào Nhân Bản tố cáo những sai lầm của Cộng sản Việt Nam là bác sĩ Nguyễn Đan Quế. Ngày 11 tháng 5 năm 1990, bản Tuyên Ngôn của Cao Trào Nhân Bản được tung ra, và cũng là ngày cụ học sinh Chu Văn An là bác sĩ Nguyễn Đan Quế bị Cộng Sản Việt Nam bắt giam, phạt tù và quản thúc, ngày này đã được Luồng Viện Quốc Hội Hoa Kỳ, qua quyết nghị SJ 168 sắc luật 103-258 ký bởi Tổng Thống William J. Clinton đồng chính thức công bố lấy ngày 11-5 hàng năm là "Ngày Nhân Quyền cho Việt Nam".

Như vậy 660 năm sau ngày Thất Trảm Sở của vị thầy vang lên ở kinh thành Thăng Long làm cho qui mị kinh hoàng, thì lần này Tuyên Ngôn Nhân Bản của môn sinh đời sau, lại được đưa ra vang khắp năm châu làm toàn thể tập đoàn lãnh đạo cộng sản ở Việt Nam bối rối.

Tình thế khi xưa và ngày nay giống nhau ở chỗ nếu không tiêu trừ được loài qui mị, thì đất nước sẽ suy vong, muôn dân đói khổ, khi xưa rơi vào tay nhà Hồ, rồi quân Minh sang xâm chiếm, ngày nay cũng trải qua họ Hồ, Trung Cộng cũng đã bắt đầu cưỡng đoạt lãnh thổ, và rồi đây sẽ còn dùng uy thế lồi đất nước vào quỹ đạo chính trị của họ.

Nhưng thời thế xưa và nay lại khác nhau ở chỗ khi xưa vị thầy là thái sơn bắc đẩu lại cô thế, chỉ quy tụ được một số ít môn đồ, không có phương tiện quảng bá tư tưởng, mà ngày nay cũng với tinh thần của Chu Văn An, môn đệ ở rải rác khắp năm châu, nhiều người ở vị thế có ảnh hưởng tại nước cư ngụ, hay trong ngành chuyên môn của mình, phương tiện truyền thông, quảng bá tư tưởng và tin tức thật phong phú và tinh

vi. Vì vậy chúng ta phải quyết tâm liên kết, dùng tinh thần Chu Văn An làm bùng sáng ngọn lửa yêu nước, thương nòi lúc nào cũng âm ỉ trong lòng người dân Việt, dù ở trong hay ở ngoài nước.

Năm nay, toàn thế giới đang chờ đợi bước sang thiên niên kỷ mới. Tiếng chuông báo hiệu giao thừa sắp tới đã được gióng lên từ hơn một năm nay. Vào nửa đêm ngày thứ bảy, mùng năm tháng tư năm 1997, ở thành phố Paris, đèn ở từng hai của tháp Eiffel đã bật lên thành con số 1000 để báo hiệu là, từ giờ phút đó, còn đúng 1000 ngày là thế giới bước sang thiên niên kỷ 2000. Từ đó, mỗi ngày con số lui dần thành 999 rồi 998 để cho lúc giao thừa thành con số 0.

Từ 90 năm nay, cựu học sinh Chu Văn An đã có mặt trong hàng ngũ lãnh đạo đất nước. Sang thế kỷ 21, chúng ta phải tiếp tục truyền thống Chu Văn An, và đồng thời cũng phải khuyến khích con em, dù cho trưởng thành ở hải ngoại cũng phải hướng về nguồn, cùng nhau sát cánh giúp cho đất nước thoát được nạn cộng sản và chóng được hưng phục cho bằng người.

Một cựu học sinh Chu Văn An là giáo sư Lê Hòa ở Tây Đức đã làm một bài thơ đề là *Vọng Quốc*, trong đó có hai câu :

"Thánh nhân thử địa tăng lư tích,

Tuần kiệt hà phương vi bất lai ?"

nghĩa là trên đất nước đã có biết bao nhiêu dấu vết oai hùng, nêu gương sử sách của tiền nhân để lại mà nay những người con ưu tú của non sông sao chưa thấy về để phục vụ quê hương. Đó là lời kêu gọi, như bao nhiêu lời kêu gọi khác để thức tỉnh chúng ta.

Cách đây gần hai trăm năm, nhân tài Ngô Thì Nhiệm (1746-1803), khi đi qua Văn miếu là nơi mà khi ông Chu Văn An qua đời đã được vua Nghệ Tông ban tên thụy là Văn Trinh Công được thờ bên hữu võ của Khổng Phu Tử, đã nhớ công đức mà làm bài thơ trong đó có bốn câu :

" Dân gia tác tức, hào ngư lạc

Thế cục thăng trầm, dã điều phi.

Đề kiếm tư du thù mãnh lãng

Quái quan vãng sự thượng y hi."

Khi xưa gặp thời thế nhiễu nhương, người dân rộn rã, cá ở bên khe cũng chìm lặn, cánh hạc cũng rời miền đất lạnh bay đi. Vị thầy phải buông kiếm khi đi hào hùng như sóng cuộn bên trời, chuyện từ quan còn nêu gương sáng đời đời.

Giờ đây đất nước gặp cảnh không thuận lòng người, nhiều môn đệ đời sau của Chu Văn An cũng đã phải ly hương. Nhưng sang thế kỷ mới tôi tin chắc rằng chúng ta sẽ quyết tâm tiếp tay với những người còn ở lại vì nay ở quê nhà mây vẫn còn bay lãng đãng ở Côn Sơn, nơi khi xưa thầy vẫn còn ứa lệ trên mi khi nghĩ đến hiện tình của đất nước và ở bên hữu võ của Văn miếu, đôi khi vẫn có hương trầm mờ ảo để nhắc nhở các môn đệ đời sau cố gắng thực hiện cho lòng mơ ước của vị tiên sư, viết trong số thất trăm mà không được toại nguyện.

**GIÁO SƯ NGUYỄN XUÂN VINH**

\* \* \*

# Chu Văn An

# (Tiểu sử trường Bưởi - Chu Văn An)

CVA Đào Đình Đắc

Nhân ngày kỷ niệm 90 năm trường trung học phổ thông Bưởi - Chu Văn An, tôi đã sưu tầm một số tài liệu và dữ kiện về tiểu sử của trường Chu Văn An để gửi tặng các bạn Chu Văn An cùng các bạn về ngôi trường trung học của chúng tôi.

Chu Văn An sau 90 năm đã đào tạo được rất nhiều nhân tài, chức sắc của cả 2 miền bắc và nam như : cựu Phó Tổng Thống Việt Nam Cộng Hoà Nguyễn Cao Kỳ, nhà thơ Vũ Hoàng Chương, Nguyễn Sa, khoa học gia Nguyễn Xuân Vinh, ngoài bắc có : Phạm văn Đồng, Xuân Diệu, Ngô Gia Tự, Tú Mỡ..., tại Nhật Bản có Nguyễn Đức Hòe hiệu trưởng trường Nhật ngữ Đông Du tại Việt Nam, và cũng là người thành lập Gia Đình Đông Du năm 1969 và 1996 (?), Giáo Sư Đặng Lương Mô, người đã dịch thơ Kiều của Nguyễn Du ra tiếng Anh và tiếng Nhật, Đỗ Thông Minh biên soạn tự điển 5 thứ tiếng ...

Để có những khái niệm về nguồn gốc cũng như sự thăng trầm của Bưởi - Chu Văn An, và những nguyên nhân đã đưa đến trường mang tên Lycée Protectorat (Bảo hộ) lại được gọi là Bưởi và sau đó trở thành trường Chu Văn An. Xin mời quý bạn cùng tôi trở về những ngày tháng của 90 năm về trước :

## Tiểu sử Bưởi - Chu Văn An.

### Trường Bưởi (Lycée Protectorat)

"Cái học nhà Nho đã lỗi rồi,

Mười người đi học chín người thôi"

(Trần Tú Xương)

Ngoài bắc thời xưa có 2 trường nổi tiếng là trường Albert Sarraut và trường Lycée Protectorat gọi tắt là Ly Pro, trường Bảo Hộ hay trường Bưởi. Trường Bưởi được xây cất từ năm 1907 trên một khu đất mua lại của nhà in Schneider, tọa lạc tại làng Thụy Khê, huyện Hoàn Long, tỉnh Hà Đông, và kéo dài từ bờ Hồ Tây đến làng Yên Thái. Làng Yên Thái tục gọi là làng Bưởi, nên dân chúng quen gọi trường này là trường Bưởi.

Niên khoá đầu tiên năm 1908, có đủ từ năm thứ nhất đến năm thứ tư (lớp 6 đến lớp 9) vì trường Collège Julee Ferry Nam Định đóng cửa, nên các học sinh được dồn lên trường Bưởi. Trường có 2 cấp : tiểu học từ lớp 2 đến lớp 5, và Thành Chung (trung học đệ nhất cấp) từ lớp 6 đến lớp 9. Các cấp này được kéo dài đến năm 1926, trường Bưởi đã có thêm một ban Tú Tài bản xứ và bỏ cấp tiểu học.

Việc thiết lập trường Bảo Hộ này đã chấm dứt các kỳ thi Hán học tại Bắc 1915, tại miền trung 1917 cũng như việc bãi bỏ các trường Hậu Bô Huế và Sĩ Hoạn ở Hà Nội.

### Ngày tháng luân lạc.

"Thương nỗi binh đao thêm sát khí,

Ngò đầu giấy bút cũng phong trần"

Thẩm Quỳnh.



Năm 1943-1945 chiến tranh bùng nổ, trường Bưởi được chia 2, một nửa gồm đệ nhất cấp chuyển vào Ninh Bình tại làng Phúc Nhạc, cạnh khu chủng viện Phúc Nhạc nơi đào tạo và huấn luyện Linh Mục tương lai cho địa phận. Một học sinh của trường này đã trở thành giáo sư chính của Chu Văn An và là cựu Thượng Nghị Sĩ của miền nam, giáo sư Vũ Ngọc Anh.

Một nửa khác thuộc đệ nhị cấp, di chuyển vào Sầm Sơn tỉnh Thanh Hoá. Đến ngày 9 tháng 3 năm 1945 quân phiệt Nhật chiếm toàn cõi Đông Dương, chấm dứt nền bảo hộ của thực dân Pháp.

Trường Bảo Hộ lập tức thoát xác, xoá bỏ tên trường bảo hộ và thay vào đó là tên của một danh Nho thanh liêm cương trực đời Trần : Chu Văn An.

### **Trường Bưởi - Chu Văn An**

Ngày đánh dấu những khát vọng yêu quê hương của các học sinh Việt Nam tại trường bảo hộ này là ngày 12 tháng năm 1945. Vị Hiệu Trưởng đầu tiên của trường Chu Văn An là 1 giáo sư trẻ có khả năng chuyên môn và nổi tiếng về cương trực là thầy Hoàng Cơ Nghị. Sau đó "Bưởi - Chu Văn An" hồi cư từ Hà Đông, Chùa Láng, Việt Nam học xá rồi đến Hà Nội, lúc này thầy Nguyễn Gia Tường thay cho thầy Hoàng Cơ Nghị làm hiệu trưởng ngày 1 tháng 10, 1945.

Chỉ một năm sau Chu Văn An dọn về trường nữ trung học Félix Faure, với vị giáo sư quốc văn nổi tiếng toàn quốc là thầy Dương Quảng Hàm làm hiệu trưởng vào ngày 14 tháng 12, 1946. Nhưng đến ngày 26 tháng này thầy đã bị bắn chết trên sông bởi "Cách mạng mùa thu" cùng với các cơ sở lớn ở thành phố bị giải tán.

Đến ngày 26 tháng 1, 1948 trường mới được tái lập tại trường nữ trung học Hàng Cót (R. Brieux) với giáo sư sử địa Mai Văn Phương giữ chức Hiệu Trưởng.

Sang niên khóa 1949-1950 trường dời về trường nữ trung học Đồng Khánh, thầy Đỗ Văn Hoán giữ chức Hiệu Trưởng. Tại nơi đây Chu Văn An được chia đôi, một nửa ở lại Đồng Khánh hợp với một số học sinh mới trở thành trường Nguyễn Trãi. Nửa còn lại dọn về trường sư phạm Giáo Sinh tại đường Đỗ Hữu Vị, gần cửa bắc với tên vĩnh viễn là : Chu Văn An.

Trường Bưởi đã không còn được nhắc đến, vị Hiệu Trưởng đầu tiên cho trường Việt Nam thuần túy Chu Văn An này là thầy Phạm Xuân Độ cho niên khóa 1950-1951. Đến năm 1954, tháng 8 trường lại di cư vào nam cùng với 2 triệu đồng bào miền bắc để tỵ nạn cộng sản theo hiệp ước Genève chia đôi đất nước.

### **Chu Văn An sau 1954**

"Tuổi thơ thom đất Việt,

Hồn chữ nhớ ông Chu."

(Vũ Hoàng Chương)

Theo lệnh của Bộ Quốc Gia Giáo Dục, vào thượng tuần tháng 9, 1954 trường Chu Văn An được di chuyển từ Hà Nội vào Sài Gòn với hơn nửa số nhân viên nhà trường và phần lớn học sinh của trường. Vị Hiệu Trưởng trong thời gian này là thầy Vũ Ngô Xán (1951-1957). Trường được học chung tại trường Pétrus Ký, học sinh Petrus Ky học buổi sáng, Chu Văn An học buổi chiều với số học sinh và số lớp rất khả quan gồm 1168 học sinh (gồm 24 nữ sinh), 14 lớp đệ nhị cấp, 5 lớp đệ nhất cấp, và 43 giáo sư.

Năm sau, nhờ sự can thiệp của bộ Quốc Gia Giáo Dục, trường được đặt trụ sở tại ngôi nhà 2 tầng của Công An Bình Xuyên cũ, nằm trong vòng thành Pétrus Ký. Có 144 nữ sinh Trưng Vương được thu nhận vào lớp đệ nhất đầu niên khóa vì trường Trưng Vương thiếu lớp học, Trưng Vương chỉ học nhờ tại Chu Văn An đến năm 1958.

Sĩ số học sinh càng ngày càng gia tăng làm cản trở lưu thông vì 2 trường lớn ở cạnh nhau, nên bộ Giáo Dục quyết định cấp cho trường một khu đất khang trang, xa thành phố, ở góc Minh Mạng - Triệu Đà, Chợ Lớn. Tháng 6 năm 1961 các lớp đã được di chuyển về trường mới, riêng 1 số lớp đệ nhất cấp đến tháng 7 năm 1962 mới hoàn toàn về trường mới. Hiệu trưởng có công trong việc tân tạo trường mới này là thầy Trần Văn Việt (1957-1963).

Sau đó trường Chu Văn An sinh hoạt dưới ngôi trường mới này đến cuối năm 1978<sup>[1]</sup> bị chính quyền cộng sản đổi tên, và đổi thành trường huấn nghệ Phổ Thông Lao Động (?), các thầy hoặc là về hưu, nghỉ dạy hay qua các trường như Lê Hồng Phong (Pétrus Ký), Lê Quý Đôn v.v.. Đến năm 1996 (?) trường lại được mang tên cũ là Chu Văn An, nhưng không hiểu các giáo sư cũ có được trở lại trường để dạy và trao truyền tinh thần bất khuất, yêu quê hương của dân Chu Văn An không ?

### **Danh sách các vị hiệu trưởng của Chu Văn An :**

Hoàng Cơ Nghị,  
Dương Quảng Hàm,  
Mai Văn Phương,  
Đỗ Văn Hoán,  
Phạm Xuân Độ,  
Vũ Ngô Xán,  
Trần Văn Việt,  
Nguyễn Hữu Văn,  
Đàm Xuân Thiều,  
Bùi Đình Tấn,  
Dương Minh Kính,  
Nguyễn Xuân Quế.

### **Những đặc biệt của 1 số thầy Hiệu Trưởng :**

Hiệu Trưởng đầu tiên : Thầy Hoàng Cơ Nghị  
Hiệu Trưởng vẫn số nhất : Thầy Dương Quảng Hàm  
Hiệu Trưởng lâu nhất : Thầy Nguyễn Xuân Quế  
Hiệu Trưởng dạy lâu nhất : Thầy Bùi Đình Tấn  
Hiệu Trưởng trẻ nhất : Thầy Dương Minh Kính

## **Tiểu sử danh Nho đời Trần**

### **Chu Văn An**

Chu Văn An tên thật là Chu An, tự Linh Triệt, hiệu Tiều Ẩn, sinh năm 1292 và mất năm 1370 vào đời Trần. Ông người làng Quang Liệt, huyện Thanh Đàm nay là xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, tỉnh Hà Đông.

Ông đỗ Tiến Sĩ và nổi danh tài cao đức rộng, vua Trần Minh Tông (1314-1340) đã vời ông vào làm Tư Nghiệp Quốc Tử Giám để dạy cho Thái Tử học.

Đến đời Trần Dụ Tông (1341-1368), vua không chăm lo việc nước, trong triều quan quân cấu kết lộng hành, ông khuyên ngăn không được, với tính cương trực ông đã dâng cho vua "Thất trăm sớ" xin vua chém 7 tên nịnh thần có thể lực trong triều để chấn chỉnh kỷ cương phép nước. Vua không nghe, ông liền trả áo mũ từ quan để về núi Phụng Hoàng ở ẩn và dạy học, cùng làm lương y giúp dân làng. Học trò xa gần đến học rất đông. Trong số có những người như Phạm Sư Mạnh, Lê Bá Quát làm đến nhất phẩm triều đình. Tài đức của ông được người người ngợi khen, vua lại vời vào ban chức Tể Tướng, nhưng ông từ chối.

Ông là một trong những nhà Nho đầu tiên có tác phẩm bằng tiếng Nôm. Tác phẩm của ông gồm có "Quốc Văn thi tập", "Tứ thư thuyết ước" (Soạn để dạy Thái Tử học), "Tiều Ẩn thi tập".

Khi ông mất, vua truy tặng ông tên Thụy là Văn Trinh, hiệu là Khang Tiết và lập thờ ở Văn Miếu. Người đời sau gọi ông là Văn Trinh Công hay Chu Văn Trinh hay Chu Văn An. Dân chúng đã lập đền thờ cho ông tại núi Phụng Hoàng (còn gọi là núi Kiệt Đặc) thuộc xã Văn An (Chí Linh Hải Dương). Núi này có hình dáng chim phụng hoàng đang tung cánh trên vùng núi non, phong cảnh rất hữu tình, đã thu hút rất nhiều các bậc danh sĩ các thời về đây thưởng ngoạn và trí sĩ.

Nhờ những đặc tính thanh liêm, cương trực và yêu quê hương của Chu Văn An, đã được nêu ra làm phương châm, truyền thống cho hầu hết các học sinh của trường. Nên dù trải qua bao thế hệ, học sinh Chu Văn An vẫn không ngừng ganh đua, học hỏi để làm rạng danh trường sở và luôn luôn giữ lòng yêu mến tôn thờ quê hương của mình như một định luật bất biến.

Dựa trên tài liệu của Phạm Biễn Thuốc & CVA ...

Chân thành cảm ơn tất cả các bạn hữu đã giúp  
tài liệu và hình ảnh liên quan đến Chu Văn An.

Đào Đình Đắc, CVA 1971 - Arizona

\* \* \*

# LÝ TẮC TIÊN RỘNG

*Giáo Sư Đào Văn Dương*

KINH DỊCH có thể coi là một cuốn kỳ thư của thế giới. DỊCH hàm chứa nhiều qui luật liên quan đến THIÊN NHIÊN và LOÀI NGƯỜI . Khó có người nào có thể tự hào thông hiểu DỊCH. Từ ngàn xưa đến nay, qua bao nhiêu thế hệ, các học giả vẫn còn tranh luận dài dài về DỊCH. Tuy nhiên , các qui luật dù rất nhiều nhưng có



thể thu gọn trong một số điểm căn bản khả dĩ giải thích được những biến đổi trong xã hội nhân loại từ xưa đến nay .

Từ thời CỔ SỬ, TIỀN SỬ, các sắc dân sinh sống trên vùng đất TRUNG HOA ngày nay thuộc các tộc HOA, DI và VIỆT. Tộc HOA sống du mục du cư tại vùng TÂY BẮC sông HOÀNG HÀ, tộc VIỆT sống định canh định cư tại châu thổ sông HOÀNG HÀ, còn tộc DI sống giữa hai tộc HOA và VIỆT. Nhiều bộ tộc HOA di chuyển nay đây mai đó nên tại những vùng ranh giới, nhiều bộ tộc HOA, DI và VIỆT đã sống xen kẽ nhau, và đã có sự giao lưu văn hóa và kinh tế.

Khoảng năm, bảy ngàn năm về trước (?), không biết sắc dân HOA, DI hay VIỆT đã tạo ra hai từ ngữ DƯƠNG và ÂM để chỉ hai yếu tố đối nghịch nhau. Sau đây là một ít thí dụ ( từ ngữ chỉ Dương để trước; từ ngữ chỉ Âm để sau):

DƯƠNG-ÂM, TRỜI-ĐẤT, MẶT TRỜI-MẶT TRĂNG, SÁNG-TỐI, NGÀY - ĐÊM; ĐỘNG - TĨNH, v...v...

NAM - NỮ, CHÔNG - VỢ, ÔNG - BÀ, CHA - MẸ, TỐT - XẤU, PHẢI - TRÁI, THUẬN - NGHỊCH, CÓ - KHÔNG, CƯƠNG - NHU, LẼ - CHẴN, TINH - THẦN, VẬT CHẤT; v...v...

ÂM DƯƠNG tác động vào nhau sinh ra VẠN VẬT, trong đó có sinh vật như cỏ cây, chim muông, súc vật, loài người . VẠN VẬT sinh ra , biến đổi không ngừng . Sự biến đổi đó gọi là DỊCH, với 3 ý nghĩa: biến dịch ( thay đổi ), giao dịch ( giữa DƯƠNG và ÂM, NAM và NỮ, ĐỰC và CÁI ), hoặc bất dịch ( không thay đổi: bất di bất dịch ). Xin lấy thí dụ về bất dịch: Ngày-Đêm là sự biến dịch từ SÁNG sang TỐI; sau Đêm là đến Ngày: thứ tự Ngày - Đêm nối tiếp nhau, không bao giờ thay đổi; đó là sự bất dịch về thứ tự của Ngày-Đêm.

Có một sự thực mà ai ai cũng phải chấp nhận: THIÊN NHIÊN có TRƯỚC LOÀI NGƯỜI; chỉ có MỘT LOÀI NGƯỜI nhưng lại có NHIỀU DÂN TỘC. Do đó, muốn tìm hiểu DỊCH, ta phải tìm hiểu những biến đổi trong THIÊN NHIÊN và trong LOÀI NGƯỜI ( xã hội nhân loại và xã hội dân tộc ). Nói cách khác, ta phải tìm hiểu các qui luật về sự vận động và phát triển của thiên nhiên ( hay vũ trụ ), của xã hội nhân loại và của xã hội dân tộc.

## A.- VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA VŨ TRỤ

Các qui luật chi phối vũ trụ thiên nhiên là các qui luật vật chất tự nhiên. Đó là các qui luật khoa học của vật chất ,có tính cách khách quan ( nghĩa là các qui luật đó không thay đổi, vẫn như cũ, dù CÓ CON NGƯỜI hay KHÔNG CÓ CON NGƯỜI ). Đó là BẢN CHẤT của qui luật. Phần này gọi là THỂ ( bản thể ) của DỊCH, cho nên THỂ của DỊCH chỉ có MỘT ( duy nhất ), ở bất cứ nơi nào, lúc nào cũng thể thôi ( Thí dụ: mặt trăng quay chung quanh trái đất hoặc trái đất quay chung quanh mặt trời ).

THỂ của DỊCH là MỘT nhưng hàm chứa nhiều qui luật về vạn vật mà ta có thể thu về hai yếu tố đối nghịch A và B làm căn bản ( tương tự DƯƠNG và ÂM hay ĐỰC và CÁI ). Sự giao dịch giữa A và B tùy thuộc tương quan trạng thái của A và B: hoặc trạng thái chênh lệch ( không cân bằng ) hoặc trạng thái cân bằng ( hay quân bình trạng thái ).

### 1/ TRẠNG THÁI CHÊNH LỆCH

Trong sự giao dịch ( tác động giữa hai yếu tố hay tác động hai chiều ), ta có một yếu tố mạnh ( thí dụ A ) và một yếu tố yếu ( thí dụ B ). Thông thường, A lợi dụng thế mạnh của mình để UY HIỆP kẻ yếu, rồi ÁP ĐẶT ý định của mình đến B để trục lợi . TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU đã biến đổi thành TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU .Tất nhiên , yếu tố B phản kháng để không bị thiệt hại . Thế là tranh chấp xảy ra, đến hồi quyết liệt có thể dẫn đến chiến tranh gây ra các kết quả vô cùng khốc hại . Kết quả của "TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU " là luật " MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA " mà hậu quả là " ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT " ( hay " MÂU THUẤN HUY DIỆT" ).

### 2/ TRẠNG THÁI QUÂN BÌNH

A và B có lực lượng tương đương. TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU sẽ đưa đến một trong hai trường hợp sau:

a/ Không ai nhượng bộ ai . Giao dịch giữa hai yếu tố A và B dẫn đến tình trạng căng thẳng ( từ ngữ hiện tại là CHIẾN TRANH LẠNH ). Tình trạng này có thể kéo dài cho đến khi một bên không thể chịu đựng được nữa và trở thành kẻ yếu . TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU lại biến đổi thành TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU như ở trạng thái chênh lệch.

b/ Hai bên nhân nhượng nhau để đi đến thỏa thuận về quyền lợi,v...v...ngõ hầu sống chung hòa bình để mưu cầu hạnh phúc cho cả hai bên. Hai yếu tố ĐỐI LẬP A và B đã THỐNG NHẤT ý kiến, THỐNG NHẤT HÀNH ĐỘNG trong giao dịch.

Trong trường hợp này," TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU " dẫn đến luật " ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT ". Tóm lại, sự vận động và phát triển của vũ trụ ( phần VŨ TRỤ QUAN ) có hai qui luật sau :

1/ TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU dẫn đến luật ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT ( hay MÂU THUẬN HỦY DIỆT )

2/ TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU dẫn đến luật ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT.

Trong thiên nhiên, ta có thể thấy luật TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU với ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT tại núi rừng, sông biển. Tại núi rừng, những cây nhỏ mọc dưới bóng những cây lớn, cây cỏ thụ, tầng trường èo uột hoặc thui chột; loại thú mạnh như hổ báo tàn sát những súc vật nhỏ hơn như hươu nai, v...v...Đó là luật rừng " MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA ". Trong sông biển, ta cũng thấy luật biển " CÁ LỚN NUỐT CÁ BÉ ". Tuy nhiên, những cây lớn, thú dữ, cá mạnh thuộc thiểu số trong thiên nhiên, còn các cây nhỏ, thú vật hay tôm cá loại yếu lại nhiều không kể xiết. Do đó một số ít bị tiêu diệt, vạn vật vẫn tiếp tục sinh sôi nảy nở không ngừng đến ngày nay và sẽ tồn tại mãi mãi về sau .

Luật " TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU " xảy ra trong vũ trụ bao la: luật "vạn vật hấp dẫn" giữa các tinh tú; " sức đẩy và sức hút " của mặt trăng, trái đất, v...v...

Nhờ quan sát các hiện tượng trong thiên nhiên, CON NGƯỜI mới tìm ra những qui luật về TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU hay TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU . Những luật trong THIÊN NHIÊN có tính khoa học và khách quan vận động, độc lập với không gian và thời gian, dù có CON NGƯỜI hay KHÔNG CÓ CON NGƯỜI cũng thế thôi . Đó là phần THỂ của DỊCH .

( Phải chăng từ ngàn xưa, tộc HOA với lối sống du mục du cư, chỉ biết sử dụng TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU ? Phải chăng tộc VIỆT với cuộc sống định canh định cư, phải quan sát kỹ lưỡng những hiện tượng thiên nhiên. Tộc VIỆT nhận thức rằng chỉ có trường hợp " MƯA THUẬN GIÓ HÒA " - tức ÂM-DƯƠNG kết hợp, ĐỘNG-TĨNH thống nhất- mới có thể cấy cây trồng trọt hoa màu được . Với đời sống nông nghiệp, dân VIỆT thấy cần phải chung lưng góp sức, thành tâm thiện chí cùng nhau phân công, hợp tác trong công việc đồng áng, mới mong đạt được kết quả tốt đẹp trong công việc trồng trọt cây cấy . Chính đời sống THỰC TIỄN đó đã khiến dân VIỆT hiểu được TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU ( và ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT, cùng PHÂN CÔNG HỢP TÁC để sống trong hạnh phúc - đó lại thuộc phần DỤNG của DỊCH - Có thể vào thời đó, dân VIỆT chưa có ý niệm về sức đẩy và sức hút của trái đất cũng như luật vạn vật hấp dẫn mà các khoa học gia mới khám phá ra về sau này ).

Sang xã hội nhân loại, CON NGƯỜI đã vận dụng các qui luật trong thiên nhiên để phục vụ loài người : đó là phần DỤNG của DỊCH . Ta cũng nên biết là : THỂ của DỊCH là MỘT, nhưng DỤNG của DỊCH thì VÔ CÙNG. Do đó, ta cần phải xác định rõ rệt CHÂN LÝ trong THIÊN NHIÊN, trong XÃ HỘI NHÂN LOẠI và sau đó là XÃ HỘI DÂN TỘC.

\* Trong THIÊN NHIÊN, ngày-đêm, mưa-nắng có tính cách đương nhiên của hiện tượng, nên không có mục đích gì cả, tự nó tự khởi, tự nó diễn biến bằng những phương thức khác nhau và đưa đến những kết quả

khác nhau . THIÊN NHIÊN KHÔNG CÓ TƯ TƯỞNG nên không có ý thức gì về nguồn gốc, nguyên nhân của hiện tượng : CHÂN LÝ trong THIÊN NHIÊN có tính VÔ NGUYÊN. Hiện tượng trong THIÊN NHIÊN lại biến đổi theo không gian và thời gian nên CHÂN LÝ trong THIÊN NHIÊN có tính TƯƠNG ĐỐI .

Tóm lại : " CHÂN LÝ TRONG THIÊN NHIÊN có tính VÔ NGUYÊN và tính TƯƠNG ĐỐI " .

## B.- VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI NHÂN LOẠI (NHÂN SINH QUAN)

CON NGƯỜI sống trong thiên nhiên nên THIÊN NHIÊN đã ảnh hưởng đến CON NGƯỜI; do đó trong CON NGƯỜI ắt có tính tự nhiên ( TỰ NHIÊN TÍNH ). Ngược lại, THIÊN NHIÊN không có TÍNH NGƯỜI . Vì vậy CON NGƯỜI phải biết vận dụng các qui luật trong THIÊN NHIÊN để đem lại hạnh phúc cho loài người : phần này là DỤNG của DỊCH.

\* CON NGƯỜI cần có ăn, mặc v...v... nghĩa là các nhu cầu vật chất để nuôi thân mà duy trì sự sống : đó là NHU YẾU TÍNH.

Vũ trụ thiên nhiên nuôi sống CON NGƯỜI, nhưng cũng có thể gây tai hoạ cho CON NGƯỜI ( bão tố, lụt lội, động đất,...). Do đó , CON NGƯỜI cần có nhu cầu tự vệ : đó là TỰ VỆ TÍNH.

CON NGƯỜI lại có nhu cầu chung đặng nam nữ để sinh con cái nối dõi cho nòi giống khỏi bị tiêu diệt : đó là SẮC TÍNH.

Để tăng thêm sức mạnh chiến đấu với thiên nhiên, CON NGƯỜI thấy có nhu cầu sống thành đoàn thể ( đàn, bộ lạc,...dân tộc ) : đó là XÃ HỘI TÍNH.

Bốn đặc tính trên ( nhu yếu tính, tự vệ tính, sắc tính, xã hội tính ) là 4 đặc tính CĂN BẢN của loài người, hợp lại là TÍNH NGƯỜI ( nhân tính ). Xã hội ban đầu đó là " xã hội nhân tính nguyên thủy" hoặc " xã hội bản tính " hay " xã hội tự tính " trong đó CON NGƯỜI sống hoà hài, thương yêu nhau, giúp đỡ nhau để mưu cầu hạnh phúc cho nhau .

Hiện nay, CON NGƯỜI đã xa lìa cái gốc xã hội đó nên đã gặp nhiều phiền toái trong xã hội hiện tại phức tạp đầy nhiễu loạn.

\* Chúng ta biết rằng trong THIÊN NHIÊN, các hiện tượng vận động và phát triển theo hình xoáy ốc tron tuột, nghĩa là không có ngưng đọng hoặc trục trặc làm BIẾN ĐỔI HIỆN TƯỢNG .

Trong xã hội nhân loại, hình xoáy ốc có nhiều NÚT BIẾN do TƯ TƯỞNG CON NGƯỜI làm biến đổi hiện tượng, đề đòi sống CON NGƯỜI mỗi ngày mỗi tươi đẹp hơn. Sự khám phá ra LỬA để chuyển cách ĂN SỐNG sang cách ĂN CHÍN là một " NÚT BIẾN ". Những thời kỳ biến đổi từ MẪU HỆ sang PHỤ HỆ, thời kỳ đồ đá, đồ đồng, đồ sắt,v...v...cho tới thời kỳ kỹ nghệ nguyên tử, điện tử, máy vi tính, là những "NÚT BIẾN" khác nữa . Những "nút biến" đó là động cơ tiến hoá không ngừng. Chính TƯ TƯỞNG đã làm cho CON NGƯỜI có khả năng CHỦ ĐỘNG đối với THIÊN NHIÊN. CON NGƯỜI không hủy diệt THIÊN NHIÊN mà phải CẢI TẠO THIÊN NHIÊN để phục vụ CON NGƯỜI, sao cho đời sống CON NGƯỜI mỗi ngày mỗi tươi đẹp thêm.

\* CON NGƯỜI tìm cách làm CHỦ VŨ TRỤ vật chất khách quan mà chuyển các qui luật trong thiên nhiên thành những qui luật có tính cách TRIẾT HỌC và CHỦ QUAN. Do đó, CHÂN LÝ không còn tính cách đương nhiên khách quan mà đã chuyển thành TUYỆT ĐỐI CHỦ QUAN, cho nên CHÂN LÝ trong xã hội nhân loại có TÍNH TUYỆT ĐỐI . CON NGƯỜI trong xã hội nhân loại có bản thể như nhau, dù có da trắng, da vàng, đen hay đỏ : loài người là NHẤT TÍNH, NHẤT NGUYÊN nghĩa là cùng MỘT GIỐNG ( giống người ). Như vậy, CHÂN LÝ trong xã hội nhân loại có tính NHẤT NGUYÊN.

Tóm lại, trong xã hội nhân loại, "CHÂN LÝ CÓ TÍNH NHẤT NGUYÊN và TÍNH TUYỆT ĐỐI " .

## C.- VẬN ĐỘNG VÀ PHÁT TRIỂN CỦA XÃ HỘI DÂN TỘC (CHÍNH TRỊ QUAN)

Chỉ có MỘT LOÀI NGƯỜI nhưng lại có NHIỀU DÂN TỘC với những yếu tố khác nhau về phong tục tập quán, ngôn ngữ, diễn biến lịch sử, v...v... Mỗi dân tộc có yếu tố đồng chất về chủng tộc, có một tính riêng biệt gọi là DÂN TỘC TÍNH, sinh hoạt theo các qui luật riêng của dân tộc mình. Do đó, mỗi dân tộc vận dụng DỊCH sao cho thích hợp với dân tộc mình. Phần DỤNG của DỊCH lại khác biệt đối với các dân tộc. Khi ta nói : DỊCH HOA và DỊCH VIỆT khác nhau, ta hiểu là điểm khác biệt đó liên quan đến phần DỤNG của DỊCH ( vì phần DỤNG thì VÔ CÙNG còn phần THỂ của DỊCH là MỘT đối với tộc HOA hay tộc VIỆT hoặc bất cứ dân tộc nào khác ).

CHUNG TỘC, KINH TẾ và Ý THỨC là ba điều kiện hoạt động của xã hội, thường được hỗ trợ vận dụng để làm thay đổi tình trạng xã hội . Thông thường, những vận động chính trị làm thay đổi xã hội . Chiến tranh chỉ là những trường hợp bất thường, hoặc những dân tộc cần tự vệ để bảo toàn sự sống còn của dân tộc.

\* Ta thấy ngay là: CHÂN LÝ đúng với dân tộc này, lại có thể sai với dân tộc khác, do những yếu tố khác biệt về khí hậu, điều kiện phân bố, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán, lịch sử, v...v... cho nên CHÂN LÝ trong xã hội dân tộc có tính ĐA NGUYÊN. Tình trạng xã hội dân tộc lại biến đổi theo không gian và thời gian nên CHÂN LÝ có tính TƯƠNG ĐỐI .

Tóm lại, trong xã hội dân tộc, " CHÂN LÝ CÓ TÍNH ĐA NGUYÊN và TÍNH TƯƠNG ĐỐI " .

### C1.-PHẦN DỤNG CỦA DỊCH TẠI TÂY PHƯƠNG

Phải chăng các triết gia TÂY PHƯƠNG không có ý niệm về DỊCH, hoặc chỉ có những hiểu biết đại khái về DỊCH? Họ là tác giả của nhiều chủ thuyết ( thí dụ: PHÁT XÍT, CỘNG SẢN, TƯ BẢN ) mà triết gia hiện tại nổi tiếng trên thế giới là HEIDEGGER đã cay đắng tuyên bố : " VĂN HÓA TÂY PHƯƠNG HỒNG TỬ NÈN TẢNG, ĐEM TRUYỀN BÁ ĐẾN ĐÁU THỈ GIEO RẮC MÁU VÀ NƯỚC MẮT TỐI ĐÓ " .

Nói theo DỊCH , trong thế kỷ 20 này, những người lãnh đạo ba nước PHÁT XÍT ĐỨC Ý NHẬT, các nước khối CỘNG SẢN hay khối TƯ BẢN đều sử dụng " TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU " với luật "MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA" DẪN TỚI "ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT".

\* Ba nước ĐỨC Ý NHẬT chủ trương CHUNG TỘC ƯU VIỆT dùng sức mạnh quân sự nô lệ hóa các nước khác để trục lợi, theo luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA, gây ra cuộc tàn sát giữa NGƯỜI và NGƯỜI ( ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT ). Lúc đầu, họ thắng thế nhưng sức yếu dần rồi cuối cùng thua kém phe ĐỒNG MINH ( ANH, PHÁP, NGA, MỸ ...). Phe ĐỒNG MINH lại theo luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA để đánh bại phe PHÁT XÍT. Máu và nước mắt đổ chan hòa khắp mọi nơi.

\* LIÊN BANG SÔ VIẾT theo CHỦ NGHĨA DUY VẬT, dùng chính trị để khống chế dân chúng trong nước và nô lệ hóa các nước chư hầu ( TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU rồi luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA ). Đời sống nhân dân vô cùng cơ cực . Khối CỘNG SẢN tuy cường thịnh một thời gian, nhưng cuối cùng đi đến chỗ tàn tạ trước sức mạnh của khối TƯ BẢN. Máu và nước mắt vẫn chan hòa khắp nơi.

Trong khi hai khối CỘNG SẢN và TƯ BẢN ở hồi hưng thịnh, NGA và MỸ ở vị thế ĐỐI LẬP, tranh giành ảnh hưởng trên thế giới, gây ra CHIẾN TRANH LẠNH ( TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU với LỰC LƯỢNG THĂNG BẰNG ). Cuộc đối đầu kéo dài đến khi khối CỘNG SẢN tàn tạ ( thời kỳ suy vong sau khi hưng thịnh ) thì khối TƯ BẢN ở thế mạnh. Lúc đó tình thế trở thành trạng thái CHÊNH LỆCH. TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU biến dịch thành TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU với luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA .

\* Chỉ còn lại các nước tư bản đang hồi hưng thịnh. Dân chúng có đời sống vật chất tương đối cao, nhưng tinh thần luôn luôn căng thẳng ( ÂM DƯƠNG mất thăng bằng trong CON NGƯỜI ), xã hội thường gặp nhiều loạn. Các nhà lãnh đạo khối TƯ BẢN dùng những chiêu bài nhân đạo giả tạo để che lấp âm mưu khống chế toàn cầu về kinh tế (TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU , luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA), để mưu toan trục lợi . Họ gây bất mãn cho dân chúng các nước khác vì không muốn làm nô lệ kinh tế cho TƯ BẢN. Sự tranh chấp giữa các nước TƯ BẢN với nhau ( phần DỤNG của DỊCH khác nhau đối với mỗi dân tộc ), cũng như sự tranh giành quyền lợi giữa các đảng phái đối lập trong mỗi nước (phần DỤNG của DỊCH khác nhau đối với các đảng phái có chủ trương khác nhau ), cộng với sự bất mãn và tranh đấu của dân chúng các nước nhỏ yếu (phần



DỤNG của DỊCH đối với dân tộc yếu cần tự vệ chính đáng để sống còn ) là những mầm mống nên suy vong của các nước TƯ BẢN.

## C2.- PHẦN DỤNG CỦA DỊCH TRUNG HOA

Từ thời xa xưa, tộc HOA sống cuộc đời du mục du cư, nay đây mai đó . Họ tàn sát chim muông để sinh sống, đánh đập súc vật lạc đàn : đó là TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU theo luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA dẫn đến luật ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT. Thói quen đó của tộc HOA được nối tiếp từ đời này qua đời khác, từ thế hệ trước đến thế hệ sau, trở thành tính hiếu chiến của dân HOA-HÁN. Do đó, chúng ta không lấy làm lạ khi lịch sử TRUNG HOA đầy rẫy những cuộc nội chiến hay cuộc xâm lăng các nước chung quanh mà người HOA HÁN gọi là man di mọi rợ . MÃN CHÂU rồi NỘI MÔNG đã bị sát nhập vào TRUNG HOA; TÂY TẠNG bị họ xâm lăng năm 1959. Tộc HOA HÁN đã đô hộ dân VIỆT cả ngàn năm thuộc thiên niên kỷ thứ nhất. Họ vẫn còn nuôi mộng thôn tính VIỆT NAM để làm bàn đạp tiến xuống vùng ĐÔNG NAM Á, nhưng mộng đó chưa thành thì tộc HOA ( QUỐC GIA ở ĐÀI LOAN cũng như CỘNG SẢN ở HOA LỤC ) đều đã điều võ dương oai ở BIÊN ĐÔNG. Họ đã thực hiện phần DỤNG của DỊCH theo TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU với luật MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA để nô lệ hóa các nước yếu ( ĐỐI LẬP TIÊU DIỆT ).

Phần DỤNG của DỊCH theo tộc HOA cũng giống như phần DỤNG của DỊCH theo TÂY PHƯƠNG, khác hẳn với phần DỤNG của DỊCH VIỆT. Do đó, khi nói DỊCH HOA khác DỊCH VIỆT, chúng ta nên hiểu sự khác biệt đó chỉ liên quan đến phần DỤNG mà thôi .

## C3.- PHẦN DỤNG CỦA DỊCH VIỆT - LÝ TẮC TIÊN RỒNG

Trong khi tộc HOA có cuộc sống du mục du cư, tộc VIỆT đã sống ĐỊNH CANH ĐỊNH CƯ để trồng trọt, cấy cấy .

Muốn gặt hái được kết quả tốt đẹp trong nông nghiệp, dân VIỆT phải quan sát hiện tượng thiên nhiên: óc thực tiễn để giải quyết công việc nảy sinh từ đó . Việc cấy cấy không thể đơn phương thực hiện, dân trong thôn xóm giúp đỡ lẫn nhau để sới đất , gieo mạ, cấy lúa : đó là sự giao dịch giữa dân làng, thôn xóm theo " TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU ". Để đạt được kết quả tốt đẹp, mọi người phải chung lưng góp sức trong công việc đồng áng, san bằng những dị biệt ( ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT ), cùng nhau sống hòa hài . Tình thương yêu đồng bào nảy sinh từ hành động thực tiễn trong nông nghiệp, nên mọi người đều sống an vui hạnh phúc. Công việc nặng nhọc sẽ do những người khỏe mạnh đảm nhận; công việc nhẹ nhàng do những người yếu sức phụ trách. Sự phân công, hợp tác đã tỏ rõ lòng thành tâm thiện chí của mọi người, trong tinh thần bình đẳng, không phân biệt giai cấp ( cầm quyền hay dân chúng ), khỏe mạnh hay yếu đuối,v...v...

Tóm lại, đời sống nông nghiệp của dân VIỆT đã đưa đến ba điểm mà những thế hệ sau gọi là qui luật :

- 1/ Tác động hai chiều.
- 2/ Đối lập thống nhất.
- 3/ Phân công hợp tác.

Ba qui luật đó đã được TÔI TIÊN dân VIỆT minh họa trong cuộc hôn nhân giữa ÂU CƠ và LẠC LONG QUÂN, được thần thoại hóa thành MẸ TIÊN ÂU CƠ và CHA RỒNG LẠC LONG QUÂN.

TIÊN và RỒNG là hai nhân vật tưởng tượng, không có thật. TIÊN coi như là người đã THĂNG HOA, biểu tượng cho : đẹp đẽ, sung sướng, nhân ái, tươi vui, thanh nhã, nhu thuận, trường tồn. RỒNG là RẮN THĂNG HOA, biểu tượng cho sức hùng mạnh ( lúc động khi bay bổng làm mưa làm gió trên không trung ), sức nhẫn nại ẩn tàng đầy phong độ của người ẩn dật ( lúc tĩnh khi an nghỉ tại long cung ); tài năng quán thế ( biến hóa vô cùng của RỒNG ).

Lúc đầu, ÂU CƠ và LẠC LONG QUÂN còn xa lạ . Do một sự vận động nào đó, hai người biết nhau rồi đi đến kết hợp là hôn nhân. Chúng ta thấy: vận động có mục đích đi đến kết hợp nên kết hợp là nguyên nhân của vận động. Kết hợp nào cũng cần có vận động mới thành, nên vận động cũng là nguyên nhân của kết

hợp. Điều này có nghĩa là: vận động và kết hợp là nguyên nhân lẫn của nhau hay hỗ tương nguyên nhân ( đó chỉ là TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU ).

Cuộc hôn nhân của TIÊN ÂU CỐ và RỒNG LẠC LONG QUÂN là sự kết hợp của TIÊN và RỒNG do sự vận động mà thành tựu. Vận động làm cho TIÊN biết RỒNG và RỒNG biết TIÊN. Nói cách khác TIÊN có tác động vào RỒNG và RỒNG có tác động vào TIÊN hay là TIÊN và RỒNG đã có tác động vào nhau nghĩa là TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU.

" TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU " đã đưa đến sự kết hợp TIÊN RỒNG thành vợ chồng, sống chung dưới mái ấm gia đình. Đó là sự " THỐNG NHẤT " giữa hai yếu tố đối lập TIÊN và RỒNG, tuy HAI mà MỘT, tuy MỘT mà HAI như câu thơ sau:

MÌNH với TA tuy HAI mà MỘT,

TA với MÌNH tuy MỘT mà HAI.

TIÊN là NỮ ( thuộc ÂM ), RỒNG là NAM ( thuộc DƯƠNG ). Cuộc hôn nhân TIÊN RỒNG là sự THỐNG NHẤT của hai yếu tố đối lập NỮ và NAM, hoặc ÂM và DƯƠNG. Do đó, cuộc hôn nhân TIÊN RỒNG đã hàm chứa hai qui luật triết học rất quan trọng trong cuộc sống là " TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU " và " ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT ", do kết quả của sự vận động và kết hợp là nguyên nhân lẫn của nhau .

TIÊN và RỒNG có trách nhiệm cùng nhau, sống hoà hài để đem lại hạnh phúc cho nhau, phân chia công việc trong gia đình cũng như việc cấy cấy, trồng trọt. Mọi hoạt động của TIÊN hay của RỒNG đều hướng về " phân công , hợp tác " để đem lại hạnh phúc cho gia đình .

Tóm lại, đời sống thực tiễn của gia đình ÂU CỐ-LẠC LONG QUÂN cũng như bao gia đình VIỆT thời HÙNG VƯƠNG đã được thu gọn trong 3 điểm mà sau này hậu thế gọi là qui luật :

1/ TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU.

2/ ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT.

3/ PHÂN CÔNG, HỢP TÁC.

(với những ẩn ý hàm chứa trong cuộc sống TIÊN RỒNG như : thành tâm thiện chí, tinh thần bình đẳng, mưu cầu hạnh phúc cho cả hai bên,v...v...)

Những truyện hôn nhân tầm thường đó nhưng rất quan hệ để đem lại hạnh phúc cho gia đình, thanh bình trong xã hội, sẽ phai nhòa trong trí nhớ của những thế hệ sau qua thời gian lâu dài, vì dưới thời HÙNG VƯƠNG nước ta chưa có chữ viết để ghi chép lại . Vì vậy, cuộc hôn nhân giữa ÂU CỐ và LẠC LONG QUÂN đã được thần thoại hóa thành truyện hôn nhân giữa TIÊN và RỒNG để câu chuyện thêm phần hấp dẫn cho người nghe . Hậu thế sẽ nhớ lâu hơn rồi truyền lại cho con cháu từ đời này qua đời khác . Do đó, nhiều truyện dân gian có vẽ hoang đường đã được ghi chép lại vào thế kỷ 14-15 trong LĨNH NAM TRÍCH QUÁI của TRẦN THẾ PHÁP, còn truyền tụng đến ngày nay . Gỡ bỏ tính cách hoang đường, tìm hiểu kỹ lưỡng những ẩn ý trong truyện hôn nhân TIÊN RỒNG chúng ta thấy ba qui luật làm được soi sáng cho cuộc sống của dân VIỆT, rút tĩa từ KINH NGHIỆM SỐNG CỦA NÔNG DÂN VIỆT thời xa xưa . Thế hệ sau gọi 3 qui luật đó là LÝ TẮC TIÊN RỒNG .

Nhờ vận dụng 3 qui luật đó, gia đình VIỆT cổ xưa đã sống an vui hạnh phúc trong một xã hội thanh bình.

Tóm lại, dân VIỆT cổ xưa đã dùng cuộc hôn nhân TIÊN RỒNG để cho hậu thế biết các qui luật của vũ trụ cần phải chọn lựa và điều chỉnh khi đem chuyển vào nhân loại với mục đích đem lại hạnh phúc cho CON NGƯỜI ( phần DỤNG của DỊCH ).

Đó là cách vận dụng tài tình của người VIỆT cổ xưa về LÝ TẮC ÂM DƯƠNG trong THIÊN NHIÊN khi chuyển sang nhân loại . Dân VIỆT đã chuyển hai yếu tố đối lập ÂM DƯƠNG trong THIÊN NHIÊN thành hai yếu tố đối lập NỮ NAM trong nhân loại, VẬT CHẤT và TINH THẦN trong CON NGƯỜI .

Các qui luật " TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU " hay " TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU " trong THIÊN NHIÊN chỉ là các qui luật có tính cách khoa học, khách quan vận động, không có mục đích gì cả ( vì THIÊN NHIÊN không có TƯ TƯỞNG ). Dân VIỆT đã lựa chọn luật " TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU ", điều chỉnh thành luật " ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT " và " PHÂN CÔNG, HỢP TÁC " thành LÝ TẮC TIÊN RỒNG , có tính cách triết học và chủ quan vận động, vì có mục đích rõ rệt là đem lại hạnh phúc cho gia đình và thanh bình cho xã hội.

Hậu thế chỉ cần nghiên cứu tường tận những truyện dân gian ( truyện cổ tích ), ca dao tục ngữ thì sẽ khám phá ra ẩn ý của TIÊN NHÂN gói ghém trong đó .

\* Câu tục ngữ " CÓ ĐI CÓ LẠI MỚI TOẠI LÒNG NHAU " cho thấy đó là TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU ". Ta cũng phải lưu tâm đến ẩn ý hàm chứa trong câu tục ngữ đó .

" CÓ ĐI CÓ LẠI " cần có sự THĂNG BẰNG :

" CÔNG BẰNG LÀ ĐẠO NGƯỜI TA Ở ĐỜI "

Có được sự thăng bằng " có đi có lại " thì sự giao dịch giữa hai bên mới có kết quả tốt đẹp, " mới toại lòng nhau ".

Ngược lại, " có đi có lại " mà chênh lệch để mưu cầu lợi lộc theo kiểu " HÒN BẮC NÉM ĐI, HÒN CHỈ NÉM LẠI " thì "nặng, nhẹ " rõ rệt, " mạnh, yếu rõ nét . Sự giao dịch sẽ biến đổi và thành " BIẾN DỊCH " : "tác động hai chiều" sẽ biến đổi thành " TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU " với luật " MẠNH ĐƯỢC YẾU THUA " để trục lợi, thì làm sao có thể " toại lòng nhau " được.

Tóm lại, câu tục ngữ " có đi có lại mới toại lòng nhau " đã hàm chứa ẩn ý " TRẠNG THÁI QUÂN BÌNH " về " TÁC ĐỘNG HAI CHIỀU " trong sự giao dịch giữa NGƯỜI với NGƯỜI .

\* Câu tục ngữ " THUẬN VỢ THUẬN CHỒNG TẮT BIÊN ĐÔNG CŨNG CẠN " chứng tỏ rằng hai yếu tố ĐỐI LẬP ( vợ chồng ) đồng tâm nhất trí, THỐNG NHẤT ý kiến để hành động ( luật ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT ) thì có thể vượt qua mọi khó khăn.

Ta thấy luật "ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT" hàm chứa ẩn ý sự thành tâm thiện chí giữa hai yếu tố ĐỐI LẬP thì việc THỐNG NHẤT mới đạt được kết quả tốt đẹp. "THỐNG NHẤT" để xây dựng, đem lại an vui cho cả hai phần tử đối lập, từ đó mà xã hội được thanh bình.

Giữa hai vợ chồng, " ĐỐI LẬP THỐNG NHẤT " mà thiếu thành tâm thiện chí, hợp tác trong hành động, để đi đến chỗ " CHỒNG ĂN CHẢ , VỢ ĂN NEM " thì gia đình làm sao có thể an vui được, hạnh phúc gia đình làm sao có thể có được. Kết quả có thể là : " MẠNH AI NẤY LO ", " ĐƯỜNG AI NẤY ĐI ". Câu thơ trong thời gian gần đây đã nói lên tình trạng gia đình tan vỡ khi bị ảnh hưởng của VĂN HOÁ TÂY PHƯƠNG :

" ANH ĐI ĐƯỜNG ANH, TÔI ĐƯỜNG TÔI,

TÌNH NGHĨA ĐÔI TA CÓ THỂ THÔI ".

\* Câu ca dao " CHỒNG CÂY VỢ CÂY, CON TRÁU ĐI BỪA " minh họa sự "PHÂN CÔNG HỢP TÁC" giữa hai yếu tố ĐỐI LẬP : chồng thường khỏe hơn nên đảm nhận việc "cây ruộng" đòi hỏi phải có sức khỏe; vợ thể chất yếu đuối, phụ trách công việc " cây lúa " nhẹ nhàng hơn; còn việc đào xới, bừa đất nặng nhọc thì giao cho con trâu .

Lúc gặt hái được kết quả tốt đẹp, hoa lợi thu hoạch là của chung hai vợ chồng, nghĩa là của gia đình, chứ không phải là của riêng vợ hay của riêng chồng. Có được như thế, gia đình mới sống an vui, hạnh phúc.

Nói một cách tổng quát, việc " PHÂN CÔNG, HỢP TÁC " hàm chứa ẩn ý công việc giao phó phải tùy thuộc sức khỏe và khả năng của mỗi người, trong tinh thần bình đẳng ( bình đẳng về cơ hội, bình đẳng về nghĩa vụ, bình đẳng về quyền lợi ). Kết quả của công việc có mục đích rõ rệt là đem lại lợi ích cho gia đình nói riêng, cho đất nước nói chung.

\* Chúng ta thấy rõ rệt đời sống nông nghiệp của dân VIỆT với óc thực tiễn giải quyết các công việc đồng áng, đã làm gương cho hậu thế, rồi những thế hệ sau đúc kết lại thành các qui luật hợp thành LÝ TẮC TIÊN RỒNG .

Suy ra, chúng ta phải nghiên cứu kỹ lưỡng những truyền dân gian, những ca dao tục ngữ liên quan đến đời sống hàng ngày của dân chúng nói chung, của nông dân VIỆT nói riêng, xem có phù hợp với LÝ TẮC TIÊN RỒNG hay không . TƯ TƯỞNG VIỆT bàng bạc trong NẾP SỐNG VIỆT, ĐẠO SỐNG VIỆT, từ đó thành TRUYỀN THỐNG VIỆT, VĂN HÓA VIỆT. Chính vì vận dụng được LÝ TẮC TIÊN RỒNG trong cuộc sống, dân LẠC VIỆT có cuộc sống an vui, hạnh phúc trong một xã hội thanh bình, trải dài suốt thời HÙNG VƯƠNG trên hơn hai ngàn năm. Dân LẠC VIỆT thời HÙNG VƯƠNG sống đông đảo tại châu thổ sông HỒNG HÀ ngày nay, đã đạt được một nền văn minh cao độ mà hậu thế gọi là VĂN MINH SÔNG HỒNG.

Từ bao lâu nay, với ảnh hưởng văn hóa ngoại lai, dân VIỆT đã sống XA LÌA GỐC NGUYÊN THỦY, chạy theo VĂN MINH VẬT CHẤT, coi nhẹ phần TINH THẦN, nên đã đánh mất sự thăng bằng giữa ÂM (VẬT CHẤT) và DƯƠNG (TINH THẦN) trong CON NGƯỜI, luôn luôn sử dụng " TÁC ĐỘNG MỘT CHIỀU "trong cuộc sống (ảnh hưởng của TRUNG HOA rồi TÂY PHƯƠNG) nên xã hội VIỆT mới có nhiều bất công, tinh thần dân VIỆT mới nhiều loạn. Do đó chúng ta cần phải khơi quật lại TƯ TƯỞNG VIỆT, phát huy VĂN HÓA VIỆT, trang bị lại TINH THẦN VIỆT cho mọi tầng lớp dân chúng, thì dân VIỆT mới giải tỏa được bế tắc hiện tại của LỊCH SỬ VIỆT .

Giáo sư ĐÀO VĂN DƯƠNG

\* \* \*

# NGƯỜI VIỆT TINH RỒNG

Người Việt Nam tinh rồng như Nguyễn Du, Nguyễn Trãi

người Việt Nam tinh rồng da vàng máu đỏ không phai

người Việt Nam mình giống chiếc lá khoai

mấy chồng giáo điều, bao nhiêu ý hệ, cũng sẽ trôi ra ngoài.

Người Việt Nam như nhựa cao su càng kéo càng dai

bất chấp thế gian quý quái yêu tinh độc tài

trái tim luyện tròn xoay như bọctrứng

lăn từ núi xuống biển, trăm con vẫn nở rục hoa vàng không phai,

Người Việt Nam ngã, chạy, vẫn đứng và vẫn khoanh chân ngồi

hồn Việt Nam an trụ trên cả hạt cát trôi

người Việt Nam tinh rồng buồn giận bao nhiêu vẫn cả cười

vì biết ngày mai sinh sôi tràn lan như đầu cỏ mọc xanh tươi!



Người Việt Nam chân chính không biết cúi đầu  
tóc bạc tóc xanh, áo trắng áo nâu  
xếp hàng từ ải Nam Quan tới mũi Cà Mau  
nắm tay vòng quanh khắp bốn biển năm châu  
không thắng không bại không hận sầu  
vì dưới mây xanh bóng người dài ngắn tất cả đều bằng nhau !  
LƯU VĂN VỊNH, CVA 1960 – Eldridge, CA

\* \* \*

# CAO BÁ QUÁT VỊNH CHU VĂN AN

*GS Nguyễn-Đình-Hoà dẫn chú*

Cao Bá Quát (1809-1854), biệt-hiệu Chu Thân, là nhà thơ xuất sắc nhất trong thế kỷ thứ XIX. Quê làng Phú-thị, huyện Gia-Lâm. Hoạn đồ lên bổng xuống trầm, nào bị cách chức, nào bị thái-hôi, nào bị tù. Sau khi ông nổi loạn ( và bị Đinh Thế Quang bắn chết), ông còn bị nhà Nguyễn chu di tam tộc. Trong các tác phẩm của Cao Bá Quát, ngoài số hơn một nghìn bài thơ phú bằng chữ Hán và chữ Nôm, kể cả các bài ca-trù danh tiếng, còn có những bài thơ vịnh Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Nguyễn Trãi, v.v. Bài thơ vịnh Chu (Văn) An như sau đây :

## VỊNH CHU AN

Kinh tiết thanh tu khí phách đương,  
Dục tương chích thủ văn đòi đương,  
Lôi đình bất tảo cô trung phần,  
Quý mị do kinh thất trầm chương.  
Hạo khí dĩ bằng thiên địa bạch,  
Cao phong do đối thủy sơn trường,  
Lâm tuyên cự ần kim hà tại?  
Văn miếu duy dư tính tự hương.

*Cao Bá Quát*

**Dịch nghĩa :**

(CVA) tiết-tháo cứng rắn, đạo-đức trong sạch, khí-phách chính-đáng.

Ông muốn dùng một cánh tay kéo mặt trời tà trở lại.( 1 )

Sấm-sét không làm nhụt được nổi phần-u của bậc cô-trung,

Ma-quy phải kinh-hôn về bài số " Thất trăm. " ( 2 )

Chí-khí hạo-nhiên nhờ có trời đất làm sáng tỏ,

Phong-cách cao-thượng còn lâu dài mãi với non sông.

Nơi ẩn-dật xưa tại chôn lâm-tuyền nay biết là đâu!

Chỉ còn lưu lại danh thơm nơi Văn-miếu.

( 1 ). Ý nói CVA muốn giúp việc khôi-phục nhà Trần lúc đó đã suy-vi.

( 2 ). Bài số mà CVA dâng lên vua Trần Dụ-Tông xin chém đầu bảy tên nịnh-thần đều là người quyền-thế được vua yêu (nhưng vua không nghe).

*GS Nguyễn-Đình-Hoà dẫn chú*

\* \* \*

# Vài cảm nghĩ về dòng văn học Việt Nam

NHẬT THINH

Có một nhận định về tiếng mẹ đẻ, tôi mãi mãi ghi nhớ, vì tính chất cô đọng và hàm xúc của nó và cũng không kém phần cảm động. Đó là một câu nói của nhà văn Vũ Ký: “Tiếng Việt là hơi thở của mẹ Việt Nam. Ngày nay Mẹ Việt Nam đau khổ tột cùng, xin đừng để Mẹ Việt Nam tắt thở. Tiếng Việt là thần lực phục Việt cứu Mẹ.” Thật vậy, tiếng Việt đã chuyên chở một dòng văn học xuyên suốt cả chiều dài lịch sử của một dân tộc có một đất nước trải rộng trên nhiều loại thể hình, từ rừng vàng biển bạc, qua những đồng bằng trù mật, chằng chịt hàng nghìn sông ngòi lớn nhỏ, khoáng sản phong phú, sáu mươi sắc tộc sống giao lưu, hòa hợp và từng có một quá khứ oai hùng, một mặt lo chống giữ phương Bắc, một mặt lo kiếm tìm đất sống cho mình qua cuộc Nam tiến dũng mãnh hầu phát triển lãnh thổ từ Móng Cái đến mũi Cà Mau.

Tiếng nói chính là ngôn ngữ, là sợi dây vô hình, nối kết giữa dân tộc và hồn thiêng của đất nước. Ngôn ngữ ấy từ thời hồng hoang lịch sử tổ tiên ta đã dùng để nói chuyện, để truyền thông và dần dần theo thời gian tiếp cận với các ngôn ngữ địa phương khác, phong phú hóa, tạo nên một nếp sống tinh thần và văn hóa thuần chất Việt Nam. Thứ ngôn ngữ dân tộc đó có thể nói đã gói ghém hầu hết bên trong mọi sinh hoạt phong phú, triết lý nhân đạo của người Việt Nam, thơ mộng và thực tế. Nó cất lên từ giọng à ơi của người mẹ ru con trong những trưa hè nóng bỏng, bên ngoài đàn gà ẩn mình dưới hàng rào dâm bụt. Chính các văn điệu trong phong dao, ca dao đầu tiên được ghi chép là vốn liếng ca hát và những lời ví von truyền khẩu, phản ảnh phong tục, tập quán, hay ngụ ý khuyên răn, dạy dỗ... được coi như phần tinh túy của thi ca dân gian. Việc này đã được nhiều nhà viết biên khảo nghiên cứu, ghi chép trong các tập như “Nam Phong Giải Trào”, “Quốc Phong Thi Hợp Thái”, “Việt Nam Phong Sử”, “Đại Nam Quốc Túy”, “Tục Ngữ Phong Dao” v.v. Ca dao phản ảnh đời sống nhiều mặt của nhân dân. Người ta có thể tìm thấy từ đó một số sự kiện và nhân vật lịch sử, đời sống, phong tục, thiên nhiên và vũ trụ, những dấu ấn của nhiều thể tài về lao động, gia đình, xã hội, trong đó đã chuyên chở nhiều sắc

thái trữ tình và mang một phong cách riêng, chỉ dân tộc Việt Nam mới tìm thấy. Nó cũng biểu hiện một loại sinh hoạt tình cảm phong phú của con người, được truyền khẩu hay thành văn, lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Chính bởi thể loại này phản ánh sâu rộng đời sống con người, không những vì tư tưởng, tình cảm đa dạng, đa năng mà xét về thể loại ca dao đã hình thành như một loại ngôn ngữ trao đổi trực tiếp. Đó là những lời nói có vần điệu, cấu tứ và cấu trúc theo hình thức của thơ. Tới đầu thế kỷ 20, khi toàn dân đứng lên chiến đấu chống thực dân Pháp, ca dao đã được sử dụng, coi như một phương tiện tuyên truyền và cổ động. Trải qua một cuộc chiến dai dẳng đưa tới sự xích hóa miền Nam năm 1975, bao nhiêu thẩm trạng đã ập đổ xuống quê hương, nhiều câu ca dao mới lại thành hình, mở ra một cánh cửa cho các nhà nghiên cứu văn học dân gian đặt chân vào khu vườn nhiều kỳ hoa dị thảo này.

Trước đây, khi bị Trung Hoa đô hộ gần một nghìn năm, nước mất, sức ép đồng hóa của kẻ thù cho dù có khủng khiếp, tàn bạo, nhưng dòng Lạc Việt không vì thế mà bị đồng hóa. Chữ Hán đã không giết nổi ngôn ngữ của dân tộc ta. Tiên nhân ta đã mượn chữ Hán để chế biến thành chữ Nôm. Các cụ viết chữ Hán với âm điệu riêng của mình chứ không nói tiếng Trung-Hoa. Dù rằng xưa kia có lớp sĩ phu tôn thờ Khổng Mạnh, theo học chữ Hán để làm phương tiện tiến thân, nhưng quảng đại quần chúng trong xã hội không bắt chước theo đường lối đó. Chữ Nôm được cấu tạo từ lớp người không bị gò ép theo Nho học. Chính họ mới là những người dựng xây nền văn học dân tộc. Nền văn học này cũng không bị lệ thuộc hay chịu ảnh hưởng sâu đậm của nền văn học Pháp khi đất nước rơi vào tay thực dân phương Tây. Văn chương chữ nôm đã để lại cho nhân dân ta nhiều tác phẩm sống bất biến với thời gian, sản sinh nhiều tác phẩm hoặc khuyết danh như “Phương Hoa”, “Tống Trân Cúc Hoa”, “Nhị Độ Mai”, “Phan Trần”, “Trê Cóc”, “Lục Súc Tranh Công.....” v.v...; hoặc không khuyết danh, điển hình như :

1.- “Bích Câu Kỳ Ngộ” của Vũ Quốc Trân, viết theo thể lục bát, dài 678 câu, thuật một truyện truyền kỳ xảy ra dưới thời Hồng Đức nhà Lê, giữa một thư sinh con nhà nghèo và một giai nhân khi dạo chơi hội Xuân. Câu chuyện tình có tính cách hoang tưởng, bi quan yếm thế, muốn thoát ly thế giới thực tại. Tác giả ít nhiều bộc lộ thái độ chán ghét xã hội đương thời. Theo Nguyễn Huệ Chi, Bích Câu Kỳ Ngộ của Vũ Quốc Trân sống vào khoảng giữa thế kỷ 19, có người gán cho Đặng Trần Côn, và Trần Văn Giáp lại xác định là của Đoàn Thị Điểm

2.- “Cung Oán Ngâm Khúc” của Nguyễn Gia Thiều viết theo thể song thất lục bát, dài 356 câu, diễn tả tâm trạng của một cung nữ tài sắc, bị ruồng bỏ, sống cô đơn trong cung cấm, oán than về thân phận mình. Tác giả đã kích chế độ cung nữ bắt công thời vua Lê chúa Trịnh, đồng thời muốn ký thác tâm sự của mình về một xã hội phong kiến đang đứng trước vực thẳm suy vong.

3.- “Chinh Phụ Ngâm”, nguyên tác chữ Hán của Đặng Trần Côn, được dịch ra thơ nôm. Hiện nay có nhiều nghi vấn về dịch giả, và giấy mực tranh luận cũng đã tốn phí nhiều, mục đích xem Đoàn Thị Điểm hay Phan Huy Ích ai mới chính là dịch giả. Nguyên tác dài 483 câu, thể trường đoản cú, câu dài đến 12, 13 chữ, câu ngắn chỉ 3, 4 chữ, ra đời vào khoảng đầu đời Cảnh Hưng (1741), sau được dịch ra thơ Nôm. Bản dịch phổ biến rộng rãi xưa nay, được viết theo thể song thất lục bát, gồm 412 câu, diễn tả tâm trạng một người vợ có chồng đi lính, than thở về cuộc sống cô đơn, thay chồng nuôi mẹ già, dạy dỗ con thơ. “Chinh Phụ Ngâm” phản ánh cuộc nội chiến Trịnh-Nguyễn. Đây là tác phẩm tiêu biểu của giai đoạn văn học thời đó.

4.- “Hoa Tiên” của Nguyễn Huy Tụ, viết theo thể lục bát, dài 1826 câu, dựa theo “Đệ Bát Tài Tử Hoa Tiên Ký” của Trung Hoa, thuật một truyện tình éo le giữa một thư sinh và một tiểu thư con nhà khuê các, diễn ra trong khung cảnh gác tía lầu son. Tình yêu và lễ giáo trong Hoa Tiên được giải quyết hiền hòa, ít gây mâu thuẫn như trong nhiều truyện Nôm khác. Tác giả đã tôn trọng tự do luyến ái khi mô tả mối tình của đôi thanh niên nam nữ, nhưng mặt khác cũng đã né tránh đề khỏi va chạm với lễ giáo đương thời.

5.- “Phù Dung Tân Truyện” của Trúc Lâm, viết theo thể lục bát, gồm 1120 câu, khắc in năm Kỷ Mão (1879). Như nhiều truyện Nôm khác, truyện viết phỏng theo “Thôi Tuấn Thần khéo gặp tranh Phù Dung”, một câu chuyện cổ của Trung Hoa. Vì vậy, chủ đề “Phù Dung Tân Truyện” cũng xoay quanh mối tình chung thủy, cố gắng vượt mọi éo le, hiểm nghèo để chiến thắng. Tác giả đã mượn tác phẩm làm vũ khí để xuyên phá vào thành trì đổ nát của xã hội đương thời, sự hoành hành của trộm cắp và tệ nạn quan liêu.

6.- “Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu được sáng tác trong khoảng từ sau khi tác giả bị hỏng mắt cho tới trước khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam (1858), gồm 2082 câu thơ lục bát. Cho tới nay, truyện còn có nhiều dị bản, phải kể tới ấn bản của Trương Vĩnh Ký, Sài Gòn 1889 và ấn bản của Minh Đức, Hải Phòng 1924. Xã hội trong “Lục Vân Tiên” là một xã hội phong kiến, suy yếu, loạn lạc. Bọn vô dụng, độc ác, tàn bạo, phản trắc nổi lên tứ tung, hãm hại người dân vô tội. Vua chúa bất tài, gian thần lộng hành tạo cảnh đất nước lâm nguy, giặc ngoài xâm lấn...Đó là lý do để Nguyễn Đình Chiểu phân chia nhân vật của ông thành hai nhóm: phe bất nhân bất nghĩa, gồm bọn lục lâm thảo khấu, bọn lang băm, thầy pháp, và phe biết trọng luân thường đạo lý...

7.- “Đoạn Trường Tân Thanh” của Nguyễn Du viết theo thể lục bát, dựa theo một tác phẩm của Thanh Tâm Tài Nhân, Trung Hoa, gồm 3254 câu thơ, xoay quanh cuộc đời 15 năm luân lạc của Thúy Kiều. Tác giả đưa ra triết lý về sự mâu thuẫn giữa hai chữ “Tài” và “Mệnh”. Nguyễn Du mượn cuộc đời của Thúy Kiều để chứng minh thuyết tài mệnh tương đố, xây dựng được những mẫu người tiêu biểu trong xã hội đương thời, từ ngôn ngữ, cử chỉ, hành động đều mang nét đặc thù. Ngôn ngữ Việt Nam dưới ngòi bút tài hoa của Nguyễn Du đã chiếm lĩnh đỉnh cao trong văn học. Tác giả nhận xét tinh tế về mọi mặt, từ sự thanh tao của tâm hồn, cho tới những thứ bỉ ổi, xấu xa trong xã hội phong kiến.

Dòng văn học chữ Nôm, xuôi chảy như dòng Hương giang phẳng lặng giữa cung miếu triều xưa, mang vẻ đẹp óng mượt của nền văn minh Đông Sơn, Văn Lang với tròng đồng Ngọc Lũ... Nhân dân ta đang hãnh diện trước những thành quả đó, thì một cơn giông khác lại ập tới vào bờ Nam Hải. Sự xâm lăng của thực dân Pháp trên đất nước ta, sự thất trận của ta trước vũ lực của ngoại xâm vào thế kỷ 19, dưới triều các vua nhà Nguyễn, khó thể tránh khỏi. Một xã hội ngàn năm bất di dịch, đã bị xáo trộn. Về mặt lực lượng quân sự đã có những khoảng cách khó thể lấp trống. Súng của Pháp chế tạo bằng thép, nạp đạn hậu, bắn nhanh và đi xa, trong khi đó, súng của ta thì chế tạo bằng gang, nạp đạn phía trước và châm ngòi đốt, bắn không những đã chậm chạp mà còn yếu ớt, không có tầm xa. Thiếu súng, thiếu đạn, thiếu huấn luyện thành thử dân ta phải chịu khuất phục trước trận cuồng phong Tây phương, đưa đến 80 năm chịu cảnh đô hộ. Xã hội một phen đảo lộn, đất nước sa lầy và suy bại vào thế kỷ 19. Nhưng như để đền bù lại những mất mát, thua thiệt của một dân tộc vẫn từng tự hào với những mỹ từ như: con Rồng cháu Tiên, giòng dõi Lạc Hồng, Hồn Thiêng Sông Núi mà triết gia Kim Định thường luận bàn trong triết thuyết An Vi Việt Linh của ông lúc đương thời.

Chữ quốc ngữ thoát thai trong bối cảnh lịch sử đó, mở ra một bước ngoặt cho nền văn học Việt Nam tiến bước vào dòng văn học thế giới, vượt ra ngoài sự suy tính lúc ban đầu của những người sáng chế ra thứ chữ này. Thật vậy, một trang sử đã mở, khởi đầu bằng loại chữ được ghi chép theo mẫu tự La-Tinh. Đây chính là công trình tập thể của nhiều giáo sĩ Tây phương đến Việt Nam truyền giáo từ đầu thế kỷ 16. Người có công hàng đầu là một giáo sĩ Dòng Tên, Alexandre de Rhodes (1593-1660). Hai tác phẩm quốc ngữ đầu tiên của ông được xuất bản năm 1651, trong đó Việt ngữ đã thấy xuất hiện với đầy đủ dấu giọng và viết tách rời từng chữ một. Khi ông tới Việt Nam, giáo sĩ Francisco de Pina (1585-1625) đã bắt đầu nghiên cứu công trình La-Tinh hóa ngôn ngữ Việt-Nam. Ông sang phương Đông truyền giáo, đem theo hành trang ngôn ngữ của một nhà thông thái, gồm các tiếng Do Thái, Hy Lạp, La-tinh, và ba sinh ngữ là Pháp, Ý và Bồ Đào Nha. Khi đến Đàng trong, ông dành thì giờ học tiếng Việt, sau đó tự soạn sách giáo lý bằng tiếng Việt để giảng đạo mà không cần thông ngôn. Francisco de Pina đã dạy Alexandre de Rhodes Việt ngữ. Thời đó, nước ta theo chế độ quân chủ, sùng thượng Nho học, chữ Hán là quốc gia văn tự, Thiên Chúa giáo bị nhà vua cấm đoán gay gắt, giáo dân bị bách hại, vì thế chữ quốc ngữ chỉ phát triển trong nội bộ cộng đồng Thiên Chúa giáo một cách thầm lặng. Sau đó, chữ quốc ngữ đã từ lãnh vực truyền giáo, dần dần vươn cao và hội nhập vào lãnh vực văn chương. Trong giai đoạn này, người ta thấy bên cạnh những tác phẩm giáo lý và điển chế chữ quốc ngữ của các giáo sĩ nước ngoài, đã rải rác có những tác phẩm của các thầy giảng và giáo dân trong nước. Đó là những cuốn như : “Thánh Giáo Yếu Lý Quốc Ngữ” của Bá Đa Lộc, “Sám Truyền Ca” của Lữ-Y Đoan, “Sách Sổ Sang Chép Các Việc” của Phi-Líp Phê Bình...

Khuynh hướng sáng tác văn chương bằng chữ quốc ngữ được triển khai kể từ đây. Những người lãnh án tiên phong trong phong trào này có thể nhắc tới Pétrus Trương Vĩnh Ký (1837-1898) viết “Chuyện Đời Xưa” (1866), phiên âm và chú giải truyện Kiều bằng chữ quốc ngữ (1875), viết du ký “Chuyến Đi Bắc Kỳ Năm Ất Hợi” (1876), Paulus Huỳnh Tịnh Của (1834-1907) viết văn xuôi, kể chuyện cổ tích, “Chuyện Giải Buồn”, “Đại



Nam Quốc Am Tự Điền” (1895-1896), Nguyễn Trọng Quản mở đường loại tiểu thuyết viết theo Tây phương với truyện “Truyện Thầy Lazarô Phiền” (1887).....

Năm 1906, Toàn quyền Đông Dương đem vấn đề cải cách chữ quốc ngữ ra thảo luận tại Hội đồng Cải cách Học chánh Đông Dương, họp tại Hà Nội ngày 21.4.1906, thông qua một đề nghị cải cách hệ thống ghi âm chữ quốc ngữ theo tiêu chuẩn làm cho Việt ngữ và Pháp ngữ gần nhau hơn, đặt căn bản trên sự hợp lý và đơn giản. Ngày 16.5 Toàn quyền Đông Dương ký nghị định chấp thuận đề nghị này. Từ đó, văn học quốc ngữ đã có mốc đi lên và phát triển rộng rãi. Nhà báo Nguyễn Văn Vĩnh, chủ bút phần quốc ngữ của tờ “Đăng Cổ Tùng Báo”, khi đề tựa bản dịch “Tam Quốc Chí Diễn Nghĩa” của Phan Kế Bính năm 1909 đã viết: “Nước Nam ta mai sau này hay dở cũng ở như chữ quốc ngữ.”

Cả hai thành phần trí thức cựu học và tân học đã cùng một quan điểm, lựa chọn chữ quốc ngữ làm quốc tự, và những gì mà tiền nhân đặt kỳ vọng vào thứ chữ Nôm, khởi đầu từ đây đã được ký thác vào chữ quốc ngữ. Văn học chữ quốc ngữ khai mở, được sự dẫn thân của nhiều nhà tân học. Năm 1925 “Quả Dưa Đỏ” của Nguyễn Trọng Thuật, đoạt giải thưởng văn chương của Hội Khai Trí Tiến Đức, phóng tác theo cốt truyện dân gian chép trong “Lĩnh Nam Trích Quái”, nhưng nhiều tình tiết đã được thêm thắt, cũng như truyện “Tổ Tâm” của Hoàng Ngọc Phách viết năm 1922 khi ông đang theo học Trường Cao Đẳng Sư Phạm. Đây là hai tiểu thuyết được viết theo lối mới. Riêng truyện “Tổ Tâm”, tác giả đã phản ánh được bộ mặt của cuộc sống thành thị khi đó, lối phô diễn tâm lý nhân vật và dùng thiên nhiên làm chỗ thoát cho nhân vật được coi như một đóng góp mới mẻ cho văn học Việt Nam vào đầu thế kỷ 20.

Tiếng Việt hôm nay, một sinh ngữ chính thức được thừa nhận trong dòng luân lưu của lịch sử dân tộc, mà ngót năm nghìn năm qua trên mảnh đất mẹ đầy tình thân thương, tiền nhân ta đã bồi đắp, lưu truyền cho con cháu một thành quả chói lọi, dùng văn học chống đối lại ngót một nghìn năm thống trị của Trung Hoa (chữ Nôm), tiếp đến gần một trăm năm đô hộ của Pháp (chữ quốc ngữ). Cứ mỗi lần có đột biến chính trị bứt qua một cuộc cách mạng, văn học dân tộc lại một lần thoát xác để tiến xa hơn. Năm 1930, Nguyễn Thái Học trước khi lên đoạn đầu đài tại Yên Bái đã nói “Không thành thân cũng thành nhân”, tạo nên một Tự Lực Văn Đoàn, thoát cơn mê lãng mạn của Từ Trầm Á với “Tuyệt Hồng Lệ Sử”, Hoàng Ngọc Phách với “Tổ Tâm”, Trương Phổ với “Giọt Lệ Thu”...tạo nên một Nhất Linh với “Đôi Bạn”, một Khái Hưng với “Nửa Chùng Xuân”, “Tiêu Sơn Tráng Sĩ”, một Nguyên Hồng với “Những Ngày Thơ Au”.

Tự Lực Văn Đoàn qui tụ những nhà văn trong và ngoài đoàn, chịu ảnh hưởng Tây học sâu sa như Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo, Thạch Lam, Tú Mỡ, Nguyên Hồng, Xuân Diệu, Thế Lữ, Mạnh Phú Tứ, Anh Thơ, Bùi Hiển, Đỗ Tấn, Đỗ Đức Thu...Họ lồng khung cảnh cách mạng vào văn chương, xây dựng truyện theo kỹ thuật Tây phương, có sức thuyết phục nhiều thanh niên nam nữ. Thế Lữ, Xuân Diệu khai thác lối thơ mới, mới từ ý lẫn lời, chịu ảnh hưởng của Verlaine, Rimbaud, Lamartine, tạo một sắc thái mới cho thi ca Việt Nam thời bấy giờ.

Nhóm Hàn Thuyên có đường lối khác với Tự Lực Văn Đoàn, qui tụ một số cây bút cùng một chí hướng như Lê Văn Siêu, Chu Thiên, Đặng Thái Mai, Lương Đức Thiệp, Nguyễn Đình Lạp, Nguyễn Tuân, Vi Huyền Đắc, Đồ Phồn, Nguyễn Đông Chi, Hồ Hữu Tường..... Nhóm này mở đường bằng loại biên khảo có tính chính trị như Nguyễn Đức Quỳnh với “Lịch Sử Thế Giới”, “Gốc Tích Loài Người”, Nguyễn Bách Khoa với “Nhân Loại Tiến Hóa Sử”, hoặc có tính kinh tế như Nguyễn Hải Au với “Kinh Tế Học Nhập Môn”, hay có tính xã hội như Lương Đức Thiệp “Xã Hội Việt Nam”, Phạm Ngọc Khuê với “Óc Khoa Học”. Nhóm này chủ trương giáo dục tư tưởng giai cấp trí thức tiểu tư sản nên đã nhắm vào các sản phẩm biên khảo, bao quát về mọi mặt chính trị, kinh tế, xã hội. Ngay cả đến tiểu thuyết của nhóm này như Nguyễn Tuân, Nguyễn Đình Lạp, Trương Túu cũng viết theo một quan niệm văn nghệ mới. Độc giả cần có một căn bản hiểu biết mới có thể đi vào thế giới của họ. Nguyễn Tuân với “Vang Bóng Một Thời”, “Chùa Đàn”, Nguyễn Đình Lạp với “Ngoại Ô”, “Ngõ Hẻm”, Nguyễn Đức Quỳnh với “Thăng Cu So”, “Thăng Phượng”, “Thăng Kinh”, Trương Túu với “Kiếp Đọa Đây”, tạo được thế giới quan riêng, có tính nhân bản mới.

Nhóm Xuân Thu Nhã Tập là một nhóm văn nghệ sĩ gồm có Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Xuân Sanh và Phạm Văn Hạnh, chuyên về lý luận văn nghệ và sáng tác. Họ chủ trương phát huy dân tộc tính, diễn đạt theo phương pháp nhận định của Tây phương. Nhóm này như ngã theo khuynh hướng “Dadaisme” của người Pháp, vì thế

mà thơ của Đoàn Phú Tứ, như “Mẫu Thời Gian” có hơi bí hiểm. Đó không kể những nhà văn độc lập khác, đã đem chất xám, chất lọc, cấu thành để đóng góp cho kho tàng văn học nhiều công trình nghệ thuật sáng giá.

Cho đến năm 1954, lịch sử đã sang trang, đất nước bị chia cắt theo hiệp định Genève. Văn học nhân bản miền Nam được tự do triển nở, vì thế có nhiều sắc thái, nhiều khuynh hướng khác nhau, trái với văn học miền Bắc, bị chi phối bởi chủ nghĩa Mác-Lê và biện chứng pháp duy vật, người cầm bút buộc phải phục tùng chính trị, phục vụ theo đường lối chính sách của đảng cầm quyền, trung thành với chủ thuyết cộng sản. Vì vậy, Tố Hữu, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Nguyễn Tuân, Tô Hoài... đã tạo dựng nên những tác phẩm thiếu sinh khí nhân bản, tình tự dân tộc, và ý thức nhân loại.

Tới tháng 4.1975, phần đất miền Nam thân yêu của chúng ta bị xích hóa, nhóp nhúa một màu máu tanh tươi, nhiều người cầm bút đã bị cộng sản tiêu diệt, tác phẩm và tài sản bị tịch thu, bản thân bị tù đày. Nhiều người đã chết trong ngục tù, trong đó có Hiếu Chân bút hiệu của Nguyễn Hoạt, Trần Văn Tuyên, Nguyễn Mạnh Côn, Dương Hùng Cường, Thục Vũ v.v. Hồ Hữu Tường, Vũ Hoàng Chương, Trần Việt Sơn khi sắp chết mới được thả. Một số khác lưu vong ra hải ngoại, tiếp tục con đường theo đuổi dang dở như Võ Phiến, Doãn Quốc Sĩ, Duy Lam, Vi Khuê, Mặc Thu, Cao My Nhân, Viên Linh, Chu Vương Miện, Thái Luân, Hoàng Hải Thủy, Sơn Tùng... trong số đó người ta không khỏi ngậm ngùi tiếc nhớ những ngòi bút tên tuổi đã sớm ra đi như Mai Thảo, Nguyên Sa... Thêm vào đó có những cây viết mới nhiều hứa hẹn gia nhập làng văn làng báo sau 1975 cùng sát cánh nhau, góp sức xây dựng một nền văn học đích thực dân tộc ngõ hầu có thể chiến thắng nền văn học Mác-xít đang ngự trị, gây điều tàn, tang tóc trên quê mẹ. Nền văn học Mác-xít sai lầm đó đã được xây dựng trên nhiều nguyên thuyết phi nhân bản, phi dân tộc nhằm đầu độc dân tộc và còn gieo rắc tội ác cho các thế hệ sau trong một thời gian nữa, cho dù chế độ cộng sản trong nước có theo vết chân Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ hoàn toàn trên đất nước ta không còn bao xa.

NHẬT- THỊNH, CVA 1956 - San Jose, CA

\* \* \*

## BÀI THƠ CHO CON

*Thương tặng M., ngày con tôi 20 tuổi .*

*Bố viết bài thơ này cho con*

*Chắc con chưa hiểu được*

*Vì con sinh ở ngoại quốc, tiếng Việt không rành .*

*Ngày hôm nay , con vừa tròn hai mươi tuổi ,*

*Tuổi của bụi đời , tuổi của yêu đương .*

*Giờ đây bố đã bằng tuổi Bà Nội*

*Khi Bà bắt chọt vĩnh viễn ra đi .*

*Năm nay con cũng đã bằng tuổi bố*

*Khi bố hăm hở đi du học xa nhà .*

*Tuổi đôi mươi , biển học thật bao la :*

Học với trường đời ,  
Học trong sách vở mệnh mông .  
Trong khuôn viên Đại Học ,  
Con sẽ tìm ra trong sự sống  
Thế nào là Tình yêu thương nhân loại  
Và Tình yêu trai gái của lứa tuổi đôi mươi .  
Những ngày hè nắng cháy  
Con sẽ có thì giờ đi mạo hiểm đó đây  
Đối diện với cuộc đời  
Đối diện với chính bản thân con .  
Dù tuổi đời có ba mươi năm cách biệt  
Và bố con mình khôn lớn trong hai đại lục khác nhau  
Bố vẫn thấy rằng  
Cha con mình còn có nhiều điểm tương đồng .  
Khi con hiểu thế nào là  
Không mà như có , có mà như không  
Cho dù bố không còn nữa  
Nhưng bố vẫn còn đó , con yêu!

Nguyễn Đàm Duy Trung, CVA 1960. - Sept. 1992, Canada

\* \* \*

# CHU VĂN AN CỬA BẮC

**Vũ Băng Đình**

Sự nghiệp học hành của tôi khởi thủy ở trường sơ học tổng Tống Xuyên. Địa danh này bị xóa tên sau khi Cộng Sản, bây giờ là Việt Minh, nổi lên, và xử bắn Chánh Tổng. Sau ba năm, phải thi bằng sơ học yếu lược. Rồi lại phải qua một kỳ " công cưa " mới lên được trường kiêm bị, tức là bậc tiểu học của huyện Hưng Nhân. Địa danh này cũng chỉ còn một nửa. Ghép với Duyên Hà, bây giờ nó thành huyện Hưng Hà, Thái Bình. Hồi đó thầy Hiệu Trưởng là Cao văn Thái. Di cư vào Nam mở nhà xuất bản Thanh Đạm tại Sài Gòn.

Ở lớp nhì năm thứ nhất, năm đầu tại trường huyện. Tôi học thầy Cử. Nghe nói thầy biết làm thơ, thi sĩ đồng quê Đoàn Văn Cử, sau vào bộ đội. Lên lớp nhì năm thứ hai, tôi được học thầy Đắc. Hơn nửa thế kỷ sau coi hình quảng cáo sách trên báo Làng Văn, năm 1994, mới biết thầy tôi là tác giả nhiều công trình biên khảo Phùng Tất Đắc. Vì tình hình chiến tranh các lớp phải rời khỏi ngôi trường kháng trang tại huyện lỵ. Lớp tôi được tản cư về đình làng Hà Nguyên. Ngôi đình cổ kính có những hàng cột lim khoát hai người ôm. Thầy trò ở một gia đình khá giả nhất làng. Nhà bà bá Hà có con theo tây học là anh Đan và cô Tư. Thầy rất trẻ mặt trái soan, râu quai nón. Chính nhờ bộ râu này mà tôi nhận được thầy sau hơn năm chục năm. Thầy thường bận com lê màu xanh nước biển hoặc màu tím than có sọc nhỏ. Cùng lắm cũng quần nâu sậm, áo sơ mi lụa mờ gà dài tay. Tôi không còn nhớ được bất cứ điều gì thầy dạy dỗ. Có thể những lời giáo huấn của các thầy ở bậc sơ và tiểu học đã âm thầm chìm vào tiềm thức của tôi. Cùng với giáo dục của gia đình đã biến thành một thứ luân lý để tôi vào đời. Ấn tượng duy nhất của tôi còn giữ được là thầy rất hiền. Ít cười, ít nói và không bao giờ nổi giận phải dùng tới roi vọt với lũ học trò nhà quê tội tôi. Tôi nói nhà quê vì quê tôi nó quê ơi là quê. Có người từ lúc sinh ra tới khi chui vào quan tài, đôi bàn chân chưa từng được ngửi mùi giày dép, chưa được bước lên cái xe ô tô hàng. Cặp mắt chưa hề thấy ánh sáng đèn điện. Dầu rằng tỉnh lỵ chỉ cách xa có 28 cây số ngàn !

Đã quê lại còn nghèo mới khổ chứ. Chẳng biết đọc được ở đâu mà đồng hương Duyên Anh từ kinh thành Paris gọi viễn dương cho tôi.

Thái Bình có cái cầu Bo

Có nhà máy cháo có lò đúc môi

Thái Bình là dân ăn chơi

Tay bị tay gậy khắp nơi tung hoành.

Cả ngàn học trò trường huyện này, chỉ có bốn tên tính theo tuổi tác, là mò lên tới trường Chu Văn An Hà Nội: Trần Đức Minh, Trần Nho Mai, Trần Văn Chi và tôi. Ba tên họ Trần đều tốt nghiệp đại học. Tên Trần Đức Minh còn kiêm thêm cái cao học văn chương Anh. Đang sửa soạn trình luận án thì " đứt phim ". Tuy nhiên cũng bắt được cái thạc sĩ xã hội chủ nghĩa tại Đại Học Cải Tạo Nam Hà. Tên Trần Văn Chi " thắng " trước 1975. Ba đứa còn lại đều được giặc Hồ cho bốc phân bón rau xanh.

Theo truyền thống, Trần Nho Mai cái gì cũng sớm. Đậu Tú Tài, vào đại học rồi vượt biên sớm nhất. Tôi thì lết đệt đủ thứ. Tới cái trò đi chui cũng chỉ tới trước ngày đóng cửa đảo 14 tháng 3 năm 1989 có đúng một tháng ! Trần Đức Minh đi theo diện HO đầu năm 1990. Coi như tạm ổn cái thủ tục tứ tử trình làng Chu Văn An Cửa Bắc.

Rời trường tiểu học Hưng Nhân, ba tên họ Trần lang thang ở mấy trường tư thục Nguyễn Du, Lam Sơn, Chính Hóa bốn năm trung học đệ nhất cấp. Tôi qua huyện Duyên Hà học trường công lập Lê Quý Đôn. Hiệu trưởng là thầy Vũ Trứ, trụ sở chính đặt tại phủ Thái Ninh. Duyên Hà, quê hương Lê Quý Đôn chỉ là một chi nhánh đặt tại chùa Đòng Tu do thầy Nguyễn Văn Dần phụ trách phân hiệu. Học trên tôi một lớp có Nguyễn Khắc Ngừ, sử gia, và Dương Hùng Cường, nhà văn sau này.

Hết năm đệ Nhị ( đệ lục hoặc lớp 7 ) tôi chạy và thành, vùng Pháp chiếm. Tôi được nhận vào lớp đệ ngũ ( lớp 8 ) trường công lập Phạm Ngũ Lão tại thị xã Hưng Yên. Hưng Yên cũng là quê hương của danh tướng Phạm Ngũ Lão. Thầy Chu Duy Khánh là hiệu trưởng với một danh sách giáo sư hùng hậu : Vương Văn Bắc, Phạm Thế Ngũ, Đặng Trần Thường, Phạm Ngọc Lợi, Nguyễn Đức Vân... Thầy Bắc nổi tiếng qua nghề luật sư và các chức vụ chính trị. Thầy Ngũ do công trình biên soạn giáo khoa văn học sử. Thầy Thường nhập ngũ khóa sĩ quan Nam Định, phục vụ ngành pháo binh bị Việt Cộng bắt tại trận, tới hiệp định Genève mới được phóng thích. Thời đệ nhất cộng hòa thầy làm giám đốc Nha Khảo Thí và bị nạn lộ đề. Thầy Lợi, giáo sư Pháp văn, điển trai, vui nhộn, danh thủ bóng bàn. Thầy Vân, giáo sư Toán Lý Hóa, bẽn lẽn như con gái. Cả hai đều nhập ngũ, đều chỉ mang tới cấp bậc đại tá, mặc dầu họ là những trí thức bậc thầy của mấy ông khó xanh, khó đỏ, cũng như của mấy ông tự phong tướng trẻ có vây có cánh nhưng không có óc sau này. Đại Tá Lợi chết trong trại cải tạo. Hải quân Đại Tá Vân, tốt nghiệp Brest, mang cấp bậc này và ngồi chơi sơi nước suốt thời đệ nhị cộng hòa. Phạm Ngũ Lão Hưng Yên, thầy nổi hơn trò. Quả thật trò chẳng có gì đáng đề cập ngoài một anh cố



thi sĩ mũ đỏ Thế Hoài tức Châu nháy Trần Hoài Châu. Và một anh giáo sư Anh văn, dân biểu lập hiến, Thượng Nghị Sĩ rồi Tổng Trưởng thời đệ nhị cộng hòa Nguyễn Văn Ngải.

Đầu niên khóa 1952- 53, đám học sinh Phạm Ngũ Lão chúng tôi được tự động chuyển lên Chu Văn An vì Hưng Yên không có đệ nhị cấp. Do đó bốn cựu học trò tiểu học Hưng " hột ", Thái " lo " lại tái ngộ nơi ngàn năm văn vật. Trần Nho Mai đã rời ghế trung học và đang là sinh viên y khoa.

Trần Đức Minh vào Chu Văn An trước Chi và tôi một năm, đang học đệ nhị sinh ngữ. Lúc đầu Chi theo Vạn Vật sau đổi sang Toán. Còn tôi, tự xét ban nào cũng được. Nhân ban Sinh Ngữ có tên nổi khổ Phạm Thế Truyền cùng các bạn Phạm ngũ Lão. Thế là tôi cũng nhắm mắt đưa chân vào cho ... vui.

Ba tên họ Trần cùng các bạn Hưng Yên đều là những tay học thật. Tháng tháng gia đình tiếp tế đều đặn, tiền bạc rủng rinh. Tay nào cũng có xe đạp làm chân đi học đi chơi.

Cùng quê song ba tên họ Trần ở ven sông Hồng. Vùng này do Pháp kiểm soát. Công việc làm ăn buôn bán của gia đình không bị đình trệ. Nhà tôi ở tuốt trong " vùng tự do ", bị đầu tố, bị tịch thu. Tôi thoát được vào tề là nhờ có bà chị mới hồi cư về thị xã Hưng Yên. Sống ké gia đình chị kiểu thêm bát thêm đĩa thì được. Còn lên Hà Nội, nhất là Hà Nội vào những năm cuối, người khôn của khó, là điều chị em tôi không dám nghĩ tới.

Tôi đứng trước ngã ba đường: lên Hà Nội tiếp tục học, hay ở lại Hưng Yên để không làm gì cả trong một thị xã diện tích đã co lại bằng bàn tay. Việt Minh có thể tràn ngập nơi đây bất cứ lúc nào. Và lại gia đình chị tôi đang hồi buôn thua bán lỗ, miệng ăn núi lở. Cuối cùng, chẳng lẽ quay đầu về quê để phải trả lời về tội " dinh tề " theo Pháp, sẽ chẳng biết số phận ra sao. Nhất là tường tượng ra nét mặt đáng ghét của mấy thằng Vem. " Tường theo giặc làm vương làm tướng gì chứ. Ai ngờ lại lóc cóc bò về ".

Với vài bộ quần áo cà tàng, một ít tiền lộ phí, tôi nghiễm nhiên thành một Thăng Long hàn sĩ thứ thiệt. Lúc đầu trọ cùng Trần Đức Minh, Phạm Thế Truyền tại số 98 phố Hàng Bông. Nghe nói đây là dinh cơ của Giáo Sư Dương Quảng Hàm, tác giả mấy bộ Văn Học Sử. Chúng tôi ở trên lầu ba của ngôi nhà phụ thuộc phía sau. Nhà trên nơi mặt tiền là tiệm kim hoàn, có các cô Bắc, cô Đông. Bà cụ các cô thường " bá ngọc " chúng tôi mỗi khi chơi trò cúp điện...

Ổn định nơi ăn chốn ở rồi, trong khi bạn bè ngao du ba mươi sáu phố phường chờ ngày Chu Văn An khai giảng, tôi dán mắt vào mấy trang rao vặt của tờ Tia Sáng kiếm chỗ dạy trẻ. Nhờ cái mác Chu Văn An - mặc dầu mới vào học - tôi được hai chỗ nhận. Một ở phố Hàng Mã, bốn con một công chức Tòa Thị Chính. Bốn trò, bốn lớp, cao nhất là lớp Nhất. Mỗi tuần tôi phải tới kèm ba buổi tối Hai, Tư, Sáu. Khảo bài cũ, giảng trước bài mới, cho bài áp dụng. Đặc biệt chú trọng em lớp Nhất. Phải làm sao cho em đậu tiểu học và thi được vào Đệ Thất Chu Văn An. Thành công " cậu giáo " sẽ được thưởng. Ông chủ rất lịch sự, cứ hết tháng lại đưa tôi một phong bì. Cuối niên học các em đạt kết quả mong muốn. Tôi được thưởng chiếc xe đạp đầu tiên, khỏi phải mượn bạn bè để đi học, đi dạy.

Chỗ thứ hai ở phố Hàng Giấy, tiệm hớt tóc Ph. T. Ba em tiểu học, cũng mỗi em một lớp, cao nhất là lớp Nhì. Tôi đến kèm các tối còn lại là Ba, Năm, Bảy. Đôi khi vắng khách, ông chủ tới ngồi quan sát. Em nào chưa hiểu bài ngày hôm đó hoặc chưa thuộc bài ngày hôm sau lập tức bị bố đánh đòn. Ông chủ muốn buổi chiều các em phải làm bài và học bài cho xong. Buổi tối " cậu giáo " chỉ kiểm soát rồi giảng trước bài ngày hôm sau... Đại khái cũng kiểu làm việc như chỗ thứ nhất. Đôi khi ông chủ còn nhờ " cậu giáo " giúp một tay làm sổ sách. Ông dạy con theo kiểu thượng cẳng chân hạ cẳng tay, khiến bà vợ răng đen chỉ biết thút thít khóc. Cuối tháng thứ hạ các em mà xuống, trò ăn đòn thầy bị nhức.

- Cái thá gì mà càng học càng ngu, càng dạy càng dở.

Khi trả lương, ông rút trong túi ra một nắm, kể cả tiền lẻ, đếm trước mặt tôi. Tuy nhiên vào những tháng các em giữ nguyên thứ hạng hoặc nhích lên một chút, y như rằng :

- Tối nay cậu giáo ở lại ăn cháo gà với tôi nhé.

Tuy là mời song thực ra là một thứ mệnh lệnh. Dẫu có hẹn với đào cũng phải đành cho de. Một lần tôi nhất định từ chối. Lập tức mặt ông dài ra. Cả tuần không nói với tôi một câu. Lũ trẻ thì lại bị đấm đá tung búng vì những cái có rất vớ vẩn.

Một tối thứ Ba, đưa con thứ hai làm trật con toán trên bảng. Tôi chưa kịp sửa thì ông chủ như rình sẵn bên ngoài, xô cửa lao vào chụp cổ thẳng nhỏ tát tai túi bụi. Tiện chân đá văng bàn học, mực tím dính đầy ngực áo tôi. Thẳng nhỏ học máu mồm dòn máu mũi. Tôi hét chịu nổi, đứng lên xách cặp ra về, mặc dầu chưa hết giờ. Tôi nhìn thẳng mặt ông chủ:

- Chào ông tôi về, ngày mai ông mướn người khác. Tôi không dám kèm các em nữa, sợ có khi gây án mạng.

Đạp xe về nhà trọ, tôi lại đâm ra hối hận vì quyết định của mình. Phải có hai chỗ kèm trẻ thế này tôi mới có thể ở được Hà Nội. Đang giữa niên học đào đâu ra chỗ khác. Buồn quá tôi mua mấy điều thuốc lá lẻ Cotab rồi chui vào cà phê Nhân ngồi lì cho tới khi tiệm đóng cửa.

\*\*\*

Như đã nói, được tự động chuyển lên đệ nhị cấp Chu Văn An khỏi qua thi tuyển, tôi tự xét ghi tên ban nào cũng được. Vì tôi bỏ học từ những ngày gia đình bị đầu tở. Tóm lại tôi mất căn bản ngay từ những năm ở đệ nhất cấp, hơn nữa phải kèm trẻ để mưu sinh, nên chỉ bạn bè đua nhau học thật, còn tôi đành tự phong ... " học giả ". tôi tiếp tục đến trường vì còn có lớp để nương náu, chưa gặp những đập ngăn Tú Một Tú Hai cản trở. Bạn bè thường thắc mắc:

- Mà y đâu có dốt nát. Cũng hiểu mau như ai, cũng áp dụng như máy. Nhưng sao cứ tới bài thi là y lại bết bát ...

- Tụi bay cùng lắm chỉ học nhẩy. Còn tao là học chạy ... loạn. Chạy Tây chạy Vẹt mà.

Chúng đâu có biết buổi sáng mài đũng quần trên ghế nhà trường, buổi trưa đạp xe về quán cơm sinh viên 35 phố Hàng Cân, buổi chiều soạn bài để buổi tối kèm trẻ. Soạn bài xong là tới giờ ăn chiều. Tới trễ là hết cơm. Buổi tối bán cháo phở vài tiếng, khuya về là lăn ra ngủ. cứ thế sáu ngày một tuần. Ngoài ra còn mắc bệnh đại lãn. Bệnh thích môn nào học môn đó. Cuối cùng là bệnh mơ mộng.

" ... không đến nổi cao bồi du đặng song thích ham chơi hơn chăm chỉ học bài nên chẳng giống ai sau mấy năm Chu Văn An đi về Cửa Bắc... "

Bấy giờ thầy Vũ Ngô Xán làm hiệu trưởng, thầy Thận Giám Học, thầy Lãng Tổng Giám Thị. Coi các lớp đệ tam là thầy Ty, chúng tôi gọi lén là Ba Tỳ. Hai năm Tam, Nhị, tôi đã được các thầy đạo cao đức trọng, uyên bác huấn hõ. Đó cũng là chuỗi ngày cuối cùng thực sự cấp sách đến trường nhưng không học hành của tôi. Học sinh xuất sắc là Nguyễn Lê Đoan và Vũ Công Bá. Hai anh giỏi đều chia nhau hạng nhất hạng nhì hoặc hạng nhất đồng hạng. Kế đến là anh Vũ Trọng Phan. Các anh này đậu Tú Tài phần Một ngay khóa đầu của niên khóa 1953 - 54. Anh Đoan, anh Bá ở lại sau Hiệp định Genève. Anh Phan di cư, sau trở thành giáo sư đệ nhị cấp. Còn anh Tô Văn Trục, học hành cũng làng nhàng. Nổi tiếng nhờ ăn diện và lấy vợ sớm. Nhà anh Trục có tiệm ăn ở phố Hàng Giấy, gần gầm cầu Long Biên. Anh Trục cũng ở lại miền Bắc. Còn một nhân vật nữa, với tôi là cặp bài trùng, mất căn bản và thứ hạng thấp. Anh Nguyễn Phúc Thọ, công tử con nhà giàu phố Hàng Bông. Anh chị em đều học giỏi và làm nên, trừ ông tướng nổi tiếng vua lười. Từ lười tới dốt chẳng có bao xa. Bù lại anh có ngón vĩ cầm thiên phú. Hôm nào gặp bài khô bài khó, hai đứa chúng tôi kéo nhau xuống trạm xá khai bệnh và tán gẫu với chị Mai, nữ y tá nhà trường. Nếu cần nghỉ cả ngày chị sẵn sàng xin cho một y chứng có chữ ký của Bác Sĩ Đàm Quang Thiện. Có khi chúng tôi leo rào về nhà Thọ nghe cu cậu biểu diễn ngón đàn. Thọ giảng về nhạc cổ điển song tôi chẳng hiểu và nghe cũng chẳng thấy hay ho gì. Tôi chỉ thích những Dur Âm, suối Mơ, Thiên Thai... mà thôi. Thọ lắc đầu khinh thường nhưng vẫn chiều ý tôi. Sau này di cư vào Nam, chúng tôi gặp nhau ở xóm Bàn Cờ. Bẵng đi vài năm, Thọ bỗng nổi tiếng vì là nguyên nhân một vụ rắc rối ngoại giao. Thọ theo ông anh là viên chức của hãng hàng không AIR FRANCE qua Lào làm việc. Tiếng vĩ cầm đã xoáy vào tim một công nương của hoàng gia. Thọ là công tử Hà Nội chứ đâu phải anh lái đò Trương Chi. Sau đám cưới, cu cậu được nhà vợ cho qua Pháp thụ huấn tại âm nhạc học viện với mọi đặc miễn cho

giới quý tộc. Tốt nghiệp, Thọ về Sài Gòn hoạt động văn nghệ. Trước hết cộng tác với một nhạc sĩ thành lập đoàn Văn Nghệ Việt Nam. Không hiểu lý do gì anh chàng lại dính khấn với nữ nghệ sĩ XD tuổi vào bậc chị. Thọ ở lì Sài Gòn, tình nguyện nhập ngũ với tư cách quân nhân đồng hóa, phục vụ tại Biệt Đoàn Văn Nghệ. Cuộc hôn nhân này đã chấn động mỗi thân hữu Việt Lào và là đề tài ăn khách để báo chí khai thác...

Xin nói tiếp về cái vụ từ chức " cậu giáo " với ông chủ hiệu cắt tóc. Trưa hôm sau ông đứng đợi tôi ngay ở cổng trường.

- Cậu giáo à, tôi xin lỗi cậu. Hôm qua có chuyện buồn nên tôi quá nóng. Anh tôi ở nhà quê bị Việt Minh gõ cửa đem đi ban đêm. Mấy cậu trước chỉ dạy các cháu được một hai tuần là bỏ. Có cậu còn chửi cả tôi. Cậu dạy được mấy tháng nay, các cháu học hành tấn tới rõ ràng. Sáng nay tôi bỏ mặc thợ thuyền, ra đây xin có lời thưa với cậu. Xin vì vợ chồng tôi, xin thương đến các cháu. Chúng nó rất mến cậu. Ngày mai cậu lại đến kèm các cháu nhé. Tôi bình dân lao động chỉ biết nói thế thôi. Xin cậu đừng lấy làm điều.

Quả tình tôi cũng chỉ mong được như vậy. Vì suốt đêm trước và cả sáng hôm đó, tôi cứ lo không biết sẽ kiếm đâu ra để trả tiền trọ tiền ăn. Chẳng lẽ lại xuống Ngọc Hà đăng lính Nhảy Dù.

- Ông chủ cũng biết tôi là học sinh chạy loạn vào thành. Nhờ những chỗ kèm trẻ tôi mới tiếp tục học được. Chỉ xin ông chủ đừng quá nặng tay với các em.

Cứ thế nhờ hai chỗ dạy kèm mà tôi qua được hai năm Tam Nhị Chu Văn An Cửa Bắc. Mùa Thu 1954, cùng gia đình một ông anh kết nghĩa xuống tàu há mồm làm chuyến vô Nam.

Hai mươi tuổi rồi, biết mình không thể học ... chạy loạn được nữa. Sau vài tuần tới lui cho có lệ lớp Đệ Nhị Chu Văn An di cư niên khóa 1954- 55, nhân thời buổi nhập nhằng, tôi thay họ đổi tên và tự chấm dứt tuổi học trò. Cùng Vũ Mộng Long, Phạm Thế Truyền, Đoàn Trọng Thu ... kéo nhau lên Ban Mê Thuật chơi trò Duyên Anh Điện Ru Nước Mắt...

Chán nản kéo nhau xuống núi. Để có học bổng tôi xin theo học khóa 1 Cán Sự Y Tế. Ở đây tôi gặp lại bạn cũ Chu Văn An là các anh Nguyễn Đức Trọng, Nguyễn Văn Ngọc. Trọng tốt nghiệp và đeo đuổi nghề này. Anh Ngọc đổi qua Sư Phạm, hiệu trưởng Trần Lục, sau đổi thành Nguyễn Du. Và thêm một bạn mới, sau này nổi tiếng với những tác phẩm ký tên Cao Thế Dung. Quả tôi không có duyên với thi cử, dù là chuyên môn. Cuối cùng tình nguyện nhập ngũ. Sau hơn một năm " thao trường đồ mồ hôi ", tốt nghiệp được cái " võ " bằng Trung Đội Trưởng Bộ Binh Thủ Đức, Khóa 6 SVSQ Trừ Bị. Rồi thất trận, tù tội, vượt biên. May mắn không mất mạng mà chỉ phải lưu vong. Khóa 6 Cộng Hòa cũng là khóa đầu tiên của nền Cộng Hòa. Xuất thân Chuẩn Úy, cấp hiệu dùng dấu alpha thay vì một vạch. Chúng tôi gọi nhau là Thượng Sĩ Gân hoặc Chuẩn Tướng. Chuẩn Tướng là một điều tiên tri cho các ông tướng một sao sau này. Tại mình cứ chuốc lấy chữ chuẩn nên không một SVSQ khóa 6 Thủ Đức nào vượt được cấp Đại Tá.

Trở lại chủ đề tứ tử trình làng Chu Văn An Cửa Bắc.

Trần Nho Mai thông minh, chăm chỉ, đậu đạt sớm nhất. Đáng lý phải trở thành một ông lang tây. Vì cuộc di cư, mất nguồn tiếp tế gia đình nên phải thi vào sư phạm. Trước 1954, Đinh Tiến Lãng và Trần Nho Mai là hai sinh viên xuất sắc gốc Thái Bình. Rồi cả hai cùng hành nghề " gõ đầu trẻ ". Thầy Lãng được đi vào ca dao tân thời của ngành giáo dục:

Thầy kia thầy nợ kiếm tiền

Thầy Đinh Tiến Lãng là tiên dạy trò.

Thầy Mai lúc nào cũng chân chỉ hạt bột đúng tác phong một nhà mô phạm. Thầy là một giáo sư đệ nhị cấp lỗi lạc. Rất dí dỏm song lại ít hùng biện, nên giờ của thầy để ru các em vào giấc điệp. Sau lưu vong tại Hòa Lan, và đã qua đời ngày 28 - 12 - 96.

Trần Đức Minh có tinh thần và khả năng lính tráng cao. Mới nứt mắt chưa đầy mười tám tuổi, bị Tây vồ bèn xung phong làm thông ngôn. Đi đâu cũng mở lớp Pháp Văn Đàm Thoại cấp tốc cho các thôn nữ. Đặc biệt

trong chiến dịch tiếp thu Nam Ngãi, bấy giờ đóng " quan hai ", thầy cày dạy hăng nữa. Làm thông ngôn ít lâu, Minh xin về Hà Nội tiếp tục học Tú Tài. Vừa tốt nghiệp là nhận lệnh động viên. Có chiều cao của Nã Phá Luân, Minh từng có mặt trên các chiến trường Bắc, Trung, Nam và ngoại biên. Khóa sinh trường Chi Huy Tham Mưu Cao Cấp Leavenworth. Mang lon quan sáu, rất may không bị sáu tám, đánh đấm tới phút chót. Từ hơn chục năm. Đi H.O. tới Thái Lan bị giao hoàn Việt Nam vì lộn danh sách. Cuối cùng tới Mỹ vào tháng 4 năm 1990. Tên này đến là hay bị lộn. Thời Đệ Nhất Cộng Hòa giải ngũ với cấp bậc Đại Úy thực thụ. Được bổ nhiệm giáo sư Pháp Văn ( thứ thiệt ) trường Kỹ Thuật Cao Thắng. Tái ngũ năm 1960, được phân phối về một đơn vị đồn trú dưới chân Đèo Hải Vân. Khi nhận báo cáo tình trạng quân số, không hiểu mấy bố Phòng Nhất TTM làm ăn thế nào lại đánh ra một công điện : " Quân Đội VNCH không có Đại Úy Trừ Bị thực thụ Trần Đức Minh ". Trong khi nằm chờ văn thư qua lại minh xác, " Ba Minh " trở thành thầy đồ tiếng Đức cho cả chế độ ! Bây giờ người lưu vong tại miền Tây Bắc nước Cờ Hoa.

Trần Văn Chi giàu nhất trong ba tên họ Trần. Gia đình tiếp tế đều đều. Mỗi cổ tay còn đeo một cặp xuyên vàng. Bà cụ lo xa, sợ Việt minh cắt đường, " Thăng bé " sẽ bị đói. Chi ở lại, học Đệ Nhất niên khóa 1954 - 55. Chẳng dè Việt Minh đầu tổ bà cụ bắt giam tới chết và tịch thu tài sản. Chi đông kíp xuống Hải Phòng vô Nam trên chuyến tàu chót. Chi cho biết khi Chu Văn An mới khai giảng, Hồ Chí Minh có ghé thăm. Ông ta đến lúc nào, đi cửa nào, tới phòng nào không ai biết. Lớp Đệ Nhất B đang học giờ Pháp Văn. Bỗng một cụ già từ hành lang chạy tọt vào. Thầy Nguyễn Trọng Sơn, bào đệ luật sư Nguyễn Mạnh Tường, nhận ra mặt khách quýnh lên, líu lưỡi hô to : " Cụ Hồ muôn năm " .

Vô Nam, Chi gia nhập ngay khóa 6 Hải Quân. Tới năm 1970 Hải Quân Trung Tá Trần Văn Chi dẫn thủy thủ đoàn qua Mỹ nhận dương vận hạm lớn nhất của Hải Quân VNCH, HQ 503 Vũng Tàu. Năm sau qua đời vì chứng ung thư máu.

Đi tù về tôi thấy Nghĩa Trang Mạc Đĩnh Chi, nơi an táng bạn tôi, đã thành Công Viên Lê Văn Tám !

Nhân vật thứ tư trong tứ tử coi như tốt đen. Đen thật, chẳng thua gì mõm chó, đa " tự khai " đầy đủ. Hiện đương kim lưu vong tại Wichita Kansas, Mỹ quốc.

Xin được gọi Chu Văn An là trường mẹ như SVSQ nói về quân trường xuất thân. Dầu chỉ núp bóng chạy loạn hai năm, bóng của vị tôn sư tác giả Thất trăm Sớ. Với các niên trường, niên đệ thông minh, chăm chỉ, hiền hách, tôi chỉ là một chiếc bóng mờ đến độ nhạt, đến độ mọi người khó nhận ra, nếu tôi không tự giới thiệu. Song tôi vẫn có vinh dự là viên thế môn đệ của vị danh nho chủ trương " cùng lý, chính tâm, tịch tà, cự bí ". Từ căn bản tinh thần Chu Văn An tôi đã hiến dâng những năm tháng đẹp nhất tuổi đời cho quân ngũ và may mắn không có cơ hội để đào ngũ.

Xin gửi lời chào xa xôi đến các thầy cô và anh chị em Chu Văn An của tôi.

Vũ Bằng Đình, CVA 1954, Kansas.

\* \* \*

## *TÌNH KHÚC MÙA XUÂN*

Nắng xuân hồng em hồng thêm đôi má  
Tay gió nhẹ-nhàng mơn-trón say-sưa  
Vàng đông mím cười ngấm-nghĩa lẳng-lơ  
Anh hãnh-diện nhưng hờn ghen một chút  
Mây trời xanh em xanh thêm mái tóc  
Liều biếc mượt-mà thua kém thướt-tha

Anh ngát-ngậy trước dáng vẻ cao xa  
Hồn tràn-ngập rừng hương thơ man-mác  
Đại dương trong em trong thêm khóe mắt  
Lóng-lánh trắng tròn gọn sóng mênh-mông  
Thuyền tình anh mơ cập bến yêu thương  
Để kiếp phong sương chẳng còn phiêu-bạt  
Chim ca ngọt em ngọt thêm tiếng hát  
Quyến-rũ lòng người qua giọng suối êm  
Cảm súc trong anh như thủy triều lên  
Tim rung động nóng ran từng nhịp thở  
Hoa nở thắm em thắm thêm môi đỏ  
Lửa ái nồng-nàn thơm ngát nụ hôn  
Anh không còn là thế-giới cô-đơn :  
Tâm-hồn đôi ta hòa chung thành một

*MINH-VIÊN, CVA 1960 – San Francisco, CA.*

\* \* \*

# NGŨ QUỶ

CVA Lê Văn Ninh

Bọn chúng tôi gồm 5 đứa, chơi thân với nhau từ hồi Đệ Lục : đó là Đàm Quang Kiên, Phạm Huy Thịnh, Phạm Gia Tuyên, Bạch Văn Đức và tôi.

Tôi lớn tuổi nhất trong bọn, hơn anh chàng trẻ nhất 3 tuổi. Anh chàng sát tôi, kém tôi hai tuổi. Đây là nói về phương diện tuổi thật. Trên mặt giấy tờ, tôi chỉ hơn anh chàng trẻ nhất có 1 tuổi, là vì ông già tôi đã ăn gian, hạ hai tuổi cho tôi khi hồi cư trở lại Hà Nội giữa năm 1951, để tôi còn trong hạn tuổi đi học trường công (vừa không tốn học phí, lại có trường lớp khang trang, thầy giỏi v.v..).

Gia đình tôi tản cư khỏi Hà Nội từ năm 1946, khi chiến tranh giữa Pháp và Việt Minh bùng nổ, lúc tôi vừa mới học xong lớp Năm trên Bưởi. Trong 6 năm giời chạy loạn về quê, trốn bọn giặc Pháp và bọn lính đánh thuê, từ làng này sang làng khác, đâu có được đi học trường đàng hoàng. Khi hồi cư, tôi nhảy đại, thi vào lớp Nhất trường Quang Trung Hà Nội, may mắn sao lại đậu, và đậu thứ nhì mới thích chứ! Nếu không đậu kỳ đó, chắc là cuộc đời tôi xuống dốc luôn, không được đi học nữa, buồn chết ! Đậu được bằng Sơ Học Yếu Lực (nghe kêu quá!) cũng là một kỳ công, là vì có anh chàng rất lớn tuổi, ngồi thi Tiểu học cạnh tôi, khi xem bảng thấy tên mình, mừng rỡ tuyên bố với tôi rằng, tao đi Nam Định đây, không rõ là trường Sĩ quan hay Hạ Sĩ quan ? Nếu có tài, gan dạ và gặp thời, anh ta rất có thể là ông Tướng sau này của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa? Rất tiếc, tôi không nhớ tên anh ta để mà nhận là đã quen biết trước đây. Biết đâu đấy, nếu nhớ tên, dựa hơi ông Tướng trong thời loạn, chắc oai lắm !

Sau đó, tôi nộp đơn xin thi vào Đệ Thất trường Chu Văn An Hà Nội. May mắn tôi đậu hạng thứ 14. Thế là từ đó, tôi được hân hạnh mang danh học sinh Chu Văn An !

Quả thật, đối với bọn học sinh chương trình Việt chúng tôi hồi đó, thi được vào Chu Văn An hay Nguyễn Trãi Hà Nội thực là một hân hạnh rất lớn! Cả một thủ đô, chỉ có 2 trường Nam Trung Học Công Lập. Hai trường tạo được danh tiếng truyền thống như vậy, cũng là nhờ công lao của những nhà giáo dục, cùng là



những đóng góp của các cựu học sinh đàn anh. Giữa hai trường đó, trường Chu Văn An , còn được gọi là Trường Bưởi trước năm 1945, có phần nổi danh hơn.

Học xong Đề Thất, hiệp định Geneve 1954 chia đôi đất nước, gia đình tôi lại bồng bế nhau lên máy bay di cư vào Nam (nhờ ơn Thủ tướng Ngô Đình Diệm). Trường Chu Văn An cũng được di cư vào Saigon ( tọa lạc tại hai chung cư nội trú của trường trung học Pétrus Ký) nhưng không tiếp nhận học sinh trung học Đề Nhất Cấp. Do đó, trên nguyên tắc, tôi được chuyển sang trường Nguyễn Trãi, tạm cư tại một trường tiểu học gần rạp Đại Nam.

Nhà tôi ở khu 360 Chasseloup Laubat tức Hồng Thập Tự sau này. Trường Hồ Ngọc Cẩn gần đó, tọa lạc tại mấy khu lầu gỗ hai tầng của nhà thờ Huyện Sỹ đường Bùi Thị Xuân.

Vì thế, tôi đã theo học trường Hồ Ngọc Cẩn 3 năm còn lại của bậc Trung học Đề Nhất cấp và nhóm ngũ quý được hình thành , thân thiết với nhau từ đó.

Gọi là ngũ quý cho oai thôi! Thực ra, cả bọn tôi năm tên, không ai có máu "yêng hùng"\* ngoại trừ tôi, cũng có một thời le lói ở Hà Nội, là đã đại dột phang cho mấy anh đánh giầy sút trán một bản (để có dịp, tôi sẽ kể sau).

À quên, còn chuyện này nữa; buổi sáng đầu tiên khi dự thi tuyển vào Đề thất Chu Văn An, thí sinh phải làm bài luận văn. Chữ viết của tôi rất xấu, cho nên làm luận văn, tôi phải viết rất chậm và nắn nót để thầy giáo chấm thi có thể đọc bài của tôi rành rẽ. Khi keng hết giờ đã reo, tôi còn 2 giòng kết luận chưa viết kịp. Anh chàng ngồi cạnh tôi, tự động giằng lấy bài của tôi, không cho tôi viết tiếp. Thế là tôi nổi trận lôi đình, tổng cho anh chàng mấy quả đấm vào mặt. Anh chàng méo máo mách thầy Giám Thị. Thầy Giám Thị nghe tôi giải thích, đồng ý để cho tôi viết nốt 2 giòng kết luận.

Số là thế này, để tôi giải thích kéo thầy Giám thị mang tiếng oan là đã thiên vị tôi! Chắc quý vị còn nhớ, mỗi lớp thi có cả trăm thí sinh; tên của anh chàng và tên của tôi cùng vắn N nên phải ngồi hàng ghế gần cuối lớp. Khi phát đề thi, thầy Giám thị phát từ hàng ghế đầu tiên, xuống đến chỗ tôi đã hết 5 phút. Những thí sinh ở hàng ghế đầu đã làm bài trước tôi cả 5 phút; như vậy, tại sao không để tôi viết tiếp đến khi thầy Giám thị tới thâu hầy hay mà lại giựt bài của tôi ngay khi nghe keng reo? Tôi có lý chứ?

Buổi chiều, làm xong bài toán cả nửa giờ trước khi keng reo, tôi ngồi xích gần vào anh ta, nhưng che che đây đây bài giải của tôi để chọc tức anh ta. Trong khi anh chàng bí quá mà không giám hỏi tôi. Mà dù có hỏi, chắc tôi cũng không chỉ , vì còn giận thái độ vô lý của anh ta lúc trưa. Tôi không bao giờ còn được gặp lại anh ta nữa, không rõ anh chàng có thông cảm và tha thứ cho hành động "yêng hùng" của tôi khi ấy không?

Nào, lang bang mãi bây giờ mới trở lại bọn 5 đứa chúng tôi. Thực ra, bọn chúng tôi đông lắm, nhưng tôi chỉ giới hạn ở 5 đứa thôi, vì chúng tôi vẫn giữ liên lạc thường xuyên sau khi ra trường. Bọn chúng tôi không thuộc loại dân "gạo cội", nhưng cũng không thuộc xóm "nhà lá" . Thứ hạng trong lớp đều khá, không nhất nhì, thì cũng ba hay tư. Tôi luôn luôn ngồi bàn đầu vì mắt cận nặng từ nhỏ.

Trong số ngũ quý, nhà Tuyên ở Lê Văn Duyệt và nhà tôi gần nhau, hai chúng tôi thân với nhau nhất. Có lẽ cũng vì hai chúng tôi có nhiều điểm bỏ tức lẫn cho nhau nữa. Suốt 6 năm trung học, hai chúng tôi như hình với bóng, đi đâu cũng thấy 2 chàng sánh vai (xin quý vị đừng hiểu lầm như bên Mỹ này, nghi là chúng tôi mắc bệnh đồng tình luyến ái thì khổ cho chúng tôi lắm!). Hồi ở trung học Đề Nhất Cấp, Tuyên còn còi, thấp bé, tôi thì gầy nhưng cao hơn Tuyên cả một cái đầu và lớn tuổi hơn, nên ông cụ thân sinh của Tuyên luôn dặn tôi bảo vệ Tuyên. Vào những kỳ học thi, nhiều hôm, tôi ăn ngủ luôn ở nhà Tuyên để hai đứa khảo bài cho nhau, nên ông cụ càng quý tôi hơn.

Niên học đầu tiên, có rất nhiều cái thú vị, cũng là nhờ cha Tổng Giám Thị Trần Văn Phán. Cha Phán rất có tài ngoại giao. Cha tổ chức cho chúng tôi đi du ngoạn, thăm viếng trường trung học Nguyễn Đình Chiểu - Mỹ Tho. Cũng nhờ chuyến viếng thăm đó, tôi quen biết và vẫn giữ liên lạc với LâmVT, một Trưởng lớp của Nguyễn Đình Chiểu, lớn tuổi hơn tôi và học trên tôi một lớp. LVT, sau này là sĩ quan phi công trực thăng(Trung tá?) của Không Lực Việt Nam Cộng Hòa, lái cho Tổng thống Thiệu. Lúc đầu, LVT được cử đi

Hoa Kỳ học lái máy bay khu trục, nhưng sau một thời gian ngắn bị loại vì vấn đề sức khỏe, nên phải trở về nước; và được chuyển sang học lái trực thăng.

Tới năm 1975, lâu lâu, tôi vẫn có dịp gặp LVT ở Saigon. Đến bây giờ, khi viết những giòng này ở Mỹ, tôi mới vỡ lẽ, tại sao LVT lại có may mắn được chuyển ngành học và lái máy bay cho ông Thiệu? A, ra là Thiệu cùng quê Mỹ Tho! Và cả ông Tướng Hải quân, anh của LVT nữa? Lúc còn đọc thân, lên Saigon học, LVT ở nhà ông anh Hải quân này, tôi có đến thăm.

Cha Phán còn tổ chức cho học sinh Hồ Ngọc Cẩn chuyển du ngoạn Vũng Tàu, bằng tàu há mồm của Hải quân. Học sinh chúng tôi lên tàu từ bến Nhà Bè lúc xẩm tối. Tàu cập bến Vũng Tàu sáng sớm hôm sau.

Chuyến du ngoạn này mới lòi ra cái quỷ quái thứ nhất của chúng tôi. Khi tới Vũng Tàu, chúng tôi được trú đóng tại sân vận động của thị xã.

Thầy Vũ Hữu Mưu (một kỹ sư Canh nông, dạy chúng tôi vận vật), Tuyên, Tuấn và tôi được xếp ngủ chung ở một bệ. Thầy Mưu và tôi nằm 2 mé ngoài, Tuyên nằm cạnh thầy Mưu. Sắp xếp như vậy rất là chu đáo.

Nửa đêm, Tuyên và Tuấn rủ nhau đi chơi quanh quần trong sân vận động. Lúc về ngủ lại, chỉ có mình Tuyên. Trong lúc mọi người ngon giấc thì nghe thầy Mưu la âm lên "đứa nào mất dậy đánh tao xung cả mặt!" Cả sân vận động nhón nháo, nhưng không biết được ai là thủ phạm.

Chỉ riêng Tuyên và tôi biết rõ ai là thủ phạm tát thầy Mưu, nhưng không giám hé môi nói ra. Thực ra, cái tát cực mạnh đó mục đích là để đánh Tuyên!

Sau khi đi chơi về mệt, Tuyên đã vô tình đẩy thầy Mưu vào nằm chỗ của mình, ở giữa. Đêm khuya nhà nhem, anh chàng ba trợn định ninh Tuyên nằm chỗ cũ mới thẳng tay tát, anh ta đâu ngờ lại tát phải ông thầy. Thầy Mưu rất cởi mở, và rất thể thao. Tuy đã lớn tuổi, ông chưa lập gia đình. Khi biết rõ câu chuyện, ông không hề giận dữ, mà lại vui vẻ tha thứ cho bọn tôi, nên đứa nào cũng thích ông ta.

Tuyên, Tuấn, Kiên, Thịnh, PhT Hiệu, VV Thức... và tôi, sau chuyến du ngoạn đó, đều đen như củ sừng, da tróc từng mảng. Lúc đó, đâu có sun cream mà bôi ?

Tuyên, Kiên, Thịnh và tôi, sau này còn có nhiều dịp đi du ngoạn Vũng Tàu với nhau. Nhất là Tuyên và tôi hầu như hàng năm đều đi Vũng Tàu chơi, là vì, anh của Tuyên, Chỉ Huy Trưởng người Việt đầu tiên của Căn cứ Hải Quân Vũng Tàu và Ngân Hàng Quốc Gia, mà tôi là một chuyên viên ở giữa thập niên 1960, đều có nhà nghỉ mát tại Vũng Tàu .

Đầu năm Đệ Lục, Thức rất lớn tuổi và lớn con, có lẽ lớn hơn tôi 2, 3 tuổi, làm Trưởng lớp. Anh chàng không ưa Tuấn vì nhiều chuyện. Thức thật thà nhưng hay cục. Tuấn thuộc loại học sinh giỏi, nghịch ngợm quá cỡ, có lẽ được nuông chiều nhiều nên đôi khi ăn nói xàm xỡ, hay chọc phá Thức.

Nhưng cái "đáng ghét độc nhất vô nhị " của Tuấn hồi đó là mặc áo trắng "cổ cùn" giặt ủi phẳng phiu, khác hẳn các học sinh khác ăn mặc xuề xòa! Tuấn hay bị các học sinh khác chằm chọc vì hắn chơi trội nhiều thứ! Năm đó, Tuấn là học sinh đầu tiên lái Velo Solex đi học, trong khi chúng tôi chỉ có xe đạp, cong lưng mà đạp.

Nghĩ lại thấy thật buồn cười, thật trẻ con; chằm chọc chỉ vì không bằng người ta? Vì chịu được mấy cái dễ ghét đó và hay bênh vực Tuấn, nên Tuấn và tôi tương đối cũng thân nhau hồi còn học Hồ Ngọc Cẩn. Tôi còn nhớ, hè cuối năm Đệ Ngũ, anh chàng đã yêu cầu tôi viết vào Lưu Bút Ngày Xanh của anh chàng.

Kể đến cái quỷ quái của bọn học sinh chúng tôi, tôi không thể nào quên được một thành tích khác của Tuấn.

Đó là vào dịp Tết năm Đệ Ngũ, giờ học nhạc với thầy P. Thầy P dạy nhạc cho tôi từ năm Đệ Thất Chu Văn An ngoài Hà Nội. Thực tình mà nói, phần đông học sinh không thích học nhạc với ông, mà chỉ thích nhạc



sĩ Hùng Lân, vì ông quá nghiêm, mà nhạc của ông bắt chúng tôi học thì không hấp dẫn cho lắm. Tôi là người rất khổ sở về giờ nhạc của ông; ông hay bắt tôi lên bục "kêu đường". Tuy vậy, tôi thuộc loại học sinh ngoan, nên luôn luôn vâng lời ông.

Nhưng cũng chính vì cái tính quá nghiêm, cái tính đúng giờ y như cái máy của ông đã tạo nên sự kích động nơi một số học sinh quá tinh nghịch. Giờ nhạc đáng lẽ phải để cho học sinh được thoải mái và tự do biểu lộ niềm yêu thích mới đúng; đằng này, ngược lại, phần đông chúng tôi không thấy hứng thú nào trong việc học nhạc với ông, mà hơn nữa, là một cực hình.

Thầy P dạy nhạc, nhưng chúng tôi không thấy ở ông tinh thần của một người nghệ sĩ. Chúng tôi thấy ở ông một người nghiêm tu; hành động của ông như một người máy. Bao giờ cũng vậy, khi keng vào lớp vừa dứt là thầy P bước vào lớp, ngồi vào bàn, rút ngăn kéo ra, đặt lọ mực và thước kẻ lên bàn... Phải nói đó là cái nghi lễ thiêng liêng bất biến của thầy P.

Buổi học hôm đó nhằm vào ngày giáp Tết, thầy P vừa ngồi vào bàn, mở ngăn kéo ra, thì một tiếng pháo nổ đùng. Mọi người thấy thầy bật dậy, mặt và ngực áo đầy mực tím. Thầy rất giận dữ quát "anh nào, anh nào?", rồi thầy ù té bỏ chạy ra khỏi lớp.

Tôi là Trưởng lớp và là người luôn tôn trọng kỷ luật, rất đổi kinh hoàng. Tôi đã hình dung ra hậu quả nghiêm trọng của sự đùa dai này. Khi cha Tổng Giám Thị đến lớp điều tra, mọi người đều chối không biết ai là thủ phạm. Cha Tổng Giám Thị dọa phạt tất cả lớp cũng không ai hờ môi (trong đầu tôi đoán, chỉ có 2 chàng, hoặc NgĐL, hoặc Tuấn chứ còn ai nữa?) .

Ba ngày sau, chính Tuấn tự đến văn phòng thú nhận tội. Chúng tôi rất phục Tuấn ở thái độ "giám làm, giám nhận" đó. Ngày hôm sau, Hội Đồng Kỷ Luật họp và quyết định trục xuất Tuấn.

Bấy giờ, Tuyên, Thịnh, Kiên, Liêm, Hiệu, NgHX, TrĐ T, Luru Văn Vịnh, Lê Thụy Hưng và tôi mới họp bàn kế hoạch xin tha cho Tuấn. Bọn chúng tôi đều được các thầy thương vì đều chăm chỉ, học khá và ngoan. Tuấn và chúng tôi, trước hết, đến xin lỗi thầy P. Sau đó, chúng tôi đến xin thầy Nguyễn Tá, dạy Toán, thầy Thịnh, dạy Lý Hóa ... vận động với Hội Đồng Kỷ Luật và xin riêng với thầy P. Tôi thì hứa với cha Tổng Giám Thị và Linh mục Hiệu trưởng Trần Đức Huynh, với tư cách Trưởng lớp, sẽ không bao giờ có chuyện lộn xộn tương tự xảy ra trong lớp nữa!

Sau một tuần lễ, thầy P đồng ý tha tội cho Tuấn. Tuấn được đi học trở lại và nhóm chúng tôi từ đó, rất được các thầy tin cậy, đến độ, muốn phạt học sinh nào, các thầy hay hỏi ý chúng tôi trước. Cũng nhờ thế mà đến cuối niên học, không có chuyện nghịch ngợm quá đáng nào xảy ra nữa và cũng không có học sinh nào bị phạt.

Riêng tôi, vì nhà ở gần trường, thường hay đến thăm Linh mục Hiệu trưởng và cha Tổng Giám thị vào thứ bảy; đôi khi các cha cho phép tôi dùng bữa với các cha. Tôi nhớ hoài cha Phán căn dặn tôi là không được coi hình khỏa thân, nếu thấy học sinh nào có hình đó thì tịch thu đưa cho cha. Dĩ nhiên, tôi chối phắt là chưa bao giờ trông thấy. Rất may, tôi không phải là người Thiên Chúa Giáo nên không phải xưng tội nói dối. Vì quả thật tôi có trông thấy ! Không hiểu ở đâu ra mà chúng tôi vẫn truyền tay nhau những quân bài phé mang hình khỏa thân của các tài tử Mỹ và Pháp như Marilyn Monroe, Brigitte Bardot...

Qua năm Đệ Tứ 1956, trường Hồ Ngọc Cẩn được rời sang Gia Định, lần đầu tiên từ ngày di cư vào Nam, có trường ốc riêng. Cụ Thận, Hiệu trưởng mới do Bộ Giáo Dục bổ nhiệm. Cha Huynh và cha Phán, sau đó ra mở trường tư?

Tết năm đó, nhóm ngũ quý chúng tôi cũng lại tạo được một kỷ niệm khó quên trong đời học sinh. Lần này không liên hệ đến pháo, mặc dù là Tết, không liên hệ đến ông thầy, mà là boxing. Hồi đó, phong trào thể thao đang lên vì được Bộ Giáo Dục Thanh Niên khuyến khích.

Cũng không nhớ ai đã đem đến lớp chúng tôi hai bộ găng tay boxing. Giờ học hôm đó, không có giáo sư. Chúng tôi đóng cửa lại, B V Đ, Ng Đ L, Vũ D Th và Thái D thay phiên nhau so găng trong lớp. Không rõ

có Nguyễn Phúc Kim Duyệt không? Cả lớp chúng tôi vừa là trọng tài, vừa là khán giả, cổ vũ nồng nhiệt. Nồng nhiệt quá đến nỗi, la hét ầm ĩ, làm ồn sang các lớp bên cạnh mà không biết. Thế là cả lớp lại được thầy Giám Học, tông cửa vào hỏi thăm sức khỏe. Không chàng nào kịp tháo găng ra khỏi tay. Lần này, bốn anh chàng võ sĩ, có tinh thần võ đạo rất cao, đứng ra nhận trách nhiệm liền. Hình như mỗi chàng võ sĩ nhận lãnh một buổi cầm tù tại trường vào ngày thứ bảy.

Sang niên học tới 1957, sau khi đậu xong Trung học Đệ Nhất Cấp, tất cả nhóm chúng tôi đều xin chuyển về Chu Văn An, ngoại trừ Đức ra trường tư, dự tính thi nhẩy Đệ Nhị. Tuyên, Thịnh, Kiên, Liêm, Xương, Duyệt ... và tôi lại được xếp chung vào lớp Đệ Tam B2 và rồi Nhị B2; Hiệu, Nguyễn Đức Vinh, 3B1; Tường, Tuấn, Hưng chuyển sang ban A.; Lưu Văn Vịnh ban C ... Thịnh thi nhẩy, đậu Tú Tài I vào cuối hè năm Đệ Tam.

Qua trung học Đệ Nhị Cấp, bọn chúng tôi có phần chín chắn hơn, không còn tinh nghịch nữa, nhưng bắt đầu phân tán, mỗi người theo một ngành vì mục đích riêng. Tuyên và tôi thì vẫn sánh vai bên nhau, từ việc học đến việc đi coi đá bóng ở sân vận động Cộng Hòa, nghe nhạc hoặc đi ciné...

Năm Đệ Nhất, tại rạp Đại Nam có chiếu phim Marilyn Monroe thủ vai chánh rất gợi tình. Buổi trình chiếu đầu tiên là vào lúc 4 giờ 30 chiều, sau giờ Toán của thầy Bạch Văn Ngà, ông anh cả của Đức. Tuyên và tôi nói dối thầy Giám Thị Biền, có việc cần, xin phép nghỉ cả buổi chiều. Thầy Biền tin chúng tôi, vì Khánh và Nhạc, 2 con của thầy cùng lớp và cũng chơi với chúng tôi.

Trước lúc trình vé vào coi phim, Tuyên và tôi thích thú ngهن cò coi trên tường hình vẽ quảng cáo váy của Marilyn Monroe bị gió thổi tốc lên. Vừa quay đầu lại thì gặp ngay thầy Ngà đứng đằng sau, đang chăm chú ngắm, y hệt như chúng tôi vừa coi. Dù bị bắt quả tang nói dối trốn học, Tuyên và tôi vẫn phải làm bộ tỉnh táo chào thầy. Thầy Ngà rất nghiêm, nên dù thân với Đức và hay đến nhà ông chơi, chúng tôi vẫn gọi ông bằng thầy, chứ không giám gọi bằng anh. Lần này, ông đùa "bắt quả tang hai cậu trốn học để đi chơi đây nhé!"

Ở năm Đệ Nhị, có lần nói chuyện với thầy Phan Huy Tùng, giáo sư Lý Hóa trong giờ ra chơi của thầy, tôi đã hỏi ý thầy về vấn đề trốn học, thì thầy nói, "là học sinh, mà không có lần trốn học thì không phải là học sinh!" Tôi thật hết sức thán phục thái độ cởi mở đó của thầy Tùng.

Từ bé, tôi đã được mẹ tôi dạy là phải luôn luôn kính trọng và vâng lời các thầy. Tôi đã làm đúng như vậy. Đối với bạn hữu, tôi luôn cố gắng cư xử chân thật và rộng lượng. Cho nên từ trước đến nay, tôi đã cảm nhận và biết ơn, là tôi đã được sống một cuộc đời học sinh thật trọn vẹn, mặc dù đôi lần cũng đã kinh nghiệm trắc trở hay thất bại. Sung sướng nhất là tôi biết, tôi được bạn mến và các thầy thương. Tôi hãnh diện nhất là về sự chân thành của tôi. Có một vài kỷ niệm từ hồi nhỏ tôi vẫn nhớ mãi.

Hồi lớp Nhất trường Quang Trung ở Vân Hồ, tôi đã làm Trưởng lớp. Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm từ Saigòn ra Hà Nội kinh lý (1951), đã được Nha Học Chính Bắc Việt hướng dẫn đến thăm lớp tôi. Sau khi nghe tôi trả lời những câu hỏi về địa lý sông Cửu Long và vựa lúa miền Nam của thầy Nghiêm thật tron tru, ông đã nói vài câu khen ngợi và móc túi lấy tiền, tặng tôi 3 trăm. Tiền được dùng mua bánh kẹo cho toàn trường (khu Vân Hồ). Điều hãnh diện là thầy Nghiêm và cụ Hiệu trường khen ngợi tôi trước toàn thể giáo chức của trường. Đến ngay năm Đệ Tam B2, thầy Lộc, giáo sư Anh văn muốn phạt ai, cũng hỏi ý kiến nhóm tôi trước. Thật là một vinh hạnh lớn, tôi không bao giờ giám coi nhẹ!

Một kỷ niệm chung rất đẹp của nhóm ngũ quý, in đậm trong tâm thức tôi là chuyến thăm vườn trái cây Lái Thiêu vào mùa hè năm 1955. Năm đưa đạp xe đạp tới Lái Thiêu, thuê thuyền chèo trên các con lạch quanh co các khu vườn cây ăn trái. Thích thì tạt vào mua trái cây ăn; thấy cảnh đẹp thì chụp hình kỷ niệm; mệt thì thả mình trên con thuyền tròng trành dưới tàng cây mát, cành lá vươn tới giữa lạch; đói thì lấy bánh mì giò chả ra ăn... Trải qua bao biến đổi của cuộc sống, kỷ niệm an bình thời niên thiếu đó vẫn sống mãi trong lòng 5 đứa chúng tôi ...

Thịnh và tôi đã có dịp thăm viếng nhau và hàn huyên từ nhiều năm. Thịnh, trước ở Montréal, nay ở San Jose, California. Mãi gần đây, trước Tết Con Mèo, tôi có dịp gọi về Việt Nam nói chuyện với Tuyên. Hai anh em đã ôn lại bao nhiêu kỷ niệm thân thương của thời học sinh thật đẹp. Hai chúng tôi thân nhau, và hiểu

nhau, có thể nói, hơn cả tình anh em ruột thịt. Nhờ nói chuyện với Tuyên, tôi mới có địa chỉ của Bạch Văn Đức ở California, Đàm Quang Kiên ở Minnesota. Mừng vui gọi cho nhau, biết bao kỷ niệm được nhắc lại. Kiên hứa thăm tôi dịp lễ Độc Lập Hoa Kỳ 4 tháng 7 này.

Thế là, sau 24 năm luân lạc theo chung số phận hăm hiu của đất nước, nhóm ngũ quý chúng tôi, tưởng như đã hoàn toàn thất lạc, đã có thể kết lại tình bằng hữu, bắt đầu từ mùa Thu năm 1954.

Bốn mươi lăm năm đã qua đi và mỗi người có một cuộc sống riêng, nhưng tình bằng hữu chân thật của tuổi học trò, sẽ mãi mãi được chúng tôi trân quý ...

(Tháng 4, 1999) - Lê Văn Ninh, CVA 1960, Texas.

\* \* \*

## *Ngại gì xa nhau*

ánh mắt  
trong vắt  
như thủy tinh  
đượm một chút tình  
rồi đây  
như mây  
trôi đi  
lòng vui biết mấy  
nào ngại gì  
nơi xa xa vậy .  
Vẫn biết  
luyện tiếc  
những ngày vui  
bên người  
thì  
nào ngại gì  
ta cứ đi  
ánh mắt  
    trong vắt  
    như thoáng tươi  
    đượm một chút cười  
Rồi những ngày xa nhau  
    cất dành trong góc hồn đau

*CVA Vũ Tiến, Milpitas, CA*  
26/12/97

\* \* \*

# NGƯỜI QUÂN TỬ

Tùy Bút

*Riêng tặng các bạn CVA Tam Nhị C 57-59 và để tưởng nhớ các bạn đã vĩnh viễn ra đi*

Đoàn Văn Khanh

---

Thật ra khi dùng ba chữ "người quân tử" cho đầu đề bài viết này, tôi hoàn toàn không có ý khảo luận về mẫu người lý tưởng của Nho giáo mà hàng ngàn năm qua đã ảnh hưởng sâu đậm trên đời sống tinh thần của ông cha ta, nhưng chỉ nhằm gợi lại một kỷ niệm về "người quân tử" như cái biệt danh do các bạn lớp Tam Nhị C Chu văn An niên khóa 57-59 đã dùng để gọi tôi. Dĩ nhiên là khi các bạn cùng lớp tặng cho tôi cái biệt danh này không phải vì tôi có những đức tính của một người quân tử; chẳng qua là do anh chàng Quát, ủy viên trật tự nhưng cũng là vua quậy của lớp, nhân một hôm thấy tôi đứng thộn mặt trước vị giáo sư Anh văn vì đến lượt phải thuyết trình cho buổi thảo luận định kỳ mà tôi vẫn không soạn được chữ nào để nói, cho nên đã ngẫu hứng gọi tôi bằng cái đề tài của bài thuyết trình mà tôi phải làm để trêu chọc, và cả lớp đã vui vẻ hòa theo để gọi tôi bằng cái tên này từ đó.

Năm tôi vào Đề nhị cấp cũng là năm có sự thay đổi trong chương trình giáo dục. Trung học đệ nhị cấp được phân làm 4 ban A, B, C và D. Ban A chuyên về Khoa học Tự nhiên, ban B chuyên về Toán, ban C và D chuyên về Văn nhưng ban C dạy sinh ngữ còn ban D học sinh phải học cổ ngữ. Tuy chia thành bốn ban nhưng ban D hầu như chỉ để dành cho mấy nhà tu có học La tinh hay Hán tự chứ thực tế ngoài đời chả ai học nên coi như chỉ còn ba. Học sinh bắt đầu lớp đệ tam (tức lớp 10) bắt buộc phải chọn một trong ba ban đó. Theo sự phân chia này thì ban A và B sẽ có nhiều ưu thế hơn sau này khi theo vào đại học còn ban C và D sẽ bị hạn chế trong một số ngành mà thôi. Do đó đa số học sinh đều chọn hoặc ban A hoặc ban B để rộng đường thăng tiến, còn ban C chỉ có trường công lập mới có một lớp cho đủ bộ với đời. Tôi đã tự nguyện chọn ban C là cái ban ế nhất vì các bậc phụ huynh của thế kỷ 20 chả còn ai muốn cho con cháu mình theo đuổi cái nghiệp "dài lưng tốn vải, ăn no lại nằm", mà chỉ mơ ước con cháu mình phải là kỹ sư hay bác sĩ.

Thật tình mà nói, mặc dù văn chẳng giỏi gì, còn tiếng Anh và tiếng Pháp thì vốn là học sinh vùng kháng chiến trở về tất nhiên nói đến hai môn này kể như là phải ăn đong đến toát mồ hôi. Tuy thế tôi vẫn chọn ban C chỉ vì cảm thấy mình không thích phải học gạo những bài vụn vặt khô khan hay tối ngày lo vật lộn với những phương trình và con số trừu tượng của môn toán. Chỉ có ban C mới để cho mình yên tâm thả hồn mơ mộng vào những áng văn chương. Phải rồi! Học văn chương thì tha hồ đọc thơ xem truyện, nhưng còn cái chuyện phải viết khảo luận hay thuyết trình văn học nhất là bằng ngoại ngữ thì lại là một vấn đề tôi không nghĩ tới khi chọn ban này.

Vào thời ấy, nền giáo dục tại Miền Nam hãy còn trong giai đoạn chuyển tiếp từ hệ thống giáo dục thuộc địa cũ qua một nền giáo dục quốc gia độc lập nên học sinh trung học chương trình Việt còn phải học cả hai sinh ngữ Pháp và Anh song song. Do ảnh hưởng của văn hoá Pháp còn mạnh nên Anh văn vẫn còn được coi là sinh ngữ phụ, và được giảng dạy theo bộ sách giáo khoa *Anglais vivant* của chương trình Pháp, do đó còn mang nặng tính cách từ chương. Vị giáo sư Anh văn bấy giờ là cụ Lộc, có lẽ tuy dạy văn hóa nước người nhưng vẫn thiết tha với văn hóa cội nguồn nên khi căn cứ vào các bài học trong sách để chọn ra một số đề tài cho học sinh làm bài thảo luận hàng tháng, đến bài nói về gentleman của người Anh, cụ đã cao hứng ra cái đề tài thảo luận là so sánh người gentleman của Anh với người quân tử ở Đông phương. Không hiểu số con rệp dun dũi sao đó mà khi nhắm vào một số học sinh được coi là khá trong lớp để phân phát các đề tài thuyết trình, tôi cũng được cụ Lộc để mắt tới và được cụ chỉ định cho soạn cái đề tài so sánh hai mẫu người quân tử một Tây một Tàu này. Thế là nỗi lo lắng bắt đầu ám ảnh tôi từ đó.

Nếu phải thuyết trình một đề tài có tính cách thông thường của cuộc sống như các bài học khác thì cũng được đi, cứ dựa theo bài học mà cà kê đề ngỗng cũng xong. Đằng này cái đề tài quái ác lại liên quan đến lãnh vực tư tưởng Đông phương với những từ ngữ diễn tả các ý tưởng triết học tôi chưa hề được học và mặc dù đã

cố công tìm hết mấy quyển tự điển Việt-Anh để tra cứu cũng không hề có. Tôi theo học văn chương để thả hồn vào những cảm tình lãng mạn chứ đâu phải để suy luận triết lý xa vời.

Tôi cũng không hiểu tại sao lúc ấy tôi lại không chịu trình bày những trở ngại ấy cho giáo sư biết để được hướng dẫn hay tỏ lộ nỗi khó khăn và lo lắng cho bạn bè để được giúp đỡ mà cứ âm thầm ôm lấy một mình và tự xoay sở. Suốt mấy tuần ăn không ngon ngủ không yên vì không đào đâu ra chữ, tôi đành quay về nguồn theo cách của mình. Không thể thuyết lý về quân tử Tây và quân tử Tàu thì thôi đành học theo cách của người quân tử ta là "đến hẹn lại khát" cho đến hôm tôi không còn khát vào đâu được nữa đành đứng trân người áp a áp úng lúng búng trong miệng như một anh chàng quân tử cổ cùng làm cho cả lớp cười ồ và thân ái tặng cho cái biệt danh này.

Dĩ nhiên là lúc bấy giờ tôi không hài lòng với cái biệt danh này tí nào vì hình như nó chỉ gọi lên cho tôi cái cảm nghĩ của một sự thua kém và thất bại. Người quân tử là tôi đó không phải một con người tiêu biểu cho mẫu người lý tưởng với những đức tính cao quý mà chỉ là một liên tưởng của "người quân tử ăn chẳng cầu no" hoặc là "quân tử nói đi nói lại" vẫn thường được xem như là hai hình ảnh trào lộng của một người chật vật về kinh tế hay quẫn bách về tinh thần.

Tuổi học trò bao giờ cũng thích những trò tiêu khiển, thường là vui chơi chứ không phải do ác ý. Cái đáng người gầy gò như một biểu tượng còn sót lại của nạn đói năm Ất Dậu và thái độ dè dặt của tôi từ những ngày đầu mới gia nhập gia đình Chu Văn An hình như cũng đã được các bạn cùng lớp chú ý, và với bản tính vui nhộn của những tâm hồn học trò vô tư, có lẽ mỗi người cũng muốn gọi tôi bằng một cái tên nào đó nhưng chưa tìm ra thì chợt cái tên "người quân tử" đến một cách ngẫu nhiên, nhưng lại hợp tình hợp cảnh một cách rất lý thú này đã đánh đúng tâm ý của mọi người nên cả lớp đã nhanh chóng chấp nhận một cách thoải mái.

Vốn trải qua suốt một thời niên thiếu ở vùng kháng chiến, đời học sinh của tôi là một chuỗi dài của những sự chấp vạ. Hoàn cảnh chiến tranh và cuộc sống khó khăn của người dân tản cư khiến cho việc học hành của tôi cũng thật là long đong vất vả. Nào là nay theo học trường này, vài tháng sau qua học một trường khác; nào là trường sở bị phá hoại theo chính sách tiêu thổ kháng chiến nên lớp học nhiều khi chỉ là chái nhà dân hay một cái chòi lá đơn sơ ẩn trong vườn cây rậm rạp; nào là nạn lo sợ máy bay Pháp oanh kích khiến cho lớp học nhiều lúc phải tổ chức về ban đêm. Chính sách giáo dục thì thay đổi thường xuyên theo đà biến chuyển của tình hình chính trị trên thế giới và chính sách thể hiện lập trường vô sản chuyên chính của nhà cầm quyền. Rồi vì hoàn cảnh gia đình khiến cho việc học bị gián đoạn. Chính vì thế mà từ ngày trở về thành, được đi học lại, tôi vẫn không tránh khỏi mặc cảm với học sinh ở thành, nhất là các học sinh chương trình Pháp hay các trường công lập.

Qua hai năm ở Huế làm học sinh một tư thực mới mở còn thừa thớt học sinh rồi đổi qua làm học sinh nội trú của tư thực Pellerin một thời nổi tiếng nhưng hiện tại đang lu mờ dần vì không còn được hâm mộ như Lycée Francais hay Providence về chương trình Pháp hoặc Quốc học về chương trình Việt, sau đó lại theo thân nhân rời bỏ thành phố trầm lặng này về Sài Gòn và được cho vào chen chúc trong một lớp học thật xô bồ của tư thực Tân Thanh vài tháng, tôi thấy mình chẳng có một truyền thống nào để tự hào. Cái mặc cảm này tưởng chừng chấm dứt khi tôi cảm thấy chút hãnh diện gắn lên túi áo sơ mi của mình cái phù hiệu trường Chu Văn An với ngọn lửa hồng nhưng hình như bây giờ đang trở lại trong tôi.

Phải nói là sau khi đậu được bằng Trung học Đệ Nhất cấp với hạng Bình Thứ, một điều kiện vừa đủ cho phép mình bước vào cánh cửa Trung học công lập mà khỏi phải lo lắng qua kỳ thi tuyển, tôi đã rất tự tin vác đơn chạy tới hai trường công lập nam sinh lớn nhất Sài Gòn là Pétrus Ký và Chu Văn An.

Kể về danh tiếng thì có lẽ giữa hai trường này không hẳn trường nào chịu nhún nhường nhưng kể về cơ sở thì trường Pétrus Ký ăn đứt vì là trường sở tại được thiết lập khang trang từ xưa trong khi trường Chu Văn An chỉ có cái tên. Do sự qua phân đất nước sau Hiệp định đình chiến Genève 54, một số dân miền Bắc đã phải "bỏ của chạy lấy người" vào Nam tị nạn Cộng sản. Trường Chu Văn An vì thế mà cũng được di chuyển từ Bắc vào Nam cùng với phong trào di cư, nhưng dĩ nhiên là chỉ có người mà không có cơ sở vật chất cho nên đã phải mượn tạm một toà nhà ký túc xá của trường Petrus ký để tạm sửa sang biến cải thành lớp học. Thành



phần giáo sư cũng như học sinh vào thời bấy giờ hầu hết đều là Bắc di cư, còn mang nặng trong mình những sắc thái rất "Bắc kỳ".

Tuy không sinh trưởng ở đất Bắc nhưng vốn cũng có chút gốc gác xa xôi với vùng đất ngàn năm văn vật của đất nước và nhất là do cảm tình mơ mộng kể từ ngày bắt đầu biết đọc sách báo và qua những tác phẩm của nhóm Tự Lực Văn đoàn, tôi thấy mình đắm ra mền yêu xứ Bắc kỳ, miền đất tổ của tôi mà tôi chưa biết đến bao giờ. Chính vì thế mà tôi đã dứt khoát nộp đơn vào trường Chu văn An dù thấy rằng so về cơ sở trường ốc thì Chu văn An quả là quá thiếu thốn, và nếu nói về quen thuộc thì tôi cũng chưa hề có bạn bè nào ở đây, chẳng qua chỉ vì trong thâm tâm tôi hình như đang muốn đi tìm chút vang bóng của Hà nội băm sáu phố phường qua những con người học sinh đất Bắc di cư.

Không biết thật tình tôi có tìm được chút hương vị nào của mùa thu Hà nội giữa một Chu văn An tạm cư trong khuôn viên Pétrus Ký với mưa nắng hai mùa của Sài gòn như nhà thơ Nguyễn Sa (đồng thời cũng là một giáo sư của trường) khi sáng tác bài thơ "Ao Lụa Hà Đông", nhưng khi trở thành một học sinh Chu văn An chính thức rồi, tôi mới thấy mình đã lạc vào giữa một đám "nhất qui nhì ma thứ ba học trò" của xứ Bắc kỳ rất có hạng. Là học sinh ban C và năm đệ tam cũng được coi như là một năm xả hơi của chặng đường 12 năm đèn sách nên các bạn cùng lớp của tôi tha hồ vui nhộn, nhất là các bạn được mệnh danh là xóm nhà lá. Lại nữa, hầu hết họ đều là Bắc di cư và nếu không phải từ lớp dưới lên thì cũng từ các trường đệ nhất cấp công lập Nguyễn Trãi hay Trần Lục chuyển đến, do đó họ đều giữ được cái không khí người một nhà nên nói năng cũng rất là mạnh bạo. Cũng có một số nhỏ học sinh người Nam có lẽ do thích tìm không khí lạ nên xin vào Chu văn An, nhưng dù sao thì họ cũng có cái gốc đây là miền đất của họ. Chỉ có tôi không hẳn thuộc về Bắc mà cũng chẳng phải Nam kỳ, lại mang nặng trong tâm tư những kỷ niệm buồn của những ngày tháng sống ở vùng "đất cày lên sỏi đá", thành thử cứ như một cái gì lơ lửng. Sự kiện thiếu chỗ bám này đã khiến tôi không hội nhập được một cách trọn vẹn nên khi gặp khó khăn, tôi đã không mạnh dạn tìm đến thầy hoặc bạn để thổ lộ nhờ giúp đỡ, do đó mới có cảnh đứng chết trân để nhận lãnh trận cười trêu chọc của bạn bè.

Nhiều lúc nhìn lại quãng đời học sinh của mình tôi không khỏi ngạc nhiên thấy mình đã lập được một kỷ lục lạ đời trong sự học vấn. Chương trình giáo dục phổ thông thường ở bất cứ nước nào trên thế giới cũng được chia ra làm 2 bậc tiểu học và trung học với một thời gian kéo dài trong 12 năm. Trong khoảng thời gian đó, một học sinh bình thường có thể chỉ học tại một trường duy nhất, hoặc chỉ chuyển qua hai hoặc ba trường mỗi khi người học sinh lên cấp và tuân theo một truyền thống giáo dục nhất định. Riêng tôi để hoàn tất 12 lớp phổ thông, tôi đã từng theo học tất cả 15 trường, lớn có, nhỏ có, danh tiếng có và không tên tuổi cũng có. Có trường chỉ vài tháng và trường nào lâu nhất là 2 năm, ấy là chưa kể trong 15 trường đó tôi đã tiếp thu nhiều nền giáo dục khác nhau theo với sự biến chuyển của tình hình đất nước và môi trường sống của gia đình, với nhiều chương trình giáo dục thay đổi như chong chóng, nhiều khi mâu thuẫn nhau và đối kháng nhau. Có lẽ cái kinh nghiệm nổi trôi này đã khiến tôi đôi lúc trở nên hồ hững với những cái gì đang là hiện tại để rồi khi trở thành quá khứ thì lại đắm ra tiếc nhớ, nhất là khi quá khứ ấy có một cái gì đó để lại trong tâm hồn mình một dấu ấn sâu sắc.

Trong đời mỗi người chúng ta không ít thì nhiều cũng mang một vài cái biệt danh nào đó và những cái biệt danh bao giờ cũng có xuất xứ và gắn liền với ít nhiều kỷ niệm. "Người quân tử" là cái đỉnh mốc tôi vào với bạn bè Chu Văn An. Lẽ ra tôi có thể cùng đi hết đoạn đường 3 năm của bậc đệ nhị cấp tại trường và có thêm nhiều kỷ niệm vui buồn với bạn bè hơn nữa, nhưng như tôi đã nói, vốn số long đong và con đường học vấn hay bị đứt đoạn nên cuối năm đệ nhị tôi lại nghỉ học và giã từ các bạn Chu Văn An từ đây.

Nhớ lại ngày tháng cũ, kể ra ngoài một số bạn lém lỉnh và có tài chọc phá khiến tôi phải nể, cũng có những bạn rất chăm chỉ và chững chạc rất được tôi cảm mến. Trong số này phải kể anh bạn trưởng lớp và cao nhất lớp thường được mọi người gọi là Lưu tiên sinh, một người bạn mà ngay từ thuở ấy trông đã rất đạo mạo, và chính anh ta cũng là người giúp tôi rất nhiều sau này trong việc tìm lại niềm tự tin để vượt qua hai cửa ải Tú tài và tiến vào đại học. Nhưng nói chung thì dù quậy phá hay chăm chỉ, tất cả các bạn bè Chu Văn An của tôi cũng đã sống rất chân tình với nhau và cùng chung một niềm tự hào về trường của mình.

Hơn bốn thập niên đã trôi qua kể từ ngày giã từ mái trường và mỗi người mỗi ngã mang theo mình một hoàn cảnh riêng, các bạn bè của tôi bây giờ cũng đang đi vào giai đoạn cuối của đời người nếu không nói là có

một vài bạn đã ra đi, có bạn rất sớm như bạn Diệm và có bạn mới đây như bạn Điều. Trong suốt thời gian dài đó, đôi khi tôi có gặp lại một vài bạn và họ đã gọi tôi bằng cái biệt danh "người quân tử" như một biểu lộ tình thân ái cũ, nhưng cũng có nhiều người tôi chưa một lần gặp lại. Tuy nhiên cái biệt danh "người quân tử" thì có lẽ vẫn còn trong ký ức của mỗi người.

Nếu điều đáng quý trong cuộc đời là có một chút gì để nhớ thì cái biệt danh này quả là đáng quý. Ngày ấy tôi không mấy hài lòng với cái biệt danh này thì trái lại bây giờ tôi lại thấy cái biệt danh này cũng là một cái kỷ niệm đẹp đáng gìn giữ như ngọn lửa hồng Chu Văn An vì nhờ nó mà tôi luôn nhớ về các bạn cũng như các bạn không đến nỗi quên tôi.

Houston tháng 9, 1999

Đoàn Văn Khanh, CVA 1959, Texas.

\* \* \*

## **ÔNG ĐỒ**

( Vũ Đình Liên )

**Mỗi năm hoa đào nở**

**Lại thấy ông đồ già**

**Bày mực tàu giấy đỏ**

**Bên phố đông người qua.**

**Bao nhiêu người thuê viết**

**Tấm tắc ngợi khen tài**

**" Hoa tay thảo những nét**

**Như phượng múa rồng bay ".**

**Nhưng mỗi năm một vắng**

**Người thuê viết nay đâu?**

**Giấy đỏ buồn không thấm**

**Mực đọng trong nghiên sâu...**

**Ông đồ vẫn ngồi đây**

**Qua đường, không ai hay**

**Lá vàng rơi trên giấy**

**Ngoài trời mưa bụi bay.**

**Năm nay đào lại nở**



**Không thấy ông đồ xưa**

**Những người muôn năm cũ**

**Hồn ở đâu bây giờ?**

**\*\*\***

Bản dịch qua Anh Ngữ của CVA Kim Vũ.

**THE CONFUCIAN SCHOLAR**

**( Vũ Đình Liên )**

**Each year, at the time of cherry blossoms**

**An old Confucian scholar comes**

**Displaying his China ink and some red sheets**

**On the pavement of a busy street.**

**People pay him to write scrolls for Tet**

**Admiring his deft fingers**

**"Your calligraphic characters**

**Are like flying dragons and soaring phoenixes."**

**But as the years passed**

**Fewer people came to ask**

**His red paper seemed pale and sad**

**And his ink in the plate settled to dry...**

**The old scholar still quietly sat there by the wayside**

**To the indifference of passers-by**

**Dead leaves fell on his sheets**

**And a drizzle covered the sky.**

**This year is the time for the cherry blossoms once more**

**But the old Confucian scholar is no more**

**The spirits of a thousand years past**

**Where are they now, I wonder.**

# Xin Đừng Để Mất Chính Chúng Ta

Hoàng Cơ Định

Trong hơn hai thập niên tỵ nạn tại nước ngoài, những ai quan tâm tới truyền thống dân tộc ắt phải vui mừng khi thấy xuất hiện những tác phẩm Việt ngữ, những lớp dạy tiếng Việt, những buổi sinh hoạt văn nghệ trong cộng đồng, nói lên sức sống của nền văn hoá Việt dẫu trong hoàn cảnh xa quê hương. Tuy nhiên, trong đời sống hàng ngày, cũng có những chi tiết chúng ta cần quan tâm và đối phó để bảo vệ cho truyền thống của dân tộc không bị soi mòn... Những điểm chúng tôi xin trình bày ra đây, thường được coi là những chi tiết nhỏ, nhưng nếu vì cho là nhỏ mà không tìm cách ngăn chặn thì dần dà tác dụng cũng sẽ rất lớn, và chúng ta sẽ lâm vào cảnh tự để mất chính chúng ta mà không hay biết !

Bắt đầu từ cái tên của mỗi người. Vì sống tại Mỹ, để thuận tiện cho vấn đề hành chánh và giao tiếp với người địa phương, chúng ta thường có nhu cầu phải sửa đổi đi chút đỉnh lối viết tên của chúng ta bằng cách để tên trước, họ sau và không ghi dấu (còn gọi là không bỏ dấu). Tuy nhiên khi giao tiếp giữa người Việt với nhau bằng tiếng Việt Nam, chúng ta không thể tự gọi mình hay gọi người thân quen một cách ngây ngô theo kiểu tên trước họ sau. Thứ ngôn ngữ này chẳng phải là do nhu cầu hay thuận tiện mà chỉ do sự thờ ơ, vì thói quen nơi hãng xưởng làm việc, khi trở lại môi trường người Việt, đánh mất dần chính mình mà không hay. Lịch sử Việt Nam làm gì có những ông Lợi Lê, Huệ Nguyễn, Trãi Nguyễn và văn học nước ta cũng chẳng có những thi sĩ Du Nguyễn, Điềm Đoàn hay nhạc sĩ Duy Phạm ... Vậy mà tôi đã chứng kiến những trường hợp người ta đặt bút trình trọng viết trong các cuốn sổ lưu niệm vào các dịp hiếu hỉ những dòng tên lai căng của mình mà không biết. Có lẽ cũng có người thấy chướng nhưng vì không ai đặt thành vấn đề nên mới có hiện tượng đáng tiếc đó.

Đối với những thế hệ thứ nhì, thứ ba, nhiều người trong chúng ta thường mong ước là làm sao duy trì được sự liên hệ giữa cha mẹ và các con theo kiểu "Gia Đình Việt Nam", mà sau hơn 20 năm rời xa đất nước, ai cũng phải công nhận đó là một di sản quý báu. Một trong những nền móng của liên hệ này chính là lối xưng hô, là tên gọi của đứa trẻ trong mỗi gia đình. Con em chúng ta lớn lên hay sinh ra trên đất Mỹ, hay ở ngoại quốc nói chung, có một tên Mỹ hay ngoại quốc là điều tiện dụng và bình thường. Tuy nhiên, khi về sống trong gia đình, nếu các cháu có một tên gọi thuần túy Việt Nam thì cũng chẳng có gì là trở ngại. Ngay khi còn ở trong nước, một đứa trẻ có tên gọi riêng ở nhà là chuyện phổ thông. Rồi tới khi khôn lớn, ngay cả những tên nôm na nhất như Cu Tèo, Bé Tí vẫn còn tiếp tục được dùng mỗi khi có cơ hội, như một hình thức gợi nhớ lại những kỷ niệm êm đềm của thửa ấu thơ. Như vậy, mỗi trẻ em Việt Nam lớn lên tại ngoại quốc nên có một tên thuần túy Việt Nam để gọi ở nhà, dùng trong gia đình, chuyện này đâu có gì là khó khăn, phức tạp? Bao nhiêu năm sinh sống tại nước ngoài, chúng ta thừa biết rằng tuổi trẻ Việt Nam dư khả năng thăng tiến trong môi trường bản xứ, chúng ta không lo con em chúng ta không rành rẽ tiếng Anh, tiếng Pháp, mà chỉ lo chúng mất đi bản sắc Việt Nam, mất đi khả năng trò chuyện và sống hoà hợp với Cha Mẹ, Ông Bà và họ hàng thân quen. Trong hoàn cảnh sống tại ngoại quốc, cái tên thuần túy Việt Nam chính là mối dây tinh thần nối kết một đứa trẻ với nguồn gốc và dòng tộc của nó. Tất nhiên, nếu chỉ bám víu vào một cái tên gọi không thôi thì chắc chắn không đủ, nhưng ít ra, đó là điểm khởi đầu cần thiết.

Xét như vậy, ta thấy tên gọi của mỗi người quan trọng biết là chừng nào. Tuy nhiên nếu tên có hay mà gọi trật, phát âm sai thì cũng hỏng. Từ chuyện tự gọi ngược tên mình, chúng ta cũng chứng kiến thấy hiện tượng bất thường và tai hại là bắt chước Mỹ nói ngọng lúc phát âm các tên Việt Nam. Khi chúng ta nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt, nếu có đề cập tới những nhân vật ngoại

quốc, chúng ta đều cố gắng phát âm tên của họ theo đúng âm Mỹ

hay Pháp tùy theo họ là người Mỹ hay Pháp, và thấy rằng đó là điều hợp lý, tự nhiên. Nhưng, trong lúc đối thoại với người ngoại quốc, đặc biệt là khi nói với một đám đông gồm cả người Việt lẫn người Mỹ, khi đọc các tên Việt Nam, nhiều người có xu hướng phát âm các tên đó một cách lơ lớ theo kiểu người ngoại quốc không biết nói tiếng Việt. Tôi không rõ đó là do mặc cảm tự ti, không dám phát âm đúng theo kiểu Việt Nam, dẫu để gọi các tên thuần túy Việt Nam, hay đó là một thái độ nuông chiều người nghe, như những bà Mẹ nói ngọt theo con để nựng bé... Theo tôi, cả hai trường hợp đều không đúng. Nếu chúng ta là người Việt Nam, mà không dạy người ngoại quốc phát âm tiếng Việt cho đúng, thì ai sẽ làm công việc này ? Tôi chắc chắn sự kiện chúng ta phát âm tiếng Việt lơ lớ sẽ không giúp cho người ngoại quốc dễ nghe và dễ nhớ hơn. Ngược lại, không phải chỉ có chúng ta cần phát âm cho đúng khi đọc một tên tiếng Việt, mà chính người bạn ngoại quốc của chúng ta, họ cũng muốn biết cái tên Việt Nam đó thật sự đọc như thế nào mới là đúng.

Sẵn đang đề cập tới các buổi gặp mặt có sự hiện diện của người Mỹ, chúng tôi cũng xin nêu lên một chuyện, tuy không trực tiếp khiến chúng ta "đề mất chính mình", nhưng cũng làm thương tổn tới bản chất và tinh tự Việt Nam, đó là chuyện hát Quốc Ca xứ người trong các buổi hội họp.

Sống trên đất Mỹ, tôn trọng lá cờ và bản Quốc Ca Hoa Kỳ là một chuyện đương nhiên phải có. Tuy nhiên người Mỹ và người Việt Nam có tập tục khác nhau trong vấn đề hát Quốc Ca, người Mỹ chỉ hát Quốc Ca trong một số dịp đặc biệt, một người đơn ca và các người khác lắng nghe. Về phía người Việt, chúng ta hát Quốc Ca trong nhiều trường hợp hơn là người Mỹ và chúng ta cùng hát với nhau. Trong hoàn cảnh sống tại ngoại quốc, mỗi khi đồng ca bản Quốc Thiều, thì đó cũng còn là cơ hội mang chúng ta lại gần nhau và gần với quê hương hơn. Vì vậy, không nên vì lý do tôn trọng "Chủ Nhà", mà biến chuyện hát Quốc Ca Mỹ trước, Quốc Ca Việt sau thành một thông lệ.

Tôi đã tham dự một số buổi hội ngộ của những người đồng hương, của những cựu học sinh cùng trường từ Việt Nam qua đây, và cả những buổi ra mắt sách ra mắt thơ, tìm trong khắp cử tọa không ra được một ông Mỹ, thế mà trong khung cảnh Việt Nam thuần túy đó cũng phải đứng nghiêm chỉnh nghe một chị người Việt hú lên bài "Ô - Ô - Sê", thật là lạc lõng và xúc phạm cho... bản Quốc Ca Hoa Kỳ, xúc phạm vì nó làm bài hát này trở nên vô duyên. Tôi mong cộng đồng chúng ta nên bỏ đi quan niệm về xã giao trong việc hát Quốc Ca. Từ nay, trong các dịp hội họp có tính cách kỷ niệm hay truyền thống của chúng ta, chúng ta chỉ đồng ca bản Quốc Thiều Tiếng Gọi Công Dân để thắt chặt tình đồng hương, để duy trì bản sắc của mình. Đừng ngại sẽ có những người bạn Mỹ trách cứ chúng ta, nếu họ thật sự là bạn và họ thật sự là người Mỹ, thì họ sẽ thông cảm, tôn trọng và không đòi hỏi chúng ta phải làm theo ý họ.

Trở lại với vấn đề bản sắc Việt Nam và văn hoá dân tộc. Người Việt chúng ta thường tự hào về nền văn hoá của mình. Vậy thì đối với chúng ta, thiếu văn hoá là một hiện tượng phản lại với dân tộc tính. Trong văn hoá, ngôn ngữ là một yếu tố rất quan trọng, mà trong lãnh vực này chúng ta sẽ cần phải nhắc nhở nhau vì có một khuyết điểm khá phổ thông nơi người Việt khi tiếp cận với một ngôn ngữ khác. Bình thường, trong vấn đề xưng hô, tiếng Việt của chúng ta rất chính xác và văn hiến, chúng ta có những từ ngữ lịch sự và tương kính đề xưng hô với nhau. Nhưng khi cần dịch một ngoại ngữ ra tiếng Việt, nhất là những câu đối thoại, thì nhiều người có thói quen dùng những chữ thô lỗ như "mày" "tao", "thằng này", "con kia" một cách rất tự nhiên (!?)

Tôi đã được nghe một người Việt lớn tuổi và đạo mạo kể lại chuyện ông ta trao đổi với một nữ nhân viên tại một bệnh viện như sau:

"Con y tá Mỹ trắng đo áp huyết cho tôi có dặn là ở tuổi mày áp huyết như thế này là bình thường nhưng cũng nên bớt ăn mặn".

Thật là lạ, ngôn ngữ Việt Nam có chữ "bà y tá" hay "cô y tá" rất phổ thông và lịch sự sao không dùng ? Và khi trao đổi với nhau, cũng không bao giờ một người đứng tuổi lại bị gọi là "mày" cả. Trong một trường hợp khác, một ông bạn của tôi, cũng là người đảng hoàng tử tế, nghe giùm điện thoại trong khi tôi mắc bận, cho biết:

"Có một thằng Mỹ gọi anh, nó nói nó sẽ gọi lại"

Nhìn tên người gọi điện thoại, hoá ra đó là vị giáo sư của con tôi.

Hình như trong chúng ta vẫn còn nhiều người mang mặc cảm của dân bị trị, nên đối với người nước ngoài, để đi từ thái cực này qua

thái cực kia, và hậu quả là thái độ vừa khinh thường người khác lẫn khinh thường chính mình. Một dân tộc văn hiến không thể nào có cung cách như vậy. Thường khi phải cố gắng bắt chước ai để trở nên tốt hơn vẫn là chuyện khó làm, chúng ta có cái may mắn là có thể trở thành người tốt chỉ bằng cách gìn giữ bản chất của chính mình. Đó cũng là cái diễm phúc do tổ tiên để lại, tại sao chúng ta lại để mất đi.

Đến đây, tôi nhớ tới một bài học lịch sử khi còn ở ghế nhà trường, về thái độ trân quý những gì thuộc về bản sắc dân tộc của tổ tiên chúng ta qua lời nói khẳng khái của ông Lê Quýnh.

Cách đây hai thế kỷ, khi Thanh Triều từ chối chi viện cho vua quan nhà Lê và chiêu dụ Vua Lê và các vị trung thần theo phò nhà vua là hãy gọt tóc và thay đổi y phục để sống hoà nhập với người

bản xứ, Lê Quýnh đã trả lời: "Đầu có thể chặt được nhưng tóc thì không thể cắt; da có thể lột được nhưng áo thì không thể thay"... Như vậy đủ thấy Tổ Tiên của chúng ta coi nặng bản sắc dân tộc biết chừng nào. Đó là lý do giúp dân tộc ta trường tồn biết bao thế kỷ qua, dầu sống ngay cạnh khối dân Trung Hoa to lớn.

Nay, do vận nước, chúng ta đã bị Việt cộng đẩy ra khỏi quê hương

Việt Nam, nhưng bản chất Việt Nam thì chẳng ai lấy được của chúng ta. Chỉ có chúng ta vì vô tâm hay vô tình nên tự đánh mất mà thôi.

Hoàng Cơ Định, CVA 1959, San Jose, CA

\* \* \*

## Gặp Bạn Cũ

Vũ Văn Vĩnh

"Dù áo thư sinh có bạc màu

Cuối đời lưu lạc vẫn tìm nhau" \*

Bạn bè hăm mấy năm ta xa cách

Gặp lại còn ngỡ chẳng thật đâu !

Đôi thay dù chín biển mười dâu

Thằng bạn năm xưa đã hỏi đầu

Vẫn cười ha hả như ngày trước

Tao tóc bạc rồi xanh mãi đâu

Tất cả mà ời qua rất qua mau

Bạc tiền, danh vọng với sang giàu

Cuối đời trắng tóc xem hình cũ

Nhoẽn miệng mỉm cười ta có nhau

V3 Vũ Văn Vĩnh, CVA 1973, Canada

\* Thơ N.N.P.

\* \* \*

# ĐÒI VỢ LÊN NĂM

Đình Phương

Lên đệ nhất, tôi được xếp vào lớp B7, ở lầu 2. Lúc này trường Chu Văn An vẫn còn là ngôi nhà ba tầng mượn của trường Petrus Ký. Lung trường hướng về phía đường Nguyễn Hoàng, hông bên trái hướng vào lung trường Petrus Ký, tức là về phía đường Cộng Hòa, hông bên phải về phía đường Trần Bình Trọng. Mặt trước của trường là một khoảnh đất trống lớn dùng làm sân trường, kế tiếp là một sân đá banh, tới nữa là đường Thành Thái. Học sinh tới trường bằng hai ngã, từ đường Thành Thái hoặc đường Nguyễn Hoàng rẽ vào đường Trần Bình Trọng rồi vào trường. Nhà tôi ở đường Phạm Ngũ Lão, ngay đây tòa nhà báo nên tôi đạp xe đạp trên đường Phạm Ngũ Lão, qua khỏi chợ Thái Bình, rẽ trái vào đường Nguyễn Trãi, tới đường Cộng Hòa, rẽ phải, tới ngã ba đường Thành Thái, rẽ trái, tới đường Trần Bình Trọng, rẽ phải, chạy độ vài trăm thước là tới trường. Niên học này có cả thầy 14 lớp đệ nhất, bảy lớp B, năm lớp A, một lớp C và một lớp D. Các lớp B1, B2, B3 ở trên lầu 3, các lớp B4, B5, B6, và B7 ở lầu thứ 2, tầng trệt dành cho Văn Phòng, và các lớp A và C, còn lớp đệ nhất D là một căn nhà trệt nhỏ riêng nằm kế sát hông phía trái của nhà ba tầng này.

Các thầy dạy lớp tôi gồm có: Thầy Trần Đình Ý, Pháp văn, thầy luôn mặc complet màu xám xanh nhạt, đi xe đạp nhôm bóng loáng, Thầy Nguyễn Văn Nguyên, Anh Văn, thầy hơi lớn tuổi và yếu. (Thầy đã mất ngay năm sau của niên khóa này), Thầy Đàm Xuân Thiệu, Sử Địa, sau này thầy làm Giám Đốc Nha Trung Học, Thầy Trương Đình Ngũ, Lý Hóa, Thầy Nguyễn Đăng Đại, Toán Hình Học và Đại Số, Thầy Nguyễn Văn Hiệp, Toán Số Học, Cơ Học và Thiên Văn, và một thầy rất trẻ, đẹp trai, dễ thương, dạy Vạn Vật, tôi không nhớ được tên. Còn Thầy Đặng Vũ Biên là Giám thị của bốn lớp ở lầu 2. Học sinh trong lớp tôi khoảng hơn 50. Tôi còn nhớ tên một số các bạn như Nguyễn Bảo Anh, Trương Bách, Phạm Ngọc Bích, Nguyễn Bình, Nguyễn Đình Duật, Nguyễn Kim Đễ, Trần Bá Hải, Chu Bá Học, Nguyễn Đình Hùng, Nguyễn Trường Kỳ, Nguyễn Văn Linh, Đoàn La, Hà Đức Long, Trần Văn Minh, Nguyễn Ngọc San, Đình Văn Tâm, Vũ Nam Tân, Phạm Kiều Tùng, Uông Đình Thịnh, Nguyễn Phúc Quỳnh Thuyên, Lâm Hữu Trãi, Khôi, Tựu, Tuấn, v.v...

Đầu niên học tôi ngồi dãy giữa, bàn thứ ba, chung với Nguyễn Kim Đễ, Trần Văn Minh và Vũ Nam Tân. Đễ to lớn, da nâu đen xạm, tướng tá cụ trâu rất ngẫu, nhưng chữ viết lại nhỏ đều đặn và rất đẹp, Đễ có lần bảo tôi "mày nhỏ bé, thằng nào ăn hiệp mày, mày bảo tao" khiến tôi thật cảm kích và mát lòng. Mấy tháng sau tôi cũng bị cận, không nhìn rõ bảng, nên được chuyển lên bàn thứ nhất ngồi chung với Chu Bá Học, Nguyễn Ngọc San và Lâm Hữu Trãi. Trong lớp cũng có nhiều người giỏi, nhưng nổi danh trong trường lại là những học sinh của các lớp khác như Dương Hồng Quân, Nguyễn Trọng Thức, lớp B1, Đặng Xuân Hồng, Phạm Quang Huyền, Đình Đức Mậu, lớp B6, v.v... Tuy nhiên cuối năm thi thi ban B, chẳng một Chu Văn An nào đỗ Bình, chỉ có Bình Thứ thôi. Một học sinh đỗ Bình thủ khoa là của trường Petrus Ký. Tú Tài 2 như vậy, nhưng Tú Tài 1 khá hơn. Toàn Hội Đồng ban B có 4 học sinh đỗ hạng Bình mà Chu Văn An chiếm được 2 là Trần Đình Tường và Nguyễn Thế Hưng. Song le thủ khoa lại thuộc người hạng Bình thứ 3 là một nữ sinh tên Lê Quỳnh Anh, học trường nào, tôi không rõ.



Phần tôi năm đó cũng thuộc loại giỏi, nhưng giỏi ngầm mà không ai biết. Đó là giỏi nhẩy đầm. Lúc còn ngồi bàn thứ ba, tôi chơi thân với Vũ Nam Tân, Tân tuy có da có thịt và rắn chắc, nhưng cũng thuộc loại nhỏ bé và cận thị nặng, 5,6 độ gì đó, lưng còn hơi bị gù. Khi đổi lên bàn thứ nhất thì tôi lại thân với Chu Bá Học. Anh này con nhà giàu, có nhiều sách, hơi phải cái tội cà lăm. Học thường cho tôi mượn sách toán để luyện thêm như " Une Réunion De Professeur ". Lâm hữu Trãi thì cao lớn hơn tôi cả cái đầu, da trắng hơn con gái, nghiêm nghị, trịnh trọng và chăm học vô cùng, sách vở lúc nào cũng thơm mát sạch sẽ và không bao giờ sơ sót bài tập thầy cho. Ấy cũng vì gương mẫu như vậy mà lại ngồi bên cạnh tôi nên một lần bị tôi làm cho toát mồ hôi hột.

Số là hôm đó giờ số học của thầy Nguyễn Văn Hiệp, thầy còn trẻ, học giỏi, nhưng giảng dở lắm. Tôi chán nên chẳng lúc nào chú tâm nghe thầy giảng cả mà có nghe tôi cũng không hiểu nên dốt môn của thầy lắm. Thầy cho bài tập về nhà làm, tôi có nhớ gì đâu. Đầu giờ thầy giờ số gọi khảo bài tập. Tổ trác lại gọi trúng tên tôi đầu tiên, hốt hoảng, tôi giật ngay vở của Trãi đang mở sẵn trên bàn đem lên trình thầy. Trãi thót người, ngồi im nín thở. Thầy bảo tôi viết lên bảng. Tôi cứ đứng đực ra vì biết gì đâu mà viết, ngay cả cái đầu đề tôi còn không biết hướng hồ. Thầy ngạc nhiên nói: " Ua, trong vở anh làm trúng, tôi đã cho vào vở 20 điểm, sao lại như vậy !" Tôi đứng im không trả lời. Thầy nghi ngờ, gập vở lại nhìn vào bìa thấy vở đề tên Lâm Hữu Trãi. Thầy tức giận mắng: " anh lười không làm bài lại còn gian lận lấy vở của người khác !". Thế là tôi được ân thưởng hai quả trứng to và cuối tuần đi consigné.

Kỷ niệm giữa tôi và Trãi là như vậy. Riêng với Vũ Nam Tân có lẽ đặc biệt hơn. Tân tướng ông cụ nhưng lại ngầm cắc cớ. Tân thấy tôi nhỏ bé nên hay đùa dai tôi. Một hôm đầu giờ học, Tân đến sớm, chờ tôi đến Tân giơ tay bắt tay ra chiều thân thiết rồi bất ngờ bóp mạnh bàn tay tôi dụng ý làm cho tôi bị đau suýt xoa chơi. Chẳng may cho Tân, bóp tay là nghề của tôi, tôi phản ứng tức thời, lên gân cứng bàn tay xiết lại thật mãnh liệt khiến Tân không ngờ nên bàn tay bị co rúm, nhũn hẫng lại, đau gân thâu phổi, nhưng tự ái Tân không kêu, chỉ âm thầm ngượng nghịu. Tân nghĩ rằng khinh địch không đề phòng mới bị thua nên đã thử lại nhiều lần nhưng vẫn bị bại trước bàn tay của tôi. Từ đó Tân phục và không đọ tay nữa. Bẵng đi khá lâu, khoảng hơn một tháng, tự dung vào một buổi ra chơi Tân lại bảo tôi " Hôm nay tao với mày lại đấu tay, chịu không?" Tôi cười đùa " Ai cha, cái đau của mày đi vắng chắc ". Tân tỏ vẻ tự tin và còn thêm " Lần này không bóp một tay mà chơi cả hai tay một lượt !" Thế thì Tân lại càng khổ thêm vì thực sự tôi thuận tay trái. Được, tôi nghĩ thầm sẽ cho Tân một võ nữa để cách đến già . Tôi đưa tay ra sẵn sàng, nhưng Tân lại nghiêm mặt bảo " Hôm nay đặc biệt phải đánh cá, thằng nào thua phải chịu cho thằng kia ra phạt." Tôi phì cười khinh thị " Ghê nhi! chấp mày đó, chỉ cần mày hòa với tao là tao chịu phạt ". Tân dơ tay cao lên trời: " Quân tử nhất ngôn nhé ". Thế là hai chúng tôi bắt đầu, tôi để cho Tân ra sức trước , rồi tôi dồn sức vào hai bàn tay vận lực bóp thật mạnh, lần này bàn tay Tân khá cứng, tôi nhén người ra sức thêm nữa, nhưng Tân cũng cố sức thêm và tôi không thể làm cho bàn tay Tân mềm ra được. Hai tên ra sức ghì đè, mặt đỏ nổi gân xanh cả hơn mười phút mà không ai làm gì được nhau. Cuộc chiến chấm dứt và tôi cúi đầu chấp nhận hình phạt của Tân. Trước khi ra phạt Tân cười bảo tôi " Mày biết không hơn một tháng nay, ngày nào tao cũng tập bóp Extenseur, nên tao biết chắc mày không ăn được tao, nhưng mày cũng chưa thua , kể ra mày cũng khá thật ". Tôi tức cười, hóa ra là như thế. Tân cười theo và nói " Mày hay lý lắc và có nhiều chuyện lạ tếu vui thường kể cho tao nghe , nhưng đó là do mày lượm lặt, bây giờ tao phạt mày phải kể một chuyện nào vừa vui, vừa tếu, vừa lạ mà lại phải là chính của bản thân mày chứ không phải của kẻ khác." Tôi thầm nghĩ anh chàng này lạ nhỉ, chuyện của mình thì có gì để nói. Tôi còn đang vắn vương chưa tìm ra đề tài thì Tân lại nói thêm, "Tao nói trước, thằng nào mà nói sạo, cuối năm thi rớt đó nghe!" Tôi moi óc để tìm câu chuyện. Tôi nhìn Tân quan sát và nói, " Thôi được, tao sẽ kể cho mày nghe một câu chuyện của chính tao có từ rất lâu mà tao không bao giờ muốn nhắc đến ".

Trước cuộc kháng chiến chống Pháp, năm 1945, tao sống tại khu Khâm Thiên trong dãy nhà 12 gian ở Hà Nội. Phía trong của dãy nhà này có một ngôi chùa nhỏ tên là Chùa Chung Phụng, cạnh chùa có một hồ nước mà chị tao vẫn thỉnh thoảng ra bơi ở đây, không biết mày có biết khu này không? Bên cạnh nhà tao là nhà của vợ chồng Ông bà tên Lê. Ông chồng to lớn khỏe mạnh, còn bà vợ thì gầy ốm và bị bệnh hen suyễn gì đó, người lúc nào cũng xanh xao, yếu ớt. Một hôm trời chiều mùa hè xâm xâm tối, bà Lê bắc một chiếc ghế ra trước cửa nhà ngồi hóng gió mát. Tao và người anh sinh đôi cũng ra đứng chơi ngay cạnh đó. Bà Lê cảm quạt nan phe phẩy, đứng sau lưng bà là đứa con gái nuôi độ 4 tuổi, bà này không có con đẻ, con bé trông dễ thương, nước da trắng xinh. Anh em tao thấy con bé là lạ nên nhìn hơi chăm chú. Bà Lê thấy vậy mới nói đùa. " Hai



thăng bay, nếu đứa nào dám lạy tao thì tao gả con gái cho." Nhìn bà Lê, nhìn anh tao và nhìn con bé, rồi tự nhiên tao chấp tay lạy bà Lê. Bà Lê giật mình buồn cười vì không ngờ tao lại dám lạy bà ấy. Phần anh tao đứng bên cạnh có lẽ ngứa mắt và thấy thẹn nên dơ tay tát vào mặt tao một cái. Không đau, nhưng tao bị xấu hổ quá, thế là tao chạy tuốt vào nhà chui xuống gầm bàn thờ khóc thút thít... Tân bật cười lớn vỗ tay. " Hay! Thăng này hay, vui thật, lạ thật, mới 5 tuổi đã biết đòi lấy vợ ! Tao phục mày, tao phục mày, đồ thằng mắc dịch ! ".

Sau năm này tôi lên Đại học và từ đó đến nay tôi chưa được gặp lại Tân. Tôi không biết hiện giờ anh cư ngụ ở đâu và đang làm gì. Với kỷ niệm nhô nhật này được gợi lại, thần trí tôi như đang chơi với với những tháng ngày học sinh hồn nhiên, tươi trẻ của hơn bốn mươi năm qua. Những tiếng chân ồn ào dậm trên cầu thang, cùng những lời chào nhau lao sao, lưu luyến chiều tan học như còn đang vang lên trong tâm khảm. Tôi thấy trong tôi như vừa ấm vừa buồn ngủi.

Mùa Thu 1999

Nguyễn Đình Phương, CVA 1959 – San Jose, CA.

Sân Trường Chu Văn An tháng Giêng 1959

( ảnh chụp vào giáp tết Mậu Tuất )

Hàng trước ngồi từ trái qua phải là Hà Đức Long, Tựu, Đoàn La, Nguyễn Đình Phương.

Hàng sau đứng từ trái qua phải là (không nhớ tên), Tuấn, Khôi, không nhớ tên, Đình Văn Tâm, Vũ Nam Tân, không nhớ tên.

Hà Đức Long hiện nay ở bên Pháp; Đoàn La đang ở New York Hoa Kỳ, các bạn khác trong hình tôi không biết ở đâu. Bạn nào biết ai thì xin chỉ dùm.

\* \* \*

## ***HÀ NỘI NGÀY VỀ***

*Ta về thăm lại Cố Đô*

*Thăng Long thành cổ bây giờ là đây*

*Hồ Gươm vẫn rù liễu gầy*

*Tháp rùa còn đó phủ đầy rêu phong.*

*Bao năm mòn mỏi chờ mong*

*Đường về quê cũ nghe lòng nao nao.*

*Qua đây đây phố Hàng Đào,*

*Hàng Bông Thợ Nhuộm lối vào nhà ai*

*Nhớ xưa tóc xỏa buông dài.*

*Nép mình bên cửa mỗi mai đợi chờ*

*Thu nao hẹn gặp trao thơ*

*Thu này trở lại tình bơ vơ tình*

*Nhớ sao nắng sớm bình minh*

*Gió tung áo lụa nguyên trinh học trò .*

*Còn đâu nón lá bài thơ!*

*Còn đâu dĩ vãng mộng mơ thuở nào!*

*Nhớ xưa hội Tết hoa Đào,*

*Phủ Tây Hồ đỏ lối vào xin xăm,*

*Tâm thành miệng khấn lâm râm,*

*Cầu cho Đây, Đó đồng tâm một lòng,*

*Nhưng còn đâu nữa mà mong,*

*Thuyền xưa đã rẽ bến sông đi rồi.*

*Tuấn Tú, CVA 1958, Milpitas, CA*

*Thu 98*

*\* \* \**

## **THỜI, TIẾT và THỜI TIẾT LÀ MỘT?**

CVA Trần Trung Chính

"... Trời lập đông chưa em, cho lũ doi đi tìm giấc ngủ vùi..." Bài hát của nhạc sĩ Trần Thiện Thanh được giọng ca trầm ấm của ca sĩ Nhật Trường thường hát, gợi nhớ đến câu hỏi của người tình (nam) hỏi người yêu (nữ) đã đến "tiết lập đông" chưa mà lũ doi sao lại ngủ vùi ?

Rất nhiều người Việt Nam biết rằng "thời gian + tiết trời" được gom lại thành "thời tiết", nhưng đa số lại hiểu sai "thời tiết" có nghĩa là "thời gian" và "nhiệt độ". Ngay các nhà soạn từ điển cũng cho rằng "thời tiết" của Việt ngữ tương đương với "weather" trong Anh ngữ. Thực sự không hoàn toàn đúng như người ta tưởng, bởi lẽ từ ngữ "tiết" trong Hán Việt không có từ ngữ tương đương trong Anh ngữ !!!

Từ điển Webster định nghĩa weather là "the general condition of the atmosphere at a particular time and place, with regard to the temperature, moisture, cloudiness etc" [Tạm dịch : tình trạng tổng quát của bầu khí quyển trong khoảng thời gian riêng biệt nào đó tại một nơi chốn nào đó trên địa cầu liên quan đến nhiệt độ, ẩm

độ, tình trạng mây mưa v...v...]. Và từ điển Webster cũng cho thêm định nghĩa về climate như sau : "the prevailing or average weather conditions of a place, as determined by the temperature and meteorological changes over a period of year" [Tạm dịch : khí hậu là điều kiện thời tiết đương thời hay trung bình của một vùng nào đó trên địa cầu, được xác định bởi nhiệt độ và các sự thay đổi khí tượng qua các thời kỳ trong năm]. Chúng tôi cũng tra tìm thêm định nghĩa về meteorology như sau : "the science of the atmosphere and atmospheric phenomena, study of weather, including weather forecasting [Tạm dịch : khí tượng là một môn khoa học của bầu khí quyển và các hiện tượng chuyên động của khí quyển, môn học của thời tiết, kể cả môn dự báo thời tiết].

Trong khi đó, học giả Đào Duy Anh định nghĩa thời tiết là tiết hậu của bốn mùa - Mưa gió theo thời mà điều tiết. Ông cũng định nghĩa "khí hậu" là trong một năm theo thời tiết mà chia ra từng khoảng, cứ 15 ngày là khí, cứ 5 ngày là hậu (Học giả Đào Duy Anh cho biết "hậu" là tình trạng của sự vật, trong trường hợp này - hậu là tình trạng của không khí). Học giả Đào Duy Anh cũng định nghĩa "khí tượng" là những hiện tượng xảy ra trong không khí, như gió mưa nóng lạnh...

Đổi chiếu 2 lời định nghĩa của Webster và của học giả Đào Duy Anh, hẳn nhiên độc giả hiểu rõ về weather, climate, meteorology, về thời gian, thời tiết, khí hậu, khí tượng. Tuy nhiên vẫn chưa thấu đáo được "tiết" là gì, thế nào là "tiết lập đông" trong bản nhạc của Trần Thiệu Thanh, thế nào là "Thanh Minh trong tiết tháng ba" trong Đoạn Trường Tân Thanh của Nguyễn Du.

Trước khi phân tích tỉ mỉ "Thời, Tiết và Thời Tiết" khác biệt như thế nào, chúng tôi xin đề cập đến một vài định nghĩa về toán học trong hình học Euclide và hình học giải tích của Descartes như sau :

\* Quỹ tích là tập hợp tất cả các chất điểm có cùng một tính chất xác định cho trước.

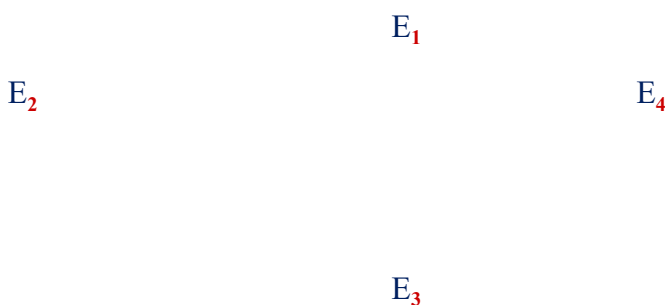
\* Ellipse là đường cong khép kín tập hợp tất cả các điểm mà tổng số khoảng cách của điểm di động đến 2 tiêu điểm - 2 điểm cố định - là một hằng số.

\* Hình học Euclide định nghĩa ellipse là một đường cong khép kín tạo bởi một mặt phẳng cắt xéo một hình chóp nón.

\* Quỹ đạo là đường mà một chất điểm vạch ra trong quá trình chuyển động.

Như vậy quỹ đạo của quả đất là đường đi của quả đất chuyển động xung quanh mặt trời. Quỹ đạo này là một hình ellipse, có nghĩa là mặt trời là một tiêu điểm trong 2 tiêu điểm của định nghĩa về ellipse theo Descartes. Nối 2 tiêu điểm trong ellipse, ta có trục đối xứng dài và đường thẳng góc với trục đối xứng dài ngay tại trung điểm của 2 tiêu điểm, chính là trục đối xứng ngắn của hình ellipse.

xem hình vẽ dưới đây...



*Ellipse quỹ đạo của quả đất xoay quanh mặt trời*

Dựa theo hình vẽ, chúng tôi gọi tiêu điểm A là vị trí mặt trời, E là quả đất. Quả đất di chuyển từ vị trí E-1, qua vị trí E-2, E-3, E-4 rồi trở về vị trí E-1 là đi trọn quỹ đạo của nó. Thời gian hoàn tất chu kỳ quỹ đạo là 365 ngày và 8 giờ (chúng tôi không kể các phút và giây lẻ). Các nhà làm lịch ở Âu châu gom 3 lần lẻ 8 giờ của mỗi

chu kỳ quỹ đạo, để cho vào ngày 29 tháng 2 của chu kỳ thứ tư, năm đó người ta gọi là năm nhuận và năm này có tới 366 ngày.

Quả đất quay chung quanh nó với độ nghiêng 23 độ 23 phút, trọn một vòng quay của chính nó người ta gọi là một ngày, và một ngày có 24 giờ. Chúng tôi đã lược qua khái niệm về thời gian, bây giờ xin chuyển qua "tiết".

Nói tới "tiết trời" là phải nói đến âm lịch của người Trung Hoa (lunar year), âm lịch căn cứ trên mặt trăng vì giữa tháng âm lịch thì trăng tròn (ngày rằm). Từ thời vua Thần Nông bên Tàu (cách nay khoảng hơn 6,000 năm) người ta đã làm lịch để dân chúng căn cứ vào đó mà trồng trọt cây cấy. Theo thứ tự, có 24 tiết trong năm ( 2 tiết cách nhau 15 ngày ), đó là :

- |               |                 |
|---------------|-----------------|
| 1. Lập xuân   | 13. Lập thu     |
| 2. Vũ thủy    | 14. Xử thử      |
| 3. Xuân phân  | 15. Bạch lộ     |
| 4. Kinh trập  | 16. Thu phân    |
| 5. Thanh minh | 17. Hàn lộ      |
| 6. Cốc vũ     | 18. Sương giáng |
| 7. Lập hạ     | 19. Lập đông    |
| 8. Tiểu mãn   | 20. Tiểu tuyết  |
| 9. Mang chủng | 21. Đại tuyết   |
| 10. Hạ chí    | 22. Đông chí    |
| 11. Tiểu thử  | 23. Tiểu hàn    |
| 12. Đại thử   | 24. Đại hàn     |

Rất nhiều người lầm tưởng rằng các nhà làm lịch Trung Hoa thời cổ đại chỉ căn cứ vào quỹ đạo của vệ tinh Mặt Trăng quay xung quanh Trái Đất để làm lịch, điều đó chỉ đúng ở phần ngày trăng tròn rơi vào đúng ngày giữa tháng âm lịch; thực ra để xác định đúng "tiết trời", các nhà làm lịch Trung Hoa đã căn cứ vào "hoàng đạo", tức là căn cứ vào quỹ đạo chuyển động biểu kiến của trái đất đối với mặt trời.

Trở lại với quỹ đạo hình ellipse của quả đất mà mặt trời đứng ở tiêu điểm A trong hình vẽ, chúng ta thấy tại 2 vị trí E-1 và E-3, trái đất có khoảng cách bằng nhau với mặt trời, vị trí E-2 trái đất gần mặt trời nhất và ở vị trí E-4 trái đất xa mặt trời nhất. Vì quả đất nghiêng 23 độ 23 phút (so với trục Bắc cực - Nam cực) nên ở vị trí E-2 bắc bán cầu nghiêng về phía ánh sáng mặt trời và ngay tại vị trí E-2 ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc tại vĩ tuyến 23 độ 23 phút Bắc, người Trung Hoa gọi là Bắc chí tuyến, còn Âu châu gọi là Tropic of Cancer (các nhà địa lý còn ghi thêm rằng "most northerly vertical sun rays, June 21" ). Tại vị trí E-4, ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc vào vĩ tuyến 23 độ 23 phút Nam, người Trung Hoa gọi là Nam chí tuyến, còn Âu châu gọi là Tropic of Capricorn (các nhà địa lý ghi rằng "most southerly vertical sun rays, Dec. 21"). Vào ngày 21 tháng 6 dương lịch mỗi năm, tại Bắc bán cầu số giờ có ánh sáng mặt trời nhiều hơn số giờ ban đêm. Sự gia tăng số giờ chiếu sáng trong ngày tỷ lệ thuận với vị trí địa dư của vĩ độ. Nước Việt Nam chúng ta mũi Cà Mau ở 8 độ 20 phút Bắc vĩ tuyến và đỉnh của tỉnh Hà Giang ở 23 độ 18 phút Bắc vĩ tuyến (nghĩa là dưới Bắc chí tuyến), nên dân gian đã nghiệm thấy hiện tượng ngày dài đêm ngắn qua câu tục ngữ " Tháng năm chưa nằm đã sáng ".

Những quốc gia ở vùng ôn đới (từ vĩ độ 30 độ Bắc đến vĩ độ 60 độ Bắc ) số giờ chiếu sáng trung bình từ 16 đến 20 giờ, các quốc gia vùng hàn đới (từ vĩ độ 60 độ Bắc trở lên đến Bắc cực) thì có 6 tháng ngày cộng thêm 6 tháng đêm, vì tại vị trí E-2, đỉnh bắc cực luôn hướng về mặt trời và tại vị trí E-4 đỉnh Bắc cực bị khuất. Vị trí

E-1 và E-3, ánh sáng mặt trời rơi thẳng góc ngay tại xích đạo nên tại vị trí này, số giờ chiếu sáng ban ngày bằng với số giờ ban đêm. Vị trí E-4 số giờ chiếu sáng ở bắc bán cầu giảm đi, số giờ ban đêm gia tăng mà dân Việt Nam chúng ta cảm nhận hiện tượng này qua câu tục ngữ : "Tháng mười chưa cười đã tối". Các nhà làm lịch Trung Hoa cổ đại đã dựa trên trên 4 thời điểm của 4 vị trí E-1, E-2, E-3, E-4 để đặt 4 mốc tiêu điểm cho sự phân chia các tiết trong năm.

\* Xuân phân (vào ngày 21 tháng 3 dương lịch) : số giờ chiếu sáng ban ngày bằng với số giờ ban đêm.

\* Hạ chí (vào ngày 21 tháng 6 dương lịch) : số giờ chiếu sáng ban ngày chiếm ưu thế lần lượt số giờ ban đêm.

\* Thu phân (vào ngày 21 tháng 9 dương lịch) : số giờ chiếu sáng ban ngày bằng với số giờ ban đêm.

\* Đông chí (vào ngày 21 hay 22 tháng 12 dương lịch) : số giờ ban đêm chiếm ưu thế lần lượt số giờ ban ngày. [Thí dụ : San Jose ở vị trí 38 độ bắc vĩ tuyến, vào ngày Đông chí 21 tháng 12 năm 1998, đài truyền hình khí tượng loan báo sunrise lúc 7:15AM và sunset lúc 5:45PM, làm bài tính trừ, chúng ta thấy vào ngày Đông chí, số giờ chiếu sáng của San Jose chỉ có 10 tiếng đồng hồ và 30 phút, do đó số giờ ban đêm lên tới 13 tiếng đồng hồ và 30 phút .

Dựa trên 4 mốc tiêu điểm nói trên, các nhà làm lịch Trung Hoa đã phân bổ các tháng âm lịch nhuận như thế nào để vẫn giữ đúng 4 tiết nói trên, đó là lý do có những năm nhuận tháng 3, hay nhuận tháng 7, hoặc nhuận tháng 10 v...v...

Như vậy 24 Tiết của lịch Trung Hoa đã diễn tả tình trạng quang kỳ của Bắc bán cầu tại các thời điểm khác nhau trong năm (nước Trung Hoa với nền văn minh nông nghiệp của lưu vực Dương Tử giang, hoàn toàn nằm ở vùng ôn đới của Bắc bán cầu). Thời gian chiếu sáng và góc độ chiếu sáng đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến nhiệt độ, sự biến thiên nhiệt độ mới tác động đến sự lưu chuyển của bầu khí quyển. Do đó, chúng tôi xin giải thích thêm ý nghĩa về danh xưng của một số tiết đã nêu mà người Việt chúng ta còn mù mờ như sau :

Ngày đầu năm (Tết Nguyên Đán) rơi vào tiết Lập Xuân, kế đó là tiết Vũ Thủy (mưa xuân). Sau tiết Vũ Thủy là tiết Xuân Phân (đã giải thích ở đoạn trên). Kế tiếp là tiết Kinh Trập (kinh = cử động; trập = loài côn trùng trốn nắp không ra mặt). Để ý rằng sau ngày Xuân Phân, số giờ ánh sáng mặt trời ban ngày càng lúc càng nhiều hơn số giờ ban đêm ; hệ quả của sự việc này là nhiệt độ ấm dần trở lại khiến cho các trứng của côn trùng đủ điều kiện nẩy nở ra sâu bọ (các trứng này phải ngưng hoạt động tăng trưởng trong toàn mùa đông vì quá lạnh). Sau tiết Kinh Trập là tiết Cốc Vũ (Cốc là hạt của các loại cây lương thực như lúa, bắp, kê, mè, đậu ; còn Vũ là mưa) nông dân thấy nhiệt độ ấm lại nên họ bắt đầu vãi hạt giống của ngũ cốc để trồng trọt. Tiết Cốc Vũ trong nông lịch cũng chính là tiết Thanh Minh trong văn học, xảy ra khoảng mùng 5 - mùng 6 tháng 3 âm lịch. Sau tiết Cốc Vũ là tiết Lập Hạ, tức là nhiệt độ đã lên cao, trời bắt đầu nóng và rõ ràng nhất là ngày dài hơn đêm. Sau tiết Lập Hạ là tiết Tiểu Mãn (mãn là đầy đủ), đây nói về cây cỏ đã đủ các điều kiện để chuyển từ giai đoạn tăng trưởng sang giai đoạn sinh trưởng. Sau tiết Tiểu Mãn là tiết Mang Chủng (mang là đòng đòng của cây lúa, mang chủng có nghĩa là thời kỳ trổ hoa và kết trái của cây lúa (giai đoạn này diễn biến trong 72 giờ và cây lúa là loại tự thụ tinh nên phấn hoa đực thụ tinh với hoa cái trong cùng một hoa). Sau tiết Tiểu Mãn là tiết Hạ Chí, như đã đề cập ở đoạn trên, ngay đúng ngày có tiết Hạ Chí số giờ được mặt trời chiếu sáng vượt tới mức cao nhất trong năm. Sau tiết Hạ Chí đến tiết Tiểu Thử ( thử là nóng, hàn là lạnh ), sau tiết Tiểu Thử là tiết Đại Thử, đây là lúc trời nóng nhất. Ngày Hạ Chí (21 tháng 6), bắc bán cầu được chiếu sáng lâu nhất, tuy nhiên lục địa và đại dương vẫn còn hấp thụ nhiệt nên nhiệt độ chưa lên cao nhất. Đến tiết Đại Thử, nhiệt độ mới lên cao nhất vì đây là tổng số nhiệt lượng của 2 nguồn nhiệt đã làm nhiệt độ bầu khí quyển gia tăng, đó là nguồn nhiệt do ánh sáng mặt trời và nguồn nhiệt bức xạ do mặt đất nhả ra. Sau tiết Đại Thử là tiết Lập Thu, thời gian này các nhà làm lịch Trung Hoa đã nhận thấy số giờ ban ngày được chiếu sáng đã bắt đầu gia giảm. Sau tiết Đại Thử là tiết Xử Thử (Xử có nghĩa là ở, là vị trí) , vào thời điểm có tiết Xử Thử, vùng bắc bán cầu vẫn còn được ánh sáng chiếu trở lại với góc độ gần 90 độ trước khi ánh sáng mặt trời chiếu thẳng góc 90 độ với đường xích đạo vào ngày thu phân. Tục ngữ của nông dân miền bắc Việt Nam đã xác minh tiết Xử Thử :

" Tháng tám nắng râm quả bóng "

Sau tiết Xử Thử là tiết Bạch Lộ, vào lúc này sáng sớm các con đường đất đã có sương màu trắng, có hiện tượng sương trắng vì bầu khí quyển đã có hơi nước từ đại dương thổi vào ngưng tụ thành sương trắng tại những chỗ nhiệt độ thay đổi xuống thấp nhanh.

Sau tiết Bạch Lộ là tiết Thu Phân, như đã nói ở đoạn trên, ngày Thu Phân là ngày có số giờ ban đêm bằng với số giờ được chiếu sáng ban ngày (như ngày Xuân Phân). Sự khác biệt là ở nhiệt độ : vào tiết Thu Phân, nhiệt độ giảm dần đi, ngược lại ở tiết Xuân Phân nhiệt độ ấm dần và từ từ trời nóng lên.

Sau tiết Thu Phân là tiết Hàn Lộ, lúc này nhiệt độ hạ thấp hơn nữa, sương trắng đã ngưng tụ thành các giọt sương rơi xuống đường.

Sau tiết Hàn Lộ là tiết Sương Giáng, ở miền bắc Việt Nam và miền bắc trung nguyên trung phần, hiện tượng tơ trời bay khắp chốn y như những sợi tơ sợi chỉ bay từ trên trời rơi xuống trần (miền nam trung phần và miền nam Việt Nam không thấy tơ trời bay trong tiết Sương Giáng).

Sau tiết Sương Giáng là tiết Lập Đông, lúc này số giờ ban đêm đã chiếm ưu thế rõ ràng hơn số giờ được chiếu sáng ban ngày và nhiệt độ đã xuống thấp.

Sau tiết Lập Đông là tiết Tiểu Tuyết và tiết Đại Tuyết, thời gian này ngoài trời tuyết rơi tuy lạnh nhưng chưa phải là lạnh nhất vì bầu khí quyển lạnh (do ánh sáng chiếu rọi ít) và nhiệt độ lạnh còn đang được lục địa và đại dương hấp thụ.

Sau đó là tiết Đông Chí, lúc này trái đất đã ở vị trí E-4, phần bắc bán cầu bị khuất nên số giờ được chiếu sáng ít nhất và số giờ ban đêm gia tăng nhiều nhất.

Sau tiết Đông Chí là tiết Tiểu hàn và tiết Đại Hàn, lúc này là lúc nhiệt độ xuống thấp nhất, đây cũng là hệ quả của hiện tượng trao đổi nhiệt lượng theo đúng định luật bảo toàn năng lượng trong vật lý. Người ta cảm thấy lạnh hơn vì mặt đất là nơi hội tụ của 2 nguồn lạnh : nguồn lạnh từ khí quyển và nguồn lạnh từ dưới đất tỏa ra.

Ngày nay, nhờ với tiện nghi khoa học tiến bộ, con người đã thay đổi được vi khí hậu xung quanh từng cá nhân hay xung quanh từng nhóm người, cho nên người Việt hải ngoại không cảm thấy nhu cầu thiết yếu cần phải nhớ và biết đến 24 tiết của người xưa. Tuy nhiên suốt mấy ngàn năm nhuần nhuyễn sử dụng 24 tiết trong nguồn sống của dân tộc, chúng tôi nghĩ rằng THỜI GIAN và TIẾT TRỜI đã là một phần tử trong tâm linh dân tộc Việt, thiết tưởng công việc tìm hiểu về cội nguồn dân tộc không phải là một công việc thừa thãi; được như vậy là niềm an ủi lớn cho người viết . Trân trọng.

TRẦN TRUNG CHÍNH, San Jose, CA.

(Chu văn An 1965-1968)

\* \* \*

# KHUNG TRỜI TƯỞNG NHỚ

PHAN CẨM ANH

*Từ khi già biệt mái trường,*



Lá vàng thôi hết trái đường em đi.  
Nắng thôi vương vấn làn mi,  
Bờ rêu phong cũ thắm thì tiễn đưa ...  
Mắt buồn lạc cánh sao thưa,  
Cổng Trung Vương khép, tường xưa lạnh lùng.  
Tóc bay theo gió mịt mù,  
Một thời... thoáng đã nghìn trùng xa xôi...  
Ao Trung Vương xếp lại rồi!  
Khung trời tưởng nhớ bồi hồi trong tim.  
Cỏ xanh còn vết chim Quyên?  
Hàng me rủ bóng còn phiền dấu chân?  
Nắng xưa còn trái ân cần?  
Mưa chiều qua lớp, còn băng khuâng buồn?  
Bây giờ chấp cánh chim muông,  
Làm mây viễn xứ, khóc nguồn xa xôi...  
Mộng xưa gác lại bên đời,  
Tình yêu lưu niệm một thời khổ đau.  
Thì ra mình vẫn còn nhau,  
Dẫu thời gian đã nhạt màu tóc mây.  
Em về qua lối mưa bay,  
Nhớ về áo trắng những ngày hồn nhiên.  
Ao xưa nhuộm tím ưu phiền,  
Vẫn mơ giấc mộng bình yên cuộc đời.  
Giọng ca ngày cũ chơi vơi,  
Ru nhau tiếng hát, ngọt lời tình yêu.  
Tình cho nhau vẫn còn nhiều,  
Nhưng đời giết chết bao nhiêu mộng rồi!  
Em nghe buồn mẫn trên môi,  
Ngỡ dòng nước mắt tiếc thời ngây thơ.  
Cổng trường sống lại trong mơ,  
Một dòng áo trắng mịt mờ gió bay.  
Gió nào tung áo mê say?  
Sao không giữ hộ tháng ngày hồn nhiên?  
Giữ màu nắng đỏ nghiêng nghiêng,  
Giữ thời gian, để khỏi phiền tóc xuân.  
Lá me trên lối chấp chùng,  
Nhớ không anh? Thuở ngại ngừng đón đưa...  
Tổ buồn mắt dấu chim xưa,  
Lòng hoài hương vẫn theo mưa khóc thắm.  
Thầy cô, bạn hữu còn không?  
Ai vui, ai khổ, qua dòng thời gian?  
Người về vạn nẻo thênh thang,  
Đường xưa lối cũ còn mang vết sấu.  
Ao bay gởi gió về đâu?  
Trường xưa quạnh quẽ giữa màu nắng phai.  
Cổng xưa cửa đóng then cài,  
Giữ tà áo trắng đẹp hoài ngàn năm.

PHAN CẨM ANH

\* \* \*

# MỐI TÌNH HỌC TRÒ

Dặng Tường Ngữ

Ngày trọ học ở Hà-nội, bắt chước mấy anh bạn cùng lớp, hàng ngày mỗi khi tan trường, tôi hì hục đạp xe theo đuôi mấy nữ-sinh Trưng Vương. Mấy cô này "điệu" lắm : vạt áo sau cài vào giầy chằng cao-su trên "pooc ba-ga", nón lá có quai màu treo ở đầu ghi-đông xe đạp, áo choàng dạ ngắn màu đậm chỉ cài một chiếc khuy cổ mặc ngoài áo dài màu nhạt, quần hồ chiếc khăn "shawl" mỏng, gió bay phất phơ quanh cổ.

Mấy nàng biết có chúng tôi lẽo đẽo đạp theo, cứ phớt tình như không hề biết, vừa đạp xe vừa rúc-rích chuyện trò. Về đến cửa nhà, khi ngừng xe đạp, các nàng khéo léo liếc trộm chúng tôi. Lúc lấy nón ra khỏi ghi-đông xe hay gỡ vạt áo ra khỏi giầy chằng cặp sách, nàng kín đáo nhoén một nụ cười nửa như e-thẹn, nửa như khuyển-khích chúng tôi, cứ việc theo đuôi...

Những hôm nhìn thấy nàng cười vu-vơ như thế, tôi phóng xe về nhà trọ miệng huýt sáo rộn ràng, lòng ngập tràn một niềm vui khó tả. Đêm đó tôi ngủ mơ thấy tiên.

Gia đình tôi ở Hải-phòng, bố tôi là một công-chức dinh-tê trẻ, cố gắng lắm mới có thể cho hai anh em tôi đi trọ-học xa nhà. Ngoài tiền-trợ học, tiền sách vở, giấy bút... chúng tôi chỉ còn một khoản rất nhỏ để ăn sáng và tiêu vặt.

Muốn có thêm tiền đi xem chiếu bóng, ăn thịt bò khô ở bờ Hồ Hoàn-Kiểm, ăn bánh tôm ở trên Cổ Ngự, chúng tôi không ai bảo ai, đều kiếm chỗ kèm trẻ ban đêm.

Cuối tuần, khi mới lĩnh tiền kèm trẻ, chúng tôi rủ nhau đi ăn phở đặc-biệt ngẫu-pín ở phố Huế hoặc đi xem chiếu bóng ở Hàng Da. Ở nhà trọ, anh em tôi được tiếng là chăm học. Bà chủ nhà trọ, là vợ một người bạn của ông bác tôi, từ mấy chục năm về trước. Tôi gọi bà này bằng mẹ cho thân tình. Cậu Tham thưở ấy còn ở ngoài vùng tự-do, hình như trên Yên Bái hay Tuyên Quang gì đó. Mẹ Tham về thành cùng hai đứa con còn nhỏ để đòi lại căn nhà bị người ta chiếm-cư bất-hợp-pháp từ sau ngày gia-đình mẹ di tản khỏi Thủ-đô cuối năm 1946. Căn nhà quá rộng cho một gia-đình ba mẹ con và một anh Bép, cho nên còn dư chỗ cho năm người sinh-viên, học sinh ở trọ.

Thấy tôi ngoan ngoãn, hiền lành, học hành chăm chỉ, ngoài ra còn biết đánh đàn "mãng-đô-lin" và đàn "ghi-ta" ...mẹ Tham có ý muốn, đổi thằng cháu (hờ) gọi bằng Mẹ, thành cháu (thật) gọi bằng Dì. Chẳng là mẹ Tham có hai cô con gái của bà chị ruột, nhà ở gần Bạch Mai, đã đến tuổi kén chồng. Cô chị tên Chuyên, đã có người dạm ngõ. Cô em tên Chính, kém tôi một tuổi, hiện đang ở nhà phụ giúp gia-đình trông một tiệm may nhỏ mà ba mẹ con kiếm tiền thêm cặp vào đồng lương eo-hẹp của ông bố, một tiểu công-chức sắp đến tuổi về hưu.

Một chủ nhật, hai mẹ cháu tôi đạp xe từ phố Nhà Rượu lên Bạch Mai, đến thăm gia-đình bà bác. Tôi được mẹ Tham bảo đem theo cái máy ảnh Dreyer, trong có lạp sẵn cuộn phim đen trắng chụp hình 6 x 9. Sau một hồi trò-chuyện, tôi được ăn một bữa cơm thật thịnh-soạn. Sau đó, tôi đem máy chụp ảnh cả nhà làm kỷ niệm.

Từ đó, mỗi sáng chủ nhật tôi thường cùng mẹ Tham đạp xe đến rủ em Chính đi chơi. Thường thì đi dạo cảnh ở bờ Hồ Hoàn-Kiểm, hay đi xem chiếu bóng. Có khi, mẹ Tham cho đi ăn kem, ăn thịt bò khô... đến chiều tối mới trở về nhà cô Chính. Lúc đi chơi giung giăng giung giẻ bên bờ hồ, mẹ Tham luôn luôn đi giữa tôi và cô Chính, bà làm "chaperonne" cho chúng tôi mà lại. Những lúc đi như thế, tôi thêm muốn được nắm bàn tay em Chính, chắc là mịn màng và ấm áp lắm, nhưng tôi đâu dám : mẹ Tham đi giữa hai đứa, hình như cố tình không để cho chúng tôi có cơ-hội chân tay đụng chạm nhau thì phải. Không những tôi, mà cả cô Chính cũng (vô cớ) sợ mẹ Tham, nên hai đứa đành "chịu phép"...Thưở ấy, tôi không dám nắm tay em, sợ bị em cho là

sàm sỡ . Tôi tự nghĩ rằng : con nhà gia-giáo , tự nhiên trai gái phải cách xa nhau như thế ! (nam nữ thụ thụ bất tương thân mà ?) .

Sau này, sau ngày xa Hà-nội, sau nhiều năm ở Sài-gòn, quen biết nhiều người con gái khác ... tôi nghĩ lại : tại sao thuở ấy, tôi ngây thơ và nhút-nhát đến như thế nhỉ ? Bao nhiêu lần đi bên người đẹp, mà không dám nắm lấy bàn tay em, dù chỉ một lần..., để rồi bây giờ, mỗi khi nghĩ lại, tôi thần thờ tiếc nuối.

Tôi còn nghĩ thêm rằng, thuở ấy, mặc dầu đi giữa, nhưng chắc gì vợ Tham sẽ ngăn cản hai đứa tôi, nếu tôi dám bạo dạn nắm lấy bàn tay người đẹp. Hỡi ôi...chẳng qua chỉ vì sợ bóng, sợ gió ... những bài học trong quốc-văn giáo-khoa thư chín mươi năm về trước, còn ảnh-hưởng quá nặng trong đầu óc của lứa tuổi chúng tôi vậy.

Sau hiệp-định Giơ-neo, trước khi cùng gia-đình vào Nam, tôi có đến nhà nàng để từ biệt. Hai đứa bị rợn, không nói nên lời. Ngày đó ai cũng nghĩ rằng : có vào Nam thì cũng chỉ 2 năm sau sẽ có dịp gặp lại. Khi tiễn chân tôi ra cửa, lúc tôi đã đạp xe ngang đường xe-điện, nàng còn gọi giật tôi lại, kín đáo dúi vào tay tôi cái mùi-xoa móng nàng đang nắm trong bàn tay. Tôi hoảng hốt nhảy lên xe, đạp như ma đuổi, chỉ sợ bị ai giựt mất cái món quà bất ngờ và quý báu kia.

Cách đây ít lâu, nhân liên-lạc thư-từ được với một người bạn cũ, từng học chung một lớp ở hậu-phương năm 1947-48, nay là cựu giáo-viên ở Hà-nội. Tôi đem câu chuyện tình thuở học-trò, chuyện tình của tôi và em Chính kể với anh bạn ấy. Anh này ở Hà-nội liên tục từ 1954, ngay cả lúc máy bay Mỹ oanh tạc miền Bắc, cho nên anh ta dám tự xưng là thổ-công Hà-nội, hứa sẽ tìm ra nàng Chính cho tôi.

Chợt nghĩ rằng, bản thân tôi nay đã có cháu nội ngoại bốn đứa, nếu tìm thấy em Chính, sau bốn mươi lăm năm, chắc bây giờ nàng cũng con cháu đầy nhà, có khi các cháu nội, ngoại đã đến tuổi lập gia-đình. Tôi viết thư bốn anh bạn học cũ : " nếu anh tìm thấy cụ Chính, làm ơn xin dùm tôi tấm hình có chữ ký ở sau lưng nhé !".

Tháng 1/1999

Đặng Tường Ngữ, CVA 1957, Milpitas, CA.

\*\*\*

## **Truyện vui: Nguồn Gốc Con Người**

Về Nguồn Gốc Con Người, có người : Adam, Eve là nguồn gốc, có người: Khi là thủy tổ, có người : Sao lại có người da đen, da trắng, da vàng ??

Anh Năm : Xưa Thượng Đế sinh ra người ở lò " Tạo Nhân" rất lớn :

- Lần 1- Ngài để lửa cháy quá lâu, được Người Da Đen.

- Lần 2- Ngài điều chỉnh, để lửa lại quá ít, được Người Da Trắng - Lần 3- Ngài rút kinh nghiệm, cho lửa vừa đủ, được Người Da Vàng

Lúc đó Ngài mỉm cười: " Thế là Perfect"

Cả bàn cười xòa, vỗ tay khen Anh Năm giải thích chí lý . Mấy ông Mỹ thộn cả mặt.

CVA Trần Khánh Hồng

Một phần dựa vào câu chuyện của Anh Năm - Thân tặng Anh Năm

\* \* \*

## NHỚ MÁI TRƯỜNG XƯA

Trường làng tôi nằm trong thị xã  
Cạnh xóm phường, có lũy tre xanh  
Trước sân có hàng cây rợp lá  
Phía sau xa, con rạch uốn quanh  
Hè về, phượng đỏ, khoe màu nở  
Có tiếng ve sâu, dưới nắng hanh  
Ngôi trường đóng cửa, mang niềm nhớ  
Tiếng hát học trò, điệp khúc xanh  
Lưu bút trao nhau vài tấm ảnh  
Thời gian thấm thoát, lướt qua nhanh  
Tựu trường gặp lại, trao tâm sự  
Hàn huyên mọi nỗi, chuyện ngày xanh  
40 năm, tôi xa trường cũ  
Bạn bè xưa, trôi dạt nơi nào?  
Cuộc chiến tương tàn, như thác lũ  
Chôn vùi, bao kiếp sống thương đau  
Ao ước được về, thăm chốn cũ  
Ngôi trường xưa, nắng ấm, tự do  
Gặp lại nhau, không cảnh ngục tù  
Cùng chào đón, mùa hoa phượng đỏ

Nguyễn Văn Tài, Ottawa, Canada

\* \* \*

## Vài Kỷ Niệm Năm Đầu Tiên

### Học Chu Văn An

Đăng Gia Thoại, CVA 1960, Australia.

Nhận được email của ban biên tập nhắc nhớ sớm gửi bài đóng góp cho số đặc san kỳ này. Tôi thật chả biết viết gì. Soi gương nhìn bóng mình chỉ thấy một 'anh già', mái tóc điểm sương, chợt nhận ra mình đã quá xa cái thời cắp sách đến trường; thấm thoát thế mà đã 40 năm kể từ ngày tôi rời bỏ mái trường Chu Văn An Sài Gòn.

Còn nhớ ngày đầu tiên tôi trở thành học sinh Chu Văn An Sài Gòn là những ngày đầu mùa đông năm 1954. Năm đó là năm học đầu tiên của tôi ở Sài Gòn. Trước đó tôi vốn là học sinh xứ Cảng Hải Phòng, đệ tử

của thầy Trần Văn Việt ở trường Ngô Quyền. Đúng ngày Trung Thu năm 1954 tôi xuống tàu há mồm ra Vịnh Hạ Long, lên tàu lớn, tàu Skawgum, một chiếc tàu vận của hải tặc Bắc Âu, bị nhà cầm quyền Đan Mạch bắt được. Sau khi cho sửa chữa và trang bị lại đã cho Chính Phủ Ngô Đình Diệm mượn để chở dân di cư, để vào Nam, trốn tránh cộng sản sau khi Hiệp Định Geneve được ký kết giữa Pháp và Việt Minh thời đó.

Tôi còn nhớ trong chuyến hải hành dài 54 giờ từ Vịnh Hạ Long vào đến bến "Bạch Đằng" Saigon, tôi đã đã có duyên đi cùng một người đẹp mà tôi còn nhớ tên là Cung Ngọc Anh, gia đình cô này khi vào đến Saigon đã tạm trú tại 'trại Nhà Hát Tây" ngay đường Catinat, sau này trong một tác phẩm của nhà văn Duyên Anh (tôi không nhớ tên) đã có nhắc đến và tiết lộ là tác giả (Duyên Anh) đã mê cô Ngọc Anh như điên đảo lúc đó.

Năm 1954 vì các trường ngoài Bắc mới di chuyển vào Nam chưa có trường sở cố định nên lúc đó các trường di cư đều tạm chia sẻ trường sở với các trường trong Nam. Trường Chu Văn An học nhờ trụ sở của trường Pétrus Trương Vĩnh Ký, Trung Vương ké Gia Long v..v..

Vốn là đệ tử của thầy Việt nên tôi được sắp xếp theo thầy về trường Nguyễn Trãi, lúc đó tạm thời đặt trụ sở ở trường Tiểu Học Nguyễn Đình Chiểu gần Chợ Quán. Hai ông anh tôi vốn là học sinh Chu Văn An Hà Nội đã tự động được nhận vào trường Chu Văn An Saigon.. May sau đó nhờ có ông Bác làm giám thị ở Chu Văn An xin cho nên đầu mùa Đông năm đó tôi mới được chuyển trường sang Chu Văn An vào học lớp đệ tứ B4. Cùng học với tôi ở 4B4 năm đó có NVH (hiện ở San Jose), VMH, NNG (hiện ở Texas), NVH (sau nay đổi tên có lúc làm Dân Biểu thời Đệ 2 CH). Tôi còn nhớ lớp B4 của tôi là lớp tiếp giáp với khu vực dành riêng cho gia đình giáo sư Hoàng Cơ Nghị, hành lang được ngăn bằng một rào sắt rất cao, lên gần tới mái. Điềm làm tôi nhớ mãi là thỉnh thoảng bọn học trò chúng tôi lại được chứng kiến cảnh bà Yvonne, cần mẫn nấu nướng ở đây : bà Yvonne là vợ của Giáo Sư Hoàng Cơ Nghị, bà tuy là người Pháp nhưng nói tiếng Việt như người Việt, và biết ăn tất cả các món ăn thuần túy Việt Nam, kể cả mắm tôm lỏng, chỉ quần có độc một cái khăn tắm quanh khúc giữa thân mình thoải mái ra khỏi phòng xuống cầu thang để đến phòng tắm nằm ở tầng dưới.

Năm đó vì mới di cư vào Nam, sách giáo khoa thiếu thốn nhất là sách viết bằng Việt ngữ. Tôi nhớ có lần gần cuối năm có một anh, không nhớ học B mấy, có cuốn bài tập Lý Hóa của một nhóm Giáo sư đem từ Hà Nội vào cho anh em mượn cùng học. Nhưng vì cả 4 lớp đệ Tứ gần 250 học sinh, nên anh giao hẹn mỗi người chỉ được mượn đúng 1 ngày 1 đêm. Đến lượt tôi, dù cuốn sách có tới 104 bài tập tôi phải cố gắng thức trắng đêm làm cho hết số bài tập trong sách để mai trả sách đúng hẹn. Vậy mà cuối năm đó đi thi Trung Học Đệ Nhất Cấp tôi vẫn bị lượm vỏ chuối. Năm sau học đệ tam đi thi lại mới đậu được.

Một trong các thầy lúc đó rất được lòng học sinh là thầy Nguyễn Ngọc Quỳnh, dạy vạn vật. Thầy có cái xe con cóc sơn màu vàng cam. Thầy thường đậu xe ngay trên lối đi song song với nhà để xe đạp của học sinh. Đám bạn bè tôi đã có lần phá thầy bằng cách xúm nhau lại khiêng xe thầy qua khỏi mương thoát nước vào tận sát trong tường. Đến giờ ra về, thầy không làm sao đem xe ra được vì xe nằm song song với cái mương thoát nước mưa có bề sâu gần bằng đường kính bánh xe của thầy. Tụi tôi đứng ở nhà để xe đạp thấy thầy loay hoay không biết làm sao thì khoái chí ôm nhau cười thoải mái . Thầy thấy vậy bèn túm cổ một bọn sáu bảy thằng bắt xúm nhau khiêng trả xe thầy qua đường mương ra lối đi như cũ cho thầy.

Một thầy nữa, tuy chỉ học thầy đệ nhất có năm đệ tứ mà tôi vẫn nhớ; đó là thầy Nguyễn Khắc Hiếu dạy Việt Văn. Thầy có lối giảng bài rất hấp dẫn, và đặc biệt là thầy hay có lối liên hệ bài học với hoàn cảnh thực tế để dạy học trò. Năm đó tụi tôi đều đã lớn thường là 16, 17 thậm chí có anh đến 20 tuổi rồi, thầy thường khuyên tụi tôi chớ có học đòi chơi bời nhảm nhí, vì thời đó nhóm Bình Xuyên còn nắm quyền Cảnh sát saigon và các khu nhà ổ ở Vườn Lài rất gần trường vẫn do Bình Xuyên quản lý. Ngoài ra các sông bạc Đại Thế Giới trong Chợ Lớn và Kim Chung ở Quận Nhì còn đang hoạt động và là nguồn cung cấp tài chính chủ yếu cho Bình Xuyên. Thầy Hiếu rất sợ học trò thầy mới lớn ham tìm cảm giác lạ tìm đến những nơi nguy hiểm đó nên gần như buổi học nào thầy cũng bóng gió nhắc tụi tôi để ngăn ngừa trước chuyện có thể xảy ra.

Trong lớp tôi có một anh lớn tuổi tên là Hùng, không biết có phải là 'Hùng Xùì' sau này không ? tôi thật không nhớ rõ, chỉ nhớ hồi đó Hùng ngồi bàn sau tôi và là bàn chót, Hùng lớn hơn tôi 3 hay 4 tuổi thì phải, tức là lúc đó đã 19 hay 20 rồi . Thường Hùng hay lên đem báo Paris Tabou vào lớp những giờ Sử Địa của cụ



Lễ, cụ Lễ vốn rất hiền, chả bao giờ mắng học trò. Hùng cũng chính là người dẫn dụ tôi đến một quán nước ở khu Vườn Lài cho tôi uống nước ngọt, vừa bung ly nước lên chưa kịp uống hớp nào thì cô 'tiếp viên' kê đít gọn ghẽ lên lòng tôi thoải mái như ở nhà cô ta vậy. Lúc đó tôi qua thật ngây thơ, thấy vậy sợ quá nhảy nhổng lên rồi cự : 'Cô này bộ hết ghế rồi sao mà nhè lòng tôi mà ngồi !'. Anh chàng Hùng nhìn tôi khoái chí rồi bò ra bàn mà cười. Năm sau Hùng bỏ không học nữa, sau khi đậu Trung Học Hùng đi sĩ quan Thủ Đức. Từ đó đến nay đã hơn 40 năm tôi chưa hề gặp lại người bạn phá phách nghịch ngợm này.

Trường Chu Văn An chỉ học nhờ lớp của Pétrus Trương Vĩnh Ký có năm đó mà thôi. Năm sau, khu dortoires của Trường Petrus bị giải tán, một tòa nhà 3 tầng được giao cho trường Đại Học Sư Phạm dùng làm trụ sở, một dãy 3 tầng khác được cải biến thành Trường Chu Văn An. Luôn cả dãy nhà để xe ở đầu dortoire cũng được cải biến thành lớp học. Rào kẽm gai được dựng lên phân chia khu vực các trường Pétrus, Chu Văn An, Đại Học Sư Phạm, Đại Học Khoa Học. Dãy nhà nằm song song với đường Hùng Vương được giao cho Tổng Thư Viện (tiền thân của thư viện Quốc Gia), sân đá bóng được cả mấy trường xài chung. Khu nhà kho quay mặt ra đường Trần Bình Trọng thì được biến đổi thành trung tâm huấn luyện Cao Đẳng Quân Sự, rồi vài năm sau nữa trung tâm này di chuyển vào trong vòng thành Biệt Khu Thủ Đô thì khu nhà này lại được giao luôn cho trường Chu Văn An để biến cải thành lớp học.

Hình như sau này mãi đến đầu thập niên 60 Trường Chu Văn An mới được cấp một khu đất trong Chợ Lớn gần ngã sáu, gần Đại Học xá, phía sau của cơ thể học viện, rồi Trường Chu Văn An Saigon nằm cố định ở đó cho đến 1975. Sau này tôi không biết gì về Trường Chu Văn An nữa. Không hiểu ngày nay sau 24 năm nó còn hoạt động hay không hay là đã mất tên như thành phố Sài Gòn. Vì từ khi 'vượt biên ra đi tìm đường cứu nước' tôi chưa hề có dịp đặt chân trở lại Việt Nam. Hy vọng một ngày nào đó có dịp trở về nhìn lại trường xưa lối cũ .

Ghi lại vài kỷ niệm nho nhỏ của một thời xa xưa những mong các bạn ngày xưa nếu còn và nếu tình cờ để mắt tới những dòng chữ trên may ra có khi nhớ đến một người bạn xưa nay ở tận Nam bán cầu này thì cũng là một an ủi không nhỏ cho kẻ viết bài này vậy.

\* \* \*

## ***DỐC NÚI***

Lang thang trên dốc núi cao  
Ngắt bông hoa dại ném vào quăng không  
Lắng tai nghe mộng bèo bồng  
Nhìn về thung lũng thấy lòng dửng dưng

## ***BẠN***

Xa bạn bè ra công viên ngồi nhớ  
Bờ Columbia mà ngỡ bên Bạch Đằng....  
Nhặt nhánh cây khô vạch lên cát lãng nhăng  
Kỷ niệm cũ mờ giăng đầy mắt



Sợi nắng mong manh chừng như sắp tắt  
Chiếc lá trên cành héo hắt muốn rơi ....  
Ném nhánh cây nhỏ xuống giòng nước trôi  
Kỷ niệm cũ cũng trôi biên biệt

Hà Quốc Bảo, CVA 1960, Washington.

\*\*\*

# NHỚ VỀ MIỀN TÂY

*CVA Đặng Khắc Khánh, CVA 1960, Union City, CA.*

Ngày Cung rời xa quê hương đến nay, tính cũng hơn 20 năm. Thời gian 1/4 thế kỷ vẫn không thể xóa mờ ký ức của chàng với một vùng đất cách xa Cung cả một nửa vòng trái đất. Nắng ấm tại California có để chịu thật, nhưng nắng chói chan tại miền Tây Nam Việt Nam cũng luôn luôn đem lại cho Cung những ngày vui tươi. Làm sao Cung có thể quên được vùng đất trù phú, phong cảnh hữu tình, người dân đôn hậu, hiếu khách khó tìm thấy nơi xứ lạ quê người.

Những ngày ấy, thập niên của nhiều xáo trộn bất an của miền Nam Tự Do, Cung phải tạm xa rời công việc của một Kỹ sư dân sự để lên đường tòng chinh, bảo vệ tự do cho đồng bào của mình tại nửa phần đất còn lại. Cung cũng hiểu miền Nam có những sơ hở như một số lãnh đạo bất tài, bất xứng và những căn bệnh của một quốc gia vừa lấy lại độc lập, việc xây dựng quốc gia không phải dễ dàng. Dầu sao yếu tố trước mắt vẫn là cố giữ cho miền Nam được có cơ hội sinh tồn.

Cung tự nghĩ, đại đa số quân chúng bây giờ đã nhận ra được là xứ mình đâu không còn chiến tranh, sau 1/4 thế kỷ, bất công, đau khổ lan tràn khắp quê hương. Đọc những tờ báo xuất bản tại Việt Nam ai cũng thấy hiện trạng xã hội Việt Nam thoái hóa về đâu. Nạn mãi dâm, buôn bán người, buôn lậu lan tràn sang khắp các lân bang. Thanh niên không có niềm tin vào tương lai, tìm quên trong các tệ đoan như trác táng, hút sách hay lao đầu vào các cuộc đua xe liều mạng. Dối trá, trâng tráo, không còn liêm sỉ là các sự kiện bình thường tại một xã hội bệnh hoạn. Các cao ốc mới xây không che dấu nổi các cảnh nghèo khổ khắp đất nước. Môi sinh bị hủy diệt, núi rừng xơ xác, sông biển cạn tôm cá, nước uống bị nhiễm độc vì các chất dư thừa từ các nhà máy được thải xuống đất đai, sông ngòi vô tội vạ. Người dân Việt trở thành các món hàng rẻ tiền trên thị trường nhân công, bị ức hiếp, chèn ép đủ điều.

Tâm tư Cung quay về với mảnh đất quê hương. Ngày ấy quê hương trong binh lửa; riêng miền Tây tương đối vẫn yên ổn và thịnh vượng.

Thoạt đầu Cung về Vĩnh Long, Sa Đéc, các gia đình Cung quen luôn coi chàng như ruột thịt.

Vĩnh Long có các di tích lịch sử như miếu thờ cụ Phan Thanh Giản. Ngoài ra còn có miếu Quốc Công Tổng Phước Hiệp, sau này có thờ tướng Nguyễn Viết Thanh. Cung ở tại quận Châu Thành, phố xá ngăn nắp và mỗi buổi chiều rộn ràng buổi tan trường của nam thanh nữ tú thuộc Trung học Tổng Phước Hiệp, Cung còn có dịp đi thăm đồng bào nơi xa hơn như qua các quận Chợ Lách, Tam Bình trù phú hay xuống các vùng mới trở lại vùng quốc gia như Hiếu Liêm, Thầy Phó. Chính tại các vùng quê, Cung thấy tận mắt các cố gắng đáng ca ngợi của các anh em cán bộ xây dựng nông thôn như giúp đỡ đồng bào sửa chữa trường, cầu, đường xá.

Tại Sa Đéc, Cung nhìn thấy một cuộc sống dễ chịu của người dân. Những chiều rảnh rỗi, không có gì thú hơn là dạo chơi dọc bờ sông Sa Đéc. Bên này là khu thị tứ, bên kia là Bộ Tư Lệnh sư đoàn 9 và Tòa Tỉnh Trường Sa Đéc.

Qua tới Vĩnh Bình, cuộc sống khó khăn hơn. Đây là vùng đất chưa được phát triển nhiều, thiếu các chương trình xây dựng thích hợp.

Cung có dịp công tác với các cơ quan dân sự để làm các công tác cứu trợ, cứu lụt tại Long Xuyên, Châu Đốc, các vùng đất phong phú nhất, ruộng đất, tôm cá ê hề.

Nếu ở Long Xuyên người ta phải nhớ công khai phá của cụ Nguyễn Công Trứ, bên Châu Đốc ta cũng không thể không khâm phục các công trình đào kinh dưới sự đôn đốc của cụ Thoại Ngọc Hầu. Cung có dịp lái xe lên đỉnh núi Sam để nhìn qua bên kia biên giới Miên. Cung nhớ đến vùng đất này trước kia là biên, nhớ về Vương Quốc Phù Nam, về nền văn minh óc eo.

Cung nhớ về Hải Đảo Phú Quốc với núi rừng xanh thẳm, với vùng biển xanh lơ, nhớ về các vùng núi hiểm trở như Hòn Me, Hòn Sóc. Ngồi trên các ngọn núi này giữa tiếng bom đạn Cung vẫn có cảm tưởng kỳ thú của chuyến picnic tưởng tượng.

Cung nhớ về Rạch Giá với nhà cửa khang trang, các cột an ten tua tủa, nhớ về vùng Cái Sắn, dân chúng rất giàu có, nhà nào cũng có máy cày, máy phát điện.

Kỷ niệm vui của Cung là các chuyến bay khắp bầu trời vùng 4. Trong một chuyến bay trên bầu trời Cà Mau, từ trên cao tít, Cung thấy mũi Cà Mau thân yêu chạy dài xuống phía Nam, thấy căn cứ Hải Quân Năm Căn giữa khu rừng đước bao la. Trong một chuyến bay khác trên bầu trời U Minh xa xôi, dưới kia là mật khu Cộng quân, Cung tự hỏi sẽ làm gì nếu máy bay trực trực hạ cánh xuống nơi này. Tại một chuyến bay khác trong đêm tối sau khi từ Rạch Giá về, vì giông bão không thể xuống Cần Thơ, phi cơ phải đáp xuống Long Xuyên không có đèn đóm gì, chỉ khi xuống đất Cung mới thấy những vạch trắng nhờ nhờ trên phi đạo.

Cung ngậm ngùi khi nghĩ đến các người quen bên kia đại dương. Dầu sao chẳng nữa, vẫn còn những ánh sáng từ xa báo hiệu một buổi bình minh của dân tộc. Các cuộc tụ họp tôn giáo của mấy trăm ngàn người bất chấp các cấm đoán tại La Vang, tại Long Xuyên chẳng phải là tiếng chuông đánh thức dân tộc sau những giấc ngủ dài đầy ác mộng sao.?

\* \* \*

## ***Đầu xuân khai bút***

***Phạm Hữu Thật***

*Nguyên Đán năm nay ta thấy vui.*

*Hân hoan nhân cách hóa xinh tươi*

*Nghinh xuân mở rộng đường vinh hiển*

*Thuận đức thêm nhiều vận thái lai*

*Thế đạo nhân tâm nền hạnh phúc*

*Văn chương thì tứ bút hoa khai  
Lợi danh sự nghiệp trùng phùng hội  
Chính nghĩa công thành thỏa chí trai*

\* \* \*

*Vui vẻ ba ngày tết đã qua  
Tăng thêm một tuổi hắt chưa già  
Trong nhà đầm ấm màu xuân sắc  
Ngoài cửa huy hoàng cảnh nở hoa  
Hưởng lộc hanh thông ơn tổ ấm  
Thu nền gia đạo phước ông bà  
Tết qua nhưng vẫn xuân còn mãi  
Ta có xuân vì xuân có ta*

\* \* \*

*Xuân đi xuân lại biết bao lần  
Giở luật Đường thi gọi mấy vần  
Tắc dạ chân như vui chúc tết  
Tấm lòng thành kính đón mừng xuân  
Bông hoa mưa thấm khoe màu sắc  
Ngọn cỏ sương reo đượm ướt nhuần  
Mong được đón xuân vui mãi mãi  
Nguyện cầu tươi đẹp với thơ văn.*

\* \* \*

# SOI BÓNG HỒ TÂY

Trích hồi ký của Hoàng Chí Kiên, CVA 1961, Seaside, CA

Ngay từ những ngày còn là một học sinh trường tiểu học Nguyễn Du, tên Chu Văn An đã có một sức hấp dẫn đối với tôi. Có thể nói, được là một học sinh Chu Văn An là mơ ước của tôi trong thời niên thiếu. Mùa Hè năm 1954, ước mơ đó đã thành sự thực. Tôi thi đậu vào Chu Văn An trong giai đoạn Thủ đô bất ổn định vì những sự kiện Điện Biên Phủ, Hội nghị Genève chia đôi đất nước... Vì thế, niềm vui lớn này bị chìm trong

những ưu tư của cha mẹ tôi đang đầy ắp trong đầu toan tính dẹp tiệm ở Hà Nội để đi Nam. Tôi là con trai duy nhất, nên cha mẹ tôi muốn đem tôi đi theo lắm. Nhưng về điều này, quyết định tối hậu đến từ bà nội tôi. Bà tôi có cơ ngơi, ruộng vườn ở quê, Người không muốn rời bỏ nơi ghi dấu ấn vui buồn cả một cuộc đời, nơi từng tấc đất đều thấm mồ hôi của ông tôi đã quá cố. Bà tôi lại không muốn tôi đi xa, và cha mẹ tôi chưa bao giờ làm điều gì trái ý Người. Thế là tôi trở thành học sinh Chu Văn An, một niềm vui không trọn vẹn vì phải xa cha mẹ. Ngoài tôi ra, bà còn giữ lại một đứa em gái của tôi nữa.

Trường Chu Văn An lúc đó tọa lạc trước thành Cửa Bắc. Các giáo sư phần lớn từ chế độ cũ được lưu dụng và một số từ vùng kháng chiến trở về. Trong số cũ này, tôi còn nhớ các cụ Can, Tiếp dạy Hán Văn, thầy Dung dạy vẽ, thầy Hường - được học sinh gọi là Đồng Trác vì có cái bụng phệ - dạy Vật lý. Học sinh cũng lẫn lộn, phần đông là những đứa như tôi thuộc vùng gọi là giặc tạm chiếm, và có những đứa trở về từ chiến khu. Tôi xin ghi lại đây vài nhân vật. Đầu tiên là Tính, được gọi là Lục Điền vì nó xuất thân từ một làng ngoại thành, có dáng dấp to lớn nhất lớp nhưng lại thật hiền, đến mức bẽn lẽn như con gái. Từ ngoại thành đến, còn có Tình, thường gọi là Xã Tình, vì đôi mắt toét thường trực như một ông Xã Xệ, theo ấn tượng của dân Hà Nội xưa. Dân nội thành, nổi bật là Luyện, biệt danh Lợn Ý vì thân hình béo mập, một tay mê đảng thiết thợ, có mơ ước trở thành Paven Korsagin, nhân vật trong cuốn tiểu thuyết Liên Xô "Thép Đã Tôi Thế Đây"... Từ kháng chiến về có Khôi, được chúng tôi tôn là "người anh hùng của thời đại" vì theo lời kể lại, nó đã từng làm giao liên, vào sanh ra tử...

Vừa quen thầy quen bạn thì có lệnh chuyển trường. Chu Văn An được tiếp nhận lại cơ ngơi gốc xưa, còn gọi là trường Bưởi, nằm trên đường Thụy Khuê, bên bờ Hồ Tây thơ mộng. Thầy trò xếp sách vở, trong một tuần lễ, cùng nhau đẩy xe ba gác chở bàn ghế dụng cụ từ thành Cửa Bắc về Hồ Tây.

Thật hiếm trường học nào có địa thế đặc biệt, nằm soi bóng bên bờ nước mênh mông như Chu Văn An. Sau này, khi đã ra trường, mỗi lần có dịp bơi thuyền trên hồ, hay đứng trên đường Cổ Ngư (tên mới là Thanh Niên), tôi lại say sưa ngắm bóng những tòa nhà của trường bập bênh theo sóng nước.

Ngôi trường Bưởi, trước 1954, bị Pháp chiếm làm doanh trại quân đội. Khi nhận lại, dấu vết nhà binh còn lại khắp nơi. Học sinh được huy động thu lượm đạn vương vãi, phá mấy chiếc lô-cốt ở ngoài bãi đầu trường để làm sân đá bóng.

Một hôm, theo Khôi dẫn đầu, chúng tôi len lỏi vào những buồng chưa dùng đến và đã tìm ra một số khẩu súng với thật nhiều đạn, lựu đạn. Cả bọn vui mừng vì với khám phá này, lớp chúng tôi sẽ đoạt ngọn cờ đầu trong cuộc thi đua thu nhặt vũ khí. Nhưng trước khi khui đi nộp, Khôi đã lựa lấy một khẩu súng ngắn, vài trái lựu đạn và đây một cặp sách đạn, nói rằng sẽ mở khóa huấn luyện căn bản cho anh em, và khuyên chúng tôi mỗi đứa nên lấy một ít đạn súng ngắn. Tin tưởng vào "người anh hùng", chúng tôi làm theo, và cam kết sẽ không tiết lộ việc này với thầy chủ nhiệm lớp.

Từ đó, cứ sau giờ học, nhóm chúng tôi lại theo Khôi ra mấy căn nhà đổ nát bỏ hoang ngoài bờ hồ tập bắn súng. Khôi mò côi cha mẹ, được chia một căn phòng trong dãy nhà cho cán bộ trong khuôn viên trường. Nó sống một mình, tự túc lo liệu mọi việc, ngoại trừ việc nấu nướng, vì ăn theo bếp tập thể cán bộ. Qua vài lần luyện tập thì chúng tôi biết bắn. Khôi nói, khóa căn bản đã chấm dứt và tiến qua môn ném lựu đạn. Nó giảng giải thật kỹ, từ cách cầm trái lựu đạn, mở chốt, đếm, ném và nằm xuống đất tránh mảnh văng. Lý thuyết xong, Khôi "thao tác" trước làm mẫu. Trái lựu đạn được ném qua một bức tường rớt xuống Hồ Tây. Tiếng nổ ầm vang dữ dội trong trời chiều khiến chúng tôi phát hoảng, xin bỏ môn này, rồi kéo nhau lên xe đạp chuồn thẳng.

Hôm sau đến trường, Khôi đón chúng tôi với nụ cười tự đắc. Nó dẫn chúng tôi tới phòng riêng, đưa ra một nồi cá kho. "Cá bị chết vì lựu đạn đây, các cậu ăn đi." Chúng tôi nhìn Khôi khâm phục. Nhưng không tự hào được lâu. Giờ học đầu tiên, có người công an vào lớp nói chuyện về "phòng chống bọn phản động do địch cài lại". Viên công an nói rằng theo phản ảnh của nhân dân, thì bọn phản động có vũ trang thường xuất hiện gần khu vực trường, đã nhiều lần nghe được tiếng súng... Viên công an nói hết, Khôi liền đứng lên nhận là nó có giữ súng và thỉnh thoảng tập bắn, chứ không có bọn phản động nào cả. Rồi nó dẫn viên công an đi về phòng lấy súng. Thầy chủ nhiệm của lớp, tên là Nguyễn Quốc Tương, giận lắm. Thầy cũng từ khu chiến về, ở tập thể trong trường, mà không hề biết việc này. Thầy thuyết một hồi về tầm nghiêm trọng của sự việc, nào là

giữ súng là phạm pháp và nguy hiểm, nếu lọt vào tay kẻ xấu thì..., và đoán quyết rằng ngoài Khôi ra, còn có học sinh khác dính líu. Thầy yêu cầu mọi người tự giác nhận trách nhiệm. Mấy trụ trong "khóa căn bản" chúng tôi lần lượt đứng dậy. Cả bọn phải lên Ban Giám Hiệu làm kiểm điểm. Và như một sự ngẫu nhiên, những trò nghịch ngợm ngây thơ và đôi khi nguy hiểm của tuổi học trò đã chấm dứt cùng với vụ súng đạn này. Cuộc đời học sinh vẫn tiếp tục, nhưng chúng tôi phải nhìn thế sự với cặp mắt cân trọng hơn, càng ngày càng đậm màu sắc chính trị và đấu tranh giai cấp.

Việc nghiêm trọng đầu tiên là sự kiện Tính Lực Điền lấy vợ. Hè gần đến, kỳ thi cuối năm đã xong, mọi người chỉ nghĩ đến nghỉ ngơi. Một buổi sáng, nhân lúc thầy chưa vào lớp, Tính tiến lên trước bục, rụt rè nói: "Xin các anh cho tôi có đôi lời. Chủ Nhật tới, gia đình tôi sẽ cưới vợ cho tôi. Thầy U tôi có lời mời các anh về làng tôi chia vui với gia đình!". Lời của Tính thật nhẹ nhàng, nhưng có tác dụng như trái lựu đạn ngoài Hồ Tây hôm nào. Bởi vì chúng tôi còn quá nhỏ, hơn nữa lớp mới gia nhập đội thiếu nhi quàng khăn đỏ, đa số chưa để ý tới chuyện bồ bịch, chứ đừng nói tới vợ con. Sau phút ngỡ ngàng, chúng tôi bùng lên hoan hô. Một thằng tên là Hạnh, biệt danh Hạnh Min vì cái mặt rỗ, hét tướng lên. "Chúc Tính lấy vợ đẹp và đô!". Cả lớp hòa theo, reo hò ầm ĩ, và chúng tôi chợt nhận thấy Tính quả là "lớn" hơn mọi người.

Buổi tối, tôi nói chuyện Lực Điền với bà tôi. Bà nói: "Nhà quê, tuổi như cháu là lấy vợ rồi. Ngày lấy ông mày, bà mới có 11 tuổi thôi. Thế mà cằng đáng cả một gia đình." Rồi bà kiếm một bộ ấm chén uông trà thật đẹp, đóng gói cẩn thận, đưa cho tôi, bảo cho Lực Điền làm quà cưới.

Nhóm chúng tôi góp các món quà lại và trao cho Tính tại lớp. Tính tiếp nhận rất trân trọng, nói rằng: "Thầy U tôi sẽ mừng lắm, cảm ơn các anh. Thế nào các anh cũng phải đi dự đám cưới tôi mới được." Từ ngày công bố tin cưới vợ, Tính có vẻ chững chạc hẳn lên, tuy rằng từ ngày nhập học đến nay, nó luôn luôn xưng hô "anh - tôi" với mọi người, không bao giờ "mày - tao" cả.

Chủ Nhật, cả chục đứa chúng tôi đạp xe về quê Tính Lực Điền, qua khu Quảng Bá, nhưng phải đi thêm chừng nửa giờ. Tới làng, khi biết chúng tôi là bạn học của chú rể, một người vui vẻ dẫn đến tận nhà, và một chú bé khác cắm cổ chạy về trước báo tin. Chúng tôi hơi choáng vì đám cưới đông quá. Chiếc sân gạch rộng bằng bốn sân bóng chuyền, đã được căng vải che nắng, đầy kín các mâm cỗ. Vợ chồng Tính cùng thầy u ra tận ngõ đón chúng tôi. Tôi chăm chú nhìn cô dâu, chợt nhớ lời Hạnh Min xuất khẩu ở lớp, thấy rằng đúng một nửa. Tính vốn to lớn hơn hẳn chúng tôi, gần bằng một người lớn rồi, thế mà vẫn nhỏ con hơn chị vợ. Vợ Tính là một cô gái quê to lớn, thân hình chắc nịch, đáng bậc chị. Thầy của Tính trịnh trọng nói: "Các thầy khóa đã tới, thật là quý hóa cho nhà chúng tôi quá." "Các thầy khóa nhí" chúng tôi ngượng nghịu chào lại. Tính ra dáng chủ nhân, thân mật dẫn mọi người ra bể nước. "Các anh rửa mặt cho mát, rồi lên nhà trên dùng cơm." Dân làng nhìn thẳng vào chúng tôi như nhìn những vật lạ. Chắc họ ngạc nhiên vì các "thầy khóa" bạn của Lực Điền sao lại nhỏ con quá.

Chúng tôi được dẫn lên nhà, có một mâm cỗ chờ sẵn. Sát tường, trong chiếc tủ kính, những món quà cưới được trưng bày. Bộ ấm chén của tôi có vị trí trung tâm. Một tay tên là Lê Quang Nhân, dân phố Thuốc Bắc, đưa cho tôi một tấm chướng đỏ, thêu bốn chữ Hán màu đen rất nổi. Tôi phải đóng vai đại diện của "phái đoàn", trao tấm trướng cho gia chủ. Trong khi các thành viên của phái đoàn khúc khích cười, tôi phải làm nghiêm, trịnh trọng nói lời chào mừng hai họ, chúc cô dâu chú rể trăm năm hạnh phúc. Thầy Tính nhận tấm trướng. Tính đọc bốn chữ "Bách Niên Hảo Hợp" và giải nghĩa cho thầy u. Ánh mắt dân làng lộ vẻ khâm phục, vì Tính cùng chúng tôi quả xứng đáng là các "thầy khóa" chớ chẳng chơi! Sau thủ tục hiếu hỷ, chúng tôi vào mâm. Thời tiết oi ả, ruồi bay rầm rộ khắp nơi. Có mấy "thầy khóa" thấy bày ruồi lẫn xả oanh kích các đĩa thịt, đành bỏ không dám động đến, chỉ moi ít xôi ăn cầm chừng. Thầy của Tính lâu lâu lại ghé mâm chúng tôi, lo tiếp thêm thức ăn, tay đập ruồi chan chát, vui vẻ nói: "Ruồi ở đây tuy nhiều hơn ngoài tỉnh, nhưng được cái nó lành lắm! Các thầy đừng lo, cứ ăn uống tự nhiên cho."

Sau này nghĩ lại, tôi thấy đó là đám cưới theo tục tảo hôn cuối cùng tôi được dự, cũng là đám cưới đầu tiên tôi dự với tư cách khách. Kể như tôi đã "vào đời".

Mùa Hè 1955 thật sôi động. Toàn miền Bắc bước vào cuộc Cải Cách Ruộng Đất rầm rộ. Lâu lâu, chúng tôi lại đạp xe ra ngoại thành chứng kiến một cuộc hành quyết "địa chủ đại gian đại ác trả nợ máu cho nhân



dân". Ở Hà Nội, cuộc Cải tạo Công Thương Nghiệp Tư bản Tư doanh cũng khởi sự.

Hết Hè, chúng tôi trở lại trường với tâm trạng vui mừng lo âu lẫn lộn, nhất là với những gia đình có ruộng đất dưới quê như nhà tôi, hay con em các chủ doanh nghiệp ở thành phố như nhà Lê Quang Nhân. Mừng vì gặp lại bạn bè, thầy cô. Lo vì không biết các sự kiện ngoài xã hội có làm sự học bị gián đoạn không. Nhiều thay đổi diễn ra ở trường. Miền Bắc áp dụng hệ thống giáo dục phổ thông 10 năm. Trường tôi có tên là Trường Phổ Thông Cấp II Chu Văn An, tương đương Middle School. Còn trường Phổ Thông Cấp III Chu Văn An tương đương với High School. Các giáo sư lưu dụng nghỉ dạy gần hết, trong đó tôi nhớ nhất là các cụ Can và Tiếp dạy Hán Văn, được học sinh kính trọng như biểu tượng của nền cô học uyên thâm đang tàn lụi. Không còn các môn sinh ngữ như cũ là Anh, Pháp và Hán văn nữa. Thay vào ba môn đó, học sinh chỉ được học một trong hai ngoại ngữ là Nga văn và Trung văn, do các thầy cô kháng chiến đảm nhiệm. Tôi được xếp vào lớp học Trung văn, môn này, về mặt chữ cũng là Hán văn, nhưng phát âm giọng Bắc Kinh. Môn học nữa là Chính trị, tuy mới nhưng lại có tầm quan trọng bậc nhất, quyết định vận mạng tất cả chúng tôi. Bạn bè cũng thay đổi. Tính Lực Điền nghỉ học, chúng tôi thắc mắc không biết nó có bị dính dáng vào Cải cách Ruộng đất không, chứ ngày đám cưới, xem chừng nhà nó cũng khá. Xã Tình tuyên bố trước lớp là nó không chấp nhận cái danh hiệu "Xã" sắc mùi phong kiến địa chủ nữa, nếu ai còn gọi nó như thế là mất lập trường! Luyện Lợn Ý có vẻ bớt chút ít mỡ, da đen lại. Nó kể chuyện hè đi công trường lao động hai tháng để rèn luyện phong cách Paven Korsagin. Chúng tôi gọi nó là Paven và nó hài lòng với danh hiệu này lắm.

Vào học được hai tuần thì bà tôi giấu tôi lên về quê. Bà có người con trai nữa, tôi gọi bằng chú. Chú tôi đi kháng chiến về, chức vụ Trung Tá. Trước cuộc Cải Cách, chú ghé về nhà, dặn bà tôi phải ở luôn ngoài Hà Nội với tôi, đừng về quê nữa, rồi chú đi biệt luôn. Hà Nội thời đó, cũng như đệ tam quốc gia của người tỵ nạn bây giờ, những "địa chủ" nếu trốn được về thành phố thì coi như thoát nạn, không bị hành quyết hay bắt đi cải tạo. Bà nghe lời, giao công việc, nhà cửa dưới quê cho một người con nuôi, anh em chúng tôi gọi là chú Bái, trông nom.

Sau khi bà về quê, trời nổi bão mấy ngày. Tôi phải chờ bão tan rồi lặng lẽ đạp xe về làng, cách Hà Nội chừng hai chục cây số, để tìm cách đưa bà ra Hà Nội. Mười tám cây số đầu là đường nhựa, tôi đạp xe đi dễ dàng. Hết đường nhựa là con đường đất còn nhão nhoẹt vì mưa bão. Xe bị đất bùn bám đầy, tôi phải quăng xuống dưới nương nước. Tôi biết, thời gian đó, mỗi làng quê là một khu biệt lập với thế giới xung quanh. Người như tôi, có thể vào mà không ra được. Nhưng vì lo lắng cho bà, tôi nhất quyết đội nắng, đạp bùn mà về.

Chú Bái gặp được tôi ngoài bãi đầu làng và giữ tôi lại không cho về, vì biết rằng họ sẽ bắt tôi, như bà tôi đang bị cô lập tại nhà. Tôi ở lại với chú đến đêm khuya, lên về chứng kiến một cảnh đấu tố, rồi mới trở ra. May mắn thay, chỉ một tuần sau, chú Bái và một số người khác đã dàn xếp để bà tôi trốn khỏi làng. Lần ấy, bà nội tôi, hơn bảy mươi tuổi, đã vừa đi vừa chạy một mạch hai chục cây số từ làng ra Hà Nội mà không có một sự tập luyện nào trước như các lực sĩ Olympic. Giá tự do bà tôi phải trả là một trận ốm vì kiệt sức gần ba tháng. Sau đó, Nông hội làng gửi văn thư ra, công bố bà tôi là địa chủ, toàn bộ tài sản và ruộng đất bị tịch thu, ngoài ra bà còn nợ họ hơn trăm ngàn tiền thoái tồ nữa...

Một buổi chiều trên đường từ trường về nhà, tôi nghe tiếng gọi. Nhìn lại, thì là chú tôi. Chú đứng trước cửa đền Quan Thánh, trong bộ quân phục thường lệ. Chú cháu ngồi nói chuyện trên một chiếc ghế ở đường Cổ Ngư. Chú hỏi tôi về tình trạng của bà. Tôi nói bà sắp bình phục rồi và nhớ chú lắm. Nhưng tôi cũng trách chú đã không dám đem lính về làng cứu bà, như bao nhiêu sĩ quan khác. Chú tôi có vẻ có nhiều điều trong bụng mà không dám nói ra. Chú chỉ dặn tôi hãy chăm sóc bà, kiên trì giữ việc học hành. Rồi chú cháu lại chia tay.

Nhà trường công bố kế hoạch, sau kỳ thi học kỳ I (nửa niên học đầu), toàn trường sẽ xuống xã lao động một tuần lễ. Lần đầu, chúng tôi nghe từ ngữ "xuống xã", tức là đi về các làng quê, làm việc cùng với dân làng để học tập qua lao động thực tế. Tôi gặp Hạnh Min, nhà nó ở đường Phùng Hưng, xin học cách gánh nước. Nhà Hạnh không có máy nước, đêm nào nó cũng phải xếp hàng ngoài máy công cộng để gánh nước về dùng. Qua những kỳ lao động tại trường, như phá lô-cốt, dẹp sân bãi, tôi biết Hạnh gánh rất cừ, trong khi bọn chúng tôi thì khốn khổ với môn này. Gánh được ít, đi thì cong lưng, rứt cổ, rồi hôm sau còn kêu đau lưng nhức mỏi... Hạnh nói tôi không phải học, mai một xuống xã, tha hồ gánh lúa. Tôi nói rằng thời thế đã khác. Trước đây, tôi làm dù ít dù nhiều, đều được khen là có cố gắng cả. Ngày nay, nếu tôi không làm được, chúng sẽ nói là con



nhà địa chủ, bóc lột quen rồi, chỉ biết ngồi không ăn bám. Mà tôi không muốn gia đình tôi bị nêu ra trong bất cứ trường hợp nào. Kỳ này xuống xã, tôi phải tỏ ra là một tay lao động ngon lành, mà môn gánh đứng đầu sỏ. Hạnh thông cảm, suốt mấy tối, nó huấn luyện tôi thao tác gánh nước từ nhẹ đến nặng, với "kỹ thuật" và "bộ pháp" nhịp nhàng, uyển chuyển. Sau "khóa học", tôi biết được, với bước chân đúng nhịp và một cây đòn gánh có độ dẻo thích hợp, sự nặng nhọc của công việc giảm đi 50%. Suốt cuộc đời lao động của tôi sau này, tôi thường nhớ đến Hạnh Min như một người học trò nhớ thầy vậy.

Ngày xuống xã tới, vào thời kỳ lạnh và khô ráo. Chúng tôi hăm hở đạp xe ra ngoại thành. Chẳng mấy chốc mà môn lao động. Nhưng được quãng sách vở đi sau một kỳ thi căng thẳng cũng có cái thú vị của nó. Hai bên đường quê, một màu lúa chín vàng tỏa hương thơm ngát. Cả lớp, chỉ có Luyện Paven là chững chạc. Thấy anh em cười đùa, nó luôn luôn nghiêm mặt nhắc nhở rằng kỳ đi này cũng là học tập, học tập từ thực tế cách mạng, học tập từ quần chúng công nông, để tẩy xóa đầu óc "nhất sĩ nhì nông" phong kiến, chứ không phải đi chơi!

Chúng tôi được chia ra từng nhóm ba bốn đứa, ở trong nhà dân. Sau Cải cách, nhà nào cũng có ruộng. Chúng tôi phụ với gia đình mình ở trong việc thu hoạch. Ngon lành nhất, tất nhiên là những đứa có gia đình làm ruộng, như Xã Tình. Nó làm được mọi việc, gặt, bó, gánh, đập... Công phu huấn luyện tôi của Hạnh Min tỏ ra kết quả. Tôi gánh lúa thật dẻo dai trong khi đa số làm việc trông thật thê thảm. Nổi bật nhất là Luyện. Đây chính là môi trường để nó trở máu Paven, xả thân làm việc theo đúng nghĩa đen của chữ đó. Ruộng lúa "nhà nó" ở gần nương nước. Nó xoay cho được một chiếc thuyền nan, một chiếc xe ba-gác, mượn của các gia đình khác, chứ "nhà nó" không có mấy thứ đó. Lúa gặt từ ruộng, chất lên thuyền. Mấy đứa buộc dây kéo thuyền đi. Bờ nương gập ghềnh không bước nhanh được, đã thế mấy "thuyền phu" còn lên giọng hòa nhau hát bài "Kéo Thuyền Trên Sông Volga", làm việc mà như đang thực hiện một hoạt cảnh vậy. Luyện nóng mặt, nhảy tùm xuống nương nước lạnh buốt, ngập tới bụng, hồi hả đẩy thuyền lướt đi. Hết nương nước, lúa được chất lên xe ba-gác. Phần này thì sáng kiến của "Paven" được anh em hoan nghênh, vì tránh được cảnh lúa vàng nặng trĩu trên vai. Không muốn phí thời giờ, mỗi khi chất lúa lên xe xong là Luyện cầm cày xe, để những đứa khác đẩy. Nó cố chí không gỡ những con đĩa bám vào chân, để chúng tỏ tinh thần tập trung vào lao động, tinh thần không sợ gian khó mà ở đây tiêu biểu là những con đĩa trông thật ghê tởm với dân thành thị. Máu từ vết đĩa cắn chảy ròng ròng quanh chân Luyện để lại những ấn tượng không bao giờ phai mờ trong chúng tôi.

Một tuần lao động dần dần trôi qua. Ngày cuối cùng, chúng tôi chỉ làm việc một buổi. Còn một buổi để tắm giặt, thu dọn, kiểm điểm, và được ăn một bữa liên hoan chia tay với dân làng. Sau bữa cơm tối, nhóm chúng tôi lững thững ra gò đất đầu làng, ngồi nhìn về Hà Nội, nói chuyện vãn. Tôi cố suy nghĩ về những điều "học" được tuần vừa qua. Gọi là học cũng đúng, vì biết được nhiều cái tôi chưa hề làm trước đây trong công việc thu hoạch lúa. Nhưng có thực sự cần phải học những việc thật đơn giản đó không? Phía xa xa, nơi sáng ánh chiếu lên một vùng trời, là Thủ đô Hà Nội. Giữa đó và đây, là gần nửa thế kỷ văn minh cách biệt. Mà ngay ở đó, trình độ khoa học cũng có khoảng cách tụt hậu gần nửa thế kỷ với thế giới bên ngoài. Chúng tôi nên vươn ra thế giới để học hay lui về đây để học? Người không có sự hiểu biết đáng kể cũng có câu trả lời đúng về điều này. Như vậy, tuần qua chúng tôi không về đây để học như các thầy vẫn nói. Chúng tôi về đây để chuẩn bị cho sự thay đổi lối sống trong tương lai, và vì những điều người ta không muốn nói thẳng cho chúng tôi biết.

Nhìn vàng trắng tỏa ánh sáng dịu dàng lên cảnh vật, tôi chợt bồi hồi nhớ những mùa trăng đầm ấm xa xưa. Tôi muốn gửi nỗi nhớ thương đến Cha Mẹ, các em tôi, giờ đây đang ở phương Nam xa mù mịt. Nghĩ đến bà tôi, một niềm thương dâng lên khiến tôi thấy đau nhói trong tim. Chắc lúc này bà đang lo lắng sao cho anh em tôi có một cái Tết vui vẻ đang tới chừng hai tuần nữa, trong cảnh Người đã trắng tay.

Tuần lễ vừa qua cho tôi hiểu một điều. Cuộc sống của tôi sẽ còn thay đổi nữa. Và xem chừng không biết bao giờ mới khá hơn. Nhưng nếu bây giờ, ở tuổi mười lăm, tôi có thể vượt qua các thử thách đầu tiên, chắc chắn tôi sẽ tiếp tục chịu đựng được, dù đời có cay nghiệt bao nhiêu. Tôi nguyện với lòng mình, dù sao cũng phải thành đạt, để đền đáp công ơn của bà nội.

Tạm kết.

Tính Lực Điền như biến mất khỏi cõi đời, vì chúng tôi không bao giờ thấy hay nghe được tin tức gì về con người ấy. Luyện Paven sau khi hoàn tất cấp II đã xung phong lên một công trường trên miền núi, gia nhập đảng rất sớm và có tin anh ta bỏ xác chốn rừng thiêng. Rất nhiều bạn tôi bỏ học vì sự sụp đổ kinh tế gia đình, để trở thành công nhân các nhà máy quốc doanh, các hợp tác xã thủ công nghiệp. Phần đông số này đã bị gọi đi "nghĩa vụ quân sự" vài năm sau để làm người "sinh Bắc tử Nam". Số còn lại cố gắng bám lấy sự học để cầu mong một tương lai khác hơn.

Riêng tôi, may mắn hơn nhiều Chu Văn An cùng khóa cả cấp II lẫn cấp III, sau bao phen xuống chó mà chẳng lên voi, đã vượt thoát để được sống tự do trên đất Mỹ. Nhiều lúc nhớ lại một thời đại của mọi sự đảo lộn, tôi rút tỉa vài kinh nghiệm làm chất liệu để viết thành những truyện ngắn đã được in trong tập "Khi Áo Ảnh Biến Mất", như ghi lại những kỷ niệm thăng trầm của một đoạn đời.

Khi niên thiếu, tôi mơ được là học sinh Chu Văn An. Nay gần tuổi về hưu, tôi mơ có ngày được đóng góp công sức với Chu Văn An canh tân lại nền giáo dục liên tục xuống dốc từ thuở tôi mới nhập trường, được làm sạch lại Hồ Tây đã ô nhiễm nặng nề. Có một ngày, Chu Văn An của chúng ta lại thăng hoa trong việc đào tạo các thế hệ tương lai. Có một ngày, tôi lại được ngắm Chu Văn An soi bóng Hồ Tây trong xanh thơ mộng. Cứ mơ đi, sẽ có một ngày, vì tinh thần Chu Văn An còn sống mãi./.

Hoàng Chí Kiên, CVA 1961, Seaside, CA

\* \* \*

# TẬP HỢP CHU VĂN AN

**Lưu Văn Vịnh, Eldridge, CA**

*Nguyễn Trãi 1953-54, & 56-57*

*Hồ Ngọc Cẩn 1954-56*

*CVA 1957-60*

Tôi đứng trên núi Côn Sơn, từ Bàn cờ Tiên, nhìn sang dãy núi bên kia, chạy dài hào hùng chân trời, với những chòm mây ngập ngừng như trĩu nặng hồn cổ nhân, là núi Phượng Hoàng, nơi Chu Văn An làm nhà qui ẩn, dưới chân núi còn di tích đền thờ bậc đại Nho sư biểu 700 năm trước ! Bên này thông reo lòng lộng " *Côn Sơn có suối nước trong* ", bên kia như có tiếng gầm của con sư tử " *thất trăm só* "... ở quanh đây, dường như trên đầu, dưới chân, vòng ngực, bờ vai... có tiếng chiêng trống lệnh công của tiên nhân lớp lớp xoay quanh, từng đọt, từng đọt, làm tóc dựng lên theo cờ đuôi nheo phân phật, cả đến thịt da cũng sờn lên như vẩy rồng gai ốc !

Tôi bỗng nghe tiếng trống tập hợp mùa tựu trường một thu xưa khi hoa phượng đỏ còn rơi đầy ven hồ Hoàn Kiếm và tiếng ve còn đang đọc thuộc lòng khúc nhạc thiên cổ cho lá me cành sấu nồng nồng hơi nắng .

Bước chân nhỏ bé cắp sách đi học này là bước thứ bao nhiêu trên lớp sóng sĩ tử đất Việt sửa soạn cho cuộc hành trình không bờ bến mà cha anh đã đi, đã đến, đã gục, đã ngã, đã đứng, đã ngồi, đã chạy... cho dân tộc bên bờ biển Đông ? Bao tiếng " thùng, thùng, thùng... tùng ,tùng tùng... " vang lên giữa sân trường, nghiêm như súng lệnh cho một thế hệ tiến lên, thiêng liêng vang dội trong tiềm thức những đứa con sông Lô núi Tản, để rồi sáng nay, một ngày cuối năm mờ mờ sương khói, nắng hanh vàng loang loáng đời thông, lại trở về từ ngàn dặm để nghe lời cổ nhân trầm trầm trong hơi gió, ngào ngào trong lớp mây !

Có cái gì làm cho những đứa trẻ cùng cầm cúi viết những hàng chữ mực tím nay trở thành " gà cùng một mẹ " bất hòa với nhau ? Có cái gì làm mái đầu xanh cùng học một câu " chó hoai đá nhau " nay trở thành bên ni bên nớ ? Cùng một Thầy, thầy Chu Văn An, thầy Nguyễn Trãi, ...nhưng trò bị đầu độc , đầu độc mà không biết, vì Ma và Quỷ ăn vào chất xám, làm điên đảo từ Ý đến Niệm, từ Ngôn đến Từ, từ Tri đến Hành... nhất quỷ nhì ma... trở thành những vong thân mặc áo giấy xanh đỏ, trương lên những lá bùa sớ quân của bọn phù thủy duy lý ngoại lai, để rồi chém giết nhau trên núi trên rừng, dưới hầm dưới hố, ăn bánh vẽ khi thế giới ăn bánh thật, chui địa đạo với giun rắn khi thế giới lên quỹ đạo mặt trăng... mà cứ tưởng là dân tộc mình đứng trên đỉnh cao trí tuệ với ba triệu bộ xương nằm chật Trường sơn Đông hải !

Nhưng thiện tâm Bụt tính vẫn còn đầy, sau cơn lốc mê tâm, chất độc đã thải, dân tộc vẫn cùng một mẹ, chất xám vẫn cùng một Thầy, các Thầy Chu Văn An, Nguyễn Trãi... và xa xa 5 km Vạn Kiếp kiếm khí Lục Đầu Giang lời Hịch năm xưa vẫn ngồi ngồi trên đầu sóng bạc. Chẳng một ai có thể làm mờ đi sông núi vàng vạc Đầu Ngưu, chẳng ngoại lai điên đảo tưởng nào có thể làm cong đi những cây trúc thẳng, các Thầy không mất, các Thầy vẫn còn đây, lớp lá này rụng xuống vì sâu mọt, lớp lá lành từ thân tre trúc của các Thầy lại mọc ra, lá lành đùm lá rách, lá lá đồng qui vào gốc vào ngọn xoay quanh thân Thầy thẳng đứng giữa núi Tản sông Lô... có cơn gió nào mà lay động nổi lớp lá xanh mọc đồng qui trên cơ thể dân tộc ? có giông bão nào làm bật đọt gốc trúc gốc tre !

LƯU VĂN VINH

*Chân núi Phượng 1999*

Núi Phượng Hoàng mờ mờ chân trời xa

nhìn từ triền núi Côn Sơn

Trên đỉnh Côn Sơn nhìn sang núi Phượng Hoàng ( Phía trái )

\* \* \*

# CÂU TRUYỆN CỤ TRẠNG TRÌNH

(Do CVA Đỗ Đăng Tiến sưu tầm và viết)

Ai cũng biết từ xưa tới nay tại Việt Nam chỉ có Cụ Nguyễn Bình Khiêm, Trang Trình là hơn tất cả về hiểu biết. Cụ biết 500 năm về trước, và 500 năm về sau. Cụ có nhiều thơ sấm viết thành sách để lại. Các chuyện Cụ viết thường liên quan đến vua quan, nhất là liên quan đến nhà Nguyễn. Vì có nhiều điều nói những cái không hay cho các vua quan, nên đã có lần vua Tự Đức đã đổi khác đi bằng cách đảo phần đầu xuống phần cuối, phần cuối lên phần đầu, phần giữa cũng đổi lung tung, nên khi xem, người ta không hiểu đầu vào đầu cả.

Trước đó, đời vua Minh Mạng, vì cảm thấy cay cú với những lời thơ sấm của Cụ Trạng, nên sai ông Nguyễn Công Trứ đem lính phá đền thờ của Cụ. Đền thờ có hai cung nội và ngoại. Sau khi cho lính phá tan cung ngoại rồi, ông Nguyễn Công Trứ cho lính vào phá cung trong. Ngay trước cửa cung bên trong có một cái bia bằng đá có đề bảy chữ: Trước mạng cờ triều Nguyễn Bình Khiêm. Thấy hàng chữ này, ông Nguyễn Công Trứ nghĩ rằng ngày xưa cụ Trạng giỏi, chắc lúc chết có nhiều tài liệu quý báu cất giấu dưới tấm bia đá này chẳng. Nghĩ vậy ông bèn ra lệnh cho binh sĩ đẩy tấm bia đá cho đổ xuống, thì dưới bia đó có hàng chữ: Minh Mạng thập tứ, Thằng Trứ phá Đền, phá đền thì lại làm đền, nào ai cướp đất tranh quyền của ai ?

Sau khi đọc mấy hàng chữ ấy, ông Nguyễn Công Trứ giật mình hoảng kinh, mồ hôi toát ra, nên ông không dám sai quân phá nữa, mà cấp tâu vào kinh đô tâu sự việc lên vua Minh Mạng. Sau khi nghe tâu sự việc, vua Minh Mạng cũng cảm thấy chột dạ, nên ra lệnh cho xây lại như cũ. Cụ Trạng Trình sinh vào đời nhà Lê, tới đời Minh Mạng nhà Nguyễn, trải qua đã 300 năm mà Cụ biết trước như vậy.

Câu truyện thứ hai của cụ Trạng Trình:

Cụ biết có một đứa cháu đích tôn thứ tư bảy đời của Cụ sẽ rất nghèo, nghèo lắm. Cụ muốn giúp người cháu ấy. Cụ viết một bức thư, niêm phong trong một bao thư nhỏ, và dán trên xà nhà. Cụ dặn con cháu sẽ truyền lại cho đứa cháu thứ tư bảy đời, đúng ngày ấy, giờ ấy, năm ấy, tháng ấy, bảo đứa cháu thứ tư bảy đời đem theo bức thư ấy đến quan Huyện thọ bạc, đừng để mất thời, đừng nhờ kẻ khác, phải đúng giờ ấy là phải có mặt tại chỗ.

Đúng đến ngày, giờ, tháng, năm ấy, người cháu thứ tư bảy đời của cụ Trạng quả thật quá nghèo, đem bức thư của cụ Trạng đến huyện đường gặp quan Huyện. Lúc bấy giờ quan Huyện đang ngồi ở thư án đọc sách, nghe người hầu trình có thư của cụ Trạng Trình gửi do người cháu thứ tư bảy đời của Cụ mang tới, thì lấy làm lạ, vội rời thư án ra xem sự việc hư thực ra sao. Khi quan Huyện rời chỗ chẳng bao lâu, thì cái xà nhà rơi trúng ngay chỗ vừa ngồi đọc sách của quan Huyện! Sợ quá, nhưng ông cũng cố trấn tĩnh để ra đón tiếp lá thư xem trong thư viết những gì. Khi mở thư ra đọc đại ý: Ông giúp đứa cháu bảy đời của ta, thì ta giúp ông khỏi bị xà nhà đè chết. Sau khi xem xong bức thư, quan Huyện toát mồ hôi, vội ôm chầm người cháu bảy đời của cụ Trạng và nói: Nếu không có anh đến đây kịp thời thì tôi đã bị cái xà nhà đè chết rồi, đâu còn được hân hạnh đọc cảm nang của cụ Trạng nữa!

Sau đó quan Huyện tậu đất, dựng nhà, và giúp cho người cháu thứ tư bảy đời của cụ Trạng có một đời sống tốt đẹp.

Cụ Trạng Trình chỉ là người học Phật mà đã biết năm trăm năm về trước và năm trăm năm về sau, còn Đức Phật thì thấu suốt vũ trụ từ vô thủy đến vô chung trong đó có loài người và tất cả muôn loài.

Đỗ Đăng Tiến, CVA 1959 – Milpitas, CA.

\* \* \*

Trích

# CHÚT HẠNH PHÚC CÒN LẠI

*CVA Trần Việt Sơn*

Hắn chợt tỉnh vì những giọt nước lạnh ngắt đang rơi xuống đầu cổ từ chỗ đột ngay trên chỗ hắn nằm. Bên ngoài trời đang mưa. Căn phòng tối đen. Hắn quơ tay xuống gầm giường tìm cái chậu con mà vợ hắn vẫn xếp vào đấy mỗi tối để hứng nước. Chiều nay hắn đã định về sớm để sửa lại cái mái tôn đã mục gần hết. Hắn vừa xin được mấy miếng tôn cũ của tên bạn mới đi Mỹ. Cái thằng loay hoay mãi rồi cũng thoát. Cũng vì nhớ đến nó nên lúc chiều thay vì đạp xe về thẳng nhà hắn lại quẹo xuống thẳng Đen, kéo nó ra cái quán xí quách đầu đường và giờ đây hắn chẳng nhớ làm sao hắn có thể về được đến nhà.

Mưa càng lúc càng lớn. Tiếng nước rơi dồn dập trên mái thỉnh thoảng ngắt nhịp vì một cơn gió mạnh. Hắn mò tay vào túi quần tìm gói thuốc. Cũng may còn được một điếu nhãn nheo, xệu xạo. Hắn rít dài. Đầu điếu thuốc cháy đỏ thỉnh thoảng lại loé sáng nõ lách tách khi gặp những cọng thuốc lớn. Thuốc lá đen vẫn vậy. Cái thằng không biết đang làm gì nhỉ. Nhận được thư nó gần đây dù cô dâu nhưng mình biết cu cậu cũng đang nản lắm. Cũng đúng thôi. Cái thứ cực đoan dân tộc như nó thì dễ gì tìm được một chốn thông dong nơi xứ lạ. Ấy thế mà trong đám bạn thân nó vẫn là thằng có số may nhất. Tụi thằng Tuấn, Vân Đen, Thọ Điện vẫn thường nói vậy. Còn hắn thì chúng nó bảo mày có cái số phá đụn đi ăn mày. Thật không hắn không rõ, chỉ biết là.

Hắn đã có một cuộc sống thật đầy đủ, đầm ấm và hạnh phúc cho đến năm hắn mười tám tuổi. Bố mẹ hắn, mà sau này hắn mới biết là bố mẹ nuôi, không giàu, nhưng cũng có bát ăn bát để mà nhất là chỉ có một mình hắn nên cưng chiều hết mức. Nhà hắn ở miệt Phú Thọ lò da gần trường đua Phú Thọ. Ngày mới di cư vào Nam năm năm mươi tư bố mẹ hắn đã mua rẻ cả một khu đất rộng xinh lầy ầy với giá rẻ mạt để sau này bán dần từng khoảnh với cái giá đương nhiên là khác rất xa với giá mua.

Thừa bé hắn ốm yếu lại đau vặt quanh năm. Sau một cơn bệnh ngặt nghèo lúc tám tuổi hắn mắc thêm tật nói ngọng và biệt danh Thảo Ngọng đã theo hắn từ đấy qua bảy năm Chu Văn An và mãi đến bây giờ. Bốn năm Trung học đệ nhất cấp của hắn trôi qua một cách bình thường. Hắn không học giỏi nhưng cũng không quá dốt. Mọi môn hắn đều ở mức trung bình chỉ đặc biệt có cái môn Việt Văn và Vẽ là nổi bật. Hắn viết văn, làm thơ thật nhanh và có hồn. Bạn bè vẫn bảo hắn làm thơ nhanh như trẻ con đi tuốt nhưng khổ nỗi hắn lại dốt ngoại ngữ nên cuối cùng theo sự góp ý của giáo sư hướng dẫn, thầy Hùng, hắn đã chọn theo ban A. Quả nhiên ngay từ những giờ vạ vật đầu tiên năm Đệ Tam hắn đã là học trò cưng của giáo sư vạ vật Minh mù thường được thầy nhờ lên vẽ bảng.

Năm Đệ Tam hưởng nhàn trôi qua không có gì đặc biệt. Đến năm Đệ Nhị viễn ảnh " rớt tú tài anh đi Trung sĩ " làm lạnh cả những đấng học trò thích chơi nhiều hơn học nên hắn đành tạm chia tay với những Brodard, Pagode, Chiều, Bình Minh, Đa La v.v... để chúm đầu vào sách vở. " Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân " nên hắn cũng qua được cái tú tài một. Bố mẹ hắn mở tiệc ăn khao khá lớn và nào ngờ tai họa cũng bắt đầu đến với hắn từ đây.

.....

Đời hắn ...trôi nổi thăng trầm lên voi xuống chó. Ít tháng trước còn thấy hắn đạp xe đi mua ve chai đồng nát thì ít tháng sau đã thấy hắn phom phom phóng Honda đi ngoại giao cho một cơ sở quảng cáo mà hắn là giám đốc... Nhưng nói chung thì dù có thăng trầm lên xuống thế nào thì cuộc đời với hắn cũng chỉ là những trò chơi mà hắn là một tay chơi chóng chán luôn muốn tìm cái lạ.

Trời hừng sáng cơn mưa dứt lúc nào không biết. Bên hàng xóm, người đàn bà đang chuẩn bị gánh gánh xôi ra cái chợ con gần trường học. Vợ hắn cũng lục đục dậy bắc nồi nấu cơm cho cha con hắn ăn thay quà sáng và bữa trưa. Nghĩ đến cơm hắn chợt thấy đói cồn cào. Từ trưa qua đến giờ hắn có cơm nước gì đâu, chỉ chút nước lèo và tí thịt vụn trong mấy khúc xí quách lóc kỹ. Nghĩ đến xương, nước lèo tự nhiên hắn lại liên tưởng đến phở. Đã lâu lắm rồi hắn không được ăn phở. Hắn như người được, ném được cái hương vị của nó. Nước bọt hắn ứa ra. Và cùng lúc là hình ảnh cái xe phở CVA. Sao lại là xe phở CVA mà không là chỗ nào khác. Hắn không hiểu. Hắn nhớ những hôm trời lạnh như hôm nay hắn phóng xe lên trường sớm một chút kéo vài thằng bạn ra xe phở CVA làm mỗi thằng một tô thật nóng thật cay rồi chui vào quán cà phê ngay bên cạnh ngôi nhâm nhi với vài điếu Pall Mall. Sướng thật nhưng phải canh giờ để kịp chui vào lớp trước khi cụ Tình



điểm danh không thì khôn. Hấn nghĩ miên man đến những thằng bạn cũ thằng còn thằng mất, thằng ở lại, đưa ra đi v.v... rồi hấn nhớ đến các thầy cũ thầy Hùng, thầy Quân, thầy Quế, cụ Tình, cụ Tu và lão sư Vũ Hoàng Chương. Hấn bật cười khi nhớ thầy Chương nhìn thần lẫn giảng bài và chợt thấy có cái gì buồn buồn đang lẩn xuống mũi. Hấn quệt nhẹ thì ra nước mắt hấn đã ứa ra tự lúc nào. Chút hạnh phúc còn lại trong hấn.

Trần Việt Sơn, CVA 1970, Milpitas, CA.

\* \* \*

## *Chờ Xuân*

*Mỗi năm hoa lòng nở  
Trời xuân trở nghìn hoa  
Mắt trong nhìn cảnh lạ  
Cứ ngỡ ở quê nhà  
Mỗi năm lại mong yêu  
Trái tim lại rộng mở  
Mỗi năm bao thiếu nữ  
Lại rạn vỡ yêu kiều  
Nhưng năm nào cũng vậy  
Lòng ta lại héo tàn  
Hoa xuân rụng rơi tả  
Xuân qua hạ đã sang  
Mỗi năm chờ mùa thu  
Chờ lá xanh đổi sắc  
Lá đầu mùa lá đác  
Giữ chân người lãng du  
Mỗi năm tuyết trắng súa  
Phủ ngập đời giá băng  
Một năm đã lại hết  
Ai mong chờ Xuân sang ?*

Duy Lam





# Thư Xuân gửi bạn hiền

CVA Nguyễn Quốc Sứy

Riêng tặng anh Lê Duy San

Tiết đông chí 1999

Mến gửi : Bạn Hiền

Chủ đề lá thư xuân năm nay là tuổi " ngoài sáu mươi ", "tuổi tôi" xin gửi tới bạn hiền.

Trên nửa thế kỷ trước, ở tuổi bạn và tôi, chúng ta thực sự được uốn nắn, trưởng thành bằng những cuốn sách " Quốc văn giáo khoa thư " " Luân lý giáo khoa thư " . . .hẳn bạn còn nhớ bài " Ông tôi " trong cuốn QVGKT lớp Đồng ấu ? Nhưng hình ảnh " Ông tôi . . . ngoài sáu mươi " của nửa thế kỷ trước, có phải là hình ảnh của anh em chúng mình " ngoài sáu mươi " bây giờ không ?

Thế hệ ông bà nội, ngoại của anh em chúng ta thì nay đã hoàn toàn vắng bóng. Thế hệ cha mẹ của chúng ta, nếu còn tồn sinh thì cũng hãn hữu . . . rồi thế hệ chúng ta thì " nửa lớp người thân xác đã vùi sâu " trong chiến tranh và lớp người còn lại dù ở trong nước hay hải ngoại cũng đang lác đác ra đi.

Bài tập đọc phác họa đúng 95% " ông tôi " . . . Nhưng " thấy người nằm đó, phận mình ra sao ?" Ngoài sáu mươi tuổi bây giờ, chúng mình có khoác áo hoàng hôn của nửa thế kỷ trước không? Tuổi chúng mình " khóc cười theo vận nước nổi trôi ", chứng kiến bao nhiêu là tang thương biến cải, bao sóng lớp phế hưng của hậu bán thế kỷ 20, hỏi làm sao tóc không bạc? Nhưng cũng may là lớp thuốc nhuộm đen Nhật Bản đã biến cải anh em mình trẻ mãi không già . . . Lớp da nhăn mốc xỉ vì lạnh đôi khi cũng được điểm tô bằng lớp kem mỏng, tạo ra vẻ " mặt trời chói sáng " . . . riêng chiếc má hóp thường chỉ xuất hiện về đêm, trên giường ngủ khi bộ răng giả đang ngủ kỹ trong chiếc ly đầy chemical. . . Đa số chúng ta bước đi còn phom phom, nhưng nếu đi bên cạnh bà xã, lỡ chiếc lưng có cong xuống do tuổi đời chòng chành, thì cũng được nhắc khéo " đi thẳng lưng lên " và hình như các bà vẫn muốn tạo cho lão ông có dáng dấp của " ông già dịch " . . . và chiếc gậy của nửa thế kỷ trước, nay cũng đã theo chân " ông đồ vớ. . . những người muôn năm cũ, hồn ở đâu bây giờ ? " và tôi cam đoan biểu bạn \$100.00 US nếu bạn chống cây baton, đầu đội mũ phớt giống Tổng Thống Diệm, lưng đeo bị , đi dạo mát khắp phố Bolsa . . . " ông tôi không phải làm việc " ; cảnh già còn ở trong nước cũng chẳng ưa thích " lao động là vinh quang " nhưng cảnh già hải ngoại thì ở tuổi nào cũng mong có việc làm và dù có " thất thập cổ lai hy " cũng chẳng muốn từ chối giờ " overtime ".

Bạn hiền,

Vóc dáng " anh già cằn cõi " thực sự không hoàn toàn là chủ đề của lá thư xuân này. Với tuổi " lục thập vô vọng " thì sức khỏe, tinh thần và nhất là đời sống tâm linh mới là điều đáng nói. Xác thân bạn đã thấm với thời gian lục thập chưa? . Riêng tôi ngay từ " ngũ thập " đã thực sự " tri thiên mệnh ". Trời mây u ám, lá thu vàng lá tả ư ? tâm hồn tôi thực sự tiêu điều ủ dột . . . và thể lực thì " nhức mỏi theo ngày mưa và ngứa ngáy cùng ngày nắng " . . . xác thân thực sự đã rệu rạo, hòa đồng cùng thiên mệnh cả thập niên rồi . . .và bây giờ ngoài sáu mươi thì vô vọng quá đi thôi! Hoài vọng " đội đá vá trời " nung nấu từ thời niên thiếu chẳng biết đã âm thầm roi rớt từ bao giờ ngấm lại lời xưa " kinh lịch càng nhiều mới thấy đời là khó và tài mình là hèn " . . . sao mà thấm thía!

Tuổi hưu trí ở V.N. là 55, ở hải ngoại là 65, khôn nổi nhiều bạn xuất thân quê mùa như tôi thường khai sinh rút đi vài tuổi, như thế có khi 70 mới về hưu, nhưng buồn thay lời cáo phó đăng trên báo hàng ngày nhiều bạn chưa đến 65 nhất là ba anh " tương tá " đã rủ nhau ra đi ào ào!!!.

Thế xác thì vô vọng, mà tinh thần thì cũng thực sự suy nhược. Khổng Tử nói " lục thập nhi thuận " nghĩa là sáu mươi thì thuận tai và trở thành " ba phải ". Riêng tôi, chẳng điếc, nghe English cái gì cũng "yes" ra vẻ thuận nhĩ . . . nhưng tinh thần yếu đuối, hơi một chút là giận, giận vợ, giận con, giận anh em, giận bạn bè và giận luôn cả anh hàng xóm "gay", mà đã giận thì giận lâu, giận dai như đĩa đói, khó lòng mà bỏ được . . . chỉ là một chuyện nhỏ với vợ con, bạn bè . . . ở tuổi trẻ thì là chuyện trẻ con, coi làm thường, nhưng tuổi lão suy thì nhập tâm và cứ thế mà lớn lên thêm, khó xóa nhòa. . . giận riết rồi thành cô độc luôn . . .

Anh H, bạn cố tri, vì công việc phải di chuyển từ San José xuống Los Angeles, tôi vui mừng đợi H dọn đến nhà tôi ở tạm. Nhưng vài ngày trước khi di chuyển, H đổi ý với lời tâm sự " tình bạn tốt đẹp gần nửa thế kỷ, bây giờ già rồi, tính dễ hờn giận, tôi thuê nhà ở riêng để tình bằng hữu còn mãi mãi tốt đẹp . . ." Xin tùy bạn phán xét lời H.

Lời bàn sau cùng của lá thư xuân 1999 là vấn đề tâm linh của ông lão ngoài sáu mươi. . . Dù biết bạn buồn lòng tôi cũng nói rằng chúng ta đang đi trong đoạn cuối của đường đời hay nói theo lối Mỹ là " down of the hill ", với thế xác và tinh thần như nói ở đoạn trên chúng ta có nhiều điểm giống nhau, nhưng về tâm linh thì chắc chắn đồng vì có đến 8 vạn 4 ngàn pháp môn . . . và theo đường nào thì cũng đạt đạo . . . Đến đây tôi muốn bạn " ôn cố tri tân " kiểm nghiệm về chặng đường cuối cùng của những người thân hay bạn bè, hãy tự suy ngẫm thật kỹ càng rồi sau cùng tự tìm cho mình một ý thức tâm linh đứng đắn trong quãng đường sau cùng ngắn ngủi . . . Riêng tôi, tôi ghi chép nơi đây 3 thí dụ của 3 người thân không quan tâm đến ý thức tâm linh cho đến giờ phút cuối của cuộc đời.

Tôi có một ông chú! Trước 1954, ông là một phú gia của huyện, của tỉnh, ruộng đồng thẳng cánh cò bay! Vào Nam lại tiếp tục chất chiu, cho vay, cầm cố ! . . . rồi cũng phát lên, tuy không huy hoàng như thời cũ, nhưng của cải cũng để lại cho nhiều đời cháu chắt ăn không hết . . . Thế rồi sau 1975, chẳng muốn sống với chế độ mà ông muốn trốn tránh mãi chẳng thoát ; ốm, ông ném thuốc vào thùng rác. Noi gương Bá Di, Thúc Tề đời ông chẳng thèm ăn cơm Cộng sản; khát không thèm uống nước sông Cộng sản . . . Ông tự tìm cái chết trong u uất dù chưa ai kết án ông già 80.

Tôi có người chú họ ! Trước năm 1975 nếu bảo chú là cực quý cũng đúng, bảo chú là cực phú cũng không sai. Sang Mỹ, chú cũng xứng đáng ngẩng mặt lên trời mỉm cười về sự thành công của chính mình và của con cái ! Sau 2 lần stroke chú mới chịu về hưu. Bây giờ chú mang đủ mọi chứng bệnh nan y của ông lão ngoài 70. Ngồi trên xe lăn, chú lơ đãng nhìn cuộc đời, miệng tuy không thốt ra tiếng chữ thề, nhưng trong tận đáy lòng chú thực sự " oán thù đời đoạn tâm can " . Chú cố tránh và giận những ai nhắc đến chữ " chết ", chữ " chúa ", chữ " phạt ". . . đồng thời luôn luôn than thân trách phận vì còn quá nhiều ước vọng chưa thực hiện xong nhất là chưa nhìn thấy đàn cháu thành công như trong lâu đài ước vọng của chú . . .

Tôi có người bạn, cựu giáo sư trung học ! Suốt cuộc đời, không hơn không kém là " một tên ăn tục, nói phét ". Khi cận kề thân chết, cô đơn trong intensive care, trong lúc thần trí hôn mê cũng khẽ gật đầu khi vị linh mục hỏi " anh có tin Thượng Đế không ? ", Thế là anh được rửa tội, chịu mọi bí tích ! lời cáo phó, chia buồn cùng dư luận rầm rộ xung tưng một nhân vật của cộng đồng Người Việt Hải Ngoại ! một con chiên cả cuộc đời thánh thiện, biết " trở lại Đạo " . . . Tôi tự hỏi thực chất giá trị đạo đức của con người lúc sinh tiền rồi khi lià trần những người còn sống có thể uốn thẳng theo ý muốn được không ? Người sống dựng bức tranh trên bàn thờ rất trung thực, nhưng vẽ bộ lòng và tim óc thì cứ việc rút các bông hoa sắc sỡ từ vòng hoa điệu tang tô điểm trên mấy trang báo là linh hồn người chết sẽ yên ổn lên Thiên đường . . ." Sinh ư ! tử ư ! " thực là điều khó giải ! Đưa ra vài thí dụ trên, tôi chỉ mong bạn hiền dùng trí tuệ sáng suốt và tự chọn một con đường tâm linh thích hợp ở tuổi ngoài sáu mươi, khi thần trí còn hoàn toàn tỉnh thức . . .

Đến đây tôi mượn câu chuyện hóm hỉnh của ông bạn già " ngoài sáu mươi ". . . Bạn già hện lái xe đưa vợ con lên San José cả tuần lễ trước . . . Nhưng buổi sáng ngày hẹn, thức dậy chợt thấy cần cổ cứng đơ, vô phương quay phải, quay trái, nói cũng đau tận xương tủy thì làm sao lái xe ! Trong lúc " lục bất tòng tâm " thì chợt

thấy một cô hồn lạc lõng đang ngấm nhìn không gian vô tận . . . Ngược nhìn Thiên Đường Đàng Đông ( Eastern ), ánh mặt trời đã tắt lịm từ bao giờ ! Nhìn sang Tây Phương Cực Lạc thì mây đen cũng phủ kín phương trời ! Ngẩng mặt lên cầu Chúa, Chúa mình trần, vết thương bên sườn còn đang rỉ máu, run lạnh, kịp thời dơ tay kéo lớp chăn mây trắng xóa phủ mặt ! chấp tay van xin Thập Phương Chư Phật thì khắp bầu trời chỉ thấy Thiên La Địa Võng !

Cầu mong ngay khi đó cô hồn tự tìm thấy chân tâm, thực tướng !

Và để kết thúc cho lá thơ xuân cho năm cuối cùng của đệ nhị Thiên niên kỷ là LỜI CHÚC XUÂN .

Thân mến chúc an bình suốt năm Canh Thìn 2000.

Nguyễn Quốc Suý, CVA 1958 – Van Nuys, CA.

\* \* \*

## ***CƠN MƯA CUỐI MÙA ĐÔNG***

*CVA Đặng Vũ Thám*

Có lần Hạt Cát hỏi tôi: "Nghe đồn rằng lão huynh ngày xưa đã từng ...đạo gót giang hồ trên khắp nẻo đường ...Thủ Đức, hồi nhỏ lão huynh có nhớ hương vị ...bánh mì chú Bảy không vậy ...". Đêm đó tôi không mơ thấy bánh mì chú Bảy nhưng tôi mơ thấy cái nhà ga nhỏ nằm bên chợ. Tôi mơ thấy con đường mòn sau cư xá Điện Lực Thủ Đức. Tôi mơ thấy cái quán ăn "nam kỳ quốc" gần hãng Foremost. Tôi mơ thấy chiếc xe VW lèn chặt người bò lên dốc làng Đại Học. Tôi mơ thấy con đường rầy xe lửa bỏ hoang dẫn vào hãng RMK. Tôi mơ thấy mặt trời buổi chiều ngậm mình dưới con rạch...

Có lần Trần Cối nhắc tôi về "người bạn nhỏ" Vũ Trí Phú, về những kế hoạch giúp Phú... "phá trình", về những người bạn chia nhau cái tên Cối, về Toàn Thịch Bò, về Minh Bu...i. Đêm đó tôi mơ thấy nụ cười nham nhở của Bảo Du Đãng. Tôi thấy chiếc xe Harley chở ba lao như tên. Tôi thấy đám cưới Vũ Văn Dũng có cả ông thầy tu cạo trọc đầu mặc áo vàng Nguyễn Hữu Hiệu. Tôi mơ thấy những tiếng cười thật to. Tôi mơ thấy những cái miệng cười tự nhiên thật rộng.

Có lần Du Tử Lê nhắc tôi về chuyện ngày xưa, chuyện "thằng Chấn" bụi đời bỏ học ..."chúng mình lo học nó lo chơi". Đêm đó tôi không mơ thấy "thằng Chấn" thủ dao đón xe đò ra Nha Trang "đòi nợ máu". Đêm đó tôi nằm mơ thấy cái đội banh nhỏ xíu, vút cặp làm gôn, dành nhau quả banh trên cái sân vận động lồi lõm sau trường Chu Văn An. Tôi mơ thấy hai con mắt thật nhỏ lúc nào cũng cười của Ngô Gia Truy. Tôi mơ thấy cái miệng thật nhỏ rất ...ông cụ non của Bình Hồ Nai. Tôi mơ thấy Nguyễn Trung Tín. Tôi mơ thấy Hoàng Hải Học.

Có một thời gian thật dài, cứ nhắm mắt lại là tôi thấy hình ảnh một con ngựa trắng. Con ngựa xoải vó chạy dọc bờ sông. Dòng sông lao xao dưới ánh nắng hồng buổi sáng. Con ngựa cúi mặt xuống dòng sông. Hàng ngàn con mắt thủy tinh nhấp nháy. Khi nước lên con ngựa chạy theo dòng nước băng qua những bụi hoa vàng. Khi nước xuống, con ngựa thu người trườn theo con gió, chiếc bờm trắng phau như cánh diều bay trên đồng cỏ xanh như nhung.

\*\*\*

Có lần Sầu Đông nhắc tôi là "cái thế hệ tụi mình "sống" ...nhiều quá". Đêm đó tôi nằm mơ thấy khuôn mặt nhợt nhạt của Vũ Văn Dũng trong nhà lao thành Cộng Hòa. . Tôi thấy Nguyễn Sĩ Nam với cái chân bó bột bụi còn hơn cái cột nhà. Tôi thấy Minh Bu...i với cặp kính đen thật đen và cặp nạng. Tôi thấy hai con mắt thật lớn của Phạm Hữu Hiếu trong bức hình trên nắp chiếc quan tài phủ lá cờ.

Có lần CNN nhắc tôi về Vũ Thành An cao lênh khênh và những bài "không tên". Đêm đó tôi mơ thấy một người bạn "không tên" ngồi câu cá qua cái cửa sổ sát mái nhà giam. Bên ngoài cửa sổ là con rạch nhỏ. Con rạch cạn trơ bùn. Tôi thấy khuôn mặt bạn tôi thật nghiêm túc. Tôi thấy cái đầu sợi chỉ thòng qua cửa sổ không có lưỡi câu mà chỉ có cột một cục sỏi nhỏ. Buổi sáng thức dậy mở email, tôi nhận được cái message nhờ nhắn tin "tìm các bạn tù tại các trại Hàm Tân ...".

Có một thời gian thật dài tôi sợ giấc ngủ. Cứ đặt mình nằm xuống là tôi thấy con ngựa trắng kéo chiếc xe. Trên xe một thằng bé con mặc áo đỏ, ngắt ngưỡng ngồi, một tay dật cương, một tay cầm roi. Đằng sau thằng bé là một mù phù thủy gù lưng với hai con mắt thật sâu và chiếc mũi khoằm. Mù phù thủy cầm chiếc dù đen như cánh dơi che cho thằng bé. Con ngựa vẫn chạy dọc bờ sông, nhưng con ngựa đã bị che mắt chẳng còn nhìn xuống dòng sông. Tôi thấy dòng sông đã cạn gần tới đáy. Dòng sông lặng lẽ chảy như những giọt nước mắt đen của một con thú hoang bị thương.

\*\*\*

Có lần cô cháu gái ca sĩ "nghệ dư" Thiên Hương nhắc tôi về bức tượng Phật khắc bằng khúc củi cháy dở. Bức tượng không có môi vì con dao quá sắc. Bức tượng không có mắt, không có màu. Nhưng đó là bức tượng mà tôi "đắc ý" nhất. Chẳng là trước đó tôi chỉ mê khắc ...búp bê bằng phấn để cho người bạn gái thật thân. Khắc búp bê bằng than đen thù lụi hay bằng củi cháy dở nhem nhuốc thì ...dễ bị hiểu lầm. Vì vậy tôi quay qua khắc Phật. Tôi "đắc ý" về bức tượng không phải là vì nó đẹp. Cái "đắc ý" của tôi là bức tượng như cái chìa khóa mở mắt tôi ra một thế giới mới, thế giới của sự tĩnh lặng, thế giới của không màu sắc, thế giới của thời gian, của những nếp nhăn, của những chiếc bầu khô đựng chất rượu quý...

Có lần Túc moi đâu ra tấm hình mới chụp ở Việt Nam. Tôi đã bỏ bữa ăn tối để ngồi "zoom" cái mái tóc bàn chải "ăn khách" của Trần Quang Đôn, cái "nhà quê" của Huệ, cái "điểm đàng" dễ thương của Dung.

Có lần Ngọc Hoài Phương gửi cho tôi cái hình đám cưới Minh Dê. Tôi đã bật cười khi nhìn cái "nghiêm túc" của Trần Trung Ginh, cái miệng không răng của Phạm Duy Ánh, cái khuôn mặt "như tượng" của Du Tử Lê, cái ông cố đạo "vì anh là linh mục" Nguyễn Ngọc Chấn. Tôi đã cố đếm coi bao nhiêu người trong số bạn tôi đầu còn tóc. Tôi đã cố đo xem có bao nhiêu người trong số bạn tôi còn giữ được cái bụng ...không bia. Có điều lạ là không cần soi đèn cầy, tôi cũng thấy được những ngọn lửa 40 năm trước vẫn còn ngùn ngụt cháy trong những cặp mắt "mơ huyền". Không cần dùng kính "lúp", tôi cũng thấy được những nụ cười ngạo nghễ đằng sau những khóe môi thâm.

Có lần tôi muốn kể cho Đàm Trung Phán nghe một cơn mơ cuối mùa đông. Trong cơn mơ tôi thấy con ngựa trắng và chiếc xe quen thuộc bên bờ sông. Tôi thấy mây vần vũ. Tôi thấy sấm gầm lên giận dữ. Tôi thấy mưa ào xuống như thác. Tôi thấy dòng sông dâng lên. Tôi thấy thằng bé con mặc áo đỏ nghiêng răng dật cương quát roi tụi bụi thúc con ngựa kéo xe lên bờ dốc. Tôi thấy con ngựa nghiêng đầu nghe tiếng sấm, ngán ngừ rồi cất cao đầu, cất cao hai chân trước. Trong cơn mơ tôi thấy chiếc xe lao đi như tên. Trong cơn mơ tôi nghe tiếng dòng sông cả cười hòa với tiếng ngựa hí. Trong mơ tôi thấy thằng bé con áo đỏ và mù phù thủy co người run lẩy bẩy dưới cái dù rách nát trong góc xe.

\*\*\*

Hạt Cát mới viết cho tôi: " Năm ... Hạt Cát có về thăm Thủ Đức nhưng không tài nào nhận ra đâu là đâu nữa...".

*Đặng Vũ Thám, CVA 1961, Australia.*

\* \* \*

# Người xưa ca hát ra sao nhỉ?

(Viết về bài hát của Trường Bưởi cách đây hơn 50 năm)

Từ những năm đầu thập kỷ 40, khi còn là một chú bé học lớp Moyen lère Année ( tương đương với lớp 4, chương trình Tiểu học V.N.) tại trường Sinh Từ, Hà Nội, người viết bài này đã rất thích ca hát.

Tôi thường say mê nghe anh ruột tôi chơi violin và hát bài hát Lypro ( tên gọi rút ngắn của Trường Trung Học Bảo Hộ , Lycée Du Protectorat ) , tiền thân của Trường Trung Học Chu văn An sau 1945. Bài hát do một nhạc trưởng người Pháp tên là Parmentier viết cho Trường Lypro khoảng năm 1941-1942, giáo sư Nguyễn Mạnh Tường viết lời ca tiếng Pháp , lời ca Việt nam được viết một thời gian sau đó (không rõ tác giả ).

Vì nghe lóm và hát theo nhiều lần, nên tôi đã gần thuộc lòng bài hát đó và ước mong chóng lớn để đi học Trường Bưởi . Thành thật mà nói thì phần lớn các thiếu niên ở tuổi tôi hồi đó đều mơ là học sinh Trường Bưởi, một ngôi trường nổi tiếng với những Giáo sư lỗi lạc đã đào tạo rất nhiều học sinh giỏi.

Tháng 9-1944, tôi trúng tuyển kỳ thi nhập học vào Trường Bưởi. Vì tình hình chiến cuộc, nên Trường phải di chuyển một phần vào Tiểu Chung Viện Phúc Nhạc, (ban kim văn ), phần còn lại là ban cổ văn và các lớp sắp ra trường ( Chuyên khoa Toán và Sinh Ngữ ) thì di chuyển vào Đại Chung Viện Thanh Hoá, gần Núi Mật. Tôi trúng tuyển vào ban kim văn, nhưng vì anh ruột tôi là Vũ Đức Chang đang học lớp Chuyên Khoa Toán, nên bố tôi xin phép cho tôi được chuyển sang ban cổ văn, học ở Thanh hoá cho hai anh em gần nhau. Như vậy, một ngày đẹp trời khoảng giữa tháng 9-1944, tôi đã khăn gói quả mướp lên xe lửa vào Thanh hoá du học. Cảm tưởng của chú bé 14 tuổi khi xa nhà, xa cha mẹ không còn bịn rịn như những ngày Tiểu học nữa. Một chân trời mới lạ và bao la rộng mở trước tầm mắt thích thú và ngỡ ngàng trước những cảnh núi đồi hùng vĩ trùng điệp của Ninh bình rồi Thanh hoá. Tôi học lớp 6ème Classique Extrême Orientale , (6ème E.O. ) Lần đầu tiên tiếp xúc với bạn bè ở trong Ký túc xá (nội trú ) làm chú bé 14 tuổi là tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Ta thường nói: Vạn sự khởi đầu nan, nhưng tất cả rồi cũng quen dần. Tôi có nhiều bạn bè cùng tuổi, hoặc lớn hơn một vài tuổi là cùng, trong số này có nhiều người về sau tạo nên sự nghiệp danh tiếng lẫy lừng như Phạm Đình Chương , Nguyễn Cao Kỳ, Phan Phụng Tiên, Trần Nhật Bằng, v...v...

Vì ở trong Ký túc xá, nên mỗi ngày, ngoài giờ học thường lệ, học sinh phải ngồi trong phòng tự học, có các thầy giám thị (surveillants ) trông coi. Các thầy giám thị thường rất nghiêm khắc, khi học sinh phạm lỗi thì bị các thầy phạt cầm túc, ( consigné ) không được ra phố ngày nghỉ. Mỗi thầy giám thị đều được học sinh đặt tên hiệu và thường gọi lén khi các thầy vắng mặt. Ví dụ thầy Bình có vẻ chậm chạp thì có tên Bình Phè, Thầy Mộng có tên Mộng Lác Charlot Miêu , thầy Thiét có biệt danh Thiét Bì, thầy Tín nói giọng trợ trợ, thì có tên Tín Nghệ. Thầy Tín Nghệ thường xuyên coi lớp 6ème E . O., và riêng đối với tôi, thầy có vẻ khó tính và không ưa tôi, có lẽ vì bản mặt của tôi trông dễ ghét lắm thì phải. Thầy Tín Nghệ đã phạt tôi một lần cầm túc và đã từng la tôi: " Mi lão quả!" ( Mày lão quả!) Cho đến khi lớn , tôi vẫn không hiểu sao thầy Tín có vẻ không ưa tôi....

Trong lớp 6ème E.O., có Phan Phụng Tiên (những ngày trước 1975, Tiên là Tướng Tư lệnh Sư Đoàn 5 Không quân, đã qua đời khoảng 1995 tại miền Đông Hoa Kỳ ).. Tiên hát rất hay, giọng ca vút cao và trong . Những đêm có báo động vì phi cơ Mỹ tấn công quân Nhật, tụi nhóc chúng tôi được luà vào hầm trú ẩn xây bằng gạch ngoài sân trường. Những trận không chiến có thể xảy ra ở nơi nào xa xôi lắm , nhưng trong những căn hầm đó lũ nhóc chúng tôi vẫn an nhiên cười đùa vui vẻ. Tiên dạy tôi hát bài Khúc Nhạc Xuân: " Ngày trôi



theo tháng giá mùa đông ", vì hồi đó sắp đến Tết At Dậu (1945). Lớp 6ème E.O. gồm những tên nghịch ngợm và bướng bỉnh nên mặc dù thầy giám thị la rầy, vẫn thản nhiên ca hát. Chúng tôi hát bài Trường Bưởi, lời ca Việt Nam :

*Ta là thanh niên, nào ta sánh vai*

*Tuổi còn xanh, cùng nhau chung sống bao ngày.....*

Lời ca không sắt máu ,nhưng giục giã và hun đúc tâm hồn ngây thơ của lớp thiếu niên 14-15 tuổi .

Sau khi nghỉ Tết At Dậu lớp học tiếp tục như thường lệ . Một đêm khoảng thượng tuần tháng 3-1945, chúng tôi thức giấc vì tiếng súng nổ ở khu trại lính Pháp. Sáng hôm sau, có vài người lính Nhật mang súng có lưỡi lê gắn ở đầu nòng súng, tiến vào sân trường. Lá cờ tam tài của Pháp bị hạ xuống trong tiếng reo hò của học sinh,và lá cờ Nhật được kéo lên thay thế.

Trước tình hình sôi động của đất nước toàn thể anh em học sinh quyết định bỏ học và rủ nhau đi bộ về Hà Nội . Theo sự sắp đặt của các anh các lớp chuyên khoa, đoàn học sinh rời Thanh hóa theo hướng Quốc lộ 1, qua Đồ Lèn, Bim Sơn, Ninh Bình, và đến Nam Định sau ba ngày đi bộ mệt mỏi rã rời. Quan Tổng Đốc Nam Định, Cụ Từ Bộ Thực có lòng ưu ái học sinh Trường Bưởi, cho người mang thức ăn và lo xếp đặt chỗ nghỉ ngơi cho anh em.

Sau biến cố 19-8-1945, Trường Bưởi ( Lypro ) được đổi tên là Trung học Chu văn An, Trường sở đặt tại Thị xã Hà đông, hằng ngày học sinh đi xe điện từ Bờ Hồ Hà nội đến Hà đông để đi học. Đầu niên khóa 1946-1947, Trường Chu văn An, lại một lần nữa, di chuyển về trường sở của Trường Félix Faure trên đường mang cùng tên. Tháng 12-1946, trận chiến Việt Pháp bùng nổ. Thầy trò chạy tứ tán, thật là tan đàn sảy nghé; mãi đến khoảng năm 1948 Trường Chu văn An mới khai giảng trở lại, lần này trường sở ở khu phố Hàng Than, gần đường Quan Thánh.

Năm 1950, người viết bài này hồi cư về Hà Nội và trúng tuyển kỳ thi vào lớp Đệ Nhị C . Cuối năm học, tôi thi đỗ Tú Tài 1, lên lớp Đệ Nhất C niên khoá 1951-1952. Tháng 9-1951, có lệnh gọi nhập ngũ những học sinh có bằng Tú Tài 1 trở lên ở lứa tuổi 20, 21, hoặc lớn hơn nữa. Hầu hết các học sinh lớp Đệ Nhất C đã lên đường tòng quân, kẻ đi Nam định, người vào Thủ Đức. Thấm thoát, đến nay đã gần nửa thế kỷ trôi qua.

Bài hát Lypro tưởng chừng như đã chìm vào quên lãng, cũng như kỷ niệm bạn bè thời niên thiếu, kẻ mất người còn; nay ngồi nhớ lại dĩ vãng của một thời hoa niên mà lòng bồi hồi xúc động với nỗi niềm hoài vọng khôn nguôi .....

San Jose, tháng 6-1999

Vũ Đức Nghiêm

**Ghi chú:** Trong khi ghi chép lại bài hát "Chanson du Lypro," người viết đã tiếp xúc với thầy Nguyễn đình Hoà và Mục sư Vũ Đức Chang để tham khảo và xin hai vị niên trưởng chỉ dẫn nhiều điều chưa hiểu rõ và được hai vị tận tình dạy bảo. Xin chân thành cảm ơn thầy Nguyễn đình Hoà và Mục sư Vũ Đức Chang.

Để tiện việc tìm hiểu và tham khảo bài hát này, chúng tôi xin phép lược dịch bài hát này ra tiếng Việt.

Chúng ta là những người trẻ,lớn, mạnh.

Chúng ta đem niềm vui đi khắp nơi.

Say mê khung trời xanh ngắt và nắng vàng.

Hãy vào nhập bọn với chúng tôi!



Những con tàu rời xa bến,  
Với những tiếng cười ròn vang đôi bờ  
Chúng ta đem niềm vui đi khắp nơi.

### DIỆP KHÚC...

Ở bên cạnh Hồ Tây, Trường ơi!  
Người đã hun đúc thời niên thiếu của chúng tôi, Trường ơi!  
Hôm nay trái tim chúng tôi kết thành một mối,  
Hát lên bài ca êm dịu tặng Trường,  
Ở bên cạnh Hồ Tây, Trường ơi!  
Trường Lypro muôn năm!  
\* \* \*

# PHIẾM LUẬN VỀ GIỜ GIÁC CAO SU

Nếu bạn tới dự tiệc cưới đúng 5:00 chiều như đã ghi trong thiệp mời, hình như bạn không phải là người Việt Nam thì phải? Do đó, nếu bạn đã lỡ tới đúng giờ, xin bạn vui lòng hãy ráng ngồi chờ thêm khoảng 3 tiếng đồng hồ nữa thì tiệc cưới sẽ bắt đầu. Nếu có rạp ciné nào gần đó, bạn có thể tản bộ qua coi một hay hai phim rồi trở lại cũng không muộn. Chủ nhân thật sự cũng không ngờ bạn lại ngây thơ tới đúng giờ như vậy nên có thể lúc đầu mới tới nơi, bạn cứ tưởng tới lộn nhà hàng vì bạn còn tới sớm hơn cả họ nhà trai lẫn nhà gái nữa.

Hầu hết trong các tiệc cưới, các dịp tế lễ, tưởng niệm, các buổi ra mắt CD, sách, thơ, các tiệc tùng như tất niên, tân niên, sinh nhật, họp mặt, v.v, chẳng có nơi nào khai mạc đúng giờ cả. Trễ từ một tiếng trở lên là chuyện rất bình thường xảy ra. Chỉ khổ cho ban tổ chức phải tốn thêm nhiều thời giờ và những người nào tới sớm thì phải chịu khó ngồi chờ dài cả cổ ra.

Giờ giấc cao su đã ăn sâu đậm, tiềm tàng trong lòng rất nhiều người. Đây là một căn bệnh trầm kha, khó mà có thuốc chữa. Nói như vậy không có nghĩa là lúc nào mọi người cũng tới trễ. Khi có hẹn đến để được phỏng vấn kiếm việc làm hoặc có hẹn gặp các nhân vật quan trọng thì tới đúng giờ lắm. Mà có lẽ cũng chẳng ai dại gì đi trễ máy bay. Trễ máy bay, vừa hỏng việc mà có khi lại phải tốn thêm tiền để đổi qua chuyến bay khác.

Có nhiều người viện cớ phải tới trễ trong các đám tiệc vì sợ nếu tới sớm người ta cười cho là tham ăn. Nhiều người có kinh nghiệm xương máu đã phải ngồi chờ miệt mài trong các tiệc tùng từ trước nên sau đó lúc nào cũng tới trễ. Họ nghĩ rằng nếu tới sớm thì cũng phải chờ, thôi thì chi bằng tới trễ vài tiếng đồng hồ để đỡ khỏi phải chờ đợi. Người nào cũng nghĩ như vậy nên lúc nào trong các buổi tiệc, ban tổ chức không sao mà khai mạc đúng giờ được. Chẳng lẽ lại khai mạc đúng giờ khi chỉ có một phần mười quan khách hiện diện?

Nhiều người trong ban tổ chức đã giải quyết vấn đề khách tới trễ bằng cách tăng thêm một hay hai giờ trước cái giờ mà họ dự tính khai mạc. Thí dụ như dự tính khai mạc lúc 3 giờ chiều thì ghi trong thiệp mời là 1:30. Khách thấy ghi 1:30 thì sẽ tới 3 giờ. Như vậy là vừa đúng giờ dự định khai mạc. Tuy nhiên làm như vậy chỉ

thiệt thòi cho những người tới đúng giờ mà thôi. Cũng có người ghi giờ chờ đợi vào giờ tiếp tân. Thí dụ như từ 17:00 đến 19:30: Tiếp tân. 19:30: Khai mạc. Ghi theo kiểu này thì khách dự tiệc phải đọc cho kỹ kẻo mới nhìn thoáng qua cứ tưởng là giờ khai mạc là 17:00. Nếu lỡ vô ý mà tới lúc 17:00 thì đó là lỗi tại mình, tới sớm thì hãy ráng mà chờ đợi vậy.

Cũng có người in hai loại thiệp mời đám cưới. Một loại thiệp mời ghi đúng giờ mà họ dự tính khai mạc. Loại thiệp này dành cho quan khách ngoại quốc. Loại thiệp mời thứ hai ghi giờ khai mạc sớm hơn dự tính 3 tiếng đồng hồ. Loại thiệp thứ hai này dành cho quan khách Việt Nam.

Cách nay khoảng gần 20 năm, tôi có được tham dự một tiệc cưới mời lúc 5 giờ chiều tại một nhà hàng góc đường số 4 và Saint John thuộc thành phố San Jose, tiểu bang California. Ban ngày nơi này là một nhà hàng nhưng sau 8 giờ đêm là một vũ trường nên nhà hàng báo trước là bắt buộc tiệc cưới phải xong lúc 8:00 tối để lấy chỗ cho khách tới khiêu vũ. Biết như vậy nên gia đình hai họ đã gọi điện thoại đến từng nhà, năn nỉ kêu gọi khách dự tiệc tới đúng giờ là 5 giờ chiều. Mặc dù đã cố gắng như vậy nhưng đa số khách vẫn tới trễ nên tiệc cưới mãi tới gần 7 giờ mới khai mạc được. Lúc mới vừa ăn xong đã thì đã 8 giờ tối nên nhà hàng yêu cầu tiệc cưới phải chấm dứt để họ còn dọn dẹp lấy chỗ cho vũ trường. Năn nỉ lắm nhà hàng mới cho vài cái bàn trong một góc phòng để cô dâu chú rể cắt bánh.

Không phải ở bên Mỹ đồng bào ta mới đi trễ mà ngay ở VN cũng vậy. Biết tất người Việt mình hay đi trễ nên một số người đã trừ hao khi mời tham dự một công việc gì. Nghe kể chuyện là trước đây, có một phái đoàn ngoại quốc muốn tới thăm một trường tiểu học lúc 2:00 chiều. Sợ mọi người đón trễ nên phủ Thủ Tướng thông báo đến bộ Giáo dục là phái đoàn sẽ tới lúc 1:00 trưa thay vì 2:00 chiều. Qua nhiều chặng, khi tới ông hiệu trưởng thì giờ phái đoàn tới thăm viếng được ghi là 8:00 sáng. Ông hiệu trưởng muốn cho chắc ăn nên bắt các học sinh sửa soạn ra sắp hàng chào đón lúc 7:00 sáng. Khi phái đoàn ngoại quốc tới lúc 2:00 chiều thì tội nghiệp cho một số em học sinh đã bị ngất xỉu vì đói, khát và say nắng.

Có rất nhiều người trong chúng ta mắc bệnh tới trễ hoặc coi giờ hẹn không ra kí lô nào cả. Mặc dầu bị chỉ trích kịch liệt rất nhiều lần nhưng vì bị bệnh kinh niên nên chẳng bao giờ khỏi bệnh. Mời 5 giờ chiều thì 7 giờ mới tới. Hỏi sao tới trễ vậy thì lúc nào cũng có cả 1001 lý do để bào chữa. Nhiều người còn co dãn hơn cả cao su hoặc là họ coi những người khác không ra gì cả. Hẹn buổi trưa thì buổi chiều hoặc ngày hôm sau mới tới, hoặc có khi không tới mà cũng chẳng thèm có một lời giải thích hoặc xin lỗi gì cả, cứ nghĩ rằng chuyện đó là bình thường. Đối với những hạng người này, tới trễ một tiếng đồng hồ, họ coi như là đã tới đúng giờ lắm rồi.

Năm ngoái (1998), hội CVA có tổ chức picnic. Chúng tôi trong ban tổ chức đã đích thân gọi điện thoại đến từng hội viên ở trong vùng San Jose để mời tham dự. Có một số người nhận lời mời tham dự nhưng không tới. Chúng tôi có gọi điện thoại hỏi thăm, đa số đã nêu ra những lý do chính đáng nhưng cũng có một vị nói là họ đã dự tính đi picnic rồi, nhưng đến giờ phút chót có mấy đứa cháu muốn đi coi xi nê nên đành phải bỏ picnic vậy !!!

Theo thiên ý của tôi, chỉ khi nào chúng ta khinh thường kẻ khác thì chúng ta mới cố tình tới trễ để bắt người khác phải chờ đợi. Ngoại trừ trường hợp bất đắc dĩ, thử hỏi xem mình là cái gì mà cố tình bắt người ta phải chờ đợi mình ngoại trừ mình nghĩ là mình cao quý hơn người ta? Nếu chúng ta được một ông tổng thống mời tới dự tiệc thì liệu rằng chúng ta có tới trễ không? Cần nhất phải giữ chữ tín. Một khi đã hẹn thì bằng mọi cách cũng phải ráng mà tới ngoại trừ lý do bất khả kháng. Nếu có lý do chính đáng mà bắt buộc phải tới trễ thì cũng phải gọi điện thoại báo tin cho bạn mình biết, càng sớm càng tốt. Nếu muốn người ta kính trọng mình thì việc đầu tiên mình phải kính trọng người ta trước đã, việc này thể hiện bằng cách giữ lời hứa và tới đúng giờ. Người nào có tính hứa lèo, hoặc luôn luôn lúc nào cũng cố tình tới trễ, người đó sẽ làm cho người khác chán nản, mất tin tưởng, và không ai dám giao trọng trách cho kẻ hứa cuội nữa.

Nói về tiệc cưới, thông thường, bất kể giờ giấc ghi trong thiệp mời là mấy giờ, đa số các tiệc cưới đều khai mạc khoảng 8 giờ tối. Như vậy tại sao lại không ghi thẳng ra là tiệc cưới sẽ được khai mạc đúng giờ lúc 8 giờ tối? Mọi người lúc đó cũng đã đói nên sẽ tới đúng giờ. Và lại giờ đó cũng đã muộn rồi, chẳng lẽ mời lúc 8 giờ mà lại tới lúc 11 giờ đêm? Nếu ghi trong thiệp mời là 8:30 tối thì tôi đoán chắc với quý vị là tới giờ đó sẽ có tới thiểu trên 90% quan khách hiện diện. Chính kẻ viết bài này có lần đã nhận được một thiệp mời đi ăn cưới

lúc 8 giờ tối. Tiệc cưới ngày hôm đó khai mạc chỉ trễ có 15 phút. Thật là một chuyện kỷ lục, tiện và lợi cho tất cả mọi người.

Cũng có người tổ chức tiệc cưới vào buổi trưa. Tôi cũng được hân hạnh tham dự một tiệc cưới được tổ chức vào lúc 12:30 trưa. Giờ đó ai cũng đói nên tiệc cưới ngày hôm đó cũng coi như khai mạc gần đúng giờ. Chẳng lẽ mời ăn trưa mà 3 giờ chiều mới tới?

Đôi khi, có lẽ quý vị cũng nên cho những người khách luôn luôn tới trễ một bài học. Thí dụ như quý vị có hẹn với khách mời tới nhà ăn cơm gia đình lúc 6:30 chiều. Chờ đến 7:00 mà khách chưa thấy tới thì gia đình quý vị cứ việc ăn. Quý vị có hẹn với người bạn ở một điểm hẹn lúc 10 giờ. Quý vị nên có mặt sớm ít nhất 5 phút trước giờ hẹn nhưng nếu mười phút sau giờ hẹn mà người bạn vẫn chưa thấy tới là quý vị cứ bỏ đi. Khách có hẹn tới nhà bạn để đi cùng xe lúc 10 giờ sáng nhưng đến 10:15 mà khách vẫn chưa thấy tới thì bạn cứ khởi hành đi trước. Quý vị làm vài lần như vậy thì khách sẽ tôn, hy vọng khách sẽ học được một bài học mà không dám tái phạm đi trễ nữa. Ngược lại, nếu quý vị có hẹn, được mời tới tư gia một người nào đó, đề nghị quý vị cứ tới đúng giờ hẹn, nhưng đến nơi mà thấy chủ nhân vắng nhà thì bạn chờ thêm 5 đến 10 phút rồi ra về, đừng có nán ở lại chờ đợi thêm gì cả.

Nói về chờ đợi trong các bữa tiệc, chúng ta cũng không thể bỏ qua nói về vấn đề chờ đợi ở các phòng mạch Bác Sĩ. Có nhiều lý do chính đáng chúng ta bắt buộc phải thông cảm chờ đợi như ngày hôm đó có trường hợp khẩn cấp, bác sĩ phải vào bệnh viện, hoặc có một bệnh nhân bị đau nặng phải gặp bác sĩ gấp mặc dầu không có hẹn, hoặc có một vài bệnh nhân hôm đó đến trễ nên ảnh hưởng dây chuyền tới những người tới sau. Tuy nhiên cũng có một số ông bà bác sĩ quan niệm bệnh nhân bắt buộc phải có bồn phận chờ đợi, đó là một việc tự nhiên, một định lý, một định luật bất biến không có gì sai trái cả. Do đó các ông bà bác sĩ này cho phép cô thư ký cứ nhét thêm tên người vào những giờ hẹn mà đã chật cứng những bệnh nhân đã có hẹn từ trước. Nếu có hẹn mà lúc nào cũng phải chờ đợi cả một hai tiếng đồng hồ thì hẹn để làm gì? Cứ làm theo kiểu ai tới trước thì vào trước có tiện hơn không? Có những vị bác sĩ khi thấy bạn bè tới chơi, mặc dù thấy bệnh nhân đang chờ đợi nhưng vẫn ngang nhiên bù khú tiếp chuyện với bạn bè ở văn phòng, hoặc đi ra ngoài có chuyện riêng để mặc cho bệnh nhân phải nóng ruột chờ đợi. Kính mong quý vị Y sĩ, ngoại trừ những trường hợp chẳng đáng đừng, xin quý vị tôn trọng bệnh nhân một chút, nên cố gắng giữ đúng giờ hẹn, đừng bắt bệnh nhân phải chờ quá 15 phút. Nếu quý vị nghĩ giờ giấc của quý vị mới là quan trọng thì giờ giấc của bệnh nhân chúng tôi cũng quan trọng vậy.

Trở lại bàn luận về tệ trạng giờ giấc cao su, để tránh tình trạng khó xử cho những người tôn trọng giờ giấc và cũng để chữa trị căn bệnh nan y này, mong mỗi xin quý vị chủ nhân vui lòng cứ khai mạc đúng giờ. Chuyện đi trễ là quyền của khách, nhưng quyền khai mạc đúng giờ là quyền của chủ nhân. Nếu khách tới trễ quá thì xin quý khách hãy ráng chấp nhận thiệt thòi như ôm bụng đói về nhà mà thôi.

Trong tiệc cưới, nếu mời 5 giờ chiều thì xin quý vị khai mạc đúng cho 5 giờ chiều. Nếu quý vị nghĩ rằng không thể nào khai mạc đúng 5 giờ chiều được thì xin quý vị ghi trong thiệp mời là 8:00 tối, đó là giờ trung bình của hầu hết các tiệc cưới ở đây. Nếu cho chắc ăn thì ghi giờ mời là 8:30 tối cũng được. Giờ đó chắc có lẽ không còn nhiều người tới trễ nữa đâu.

Trong các buổi meeting, biểu tình, các dịp tế lễ, tưởng niệm, các buổi ra mắt sách, thơ, nhạc, các tiệc tùng như tất niên, tân niên, sinh nhật, hoặc họp mặt cũng vậy, xin quý vị trong ban tổ chức hãy can đảm đứng lên làm một tiền lệ là bắt đầu từ nay, bắt kể khách tới đông đủ hay chưa, xin quý vị vui lòng cứ khai mạc cho đúng giờ, đừng có trễ quá 5 phút. Đừng phạt những người tới đúng giờ bằng cách phải chờ đợi những người tới trễ, như vậy không có công bằng. Mong lắm thay.

10/1999

Phạm Nguyên Khôi, CVA 1968, Santa Clara, California.

\* \* \*

# Thi Thử Thưởng Ấy Chón Này

Đoản-thiên hồi-ký của BÌNH

*LTS: - Phần Đầu của đoản-thiên hồi-ký " Thi Thử Thưởng Ấy Chón Này " đã được đăng trong Đặc San Xuân Mậu Dần 1998. Lần này xin đăng tiếp phần còn lại .*

## Phần Hai

1.

Cụ Chu-Hy bên Tàu ngày trước cho rằng : " Người ta có ba điều lấy làm đáng tiếc, một là hôm nay bỏ qua; hai là đời này không học; ba là thân này nhỡ hư " \_Chuyện, ba vạn sáu nghìn ngày sò sò ra, việc gì phải tiếc rẻ mấy ngày lễ tế tiêu bớt vì vui. Thậm-chí thân-phận có trót nhờ-nhang chẳng nữa, cũng đâu cần vội chôn tiếc-nuôi vào giòng nước tức-tươi hoặc nấu mình sau cửa nâu sông. Thiếu gì cơ-hội bao-dung cho ta đứng dậy làm lại lễ sống tươi .

*Ai làm cho cái tôi ngồng,*

*Cho đưa tôi khú, cho chông tôi ché.*

*Chông ché thời mặc chông ché,*

*Đưa khú nấu với cá trê ngọt lừ.*

\_ Ca-đao ta \_

Riêng mỗi việc *Không học* ở đời quả là hoại của trời. Cứ xem, đồ mà hòng bó ra lấy nửa chữ trong đầu thập loại chúng-sinh trừ chúng ta ra; bởi trời có chiếu-cổ cho thì mới được. Xưa nay đã lắm nhân-vật hao-tôn một đời tự học rồi làm nên nghiệp lớn. Ngẫm mình phạm-phu không dự trong số ấy, tôi tự nhủ lòng: *Không thầy đồ mà làm nên*. Cả chón học-đường thên-thang dành cho mình còn gì... Ngày ấy mỗi vị thầy trong ánh mắt đại học trò, mỗi là một hình tượng cao-kỳ.

2.

Hôm khai trường năm cuối trung-học chúng tôi có hai giờ Lý-Hóa đầu. Mỗi lớp tôi được hân-hạnh học với giáo-sư Hoàng-Cơ-Nghị. Thầy Nghị giới-thiệu tuổi đời bấy giờ đương độ sáu chín. Trời ! Mình ngày sau tuổi ấy liệu đủ gân dầy-dỗ ai không? Nặng gánh thời-gian, thầy khom khom còn độ ngọt thước sáu. Sau đôi kính râm dày tựa-hồ thay cho thủy-tinh-thê là lớp da mặt ngăm ngăm nhẵn, điểm nốt đồi-mồi. Chả bao giờ thấy thầy quên cấp nách vào lớp quyển sách đã ngả màu nâu non dầy còm-cộm. Sách có bìa cứng in một lô chữ Pháp, thoáng nom hao hao pho kinh thánh cũ. Đây là quyển *Vật-lý học* \_ édition 1945 \_ của tác-giả Hoàng-Cơ-Nghị, cử-nhân vật-lý đầu tiên ở nước ta. Nỗi học ngày ấy nghĩ mà kinh. Bộ vật-lý chạy nhát của giáo-sư Hà-Ngọc-Bích dầy suýt-soát cả tác. Vậy mà lời mào-đầu của thầy Nghị nhẹ-nhang như chẳng có gì: " Vật-lý nó không có khó. Hễ nghe giảng xong bài nào mình học thuộc bài ấy, là được" . Cứ được dễ như lời thầy thì giòng đời hanh-thông xiết bao...

Văn-phòng nhà trường điều-hành các lớp độ-lượng như thế nào thì đáp lại, ý-thức tự-giác của học-sinh cao thế ấy. Tuy các món sổ điểm, điểm-danh... không mấy xét-nét, học-sinh CVA vẫn chuyên-cần đảo-đề. Ấy

là chưa kể phong-độ tươm-tát ra phết của các cậu trong đồng-phục, sơ-mi nồn-nà giắt sâu vào cặp quần tây xanh cứng nếp. Tuổi trẻ lại còn không bao giờ cần sinh-sự phiền đến tay chân làm bận lòng quý thầy hiệu-trưởng Nguyễn-Xuân-Quế hoặc tổng-giám-thị Nguyễn-văn-Nhi. Song-le, sang các tháng sau sĩ-số giờ Lý-hóa lớp tôi tự-nhiên vợi hẳn. Mấy ông bạn lảng dẩn, lảng dẩn. Xem chừng đời này chẳng có ai, mạnh thầy thầy giảng, trò thì lờ-đờ như mãi bạn đeo-đuôi niềm riêng. Hình như có kẻ còn mơ giờ ra chơi, thơ-thần lang-thang như mộng-du quanh bàn này bàn nọ mà xi-xâm về định-luật nào. Người chứ có đâu là gõ đẹo, đến một lúc ông cụ mình hết cả nhân-nại trước sự-thể gãi vào mắt. Tôi giật mình lần đầu thấy giáo-sư phân-nộ giật phắt kính ra quay mòng mòng và run giọng lấp-bấp quát lên lạnh-lãnh: " Này, này ! Lớp, đâu phải bàn cờ mà người nào muốn đi thế nào thì đi, như cái quân cờ vậy. Đã không muốn học thì bước ngay, chứ !" Bạn tôi điếc không sợ súng. Nào biết năm xưa bao đời huynh-trưởng , tử công-phu lọt vào đến Oral do thầy mình chủ khảo còn tê-tái roi dài như lá vàng lã-chã bên song. Hình ảnh học trò như ngữ tôi cũng sẵn. Khô, trọn tròng trọn trạc cố nén cho xong điệu Pall Mall ngai-ngái anh bạn vừa mời, mỗi hơi không thể không se-sẽ sặc hắt ra một cái. Bạn bèn đặng-hắng cho thông đờm và lên giọng ta đây sánh: " Có sao đâu. Bỏ cứ việc rít từ từ cho đã." Rồi mấy đứa đàn-đúm chui vào lớp cuối dãy của Gs. vật-lý Nguyễn-Xuân-Nghiên, ung-dung tự-tại như sinh-viên vào sảnh-đường đại-học. Cửa thiên rộng mở, thầy Nghiên và bạn lớp ấy vui-vẻ như không trước các kẻ bàng-thính hiểu học một cách ... hơi tro-trên.

Kính thưa thầy Nghị, là học trò thầy, con hãnh-diện như được theo đòi nghiên bút với các cố lão thánh-hiền xưa... Phương-trình bậc hai hay đạo-hàm cấp dưới cứ công-thức là ra. Nhưng hình-dung chuyên-động tăng, giảm tốc-độ đều qua tiếng *Đổi chóng đều* của thầy Nghị mới khả-dĩ thấu-đáo lý của cơ-học. Luận về chữ, *Nguyên-lý quán-tính* không thể lộn nghĩa bằng *Nguyên-lý đạo-tính* hay *nọa-tính*. Thầy dịch nôm-na tiếng Hán-Việt này là tính lười của vật-thể, quen thân nằm ngò ỳ ra nếu không có cái gì chọc chạch vào.

3.

Từ lớp Lý-Hóa xưa, tôi miên-man liên-tưởng đến giờ Toán của Gs. Bạch-Văn-Ngà bên cạnh. Sáng hôm ấy phải mưa lại trường muộn, qua hành-lang thoáng trông vào lớp thầy Ngà, tôi chợt thấy có gì là lạ. Gs. Ngà thường vận sơ-mi-dét trắng, dáng người quắc-thước với đôi lông mày đậm vạch ngang trên nét mặt rất nghiêm. Thầy Ngà đang đứng sừng-sững trước lớp, mắt ngó ngay xuống phía học trò không hề lay động. Tay phải thầy khư khư viên phấn dài ngoằng, tay kia nháng nháng khoa lên; và miệng thầy hơi mím lại như vừa thốt xong lời quyết-định. Nhìn lại chỗ học trò, những bàn là bàn. Mãi mới thấy lèo-tèo đôi cậu chợt nhô lên một cách kiên-trì. Tĩnh lặng. Ấn-tượng nào khác luồng điện xoẹt từ não-bộ xuống sống lưng. Tôi mừng-tượng thầy Ngà, trang kiêu-khách Phù-tang lạc-lõng giữa rừng gươm, đang ngưng thần tỷ-thí với lũ cốt-đốt hăm-hở vây quanh. Gs. Ngà thiết-tha xem lớp học, là lớp học. Làm sao không ngưỡng-mộ thiên-chức làm thầy của thầy !

4.

Trở về lớp Toán mình, chúng tôi sượng không thể tả khi được thụ-giáo hai sư-phó khét tiếng trong giáo-giới Sài thành. Đây là quý giáo-sư Đinh-Đức-Mậu và Hà-Xuân-Châu. Gs. Mậu dạy môn Hình-học Giải-tích. Ngày mới lên trung-học tôi nghe nói giỏi Toán phải là giỏi Hình-học, vì chứng-minh thiên biến vạn hóa. Tôi lấy làm thoả-thuê sau mỗi giờ học Gs. Mậu. Đầu với óc đặc kịt như đất mà hễ thầy giảng đến đâu đất cứ vỡ toai ra đến đấy. Thầy của tôi trẻ vô cùng, làn da bánh mật tô đậm khuôn mặt chữ điền; càng đậm-đà thêm mái tóc rẽ lệch đen nhanh-nhánh. Vị giáo-sư roi roi người với ánh mắt xa-xôi lên xuống bực bång cứ là thoãn-thoát. Hình-học vốn nhiều chi-tiết cần đề-cập, cho nên dù muốn xúc-tích lời giảng đến mười mươi thầy vẫn phải nói thật nhiều. Vì vậy thầy thường thủ sẵn mùi-soa gập vuông-vức nơi tay. Đôi khi cần che miệng ho nhờ sặc bụi phấn hoặc- giả chắm chắm khước miệng chẳng. Sau có hồi tôi cũng vào cảnh gõ-đầu-trẻ , tôi mới hiểu thêm về khăn tay những khi nói xa-xả rã họng; những lúc dớt dải hớ-hênh tung bay phoi-phới như confetti mừng đón xuân về...

Giáo-sư Châu của tôi,

*Phong-tư tài mạo tốt-vời,*



Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa.

\_ Nguyễn-Du \_

Mặt hoa da phấn thư-sinh ấy mài-mại hình ảnh nam minh-tinh nào bên Hồng-kông; một đạo đã làm cho tôi chiêm-ngưỡng như thần-tượng xi-nê-ma. Thầy Châu đảm-trách môn toán số khô-khan với trình-độ sur-phạm vượt ngang tầm nghệ-thuật. Sự tể-nhi của thầy mới thêm phần nổi bật; từng khiến tôi nghi chắc có đông các cô tôi đang chết cay chết đắng vì người \_ Sau mỗi chương học thường có ít con toán nhỏ cho làm tại lớp. Hơi hồi-hộp là lúc lên bảng giải bài vì dễ què dạng bầu cua; tính toán nào phải chuyện đùa vớ-vẩn. Tôi vốn ngồi ngay chỗ thầy hay đứng, vậy mà chẳng bao giờ bị mời lên như thể bắt bí, lúc mắt mình tối lại vì bí thật.

5.

Lửa thắm hương nồng dễ đầu chan-chứa chín phương trời... *There is no place like home* \_ Ngày ấy thầy Thọ công-nhận dân Âu-Mỹ cũng *lấy vợ cái con cọt* làm lẽ sống, chứ không đèn nổi quanh năm chỉ chực hăm-he ly-dị, và chăm chăm cầu khẩn cho con chóng lên mười tám để nó liệu đàng mà bước sớm.

Giáo-sư Anh-văn Đinh-Xuân-Thọ, dáng người tầm-thước trắng-trẻo với vầng trán cao sáng-láng kèm nụ cười nở sẵn trên môi. Cốt-cách tao-nhã hòa cùng giọng nói thanh-thoát của người đàn ông trạc trung-niên, theo lối Tàu họ gọi là quý tướng. Buổi nọ thầy Thọ chỉ chúng tôi cách phát-âm đỡ tốn hơi. Ví-dụ tiếng *Extraordinary*. Thay vì chẻ que từng vắn, ta chỉ cần đọc lướt *Éch's-t'ró-đi-nè-ry*. Hóa ra Anh-ngữ có khác tiếng Pháp theo các cụ từ đạo bút lông chuyển sang Tây học. Dường như người theo Tây nhất-định đọc không sót vắn nào của bất-kỳ chữ gì có in trong tự-vị. Hoặc-giả mình gà mờ nên hay tưởng nhầm ra như vậy. Tuy nhiên tôi vẫn chắc mẫm điều gì từ các thầy cũng đều bén hơn cả quyển sách mình đọc. Có lần thầy Thọ thảo một châm-ngôn Ang-lê lên bảng: *Ba lần dọn nhà bằng một lần nhà cháy*. Nghĩ lại chạnh lòng, đời mình mới trải hai cuộc thiên-di, những tường cháy sạch sành sanh bao nhiêu xóm làng.

Tôi mến thầy Thọ, mến tư-cách không hách của thầy. Bất-đồ cách nay không lâu, tôi bán tín bán nghi không biết từ đâu ra tin Gs. Thọ đã mất. Qua bao mất-mát, mất thầy, mất nước... tôi đâm băng-khuâng nghĩ vớ-vẩn đến âm-ty. Phải chi trước đây được thầy Thọ chỉ thêm ít chữ Anh phổ-thông như tiếng *Qua đời* của người mình thì hay. Duy chuyện *ngành thu vĩnh-biệt*, coi ra còn gì xấu hơn trên cõi trần-gian hoa mộng, mà tiếng Việt ta có cơ-man nào là ngữ-vựng. Ôi thôi chưa kể vô-khối chữ khác phụ-họa thêm vào hình ảnh khôn-nạn này. Dầu thô-thiển mặc lòng, thử theo ngài Aristotle mà suy rộng xem, các đồng-nghiã với *Chết-chóc* đầy-dẫy trong ngôn-ngữ một nước phản-ảnh sự không sung-sướng của người dân xứ ấy. Đời sống đã chả ra gì thì mọi phiền-muộn hận-thù dễ thường canh-cánh bên mình khó xóa bỏ lắm.

6.

Trong thời-khóa-biểu Việt-văn cổ-điển gồm những giờ Kim-văn, Cổ-văn và Văn-học-sử, nhan-nhan các áng văn trữ-tình đã khơi dậy bao niềm rung-cảm. Những vắn thơ diu-dặt tiếp đến lại nhẹ-nhẹ ru hồn người vào con tinh con mê... Bộp một cái, này là Luận-lý, này là Tâm-lý, Đạo-đức-học tràn ngập ngả Tú-tài. Phải lâu-thông, bằng không thì hăng vào Thủ-Đức mà đóng sĩ-quan non. Hỡi đó thầy giáo yêu lớp Nhất giải-thích tôi nghe đại-khái tiếng *Triết* là bẻ. Bẻ nghiêng ra cho gãy to gãy nhỏ mà nhìn chỗ vào sự thể theo đủ kiểu.

Tí ti Triết-học, bất biết triết-lý hão hay lý-sự cùn, lắm khi dễ nhập-nhằng đưa kẻ khéo-léo lên hẳn hàng học-giả kha khá. Ấy mà những *Quan-điểm luận-lý* tách-bạch, các *Phạm-trù tư-duy* khúc-chiết, v.v... lại chẳng chịu tha một ly cho đời cấp cạp. Bấy nhiêu tâm-địa son-trẻ tư-hào gì đến mớ sách triết viết kiểu-cách như chơi với chữ. Khốn nhưng tấp-tênh đi bàn triết-lý trong phòng thi bằng tiếng mẹ cha suông tình thì chỉ hoài công cơm áo gạo tiền. Ngôn-từ Triết-học vốn đã có sẵn trong giáo-trình tự lúc nào rồi. Chẳng bao giờ tôi dám tưởng mình thạo loại chữ nặng phần trừu-tượng, nên càng cần nâng-niu quyển vở *Olympic 200* trang được bao đi bao lại cho giờ thầy An \_ Giáo-sư Trần-Đức-An, thầy Triết, một mẫu đàn ông thanh-lịch đồng-thời là nhà mô-phạm điển-hình trong tôi. Tôi đã sớm học được cách lấy nốt. Nói cho ngay, sau mỗi đoạn diễn-nghiã thầy An thiếu như đọc chính-tả cho đệ-tử chép cả vào vở về mà học. Hôm thi, thuộc nhiều hơn hiểu, lại còn bập-bẹ đá đờn dăm ba lời phát-biểu thom-tho của các danh-sĩ tâm cỡ Descartes, Freud,... bài luận tôi bình-giảng điệu-nghe không ngờ. Cả phần trả lời câu cũng đến là mạch-lạc. Thầy tôi hồ như đã đứng bên ân-cần gà bài cho.



Đừng hỏi tại sao \_ Con tim có những lỗi nghĩ mà lý-trí mò-mẫm cả đời chắc gì đã hiểu. Chỉ cần biết Gs. An là bậc tiên-tri. Tôi đâu thắc-mắc những lúc thầy bực mình dỗi không buồn nói với chúng mày cả buổi; chỉ tại lũ đầu xanh ngo-ngắt đã vậ lại cứ hay xì-xào ba cái chuyện lẩn-thẩn lồi-thôi. Ôi ! Hi-nộ-ái-ô, chỉ là lẽ thường trong đạo-đức nhân-tình.

## Phần Cuối

1.

*... Hùng Vương đóng ở Châu Phong,*

*Ấy nơi Bạch-Hạc hợp giòng Thao giang*

*Đặt tên là nước Văn-Lang ...*

*\_ Đại Nam Quốc Sử Diễn Ca \_*

*( Chữ Nôm sang thể quốc-ngữ )*

Từ tấm bé ta sung-sướng tự-hào về nguồn-gốc Rồng-Tiên của giòng-nòi. Sự-khiên thiêng-liêng này là đức-tin dân-tộc, tuyệt-nhiên không thể chứng-minh nghĩ bàn lệch-lạc. Hiện thân trong *ĐIÀ-LÝ* sỏi đá xa xưa, tiền-nhân ta đã kỳ-công dệt nên tấm dư-đồ hoa gấm, lượn-lờ cong cong giải bờ bể tựa đầu *Đông* thiếu nét sỗ dục ngày nay. Qua cuộc Nam tiến của cả một giòng người bắt nguồn từ Trung-Hoa, địa đầu lập quốc của ông cha mình là Bắc Việt và bắc Trung Việt; chưa kể đất lưỡng Quảng nhà Triệu sáp-nhập sau thiên tình-sử My-Châu Trọng-Thủy nào-nùng. Nói-tiếp mười tám đời Hùng Vương, tổ-tiên người Việt oanh-liệt ngự-trị giang-san cầm-tú in bóng năm rặng núi trùng-điệp tẽ hình nan quạt xòe tằm-tấp trên đất Bắc; với nhài quạt là vùng Tam-Đảo Tản-Viên Yên-Thế nhấp-nhô trên nẻo đất bằng. Kề-cận sông dài biển cả mệnh-mông, người xưa đã mở nước từ cố-đô Phong-Châu mạn trung-du xuôi về chôn Thăng-Long văn-vật, miền châu-thỏ Nhị-hà. Cuộc Nam tiến dần-dà tiếp-diễn về sau, sau nữa.

Trên bốn nghìn năm chứng-giám sự sinh-tồn và tạo-dựng nền văn-hiến dân-tộc, giòng *VIỆT -SỬ* truyền-kỳ đã ghi trọn mọi diễn-biến lừng-lẫy bi hùng cùng bao cảnh lâm-ly diễm-lệ \_ Ngày xưa ngày xưa giá đùng vương câu tiết-nghĩa và trời cũng đùng xui công-chúa Tiên-Dong chọn chỗ tắm ác-nghiệt để quá tay dội nước toé-loe nguyên hình lồ-lộ nét thiên-nhiên của ngài Chử-Đông-Tử, thì vua cha Hùng Vương nào đâu đành đoạn buộc lá ngọc cành vàng phải sớm lìa đời cùng bạn trăm năm !

*...Thừa-lương nàng mới dừng thuyền,*

*Vây màn tắm mát kê liền bên sông.*

*Người thực-nữ, kẻ tiên-đồng,*

*Tình-cờ ai biết vợ chồng duyên đưa.*

*Giận con ưa thói mây mưa,*

*Hùng Vương truyền lệnh thuyền đưa bắt về.*

*Non sông đã trót lời thề,*

*Hai người một phút hóa về Bồng-Châu...*

Thêm tí tuổi mài đũng quần, ta quờ-quạng vào vòng *THẾ-GIỚI-SỬ* ôm đồm nhiều học thuật rồi-rám... Võ-vẽ được ít chữ vác từ trường về bấy lâu tôi cứ đinh-ninh mình hay, biết đâu rằng chỉ vì may chưa bị ai hỏi vặn: " Thế ông Hegel là ai ? *Biện-chứng-pháp* là gì ?..." Tôi lại chỉ nghe mang-máng về quyển *Tư-Bản-Luận* chứ nào đã giở nổi một trang sách ấy. Nhưng chuộc bận làm gì, một khi mình đã nghe đủ lời thầy. Nếu thánh có phán thầy con dậy không phải lỗi, tôi vẫn chỉ chịu thầy .

Không ít " lý-thuyết-gia " truyền-tụng về sự-nghiệp xây-dựng *Chủ-nghĩa Cộng-sản* theo biện-chứng lẫn-lộn của Engels, Marx và Lenin \_ Tạo nên hình-thái *Xã-hội-chủ-nghĩa* là bước đầu của chặng đường. Dưới sự chi-phối của nhóm chủ-trương đảng Cộng-sản, dân đen phải ra sức đấu-tranh giai-cấp với tinh-thần Machiavelli và bạo-lực ngõ-hầu loại giới tư-sản ngồi trên và đưa dân-tộc thẳng tiến đến cơ-cấu điển-hình của *Xã-hội-chủ-nghĩa*. Xã-hội ấy được trực-tiếp tượng hình không qua giai-đoạn phát-triển tư-bản một phút nào. Kinh-tế thị-trường không có mặt. Tài nguyên quốc-gia được quốc-hữu hóa trong tay *Nhà nước nhân-dân* vô sản. Kinh-tế quốc-dân được chỉ-đạo theo lối quốc-doanh. Người công-dân được hưởng phần theo năng-suất cần-lao của mình; được ăn dù chưa ngon nhưng quý-hồ no; được mặc chưa đẹp nhưng đủ ấm. Trước ngày tàn, Sô-viết Nga cùng nhóm Đông Âu vẫn được xem như cái nôi của *Xã-hội-chủ-nghĩa*, đang trên đường tiến lên xã-hội Cộng-sản. Trong khi đó, các nước cùng chế-độ ở thế-giới thứ ba gọi là còn dờ bước đến *Xã-hội-chủ-nghĩa* \_ *Chế-độ Cộng-sản* là từ-ngữ chung bao-hàm *Xã-hội-chủ-nghĩa* \_

Chịu thương chịu khó đến ngày phồn-hoa ló dạng, chung-cuộc đấu-tranh sẽ dành về cho nô-lệ ở thế-gian thắng-lợi định-đoạt. Tập-đoàn tư-bản bị triệt-tiêu. Loài người được nâng bước lên chỗ tột-bậc của Cộng-sản quốc-tế, một xã-hội Cộng-sản đại-đồng không giai-cấp, biên-cương. Xuyên qua hào-quang chiến-thắng, người trên thiên-đường này tha-hồ ăn thức ngon, mặc tình diện đẹp; được rủng-rinh tiêu tiền in trên lụa quý. Mỗi cá-nhân sẽ chỉ làm việc theo khả-năng bản-thân để rồi hưởng-thụ theo nhu-cầu chung như mọi người... Thành-phần vô-địch lãnh-đạo thế-giới này là tuyệt-đỉnh của trí-tuệ, tài-tinh và nhân-đạo; thêm vì vô sản nên liêm-chính. Tiếc rằng hình ảnh suy-sụp hiển-nhiên của hệ-thống Cộng-sản cận-đại đã thất-vọng trả lời tổng-hợp tinh-hoa nêu trên là hoang-đường.

2.

Ngày đầu vào lớp, giáo-sư Sử-Địa Lê-Ngọc-Huỳnh ra chiều không được khoẻ. Dáng cao dong-dòng với nhiều nếp nhăn hằn sâu trên dung-nhan tai tái đăm-chiêu, trông giáo-sư có vẻ một ông già ăn chay trường. Kịp đến khi thầy sang-sảng cất tiếng, vẻ cần-cối kia thoát hẳn đi nhường chỗ cho một thân-sắc tinh-anh lạ thường. Thầy tôi giản-dị trong sơ-mi poplin trắng hồ chút lơ nhạt không cần là. Lúc ấy tôi nghĩ chắc thầy ưa sống đời thanh-đạm.

Hai bài vỡ-lòng khai-trương niên học của Gs. Huỳnh không mấy ăn-nhập vào chương-trình. La-lùng thay, nội-dung ấy lưu lại trong tôi còn lâu hơn cả mấy năm học Sử-Địa gộp lại. Thầy Huỳnh sớm cắt nghĩa cho học trò nghe về *Biện-chứng-pháp (BCP)* \_ *BCP* bao gồm một *Thèse* (thầy gọi là *Chính-đề* ). Trong biên-dịch tự-nhiên, bất-kỳ *Chính-đề* nào nảy sinh cũng bị một *Antithèse (Phản-đề)* có mặt chối lại. Sự tương-phản này được hóa-giải kết thành một *Synthèse (Hợp-đề)* \_ Phiên nổi *Hợp-đề* vừa xuất-hiện mặc-nhiên lại là một *Chính-đề* , mâu-thuẫn với *Phản-đề* đối-tượng, đưa đến sự hình-thành *Hợp-đề* mới . \_ *Hợp-đề* mới kia đến lượt đồng-lần cũng sẽ tự là *Chính-đề* để cho *Phản-đề* khác chổng lại; từ đó thêm một *Hợp-đề* được tiếp-tục sinh ra làm nôi cho cuộc đối-kháng về sau... Chu-trình cứ thế luân-chuyên không ngơi.

Trường-phái Marx-Lenin đã vận-dụng *BCP Hegel* để biện-minh quan-điểm lịch-sử của chủ-thuyết Cộng-sản dưới lăng-kính duy-vật . Theo họ, đấu-tranh giữa *Chính-đề* ( giai-cấp tư-bản thống-trị ) và *Phản-đề* ( lê dân bị bóc-lột ) sẽ kết-liệu dứt-khoát tại *Hợp-đề* ( xã-hội Cộng-sản lý-tưởng ). Gs. Huỳnh cho đó là nguy-biến. Chuỗi mâu-thuẫn xảy ra bất-tận nên bản-chất cuộc biến-thiên là vô-định ( infini ). Do đó suy-diễn chủ-quan về một đoạn-kết có hậu trong tương-lai chỉ là điều áp-đặt không hơn.

3.

*Moyen enfantin, mais résultats spectaculaires.* ( Phương-tiên âu-trĩ nhưng kết-quả ngoạn-mục ) \_ Bs. Coué \_

Tôi cảm ơn người thầy đầy lương-tâm đã chu-đáo sửa-soạn tinh-thần cho lũ học trò đối-phó cuộc thử-thách đầu đời, kỳ thi lạnh-lùng trước mặt. Ngay từ những lời mở màn như rót vào tai, Gs. Huỳnh đã bày cho cả lớp một phép trợ-lực lợi-hại do ông bác-sĩ tâm học người Pháp tên là Coué chế ra. Bs. Coué nhận-định rằng nhân chi sơ bản-chất vốn không mấy cứng. *Nghị-lực* có vẻ oai, nhưng thật chả phải là lực-sĩ hăng tiết sẵn-sàng cùng ta hiên-ngang gánh vác việc đời. Mãnh-lực chính ẩn sau lòng ham muốn của bản-năng. Để hoàn-thành trôi-chảy một hoài-bão hoặc thoả-mãn ý-nguyện bình-sinh, tốt hơn cả người ta nên tự ám-thị rằng điều mình muốn tự-khắc sẽ được. Lòng khao-khát một khi được nung-nấu trong tâm can do ảnh-hưởng của sự lặp lại, sẽ trở thành động-lực tiềm-tàng thúc-đẩy ta cỡ nào cũng mạnh tiến đến đích.

Phương-thức thể-hiện dễ như trò trẻ. Chỉ mỗi việc lằm-bằm càng nhiều càng tốt vào lúc nào tiện trong ngày hay trước khi ngủ; hãy nhắc đi nhắc lại như khấn-khứa một lời do mình tự đặt nhắm vào điều hằng mong, với lòng tin chắc-chắn được việc. Ví như chàng học trò lải-nhải mãi câu: " Mình sẽ thi đỗ thật bảnh kỳ này. Mình sẽ thi đỗ..."

*... Rằng hay thì thực là hay,*

*Chẳng hay sao lại đỗ ngay Tú-tài...*

\_ Tú Xương \_ ( lời bà vợ )

4.

Ngôi nhà ngoảnh về phương Tây hưởng đủ mùi oi-ả của làn nắng quái chiều hôm. Thi cử vừa xong loay-hoay chẳng biết xoay-sở gì, tôi ngồi ngả-ngón trong salon xem lại ít bài tuyển-lựa vào mấy trường nghề. Đang váng-vắt vì ánh tà dương thấp-thoáng len-lách vào như soi-mói, bất-giác cậu em tinh hồn lạnh-cá cả người. Rõ-ràng chị Phượng từ ngoài đang tươi cười âu-yếm nắm lấy tay ai chơi-voi sánh bước vào nhà. Bóng hình yếu-điệu kia thoáng lướt qua ngưỡng cửa. Giữa khoảng sáng lung-linh của buổi chiều nồng, nàng hiển-hiện lộng-lẫy như bông hoa ngọc nắng. Không-gian chợt mát rượi. Bài vở bỗng chốc đi cả đàng nào. Tim bắt đầu gõ sang nhịp quân-hành khiến tôi chẳng còn thiết thờ. Trong khoảnh-khắc bàng-hoàng, tôi sững-sờ trân-trối trước nụ cười mím yêu-kiều nàng thẹn-thùng khẽ gật đầu trao cho. Thế rồi...

*Đông-Xuân này lối năm xưa,*

*Anh chưa lấy vợ, em chưa lấy chồng.*

*Nhưng thôi chuyện cũ, chuyện lòng,*

*Nhắc chi húng Láng cốm Vòng hồi em.*

*Hồ Tây dấu muện mùa sen,*

*Vẫn còn một đóa y nguyên buổi đầu.*

*Như ngày ta mới quen nhau,*

*Thư đưa hồi hộp tay trao ngượng ngùng.*

*Nhớ em, nhớ đến khôn cùng*

*Hương sen càng ngát nỗi lòng càng đau.*

\_ Hồ-Dzênh \_

Cảm-kích lời người thơ, tôi ngỡ đâu đây tiếng của hồn mình. Thấp lên nén hương lòng tưởng-nhớ người thầy cũ cùng chuỗi ngày xa-xăm, cái tôi đáng ghét này dám xin một lần được mạo-muội đèo-bồng vào giầy. Trong tâm-hồn học trò, vầng dĩ-vãng lòng-lộng năm xưa bỗng bừng lên sán-lạn vô-ngần trước sự chứng-tri thần-giao-cách-cảm của Gs. Huỳnh \_ Quả đúng lời thầy, nghị-lực đã chẳng chịu giúp mình dạn-dĩ dần bước hoặc-giả xóa nhòa tí nào nổi vấn-vương. Tôi nhớ lại sách của cụ Coué thầy đã dạy cho để thực-hiện ý-nguyện. Tâm tôi ngây-ngô làm sao đâu, áp-ủ đèn héo vàng mỗi ám-ảnh: *Thương nàng quá đi thôi ! Nàng cũng thương mình vậy*. Tôi lảm-nhảm lâu lắm, như thành-khẩn cầu câu kinh nhật-tụng. Cuộc tình nào có lẽ cũng éo-le, kẻ nhiều không khéo lạc-điệu còn gì là duyên. Tôi mong thu ngắn đôi lời cuối: " Thầy ơi, con đã đến với nàng; đã thấy một trời trong đôi mắt ấy; đã hưởng phút giây cùng say-sưa xuýt-xoa chung miếng ngọt miếng bùi cơ-hồ đến mãi mãi về sau. Con lại để nàng đi... Giai-nhân nan tái đắc. Con thật không bằng được lấy một đốt tay trò của Caesar ! "

Hầu tàn giấc mơ xưa. Nàng võ-vàng cuối trời biên-biệt. Tôi mãi trầm-tu bên xao-xuyến từng lớp dăng trào. Buồn tênh... Chập-chờn trong định-mệnh đong-đưa, tôi nhòm

dậy thét vang đôi lời ca roi-rót tự bài thơ trơ-trọi; vắng nghe tiếng mình thăm-thì cùng nàng san-sẻ nguồn-con. Chả bao giờ nàng còn đọc được. Đã lâu lắm rồi, tôi mơ-hồ nhờ gió mưa hãy quỵện đi hết những giọt sầu rơi. Thuở nào...

## **SẦU VƯƠNG**

( cho người em họ Trần )

\_ Bình \_

- 1 *Mấy lần sóng bể*  
*Gió dậy mưa trời,*  
*Rơi vào lòng mắt*  
*Đăm đăm mơ mơ*  
*Một vì sao lạc ...*
- 2 *Gió lan chiều ngang*  
*Dan mưa hàng dọc*  
*Vô-vàn chữ thập*  
*Động giọt lưu-ly,*  
*Long-lanh đáy mắt*
- 3 *Nhanh nhánh đại-dột,*  
*Mộng hạt mưa bay*  
*Xôn-xao gió lay,*  
*Rưng rưng niềm nhớ*  
*Sầu vương chân mây.*

- 4      *Canh tàn mưa rớt*  
*Đãm ướt quàng mi,*  
*Gió lộng cuồng-si*  
*Cũng đành tan-tác,*  
*Xao-xác tình gầy.*
- 5      *Dậy, dậy tình ơi!*  
*Mưa reo lời gió ...*  
*Hoan-lạc qua rồi,*  
*Bẽ- bàng đối ảnh*  
*Ngán-lệ bồi hồi.*
- 6      *Mưa tạnh mùa đi,*  
*Lạnh lòng dao cắt*  
*Hiu-hắt mạch sâu,*  
*Muôn thuở mắt sâu*  
*Ngày ngày gió động ..*  
  
9-99

*Nguyễn Gia Bình,*

*CVA 1968, San Diego, CA.*

\* \* \*

## EM CỨ TƯỞNG

Em cứ tưởng,

Những gì anh đã nghĩ.

Thoáng qua rồi một áng mây,

Tuổi học trò ngơ ngác dáng thơ ngây,

Để bây giờ trong mộng寐.

Em cứ tưởng,

Những gì anh đang nghĩ.

Cuộc tình mình còn mãi hay không,  
Cho hồn say mơ ước tuổi đương hồng,  
Để mai này thôi ghen tị.  
Em cứ tưởng,  
Những gì anh sắp nghĩ.  
Sớm chiều rồi lại bằng khuâng,  
Tóc thêm màu lơ đãng chẳng buồn nâng,  
Để mơ hồ người tri kỷ.  
Em cứ tưởng,  
Những gì anh chẳng nghĩ.  
Mỏi chân rồi có còn quay,  
Người không rệu sao lại cứ hay say,  
Ừ thôi nhé yêu em nhỉ.

Nguyễn Phương Liên, CVA 1960, Texas.

\* \* \*

# ANH ƠI GIỜ NÀY ANH Ở ĐÂU?

*Bùi Đức Lạc*

Anh ơi giờ này anh ở đâu Dục Mỹ hay Nha Trang.....Nhớ anh từng phút lại từng giây..... tiếng hát của cô nữ ca sĩ muốn dứt từng hơi thở, âm vang mờ nhạt tan loãng. Ngọn đèn 100 watt rung rinh muốn chìm vào màn đêm quên lãng. Nhìn anh nằm như chiêm bao, mọi người không còn ai có thể khóc được nữa. Tất cả đều chấp nhận việc Thiên Chúa đã định một cách bình yên. Anh ra đi là phải, cơn bệnh đã hành hạ anh như vậy là đủ lắm rồi anh nhỉ !!!!!

Hơn mười năm trời anh ngã bệnh, ngày đêm chị lúc nào cũng bên anh. Từ một người đàn bà phúc hậu đã trở thành quay quắt, biếng cười. Tuy vậy ai cũng muốn níu kéo thời gian không muốn anh ra đi vì mất mát quá lớn. Không tiền bạc của cải nào có thể mua được, cho nên lúc này mọi người thương và nhớ anh không ai chấp nhận chia ly phải thế không anh. Tuy nhiên cơn sóng bạc đầu đã vào bờ rồi, luồng gió phiêu bạt nào thổi sóng ra khơi. Đây quả thật định mệnh đã an bài .



Chính anh cũng muốn như vậy. Anh đã nhiều đêm cầu xin Đức Mẹ để cho anh được sớm về nước Chúa. Trước đêm anh ra đi, anh đã từng dơ tay vẫy chào từ biệt chị và các cháu. Giọng anh bình thản: *“Thôi mọi người ở lại tôi đi.”* Mặt anh tươi tắn vui vẻ như già từ một cuộc vui. Anh thật sáng suốt và bình tĩnh thu xếp mọi chuyện trước khi ra đi. Một tháng trước anh đã lo cho cháu gái út cưng của anh yên bề gia thất. Ôi đẹp làm sao và một điều kỳ diệu nữa là tháng kính thánh Theresa Hải Đòng Jesus là tháng anh được nhiều ơn phước. Anh kể say sưa miên man về những điều kỳ diệu này. Những ngày còn Quân ngũ anh được che chở qua nhiều cơn nguy khốn. Anh đưa cả gia đình vượt biển cũng vào tháng kính Thánh Theresa, nhờ vậy cả gia đình an toàn tới bờ tự do mà không bị một trở ngại nào. Rồi cũng chính tháng này anh ra đi về miền vĩnh viễn. Tôi chắc anh biết rất rõ như vậy phải không anh?

Nếu anh không nói làm sao tôi biết Anh là một niên trưởng của tôi. Năm 1979 tôi mới chính thức nhận anh. Gặp anh lần đầu, tôi kính trọng anh. Từ đó, như vậy thấm thoát cũng tròn hai mươi năm. Tôi quan niệm rõ ràng trên dưới phân minh mặc dầu cấp bậc trong quân đội từ năm 1968 về sau anh đều sau tôi (*theo anh kể như vậy*), tuy nhiên anh là huynh trưởng của tôi. Trong quân đội, anh trên khóa tôi và ngoài đời anh trên lớp tôi. Anh và tôi cùng xuất thân trường sĩ quan trừ bị Thủ Đức và cùng học trường Nguyễn Trãi, Chu Văn An. Như vậy kể ra cũng nặng tình.

San Jose hiện nay tuy là thu nhưng trời cũng khá lạnh. Những chiếc lá đủ màu thi nhau rơi rớt dọc theo đường. Loài chim nhỏ không còn bay dập dờn, nhảy tung tăng, hót líu lo nữa. Gian phòng lạnh lẽo chơi vơi, ngay cả loài côn trùng cũng không lai vãng. Vợ con anh đó nhưng rồi ai cũng có phận sự của mình. Mọi người rồi sẽ phải lặn vào con lốc xoáy của xã hội không ai cưỡng được.

Năm 1979 cũng vào tháng kỳ diệu, anh Tạ thành Nhân ( có lẽ lúc đó anh Nhân đang là hội trưởng Không Quân tại San Jose) tổ chức mừng thượng thọ cho thân phụ của anh 80 tuổi và cũng là mừng gia đình xum họp (*cụ thân sinh anh Nhân, gia đình anh Tạ Văn Thạnh là anh trai của anh Nhân, gia đình anh Trần Minh Hân là con nuôi của cụ thân sinh anh Nhân, tất cả mới từ trại tỵ nạn qua*). Thời kỳ đó tại vùng thung lũng Hoa Vàng này chỉ vồn vện có khoảng hơn mười ngàn người Việt sinh sống. Không có một tiệm ăn Á Đông nào khả dĩ ăn được, không hiểu anh Nhân tìm đâu ra được một đầu bếp thật khéo tay. Ba mươi thực khách, hầu như ai cũng khen tài đầu bếp là không thua gì đầu bếp của Đòng Khánh ngày xưa.

Đột nhiên một giọng nói ôn tồn lên tiếng nói phản lại những lời khen của mọi người: -Đầu bếp này nấu không bằng tôi đâu.

Giọng anh êm đềm tiếp: -Tôi nấu tất cả mọi món, đĩa nào, tô nào cũng đều ăn hết không ai bỏ lại một miếng nào trên đĩa hay trên tô như vậy mới là đầu bếp giỏi chứ.

Tôi hơi ngạc nhiên nhưng (im lặng là vàng) ngồi im quan sát. Lúc đó tuy đã được gia chủ giới thiệu nhưng tôi chỉ biết tên anh có thể thôi, hoàn toàn không biết gì hơn. Chị vẫn im lặng chỉ hơi mỉm cười, mọi người nhìn nhau dò hỏi.

Anh Tạ Văn Thạnh là anh của chủ nhà vui vẻ lên tiếng :

- Gần hai mươi năm nay tôi có nghe anh nấu nướng bao giờ đâu.
- Ấy vậy mà tôi nấu rất nhuyễn đó, anh nói với một giọng chắc nịch .

Mọi người đều hoang mang im lặng vì đa số là sơ giao, đánh tan bầu không khí ngờ vực anh lên tiếng: Tôi là đầu bếp chính trong trại tù cải tạo Lam Sơn, Dục Mỹ .

Mọi người cười rộ nhẹ nhõm. Tôi nghĩ thầm, như vậy là Cộng Sản nó phong chức đầu bếp cho anh .

- Tưởng gì, trong trại tù thì ai mà chẳng nấu được .
- Đừng tưởng dễ, tụi nó tuyển bao nhiêu người, đến tôi mới nấu cơm chín được đó. Nấu cơm bằng chảo lớn, không khéo là cơm sống mà khê nữa. Từ nhỏ đến lớn tôi đâu có làm bếp bao giờ, nhưng rồi từng quyền, lính mà cái gì chẳng làm được.

Đến lúc đó tôi mới biết anh cũng trong quân đội. Một luồng cảm mến tự nhiên đến với tôi. Trông anh thật hiền hòa chân thật không xảo ngôn, nên lúc đó tôi hoàn toàn tin tưởng vào một câu chuyện có đoạn kết vui vui. Anh nghiêm nghị kể tiếp: Trong trại tù ai cũng đói. Anh ngẩng mặt nhìn lên như để nhớ lại một khung trời xa xưa đầy gian truân khổ ải, xong anh chậm rãi ..... Lúc đó trại tù Lam Sơn chúng giam các anh em tham dự trận đánh cuối cùng tại Khánh Dương, Dục Mỹ, Nha Trang, Phan Rang không may bị chúng bắt làm tù binh và những anh em như tôi nghe chúng dụ khi đi trình diện học tập vài tuần rồi về, nên khăn gói lên đường ngay. Ai ngờ mốt mùa, từ đó chúng không còn phân biệt tù binh hay tù trình diện nữa. Đau khổ nhất là một số anh em thương phế binh nghe lời ngon ngọt sạo mà cũng đi trình diện nên cũng phải theo chương trình tù tội gian khổ như tất cả mọi người. Lúc nguy khốn cùng cực mới biết mặt anh hùng quý vị a. Kẻ tiểu nhân nổi lên nhan nhản, đa số là chịu nín thở qua cầu, một số chịu làm tay sai cho chúng, nhưng cũng có một số rất đáng khâm phục khí phách hiên ngang. Người đáng kể nhất là Đại Tá Nguyễn Thu Lương, Lữ Đoàn Trưởng Lữ Đoàn 2 Nhảy Dù. Ông bị bắt tại Phan Rang.

Khi anh nói tới đây, tôi ra hiệu cho những người quen tôi đừng để anh biết tôi phục vụ trong Binh Chủng Nhảy Dù, có như vậy anh mới được tự nhiên. Do đó, anh vẫn bình thản kể tiếp . . .Lúc đó LĐ2ND bàn giao vùng trách nhiệm cho Biệt Động Quân để trở về Sài Gòn. Bàn giao vừa xong, các tiểu đoàn Nhảy Dù đã được không vận về Sài Gòn, chỉ còn lại một tiểu đoàn Nhảy Dù và bộ chỉ huy Lữ Đoàn thì Phan Rang Thất Thủ cho nên ông bị bắt cùng một số anh em trong Bộ Chỉ Huy của ông. . . .Sau khi tôi nhập trại hai tuần, chúng cho lệnh tự khai lý lịch. Đây cũng là điều thật quái gở vì phải khai lý lịch từ đời ông, đời cha, rồi cô dì chú bác phải khai luôn. Mỗi người phải lên bục gỗ trước mặt anh em tự đọc lý lịch của mình cho mọi người cùng nghe. Cũng có một số hèn nhát khi nghe lý lịch của ai còn giấu giếm điều gì, hay quên không khai báo điều gì, mà chúng biết là chúng báo cáo để lấy điểm cho mình và hại anh em ngay không thương xót tình đồng đội. Lúc đó chỉ có cùng đơn vị mới biết nhau còn người khác không quen làm sao mà biết được, tàn nhẫn như vậy đó. Anh em tù nhân lương thiện, một mặt phải đối phó với quân thù, một mặt phải chống đỡ với đồng đội gian manh của mình, còn phần nặng trĩu tâm hồn là nghĩ tới thân phận tù đầy, rồi cha mẹ vợ con anh em không hiểu có an thân hay không, tin tức gia đình thì mù mịt, không thư từ không thăm nuôi. Có anh nhà chỉ cách trại tù vài ba cây số mà không biết tin tức gia đình ra làm sao cả. Đó cũng là một chính sách hành hạ tù nhân của chúng. Trên thế giới này chỉ có bọn Cộng Sản mới có chính sách bất nhân như vậy. Ly nước trên tay anh lay động theo câu chuyện cường độ lên xuống. Rồi đột nhiên như lắng đọng, anh thờ dài im lặng, chung quanh anh như hòa nhịp theo, không một tiếng chén đũa va chạm. Tôi chợt nhớ tới những anh em tôi không may tàn phế, không hiểu giờ này họ đang phải vật lộn với cuộc sống ra sao, xin Trời Phật hãy nuôi sống họ. Tôi đang suy tư thì anh kể tiếp: Buổi tối hôm đó sau khi dùng cơm chiều xong, chế độ ăn uống lúc này còn khá chưa phải ăn độn nhưng cơm không đủ no, ai cũng đói meo cả người, chúng tập hợp tù nhân lại học tập chính sách của nhà nước và đảng, lần này chúng khởi đầu cho chiến dịch tự khai lý lịch công khai, có nghĩa là lý lịch cá nhân của mình sẽ do chính mình đọc rồi anh em tù nhân trong phòng học phê bình. Mục đích chúng tìm những sơ hở vì ai cũng sợ nên không dám giấu giếm nữa phải khai thật. Khổ nỗi mấy ngày trước đã dấu những điều xét thấy có hại không dám khai hết, không ngờ chúng bắt khai báo công khai như thế này, lúc đó ai cũng sợ bạn mình tố cáo không ai còn tin ai cả. Có những người trước mặt công khai thì không dám tố cáo nhưng lại đi đồn ngấm, bí mật báo cáo với quản giáo hay cán bộ. Có người dấu huy chương, có người dấu chức vụ, có người dấu thân nhân làm việc trong chính quyền, tất cả đều bị bọn anten báo cáo và đã bị trừng phạt rất nặng, giam trong hầm, hoặc giam trong thùng sắt. Có anh em chịu không nổi đã phải chết ngay trong lúc chịu những cực hình này, vậy mà khi Đại Tá Nguyễn Thu Lương công khai đọc lý lịch của mình, ông làm mọi người sững sờ thán phục. Khi ông lên trước mặt mọi người đọc bản lý lịch mới khai, ông chẳng dấu giếm điều gì. Ở dưới những tên cán bộ trại, cầm trên tay các bản lý lịch của ông đã khai những ngày trước, vì trước đó chúng bắt tù nhân mỗi ngày phải khai lý lịch của mình một lần, xong chúng thu lại rồi ngày hôm sau chúng lại bắt khai lý lịch nữa, làm nhiều lần như vậy, anh nào không may khai hôm nay khác hôm trước là tai họa đến ngay. Lỗi này có nhiều anh em bị, tùy theo lỗi mà chúng phạt, anh nào khéo nói thì cũng qua dễ nhưng anh nào không khéo nói thì cũng khổ sở. Ông chậm rãi và đồng dục đọc lý lịch của mình khi đọc đến mục đã làm hại bao nhiêu quân cách mạng, không hiểu sơ ý hay cố tình ông nói: “Tôi không nhớ là đã giết bao nhiêu Việt Cộng.”

Tên cán bộ phó trại thét lên: “Anh kia cách mạng đã tha tội chết cho anh thì anh phải ăn năn hối cải không được ngoan cố, anh phải thành khẩn khai là trong khi làm lơ theo Mỹ Ngụy anh đã làm hại bao nhiêu quân cách mạng.”

Ông thành thật trên nét mặt rần ròi và tiếp lời:

- Thật sự tôi không nhớ là đã làm hại bao nhiêu quân cách mạng vì ngay trong trận Hạ Lào tôi cho lệnh Pháo Binh bắn đạn tổ ong, mỗi viên sát hại cả trăm quân cách mạng mà có lần tôi cho lệnh bắn cả mười viên cứ như vậy thì trong trận này quân cách mạng thiệt hại nhiều lắm. Không kể các trận khác, bây giờ xin cán bộ cho tôi đề vào đây là tôi đã làm hại mười ngàn quân cách mạng có được hay không. Tên phó trại và những tên khác im lặng.

Tiếp theo đến mục có bao nhiêu huy chương, ông cũng rất bình tĩnh trả lời là ông không nhớ hết vì có nhiều huy chương. Tên phó trại yêu cầu ông cho một con số gần đúng, ông nhanh nhẹn trả lời: “Khoảng năm mươi huy chương các loại .”

Để làm nhẹ đi không khí đang có vẻ thất lợi cho chúng, tên phó trại dụ giọng:

- Anh đã tham dự bao nhiêu cuộc hành quân?

Ông trả lời: - Khoảng vài chục lần.

Tên phó trại hỏi lại ngay:

- Các anh Nhảy Dù có nhiều nợ máu với nhân dân, các anh đã hành quân càn quét nhiều lần khắp các nơi, sao nay lại chối là chỉ có hành quân vài chục lần là làm sao?”

Ông đáp:

- Thừa cán bộ những năm trước kia chúng tôi đi hành quân mỗi năm khoảng ba, bốn lần. Sau này một năm chỉ hành quân có một lần mà thôi.

Tên phó trại nắm ngay lấy câu trả lời này vặn lại :

- Anh không thành khẩn khai cho đúng, nhân dân-đảng-nhà nước đã cho các anh đường sống mà các anh không muốn các anh cứ giấu quanh. Nhân dân, đảng, và nhà nước đã biết hết tội lỗi của các anh, hôm nay là muốn thử xem các anh có thành khẩn nhận tội hay giấu quanh không thật tâm.

Tên phó trại vừa chấm dứt, ông từ tốn trả lời:

-Không có điều nào tôi giấu cả. Sau này chúng tôi mỗi năm chỉ hành quân có một lần mà thôi.

Tên phó trại nói như quát lên :

Ngoan cố, ngoan cố đến giờ này anh cũng vẫn chưa thành khẩn khai báo cho đúng.

Ông ôn tồn trả lời:

- Thật vậy như hai năm 1972 và 1973, nguyên sư đoàn Nhảy Dù tham dự hành quân tại Huế, Quảng Trị và Đà Nẵng, hai năm này chúng tôi chỉ hành quân có một lần vì cuộc hành quân này kéo dài 730 ngày.

Tên trại phó quát lên :

- Ngoan cố.

Lúc đó một tên cán bộ lạ mặt ghé sát tai tên trại phó nói cái gì chúng tôi không nghe, tên trại phó không hùng hổ nữa, chúng bàn thảo thật nhỏ với nhau. Chúng tôi im lặng nhìn nhau lo ngại hộ vị đàn anh của mình, không hiểu kết quả sẽ ra sao. Ông không to lớn nhưng quá thước, nét mặt đôn hậu như chấp nhận mọi hậu quả sẽ đến với mình. Ít nhất chúng tôi, Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa cũng phải có người can trường như vậy.

Tên trại phó ngồi rung đùi quay sang hỏi tiếp với một giọng đầy nham hiểm:

- Anh đã thắng bao nhiêu trận và thua bao nhiêu trận?

Có điều đặc biệt là không lần nào ông phải suy nghĩ. Vừa nghe câu hỏi là ông trả lời ngay:

-Thưa cán bộ thật tình tôi không nhớ là tôi đã thắng bao nhiêu trận mà tôi chỉ nhớ là mình đã thua bao nhiêu trận mà thôi.

- Anh cố nhớ là đã thắng bao nhiêu trận và thua bao nhiêu trận, nhân dân-đảng-nhà nước chỉ muốn biết xem các anh có thật tình khai báo hay không mà thôi và nhớ xem những trận đánh ấy ở đâu?

- Thưa cán bộ thật tình tôi chỉ nhớ mình thua bao nhiêu trận và thua ở đâu mà thôi.

Tên trại phó dụ giọng:

- Thôi được anh nhớ anh thua bao nhiêu trận và ở đâu?

Ông chậm chậm trong nghẹn ngào xúc động :

- Thưa cán bộ tôi thật sự thắng nhiều trận nhưng không nhớ chắc chắn chỉ nhớ rất mơ hồ, nhưng thua thì tôi nhớ rất rõ là chỉ thua có một trận mà thôi đó là trận Phan Rang, vì vậy cho nên mới bị bắt vào đây.

Cả phòng muốn bật tiếng cười thật lớn cho hả dạ nhưng ai nấy kịp trấn tĩnh bịt miệng lại, nhưng cũng không qua mặt được chúng. Tên trại phó quát lên:

- Các anh im lặng ! ! !

Chúng tôi im ngay không nhúc nhích. Lúc này mà làm trái ý chúng là nhận lãnh mọi hậu quả. Chúng cho ông về chỗ, xong chúng cho chúng tôi về nhà giam. Ai cũng nghĩ rằng chắc chắn ông sẽ bị một hình phạt nào đó, nhưng không thấy ông bị một hình phạt nào, mà thật đúng ra ông có khai gian dối gì đâu? Nhưng Cộng Sản mà! ! ! Chúng không làm được ông thì chúng hành đến cấp dưới của ông .

Hai hôm sau chúng gọi anh Đại Đội Trưởng Đại Đội 2 Công Binh Nhảy Dù ra hỏi tội về việc đặt mìn làm hại chiến xa của chúng tại Phan Rang, anh này cũng li đòn nhận tội ..... nhưng không, ông đứng lên xin nhận tội vì anh này chỉ thừa lệnh ông đặt những trái mìn đó vào những địa điểm theo ý của ông. Cao đẹp làm sao, anh hùng làm sao. Có lẽ vì cảm phục lòng can đảm và anh hùng của ông nên chúng cũng không hành hạ ông, cho tới ngày chúng tôi chuyển trại. Lúc đó chúng tôi ai ai cũng kính phục ông, ai cũng muốn nói với ông một tiếng khâm phục, nhưng chúng theo dõi không cho tự do nói với nhau. Nếu không có sự chấp nhận và giám sát của chúng, chúng tôi ai cũng muốn theo gương anh hùng của ông, mỗi người một hoàn cảnh, mỗi người một thuyền, gương đó làm sao quên .

Hôm nay sau đúng hai mươi năm anh kể , xin viết với lòng cảm mến vô bờ.

*Bùi Đức Lạc CVA 1958 - San Jose, CA*

\* \* \*

# TRIỆU CHÚNG C.V.A.

Viết tặng các bạn C.V.A.

**BA LĂNG**

Có thể nói người Mỹ dùng nhiều chữ viết tắt ( Abbreviation ) nhất thế giới . Ngành nghề nào cũng đầy rẫy chữ viết tắt . Nhiều chữ ngày nay đã trở thành quá thông dụng đến độ nhiều người quên mất cả nguyên chữ của nó . Chẳng hạn bây giờ ít ai gọi máy truyền hình là Television nữa mà gọi là T.V.. Trong ngành Y-khoa thì nhiều chữ viết tắt của tên bệnh không còn là của mấy ông bà Bác-sĩ nữa . Bệnh AIDS ( Acquired Immune Deficiency Syndrome ), bệnh T.B. ( Tuberculosis ), Siêu vi khuẩn HIV ( Human Immunodeficiency Virus ) là những tên gọi quá phổ biến, quần chúng gần như quên mất cả cái tên khoa học dài thòng, khó nhớ . Nhưng viết tắt và viết tháu khó đọc lại là hai điểm khác hẳn nhau. Thiên hạ thường hay than phiền về mấy ông bà Bác-sĩ viết toa khó đọc và chữ viết của Bác-sĩ xấu quá! Điều này cũng đúng, không hẳn là thói quen, mà do ít thời giờ, nhiều bệnh nhân nên Bác-sĩ đã phải viết nhanh để tranh thủ thời gian. Mà viết nhanh thì làm sao nét chữ viết cho đẹp được. Có điều dù viết nhanh, viết tháu, viết tắt nhưng đừng có nhầm lẫn tên thuốc, độ lượng mà có ngày bệnh nhân "lắc lư " bị kiện cáo phải ra tòa . Nếu thua kiện thì cũng dễ dàng bị treo bằng hành nghề lắm.

Nhớ lại thời gian đi tập sự tại bệnh viện M.V. bên New York, lạc lõng giữa đám đông thường trú Án-Độ, Chà-Và, chỉ có tôi và Dự là hai tên chính gốc CVA. Bệnh nhân ở đây thì Đen nhiều hơn Trắng, Á đông thì hiếm nói chi đến bệnh nhân Việt-Nam mình . Ấy thế mà mỗi khi bàn giao phiên trực gác, có chuyện gì quan trọng cần dặn dò, Dự lại ghé tai tôi nhắc nhở. Chẳng hạn:" Lưu ý 2 tên Chu Văn An mới nhập viện tối qua nhé. Nếu cần thì chuyển tên Chu Văn An ở lầu 2 trại IV lên ICU sớm nghe!"

Thoạt tiên tôi cũng sững sờ vì chậm hiểu. Về sau biết Dự nói đùa vì rành rành 3 chữ CVA ghi trên hồ sơ bệnh lý của các bệnh nhân này. CVA đây không phải là Chu Văn An phe ta, cũng không phải là "Chỉ Vòi Ấn" như mấy chị Trung Vương gán cho mà Chu Văn An ở đây là tên viết tắt của một triệu chứng " Cerebro Vascular Accident" được gọi là Tai Biến Mạch Máu Não, cũng thường được gọi là Stroke ( Chứng Đột Quy ).

Não bộ là trung tâm điều khiển các chức năng của cơ thể con người. Một khi có " tai biến " nơi não bộ thì hậu quả sẽ trầm trọng như thế nào chắc mọi người trong chúng ta đều đoán trước được. Chỉ cần 10 giây đồng hồ tim ngừng đập. máu không được bơm lên đầu, chúng ta sẽ bất tỉnh ngay.

Mạch máu não thường bị tắc nghẽn khiến máu không thể vận chuyển đến các vùng não bộ và làm cho các vùng não này bị thiếu máu cục bộ ( Ischemia ). Một trong những nguyên nhân gây tắc nghẽn là do các cục máu đông lại (Emboli) do bệnh Tim Mạch hay do thành động mạch bị thu nhỏ vì các lớp mỡ đóng dày lại ( Bệnh Cao Máu và Cao Mỡ Cholesterol ). Mạch máu não cũng dễ bị vỡ, làm cho máu trào ra não bộ. Nguyên nhân chính là sức đàn hồi của mạch máu đã mất đi hay giảm bớt vì chứng cứng động mạch ( Arteriosclerosis ) thường thấy ở người già và người bị bệnh cao máu. Hút thuốc lá và xì cần sa ma túy sẽ làm tăng áp huyết, một trong những nguyên nhân gây triệu chứng CVA sau này. Tai biến mạch máu não cũng thường xảy ra nơi người bị các U Bướu trong não bộ, bị các tật bẩm sinh nơi mạch máu não hoặc bị chấn thương sọ não do tai nạn ( lưu thông xe cộ, té ngã, bị đánh hay bị đạn bắn vào đầu ). Những tai biến mạch máu não này có thể xảy ra cho bất cứ ai kém may mắn vướng phải còn CVA là những triệu chứng của những căn bệnh nội thương, đặc biệt là bệnh Tăng Áp Huyết, Bệnh Tim Mạch, Bệnh Cao Cholesterol trong cơ thể đã không được theo dõi và chữa trị kịp thời và đúng cách . Vậy thì triệu chứng CVA có thể phòng ngừa được.

Ở vào lớp tuổi tôi và các bạn đồng khóa CVA, sơ sơ chúng ta cũng có tới 60 mùa xuân trong đời . Tuổi này chúng ta dễ bị Stroke. Theo thống kê, 5% dân số Mỹ trên 65 tuổi đã bị Stroke. Thời gian sống tại quê nhà, sáng nào cũng đi tắm với phở nạm gầu nước béo, lại còn đập thêm hai hột gà cho đủ phần bổ dưỡng. Chiều tới thì có cơm Tây: Bơ Pháp quét vào ăn cho khoái khẩu có bao giờ nghĩ tới việc đi Bác-sĩ để check-up như ở bên Mỹ này để xem lượng đường, lượng muối, lượng mỡ ( cholesterol ) trong máu cao thấp thế nào. Để đến một ngày " không đẹp trời " nào đó, ngủ dậy thấy thỉnh linh bị nhức đầu ghê gớm, hoa mắt chóng mặt, đứng không vững, té ngã, nói năng mất tự nhiên, ngọng nghịu, mệt mỏi bại hoại chân tay hoặc liệt một phía cơ thể. **ĐỪNG CÓ CẠO GIÓ, THOA ĐẦU NÓNG.** Thân nhân vợ con phải gọi ngay 911 hoặc chở gấp đến bệnh viện cấp cứu. Với những triệu chứng kể trên, nhiều phần chắc chắn là ông bạn CVA đã đến thăm bạn rồi đấy. Những triệu chứng của mạch máu não bị bẻ vỡ, xuất huyết ra não bộ thường xảy ra khi tỉnh dậy. Những triệu chứng của thiếu máu não cục bộ lại thường xuất hiện vào buổi sáng. Tại bệnh viện, tùy theo triệu chứng xuất hiện của CVA, dựa vào bệnh sử và bằng các phương pháp thử nghiệm như chụp hình quang tuyến đầu, quang tuyến mạch máu não ( Cerebral angiography ), CT scanning ( Computed Tomography ), MRI ( Magnetic Resonance



Imaging ) ( lại toàn chữ viết tắt! ), bác-sĩ có thể biết được chính xác mạch máu não nào bị tổn thương, vùng não bộ nào bị ảnh hưởng. Tuy CVA chỉ đứng hàng thứ ba gây tử vong ( sau bệnh Tim Mạch và Ung Thư ) nhưng nó lại là nguyên nhân chính gây tàn phế nhiều nhất trên đất Mỹ này.

Định bệnh sớm, trị liệu kịp thời và đúng cách những căn bệnh đang có là những nguyên tắc căn bản để tránh khỏi bị tàn phế sau này. Có thói hư tật xấu nào như ăn uống không kiêng cử, phì phèo điều thuốc trên môi hay còn sài Si ke ma túy nơi các bạn trẻ thì liệu mà từ bỏ ngay đi càng sớm càng tốt. Đừng để đến một ngày nào đó phải dùng đến xe lăn, xe đẩy, có hối hận thì cũng đã muộn.

Trong Tin Thư Chu Văn An Bắc California, các bạn có hỏi : " CVA nghĩa là gì theo ý bạn?". Bài viết đông dài, méo mó nghề nghiệp này cũng là để đáp ứng lại câu hỏi của các bạn vì quả thật ba chữ CVA đã biến nghĩa theo thời gian và ngành nghề ...

Ước mong rằng chúng ta đã mang truyền thống CVA thì sẽ không bao giờ để triệu chứng CVA xuất hiện. Mong vậy thay !

Alameda, California

*Những ngày cuối năm Mậu dần 1998*

**CVA Ba Lãng**

\* \* \*

# CHUYỆN VỤN VẶT

## BỆNH TIỂU ĐƯỜNG VÀ CÁC BIẾN CHỨNG VỀ THỊ GIÁC

**Đỗ Khắc**

\*\*\*

Khi ta lớn tuổi thì sự biến dưỡng các chất đường (và nhiều chất khác) sẽ kém đi. Nếu cứ ăn kẹo, bánh như hồi còn trẻ, thì khó mà tránh được bệnh tiểu đường ( diabetes ). Người ta bị bệnh tiểu đường khi mà nồng độ đường trong máu trở thành cao hơn mức bình thường. Đó là một bệnh " lảm chuyện ", bởi vì " hấn " sinh đủ loại biến chứng nguy hiểm, nhất là biến chứng vào con mắt. Có thể nói là 100% người bị tiểu đường sẽ bị biến chứng về thị giác, chỉ khác nhau ở chỗ biến chứng phát ra sớm hay muộn, nặng hay nhẹ mà thôi.

Nồng độ đường trong máu cao làm cho các huyết quản bị suy yếu, kể cả các huyết quản nhỏ nuôi võng mạc ( retina ). Võng mạc là phần của con mắt nhạy cảm với ánh sáng và giúp ta nhìn thấy được mọi vật. Sự hư hại huyết quản đó gọi là bệnh võng mạc do tiểu đường ( diabetic retinopathy ).

Huyết quản bị suy yếu thì không còn làm tròn nhiệm vụ dinh dưỡng võng mạc nữa, lại có thể làm thất thoát dịch chất. Dịch chất thoát ra ngoài huyết quản làm mắt bị phồng lên. Kết quả là mắt thấy mọi vật không còn rõ nét nữa. Rồi để bù lại sự thiếu hụt dinh dưỡng của võng mạc, những huyết quản mới sẽ được tạo thành, nhưng những huyết quản mới này còn yếu hơn các huyết quản cũ và rất dễ bị vỡ, gây nên sự xuất huyết trong mắt. Dần dà, mô sẹo sẽ thành hình, làm cho võng mạc bong ra khỏi mắt.

Nếu tìm ra bệnh võng mạc sớm, trước khi gây nhiều hư hại, thì ta có thể dùng tia laser để chữa trị hay giữ cho bệnh võng mạc không tiến triển thêm. Nếu không được điều trị, bệnh nhân sẽ bị mù.



Cho nên điều quan trọng với người bị bệnh tiểu đường là cần được khám mắt đều đặn. Phải khám mắt với bác sĩ y khoa ( M. D. ), bởi vì những thay đổi trong mắt chỉ có thể tìm ra nhờ khả năng của bác sĩ y khoa và y cụ đặc biệt.

Với các phụ nữ mang thai mắc bệnh tiểu đường, sự khám mắt còn cần thiết hơn nữa vì trong dịp mang thai, bệnh võng mạc có thể phát sinh hay nặng thêm ra.

Thỉnh thoảng có những dấu hiệu báo động, tỷ như :

- Mắt tự nhiên mờ đi trong ít nhất HAI ngày.
- Đột nhiên bị mất một phần thị trường với 1 hay cả 2 mắt.
- Thấy những vết đen, thấy hình như mạng nhện hay thấy những điểm lóe sáng.
- Thấy tung tức hay đau ở mắt.

Nếu thấy các dấu hiệu trên phải lập tức đi khám bác sĩ nhãn khoa thực sự tức là bác sĩ y khoa chuyên về mắt ( Ophthalmologist ).

Ngoài ra người bị tiểu đường có thể giảm thiểu các biến chứng về mắt ( cũng như các biến chứng khác ) bằng cách :

- Kiểm soát nồng độ đường trong máu ( dùng thuốc đúng cách, đều, không sao lãng ).
- Kiểm soát huyết áp và lượng cholesterol trong máu ( dùng thuốc đúng theo lời dặn của bác sĩ ).
- Vận động cơ thể ( thể dục đều đặn ).
- Khám bác sĩ ( M.D. ) đúng định kỳ.
- Ăn kiêng theo đúng lời dặn của bác sĩ.
- Và đừng hút thuốc.

\*\*\*

**Đỗ Khắc, CVA 1951, Fountain Valley, CA.**

**\* \* \***

# **ĐI BỘ/CHẠY BỘ/ĐI BỘ**

## **MÔN THỂ THAO LÝ TƯỞNG**

CVA Nguyễn Huy Lãng

\*\*\*

Trong các bộ môn tập thể dục thể thao, đi bộ là môn tập luyện cơ thể vừa nhẹ nhàng vừa đơn giản, rẻ tiền, dễ dàng thực hiện, thích hợp với tất cả mọi người mọi tuổi, nhất là lứa tuổi cao niên. Cộng thêm một chút chạy bộ thì ta có được vừa vận động cơ thể vừa tập thở cùng một lúc. Đó là sự phối hợp nhịp nhàng , đều đặn giữa hơi

thở và bước chân đi. Đi bộ/chạy bộ/đi bộ là một phương pháp tập thể thao nhẹ nhàng, không cần phải cố gắng, lại có kết quả trông thấy tức thời. Không có nhiều động tác cần thực tập, chỉ có một động tác duy nhất là luôn luôn di động một cách thật đều hòa.

Buổi tập gồm ba giai đoạn chính, kéo dài khoảng 50 phút. Đầu tiên là giai đoạn **WARM UP**: Đi bộ bình thường trong 10 phút, cứ 2 bước hít vào qua lỗ mũi lại hai bước thở ra bằng mồm. Đầu, cổ và lưng giữ cho thẳng hàng, mắt ngược về phía trước. Sau đó đi bộ 10 phút tiếp với bước chân rải rộng hơn, cứ 3 bước hít vào một hơi, lại ba bước thở ra một hơi, liên tục không gián đoạn. Giai đoạn thứ hai là **JOGGING**: chạy chậm chậm trong 10 phút, chân bước đều theo nhịp thở, bàn chân hơi nhấc khỏi mặt đất, khi đặt chân xuống thì đặt cả bàn chân, cứ 4 bước hít vào lại 4 bước thở ra trong một hơi. Giai đoạn thứ ba là **COOL DOWN**: trở lại tương tự giai đoạn warm up, 10 phút đầu đi ba bước thở một hơi, thở ra hít vào mạnh sâu, đều đặn, liên tục, thoải mái. Sau đó, trong 10 phút chót, trở lại bước bình thường, cứ 2 bước thở ra lại 2 bước hít vào trong một hơi.

Một điều rất quan trọng là phải sửa soạn cho việc tập luyện kỹ càng cẩn thận để tránh những bất thường đáng tiếc có thể xảy ra sau này do sự coi thường chủ quan. Thứ nhất, phải đi loại giày thật tốt dành riêng cho walking/jogging, thông thoáng và có air cushion để giảm đau chân và tránh trật khớp. Thứ hai, phải giữ cho thân mình thật ấm áp. Tay, chân và cổ là phần yếu chịu lạnh nhất nên cần phải được bảo vệ đầy đủ. Thứ ba, không ăn bất cứ thức ăn gì trước buổi tập. Thứ tư, sau buổi tập, nên uống 1 viên vitamin C loại 500 mg lúc ăn sáng để bổ xung chất bổ cần thiết hàng ngày cho cơ thể.

\*\*\*

## ( II )

### VẤN ĐỀ LÀ LỰA CHỌN

Tuổi năm mươi là một dấu mốc lớn trong đời sống con người. Đó là lúc những thái quá của tuổi trẻ và lơ là của tuổi trung niên được bộc lộ rõ rệt trong tình trạng sức khỏe suy sụp rất nhanh. Thông thường, ai cũng nhận được ít ra là một cú *wake up call*. Thế nhưng không phải vì thế mà con người kịp tỉnh mộng để mà tìm ngay giải pháp đối trị kịp thời. Quán tính do thói quen lâu đời trầm tích, cộng thêm lòng tin tuyệt đối vào y khoa và dược liệu hiện đại, cứ ý y tin rằng tới lúc đau ốm chỉ cần bỏ vào miệng vài viên thuốc là bệnh sẽ tiêu tan, làm cho con người tiếp tục cầu thả trong việc ăn uống, không luyện tập thân thể. Ít khi ta chịu đi vào một nếp sinh hoạt mới, nhất là khi nó đòi hỏi ít nhiều phiền toái, hoặc đòi hỏi chi phí tốn kém.

Đi bộ/chạy bộ/đi bộ có lẽ là môn thể dục độc nhất không đòi hỏi bất cứ một sự thay đổi nếp sống nghiêm trọng nào. Chỉ cần một ý thức tối thiểu về sự tối quan trọng của việc bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho chính mình để tránh tối đa phiền hà cho người thân, và quyết tâm đi vào thực hành bằng cách tạo cho mình một thói quen lành mạnh. Một hai tiếng đồng hồ một tuần lễ trong công viên thoáng mát không phải là cái gì nhiều nhận ngoài sức chịu đựng của ta, nhất là khi nó lại là *quality time*.

Chỉ cần tạo ra và gắng giữ thói quen trong một đến hai tháng đầu, và chú ý tập theo đúng phương pháp, sẽ thấy kết quả ngoài sức tưởng tượng của ta. Những thói quen xấu lưu cữu từ bao nhiêu năm tháng cũ sẽ không còn khả năng khống chế ý chí của ta nữa. Ta sẽ thấy thân thể nhẹ nhàng khinh khoái và tâm hồn trở lại lạc quan yêu đời. Những vấn đề thường gặp nơi tuổi già như trực trặc tim mạch, cao huyết áp, nhiều cholesterol, vv... sẽ không còn làm phiền ta nữa. Mỗi ngày trong cuộc sống của ta sẽ là một ngày mới, đầy ý nghĩa xanh tươi của cây vạn niên thanh. Ta sẽ nhìn tới tương lai thay vì quay đầu về quá khứ buồn nản.

*Cuộc sống có phẩm chất hay không. Ta sẽ là người khỏe mạnh hay người tàn phế. Lựa chọn nằm trong tay bạn*

\*\*\*

## ( III )

### TIN VUI CHO NGƯỜI CÓ VẤN ĐỀ

## VỀ ĂN UỐNG

Một trong những vấn đề nghiêm trọng đang gây quan ngại tại Mỹ là đà gia tăng đáng sợ của chứng mập phì. Những thống kê mới nhất cho thấy bệnh mập phì ngày càng phát triển, ngay cả trong lứa tuổi thiếu niên. Hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng mập phì là ăn uống cầu thả và không luyện tập thân thể. Việc chống mập phì bằng cách sửa đổi chế độ ăn uống xem ra khá khó khăn, vì con người đã quen vào nếp xấu khó có thể từ bỏ dễ dàng lối sống đã bắt rễ từ lâu. Vì vậy chỉ còn lại thể dục mà thôi.

Phương pháp đi bộ/chạy bộ/đi bộ có lẽ là cách tự nhiên, dễ dàng và rẻ tiền nhất để làm giảm mập phì. Nó có tác dụng thúc đẩy cho các hệ thống tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa và bài tiết được vận hành một cách tích cực, tổng được mọi chất bẩn ra khỏi cơ thể, đốt bớt chất mỡ dư thừa, và tạo sinh khí mới. Đi bộ/chạy bộ/đi bộ thực ra chính là một phương cách thiền hành thích hợp với con người năng động của thời đại mới. Nét chính của nó là tập trung vào hơi thở, và đưa các động tác khác như canh bước chân đi, đuổi các suy nghĩ loạn động ra khỏi tâm trí mình, vv... vào cùng một nhịp với hơi thở.

Đi bộ theo đúng phương pháp ( xem phần đầu của bài này ), ta sẽ thấy con người trở nên nhạy bén hơn trong việc nhận rõ nhu cầu của mình, và việc ăn uống trở thành một phương cách bổ sung những dưỡng chất mà ta cần đến để giữ cho thân thể được tráng kiện. Lúc đó ta sẽ thấy không cần thiết phải áp dụng một nếp ăn uống khắc khổ để làm ta nản lòng, nhưng cũng không buông thả quá đáng trong việc ăn uống. Ta vẫn có thể ăn ngon, nhưng nghe được cơ thể mình để dừng lại đúng lúc. Ta sẽ cắt giảm rõ rệt nhu cầu ăn đường chế biến dưới mọi hình thức, được dùng nhiều trong các thức ăn đồ uống, là nguyên nhân mau chóng dẫn đến bệnh mập phì cùng những biến chứng nguy hiểm của bệnh tiểu đường do tác hại của đường gây ra.

Các bạn có triệu chứng mập phì, hãy thử theo phương pháp này trong một tháng xem có thấy con người có đổi khác không ?\*\*\*

Nguyễn Huy Lăng, CVA 1959, San Jose, CA.

\* \* \*

## STÉPHANE MALLARMÉ

1842-1898

Thi-bá phái Tượng-trung (Symbolistes). Sinh tại Paris, sống giản-dị, thơ tìm nguồn ở cảm xúc và lý-trí, trái với lối hành văn của phái Thi-Son ( Parnasse).

### BRISE MARINE

La chair est triste, hélas! j'ai lu tous les livres  
Fuir! là-bas, fuir! Je sens que les oiseaux sont ivres  
D'être parmi l'écume inconnue et les Cieux  
Rien, ni le vieux jardin reflété par les yeux,  
Ne retiendra ce coeur qui dans la mer se trempe,  
Ô nuits! ni la clarté déserte de ma lampe  
Sur le vide papier que la blancheur défend  
Et ni la jeune femme allaitant son enfant,  
Je partirai! Steamer, balancant ta mâture,  
Lève l'ancre pour une exotique nature.  
Un Ennui désolé par de cruels espoirs,

Croit encore à l'adieu suprême des mouchoirs!  
Et peut-être les mâts invitant les orages  
Sont-ils de ceux qu'un vent penche sur les naufrages  
Perdus sans mâts, sans mâts, ni fertiles ilots.  
Mais, ô mon coeur, entends le chant des matelots.

## **GIÓ KHƠI**

*Bên án sách mắt coi đã chán*

*Chôn phòng the lòng ngán rã-rời.*

*Lánh đi, ta lánh đi thôi,  
Kìa đàn hải-điều ngoài khơi tung-hoành.  
Chân mây thăm thênh-thênh bay lượn  
Mặt sóng còn nô-dồn mê-say.  
Vườn xưa cảnh cũ quên ngay,  
Vườn in trong mắt, biển đây trong tâm.  
Nhớ chi thú ánh đêm thanh vắng  
Đèn ngai-ngùng giấy trắng nguyên-trinh;  
Nhớ chi cả mối ân-tình,  
Con thơ vợ ẵm bên mình nâng-niu.  
Thôi đã quyết, còn điều chi nữa  
Căng buồm lên, thuyền nhỏ neo ngay,  
Non xa nước lạ vui-vầy  
Xá chi chuyện cũ đà cay đắng lòng.  
Buồn rã-rời, những mong đi thoát  
Tay vẫy khăn, vĩnh biệt là yên  
Rời đây giông-tổ nổi lên  
Buồm còn thách bão, có phen lật nhào.  
Thuyền mất lái, dạt xiêu lạc nẻo  
Khôn tìm đâu một đảo an-toàn!  
Lòng ơi, lắng tiếng hò khoan...*

*LÃNG NHÂN, Anh Quô'c*

*Thư sinh thời 20 dịch*

*\* \* \**

# **HÀ NỘI TÔI VỀ**

Hà Nội đối với tôi vừa là quen thuộc vừa là xa lạ. Nó là quen thuộc, bởi vì ngôi làng ven đê sông Đuống ấy nơi tôi sinh ra nay đã là một điểm của thành phố Hà Nội, và cũng bởi vì những năm tiểu học với hai năm đầu của bậc trung học ấy tôi đã qua đi ở đây cho đến ngày tôi đi xa khi vừa được mười sáu tuổi. Nó là xa lạ, bởi vì con người tôi sau đó đã được định hình ở Saigon, và tôi đã tham dự vào cuộc sống nghề nghiệp ở đây trong suốt thời gian đất nước bị chia hai, để đến khi thống nhất lại tôi có hẳn một lý lịch hoàn toàn xa lạ trong một đất nước mới mà Hà Nội là thủ đô; và cũng vì tôi là người bắc nhưng không phải là người miền bắc cho nên cái xa lạ kia đã lớn lên gấp nhiều lần.

Tôi trở lại Hà Nội lần đầu tiên sau bốn mươi bốn năm xa cách, cũng có nghĩa là lần đầu tiên tôi gặp Hà Nội mới. Đây lúng túng và bỡ ngỡ đấy. Vào những ngày tháng 3-1998 tôi đã đến Hà Nội và đã cảm nhận được đôi điều ở đây trong một hoàn cảnh riêng. Tôi nói là 'riêng', bởi vì trong hoàn cảnh ấy tôi sẽ nói về một Hà Nội vừa là của tôi vừa là không phải của tôi. Với tư thế này, tôi dễ tránh được một cái nhìn phiến diện của một người ngoại quốc bàng quan, cũng không thể có một cái nhìn của một số người mang danh nghĩa Hà Nội và là kẻ được cuộc trong cuộc nội chiến mấy mươi năm mới chấm dứt tính còn một tháng nữa là tròn hai mươi ba năm.

Tôi sẽ nói về Hà Nội trong một bối cảnh như thế, sau khi đã tiếp cận với nó một cách dân dã như cách vẫn thế của những người thân của tôi hiện đang nơi quê nhà.

## **BẢN ĐỒ HÀ NỘI**

Nói đến Hà Nội không có nghĩa là chỉ nói đến chỗ của ba mươi sáu phố phường xưa, mà còn là cả những vùng ven, còn là cả toàn miền bắc. Hà Nội phải được mọi người biết đến bởi nó là thủ đô của một quốc gia. Nhưng nó còn được biết đến một cách dịu dàng hơn, say đắm hơn qua văn nghệ, đặc biệt qua những ca khúc về Hà Nội trong cả nhiều chục năm qua.

Người Hà Nội của những thập niên 1940, 1950 đầy lãng mạn với 'Gió heo may về', với 'Tóc dài thả gió lê thê', hay 'Khăn san bay lá loi trên vai ai' v.v..., đã tô đậm cho Hà Nội những nét thơ. Hôm nay người ta hát về Hà Nội có vẻ hiện thực hơn với 'Quán cóc liêu xiêu một câu thơ', với 'Cây cơm nguội vàng, cây bàng lá đỏ nằm kề bên nhau' với 'Phố nhỏ, ngõ nhỏ nhà tôi ở đó' v.v..., đã chinh phục được cả một lớp trẻ mới lớn lên tưởng chừng như chẳng bao giờ được nói đến những chuyện đó khi mà lớp cha anh họ nhiều người đã vì nó mà mang tội. Đây quả là điều có ý nghĩa, bởi vì cái tình yêu đối với Hà Nội cứ tồn tại ở tận phía bên trong của dòng chảy thời gian bất chấp mọi thứ đe dọa của đời người hay người đời. Hà Nội nhạc trẻ hay Hà Nội nhạc vàng, trước sau chỉ là một. Và như thế Hà Nội bỗng trở nên quen thuộc đối với ngay cả những người chưa một lần đặt chân đến đó.

Hà Nội đang bước đến tuổi một ngàn. Năm 1010, Lý Thái Tổ dời đô về đây, đổi tên cũ Đại La thành Thăng Long (nghĩa là rồng lên). Thành Đại La do một viên quan cai trị người Tàu tên Cao Biền xây năm 866. Hồ Quý Ly với ý đồ mưu chiếm ngôi nhà Trần, năm 1397 cho xây kinh đô mới ở Nghệ An gọi là Tây Đô, thì gọi kinh đô cũ là Đông Đô.

Năm 1407, nhà Minh bên Tàu sang chiếm nước ta, đổi tên Đông Đô thành Đông Quan.

Năm 1430, Lê Thái Tổ sau hai năm ở ngôi, đổi tên Đông Quan thành Đông Kinh.

Năm 1802, Gia Long lên ngôi, lấy lại tên Thăng Long nhưng lại viết khác đi theo một nghĩa mới, có nghĩa là thịnh lên.

Tên gọi Hà Nội do vua Minh Mạng đặt năm 1831. Hà Nội có nghĩa là ở trong sông. Hà Nội ở vào chỗ dòng sông như cái vành tai người, bên phía bờ nam. Sông Hồng Hà là một con sông dữ nhưng là một dòng che chắn tốt trước sự đe dọa tự nhiên của thú dữ hay thiên nhiên, đặc biệt sự đe dọa không ngừng nghỉ đến từ nước Tàu to lớn phía bắc. Hà Nội ở toạ độ địa lý 21 độ vĩ bắc và 105 độ kinh đông; có diện tích 920,6 cây số vuông; với dân số được thống kê năm 1997 là 2.154.900 người.

Từ năm 1888, Hà Nội bị nhượng cho chính quyền thực dân Pháp, trở thành thủ phủ xứ Bắc Kỳ và toàn cõi Đông Dương, suốt cho đến thời kỳ chính quyền Bảo Đại nói chung không có gì thay đổi quan trọng. Lúc đầu thành phố chỉ gồm các khu phố ở khu trung tâm bây giờ với diện tích khoảng 130 cây số vuông và dân số ước độ 270.000 người.

So sánh tám bản đồ thời chính quyền Bảo Đại, do Tòa Thị Chính Hà Nội bầy giờ in năm 1951 (tạm gọi Bản Đồ A), với bản đồ hiện đang lưu hành (tạm gọi Bản Đồ B), ta thấy thay đổi nhiều. Bản đồ A có hình tam giác, đỉnh là bờ bắc hồ Trúc Bạch; đáy

là đường Đại Cồ Việt; cạnh phía đông chạy dọc bờ sông Hồng; cạnh phía tây men theo bờ nam hồ Tây, qua Thụy Khê, xuống Kim Mã, gặp Hàng Lọng (nay là Lê Duẩn), xuống giáp Đại Cồ Việt. Hà Nội hiện nay được mở rộng ra cả bốn phía: phía bắc, lên đến Chèm, Vẽ ở bờ bắc hồ Tây; phía nam xuống tận Thanh Trì, Giáp Bát; phía đông, qua tận Từ Sơn, Đông Anh; phía tây, bao qua Cổ Nhuế đến tận ranh tỉnh Hà Tây. Diện tích nói chung lớn hơn so với Bản Đồ A đến gần mười lần.

Bộ mặt Hà Nội chủ yếu vẫn là ở khu trung tâm, với đường sá sạch đẹp, nhà cửa gọn ghẽ và nhiều cây xanh. Ở đây tập trung nhiều cơ quan hành chính, cơ sở ngoại giao, và nhà ở toàn bộ gần như đang được bảo tồn. Những công trình xây dựng mới, nhà cao tầng ít thấy ở đây. Trong toàn cảnh ấy, quả mấy toà nhà cao tầng ở chỗ Bờ Hồ đã vô cùng lạc lõng. Đứng ở phía cửa Bru Điện nhìn lên nền trời phía đối diện thấy cái lạc lõng nó có vẻ dốt dốt thế nào ấy. Tuy thế, xin mở cái ngoặc, cái dốt này vẫn còn hơn cái hỗn của những toà biệt thự có tầng dọc chân đê Yên Phụ, nó như cả thách thức trước một mối nguy đã được báo trước cả ngàn năm rồi về một nạn lụt có thể có từ nguồn nước sông Hồng.

Các cơ sở như viện nghiên cứu, trường đại học..., tập trung nhiều ở phần đất mới mở phía tây: Nghĩa Đô, Thanh Xuân Bắc. Với điều kiện qui hoạch mới, khu này hi vọng có một tương lai đẹp.

Việc mở rộng diện tích thành phố có liên quan nhiều đến việc đặt tên đường phố. Nói chung, đa số những con đường ở khu trung tâm vẫn ổn định với tên gọi các danh nhân hay các tên quen thuộc của ba mươi sáu phố phường xưa. Tên các danh nhân mới đây được đem đặt cho những con đường mới



mở, cũng có khi đem thay thế cho các tên cũ, như trường hợp bỏ các tên Hàng Lọng, Hàng Bọt chẳng hạn. Hầu hết đây là những con đường lớn. Nếu cứ theo cái tập quán hiện đại không thành văn về sự trọng vọng của một cái tên tùy theo vào qui mô lớn nhỏ của một con đường, thì người ta thấy các danh nhân mới được trọng vọng hơn các danh nhân cũ rất nhiều.

Có thể nói, ở Hà Nội mỗi tác đất là một dấu tích lịch sử. Đền, đài, lăng, miếu, đình, chùa lớn nhỏ có ở khắp nơi, và nó hiện diện hài hoà ngay ở giữa chốn bon chen ồn ã hôm nay. Và, chữ Hán. Chữ Hán có mặt ở mọi nơi mọi chốn: ở đình chùa, ở mồ mã, ở cổng làng, công quan hay nhà tư, cả ở những nơi danh thắng không ít những câu những ý của bao danh nhân còn được lưu giữ cho đến tận hôm nay...Mà nay ta bước đến tức là bước vào cả một quá khứ, ta lại không bắt tay được với nó. Ta hôm nay dù kiến thức nhiều, dù đã từng đi khắp cả năm châu bốn biển, lại trở nên vấp vấp trước chính bản thân mình. Vẫn biết giờ ta không thể đi ngược lại chiều tiến hóa chung, nhưng ta vẫn phải thừa nhận ở một mặt nào đó ta đã không làm được việc chuyển tiếp văn hóa trong cộng đồng. và như thế, lịch sử sẽ hiện thân như những mảng rời, những khối lạ dưới con mắt của thế hệ này nhìn thế hệ khác.

## **GẶP GỠ HÀ NỘI**

Tôi cứ nghĩ đến sự thể Hà Nội được nói đến nhiều trong văn nghệ, và đã tự hỏi 'Có thật là chỉ ở đây mới có những cái hay những cái đẹp?' tôi cũng biết chỉ ở Hà Nội mới có những cái chỉ Hà Nội mới có, nhưng tôi cũng biết có nhiều cái chung mà chỉ thấy người ta nói đến tuồng như chúng là của riêng Hà Nội.

Gió heo may, cây bàng, ngõ nhỏ, phố nhỏ v.v..., có phải không nơi nào có đâu nhưng cứ phải heo may Hà Nội, phố nhỏ Hà Nội cơ. Do những đâu hay chỉ là do chúng là kỷ niệm của những con người có khả năng về văn nghệ ? Hay đây chỉ là một dạng phản ứng cá nhân trên một cái nền bề thế tập thể ? Phản ứng của những cá nhân bao giờ cũng là một chỉ báo về một hướng thích nghi và về một bản chất chứa đựng cái ham muốn được bộc lộ. Hồi mới đến sống ở Saigon, hơn bốn mươi năm trước, một bạn học người Saigon hỏi tôi: 'Hà Nội của mày đẹp lắm hả ?' Tôi đã sững run lên, vội chụp lấy cơ hội, tán tụng Hà Nội khi ấy tôi vẫn tự nhận là của tôi, còn thêm vào cả nhiều cái mà tôi không biết. Có nghĩa là, một mặt tôi tự biến thành tù nhân của những gì người ta đã nói, một mặt là tù nhân của ảo tưởng của chính tôi. Tôi không bảo rằng mọi người Hà Nội đều thế cả, nhưng tôi chắc chắn chỉ có người Hà Nội mới hiểu rõ được chính họ và cuộc sống họ. Người Hà Nội hôm qua và hôm nay tởa đi bốn phương trời và họ cứ thương nhớ thương về nơi chốn của họ một cách thật lòng. niềm thương nỗi nhớ nào cũng lắm chất thơ dễ làm rung động lòng người. nhân tiện, tôi muốn nói đến một thực tế sau năm 1975, người Hà Nội xuôi nam khá nhiều đến độ một anh bạn Hà Nội của tôi nói vui rằng 'Đi trông cả phố phường'. Anh nói theo cách thơ lắm, đúng hay sai miễn bàn chỉ biết rằng càng lúc về sau nhu cầu nhà ở bót căng, bước đầu là nhờ một số người có điều kiện đi làm ăn xa đã bỏ lại nhu cầu đó lại phía sau họ, bước kế tiếp là do việc mở rộng thành phố khá dễ người ta đáp ứng được nhu cầu trên.

Từ ý hướng thích nghi đến ý hướng muốn bộc lộ bản chất, con người luôn luôn có một trạng thái mà ta tạm gọi là bản thể hóa. Ở đây có nghĩa là con người đã can thiệp vào một sự thật hóa về những cái khi

nó còn là chưa thật. Cái thật này sẽ là cái thật thật mà chỉ có thể tồn tại trong điều kiện không có bất kỳ một sự gián đoạn nào trong quá trình thật hóa ấy. Tôi muốn nói đến khả năng và sự bền chí của người Hà Nội trong các nỗ lực kết hợp hiện tượng với bản chất của một sự vật, trong tham vọng to lớn về một sự tồn tại. Ta có thể nảy ra từ đó ý tưởng về một ý thức tư hữu khi mà sự tồn tại của nó luôn luôn được đặt định trên những cái của tôi, thì phải chăng người Hà Nội đã tự chỉ định mình được trong thực tế xã hội?

Theo tôi, người Hà Nội giống người Huế ở chỗ là bao giờ cũng rất tha thiết khi tự nói về mình. Nhưng tôi thấy cái tha thiết của họ không giống nhau: một đằng Huế thường khởi đi trong tư thế tự khẳng định mình, một đằng Hà Nội thường lại tự tin vào chính sự áp đặt giá trị mình thông qua sự xác nhận của chính mình. Huế, là Huế riêng, từ giọng nói đến dáng đi, từ cách xưng hô đến cách đặt tên, từ câu viết đến từ dùng...Hà Nội thì chung riêng chẳng kể, hễ cứ ở đây thấp thoáng có bóng dáng mình là được. Người Huế ít người thành danh rồi mà ở lại trong lòng mẹ Huế, họ có mặt ở khắp nơi chung thân làm kẻ nhớ về.

Mẹ Hà Nội có vẻ ôm chặt lấy con cái mình hơn, không những đã tàn tảo nuôi nấng chúng mà còn chỉ được cho chúng nhìn ra cái hướng đi mở nước của tiền nhân để đến hôm nay những bước nghìn năm cứ xuôi dòng Nam tiến.

Hà Nội với xe gắn máy đời mới chạy đầy đường, là một cái gì cũng thú vị. Không thương vàng hạ cám như ở Saigon. Cả đến xe ôm cũng đời mới, bởi nói như một tay xe ôm 'Xe cũ chả khách nào chịu đi cả'.

Xe ôm ở đây giá phổ biến 1000 đ/km. Dân xe ôm ăn mặc có vẻ tươm tất nhiều, và có vẻ thực tế hơn các đồng nghiệp của họ ở Saigon; họ nói giá thường sát cho nên thường không để mất người khách đầu tiên họ gặp. Ít ra là tôi đã gặp như thế. Trong thời gian ở đây, tôi sử dụng xe ôm thường xuyên, và đã lấy làm lạ về chính mình về sự nhiễm thói quen ở đây. Ở Saigon khi gọi xe ôm, tôi thường để ý đến mức độ tử tế của người lái, còn ở đây tôi cũng lại để ý đến cái xe gọi có phải xe tốt không.

Tôi nghĩ đến lời dạy của một giáo trình đại cương khoa kinh doanh: tất cả khởi đi từ sự tạo ra những thói quen tiêu dùng. Sự tạo ra nào cũng phải tùy thuộc vào những điều kiện vĩ mô chứa chủ thể.

Hiện tượng rặt xe đời mới này, nếu ở Saigon thì tôi cho là có ý nghĩa thuần kinh tế, còn ở Hà Nội thì tôi thấy phải thêm vào đây một ý nghĩa nhân văn nữa: tính thích phô trương, tính ưa chơi trội của người đất bắc. nhân tiện, tôi muốn mở rộng cái nhìn ở nhiều mặt khác nữa, để tặng cho những người Hà Nội chữ sĩ.

Tôi không làm việc điều tra mà chỉ căn cứ trên những gì mình thấy, để nói về sự đọc báo, đọc sách hay những chuyện tương tự ở Hà Nội. Nói theo cách định tính. Người Hà Nội đọc nhiều, hiểu học, thì ai cũng biết, nhưng những gì tôi đã thấy thì lại bắt tôi phải tìm cách để lý giải nó.

Sạp báo ít hơn ở Saigon, nói cách đại thể. Giới bán báo rong có vẻ nhiều hơn. Họ có mặt ở khắp nơi với những chiếc xe đạp có gắn loa ở càng phuộc xe quảng cáo về những nội dung các bài báo trong ngày mà, ở các sạp báo, số đầu báo tương đối ít và thường chỉ chủ yếu là mấy tờ báo xuất bản ở Hà Nội. Những báo xuất bản ở Thành phố Hồ Chí Minh chỉ lác đác, và có không đều.

Hiệu sách cũng ít hơn ở Saigon, cả về qui mô cũng nhỏ hơn. hiệu sách lớn nhất thành phố có lẽ là nhà sách Quốc văn và nhà sách Ngoại văn nhập một ở phố Trảng tiền, cũng không so sánh được với nhiều nhà sách ở nhiều quận Saigon. Kể cả sự phong phú của nó, ta rất khó mua những sách có giá trị ở đây. nên nghe theo những người biết chuyện ở đây: hãy đến mua loại sách ấy ở các Viện, các trường đại học. Điều này làm tôi chợt nghĩ đến một ý kiến hơn hai mươi năm trước về một định chế tri thức máy cái, một định chế chẳng đáng dừng trong việc chuyển tải tinh hoa nhân loại ở vào một tình thế thời cuộc khó khăn. Trong tâm tư ấy, tôi cũng phát hiện ra rằng trong số không ít những nhà tôi đã ghé chơi, rất ít khi tôi thấy có cái bàn viết. Nhà lớn thì còn nghĩ nó ở trên gác hay ở nhà sau, chứ nhà nhỏ thì chỉ một cái lướt mắt là khắp nhà, trước sau chỉ là bộ salon hoặc cái bàn để linh kính ám phích dùng vào việc uống trà. Tôi cứ thắc mắc không biết các cháu học hành thì ngồi viết ở đâu, người lớn là thầy cô giáo thì soạn bài hay chấm bài thế nào ? Điều này có liên quan đến chuyện sách vở chứ chẳng chơi.

Một người bạn cho tôi biết: sách báo bây giờ cũng là một mặt hàng, nó phải tùy thuộc vào thị trường, mà Saigon là thị trường quan trọng nhất. Tôi nhớ ra, nhiều năm trước có nhiều tờ báo ở Hà Nội bàn việc thiết lập văn phòng thường trực ở thành phố Hồ Chí Minh., và trong thực tế đã nhiều tờ báo có cơ sở phát hành ở đây. Xa hơn tí nữa, hiện không ít trường hoặc cơ sở đào tạo ở đây mang danh nghĩa của Hà Nội. Tôi cho là hiện tượng này không được bình thường lắm, nhất là một khi những cơ sở ấy nhắm đến mục tiêu kinh tế là chủ yếu. Tôi lại liên tưởng đến trường hợp một số ca sĩ ngôi sao của Hà Nội trong mấy năm trở lại đây đã phải kinh qua sự thử nghiệm ở Thành phố Hồ Chí Minh trên con đường đi tìm sự nghiệp của mình. Giữa Hà Nội với Saigon xưa nay vẫn có mối quan hệ chặt chẽ trong nhiều lãnh vực văn hóa, mà ta thấy rõ là chúng không thể thiếu nhau trong sứ mệnh làm hình thành hay hoàn tất những sự kiện lớn. Lấy mấy thí dụ như thế này: Chữ Quốc Ngữ hiện diện trong tư thế đại chúng rất sớm ở Saigon ít ra từ giữa thế kỷ XIX, sau đó được từng bước xây dựng ở môi trường Hà Nội gần như trong suốt nửa đầu thế kỷ này; Thơ mới được trình làng bởi mấy tác giả phía nam trước rồi mới ra tay vùng vẫy trên văn đàn phía bắc; Nhạc trẻ có khởi điểm rất sớm vào những năm 1960 ở Saigon, rầm rộ được một thời gian ngắn trước 1975, rồi lảng đi cho đến những năm gần đây lại chính mấy ca sĩ Hà Nội chưa nó dậy thành hẳn một trào lưu mà giới trẻ bị cuốn hút vào bỗng dưng như được uống một chất men ngon trong đời. Tiện đây tôi cũng mạn phép ghi nhận rằng: ca sĩ Hà Nội, hầu hết họ đều được đào tạo có qui củ cho nên khả năng họ được phát huy có hiệu quả và bền vững hơn, là điều rất khác so với nhiều đồng nghiệp của họ ở Saigon.

Đến với Hà Nội là phải đến với những bàn nước chè, những quán bán nước với quà bánh vặt nhỏ xíu có khắp nơi khắp chốn ở đây. Một cái bàn nhỏ, thấp với cái băng gỗ bé xíu, ở sát chân tường phía trước một vuông cửa được trở ra. Khách ngồi xuống đó phải là bình dân một chút, ngồi không lâu nhâm nhi chung trà đặc sánh có khi với mười miếng bánh kẹo nhẹ tiền, có khi chỉ với mười hơi thuốc

lá thuốc Lào. Người bán hàng thì hiện ra hiền từ, thường là mấy người lớn tuổi, hình như phần nhiều họ là những người đã nghỉ hưu. Họ mở ra cửa hàng để có thêm thu nhập gia đình, có lẽ cũng là để giao lưu với cuộc sống mà họ còn yêu mến nó rất nhiều. Họ ngồi đó mà nghe, mà nói đủ thứ chuyện trên đời. Họ là những nhân chứng sống của bao nhiêu biến cố lớn nhỏ trong đời, và bây giờ dường như họ chẳng còn biết sợ gì sợ đất gì nữa. Giữa Hà Nội hoàn toàn tự do họ thoải mái bộc lộ mình. Ta ngồi đấy mà nghe, trong hơi lạnh trời chiều, như nghe hồn Hà Nội thấm vào, như niềm vui hay nỗi buồn của từng phận con người trải rộng ra đấy. Có phải là Hà Nội hào hoa? Phải rồi. Tôi thương nhiều những nét hào hoa như thế mà tôi tìm thấy cả trong những dáng người nhẵn nhụi giữa đêm sâu nhất nhanh từng đồng bằng đôi mắt quang gánh chất chiu với ngọn đèn hột vịt u hoài. Những người đã làm nên hồn phố thiên thu. Một nét Hà Nội tuyệt vời.

Tôi có cảm tưởng nhiều người trẻ Hà Nội đang ở trong cái dòng chảy ấy. Tôi đã đến dự một buổi tập đàn của một nhóm bạn trẻ, violon và cello. Họ nghiêm túc lắm, từ giờ giấc đến kỷ luật, đặc biệt khi tập họ ăn vận như khi biểu diễn trước công chúng. Tôi đã chứng kiến một cô gái lúc về, trút tấm áo khoác cho vào giỏ, cột cây cello vào sau xe đạp, ra về. Trời Hà Nội khuya và lạnh thế kia. Tôi nhìn theo cô và chợt nhận ra rằng sức mạnh của Hà Nội chính là ở những cái như thế. Và, sự nghiêm túc của nhóm các bạn trẻ này đã một lần nữa nhắc cho tôi không bao giờ được quên rằng: sẽ không có một sự cầu thả nào có thể đưa ta đi đến đâu được cả.

Đi vào phía bên trong của Hà Nội, còn nên đi vào những bữa cơm gia đình ở đây. Ở những gia đình nề nếp, ta còn được gặp những lời mời, những câu chào hỏi có hẳn những ý nghĩa riêng. Chẳng hạn, lời mời trong bữa cơm. 'Con mời bố mẹ xơi cơm', 'Cháu mời bác xơi cơm ạ'. Chủ từ, túc từ hẳn hoi chứ không trống không. Và này, hai mẹ con trong lúc ăn cơm. 'Xơi mẹ bát cơm', 'Vâng ạ', 'Cơm mẹ ạ', 'Mẹ xin'. Chao ôi! Ta phải choáng váng đi ấy chứ.

Họ nói với nhau một cách tự nhiên chứ không gượng gạo, dẹt dẹt chứ không cứng đẽ. Tôi nghĩ phải là những người có một căn bản cả nghìn năm văn hóa thì mới có thể nói được với nhau như thế. Cái ý nghĩa cao nhất của những lời mời như thế chính là ở chỗ biết nghĩ đến người khác, hiển nhiên đối với những người không từng được sống trong bối cảnh ấy thì không thể nào mà hiểu hết được.

Cả những lời chào, lời hỏi cũ kỹ nay vẫn phổ biến ở làng quê miền Bắc, vẫn tiếp tục mang những ý nghĩa riêng. Tỉ như, khi người ta đến nhà nhau thì gọi cửa bằng cách kêu tên nhau, như: 'Ông cả có nhà không đấy?', khi về thì cũng xơi lời: 'Em về đây, ông ạ'. Tất cả đều lớn tiếng. Có nghĩa là rất công khai, tính cách của sự lương thiện.

Tôi cũng muốn đề nghị mọi người hãy yêu lấy đức chần chu của người Hà Nội. Từ một bữa cơm tươm tất luôn được coi trọng, đến những tấm bánh, phong kẹo mà ta chỉ cần ngó thấy cũng mát mắt rồi. Sự chu đáo trong cư xử cũng thoát từ đấy mà ra. Biết đâu đấy lại không phải là một trong những yếu tố đề cao đức hi sinh của những người trong cùng một gia đình với nhau, làm cho giềng mối gia đình thương xuyên bền chặt?

Nói đến nông thôn nước ta là không thể không nói đến vấn đề ruộng đất. Đây là một vấn đề lớn, tôi không nói nhiều, chỉ đề cập mười chuyện lật vật đập ngay trước mắt mà thôi.

Suốt dọc thiết lộ từ nam ra bắc, tôi thấy hai bên đường ruộng bị chia ra thành những thửa nhỏ, rất nhỏ. Nó hoàn toàn manh mún và hoàn toàn không thấy bóng dáng của cơ giới. Dĩ nhiên, ruộng từng mảnh nhỏ như thế chỉ phù hợp với cách làm thủ công mà thôi. Bước công nghiệp hoá nay ta đã đi đến chỗ nào rồi ? Nông thôn miền bắc hôm nay đã thay đổi nhiều so với trước. Những vùng cận Hà Nội đã được đô thị hoá hoặc bán đô thị hóa, với bộ mặt hoàn toàn mới. Nhà gạch chiếm số đông nếu không muốn nói là hầu khắp. Đường làng trải xi măng hoặc bê tông nhựa, rộng và sạch. Điện hóa đã 100%. Ti vi, xe máy, có nơi cả điện thoại và nhiều tiện nghi sinh hoạt khác. Đời sống nói chung là được nâng cao.

Đây là hệ quả của trào lưu đô thị hoá, một trong những cái tất yếu của nó là đất để làm nhà ở trở nên có giá trị, ở đó một mặt người ở nội thành ra mua đất, một mặt người ở nông thôn bán đất. Người ta bán đi một phần đất sân hay vườn, lấy tiền xây nhà và mua sắm các thứ tiện nghi. Mức sống đi lên nhưng cuộc đời lại đi xuống. Sao nhỉ ? Tình trạng rất chung: tiền có trong tay, chỉ cần tiêu cho thỏa; tiền vui đi, cách bù đắp vào không hề có; thói quen hưởng thụ tuy mới chớm nhưng cũng đủ làm mọng lên nỗi buồn phiền, tuy cũng chỉ mơ hồ thôi cũng đã làm manh nha một con đường đi xuống... Công ăn việc làm rất thiếu cho thanh niên ở nông thôn. Một số người biết lo kế làm ăn sinh lợi, với đồng tiền ấy trong tay trước sau gì cũng chỉ biết xây nhà trọ, mở quán karaoke v.v... Tôi không nói đến trường hợp những làng có nghề, những người xưa nay giải buồn giải bán có cuộc sống ổn định từ hồi nào đến giờ, chính loại người này đã tự đặt mình riêng hẳn ra một giới, nhìn ra những chợ cơ bắp ở Hà Nội không thấy mình ở đây.

Hiện nay phổ biến có ba thứ tệ nạn trong giới thanh niên nông thôn ở miền bắc: tệ uống rượu, tệ cờ bạc, tệ hút hít. Tệ hút hít chưa là bình thường và người ta nói đến vẫn có vẻ e dè. người trong làng biết rõ cả danh tính kẻ hút hít, cả nơi chốn chúng tụ tập, cả nguồn cung cấp thuốc hút v.v..., nhưng không biết có cách nào loại trừ mối nguy đó ra khỏi cộng đồng.

Tệ cờ bạc diễn ra dưới nhiều dạng, phổ biến hơn cả là chơi bài và chơi đề. Người ta đánh bài ngày và đêm, chung qui là ăn quanh ăn quẩn lẫn nhau, được hay thua đem cái vui đến cho người này hay cái cái buồn đến với người kia, nỗi khổ đau cứ thế triền miên không có lối thoát.

Tệ uống rượu cũng thuộc loại thường ngày. Nó hoành hành từ trong ra đến ngoài, từ nhỏ đến lớn, từ ngôn ngữ đến hành vi... Những con rượu hiện hình nhàu nát nhếch nhác cả một trời.

Bao trùm lên ba cái tệ ấy, là tệ ăn uống của cả dân làng. Thoạt đầu chỉ là chuyện thông thường mỗi khi có nhiều người gặp mặt nhau, sau dần đi đến chỗ phải có, để rồi trở nên có những định chế hẳn hoi nhân danh một thứ việc làng. Họ ăn uống với mọi thứ lý do: mừng thọ, hoàn thành nhà, con cái thi đậu v.v... mà ăn to, ăn sang. Tiền bạc đổ vào đấy không ít. Thế là có chuyện lệ làng và nhiều người nghèo cứ phải nai lưng ra chất chiu để mà có để mà đóng góp với người ta. Và thế là chuyện vai vế, ngôi thứ



nữa, người ta lại trở nên nhỏ bé với bao thứ lụn vụn chôn đnh chung. Bây giờ làng nào cũng sửa lại đình, những ngày hội làng đều diễn ra ở đây cả.

Thường làng nào cũng có một ngày hội trong năm. Ngày hội tính theo âm lịch. Hội có rước, có trò vui, có nhiều loại hình văn nghệ..., đã là một dịp để dân làng vui chơi thư giãn. Tôi có cảm tưởng chuyện bây giờ giống như chuyện ngày xưa, chỉ khác nhau ở cách biểu đạt mà thôi.

Tất cả mấy tệ nạn này không phải chỉ có ở miền bắc đâu, đặc biệt tệ uống rượu thì tràn lan đâu mà chẳng có. Ở đây hay ở đó rượu đã làm hủy hoại sinh lực của cả một xã hội, chỉ hiện diện ở mỗi nơi mỗi khác. Chẳng hạn, ở Hà Nội việc ăn nhậu tràn lan ngoài đường phố ít hơn ở Saigon; người ở trong nam uống rượu thường theo một tập quán sinh học, còn người ở miền bắc nó có một tập quán cơ chế...Dù gì đi nữa, chừng nào chưa giải quyết được những thứ tệ nạn đó thì xã hội khó có thể mở mặt ra được.

Tệ nạn nào cũng có liên quan đến vấn đề an toàn xã hội. Hình như đã có một ý kiến cho rằng đánh giá về một đô thị nên dựa vào tiêu chuẩn an toàn ở nơi đó. Tôi thú thực, đi trên đường phố Hà Nội tôi có cảm giác an toàn hơn là ở Saigon: xe chạy ít nháo nhào hơn, xe dừng đèn đỏ không lán lên vạch sơn trắng, đặc biệt hiếm ăn mày. Nạn ăn mày ở Saigon phát triển lớn quá, đến độ nhiều khi ta không thể phân biệt được ăn mày thật với ăn mày giả...Ngay ở chùa Hương, một nơi mà hình ảnh người ăn mày đã đi vào thơ, nay cũng không còn.

(Thơ Nguyễn Nhược Pháp:

*Lên cửa chùa em thấy*

*Hơn một trăm ăn mày)*

Còn, người giàu với kẻ nghèo thì ở đâu và bao giờ chẳng có. vấn đề là sự phân hóa ấy có ở được một trạng thái tự nhiên hay không mà thôi, nhưng đây lại là chuyện lớn phải có thời gian thì mới có thể nhìn ra hết được.

Ở Hà Nội những ngày này, tôi có hai sự ngạc nhiên. Một giống như ở Huế năm năm trước: ra đường hầu như không nghe thấy giọng nói Saigon. Một giống như ở Đà Lạt ba năm trước: còn lưu hành tiền 100 đồng.

Sự thể ở Huế: giọng rất Huế với một ít giọng của những người chuyển công tác từ phía bắc vào. Hà Nội bây giờ : giọng Hà Nội cố hữu hầu như không còn, là một sự pha trộn hay chung sống của cộng đồng giọng nói các tỉnh miền bắc, đặc biệt các tỉnh nam bắc bộ. Hiện tượng này về mặt xã hội có thể lý giải rằng trong thực tế chỉ có hiện tượng người đi chứ không có chiều ngược lại. Vâng, người Hà Nội xuôi nam nhiều, để làm ăn và cả để định cư. Hàng năm cứ mỗi dịp tết Nguyên đán đều xảy ra khó khăn việc mua vé tàu xe chiều từ nam ra bắc, là một minh chứng tương đối rõ nhất. Trên xe hỏa tôi đi, hai lượt ra vào, tôi cũng thấy hành khách là hầu hết, và tôi nghĩ thế này: những người nằng đi lại nhiều thường là những người khôn nhiều.



Sự thể lưu hành tiền 100 đồng vào thời điểm này cũng là một chỉ báo về tính cách phát triển chậm của Hà Nội về mặt kinh tế. Đồng tiền với mệnh giá nhỏ luôn là dấu hiệu của một nền kinh tế khỏe, nhưng một mệnh giá nhỏ quá lưu hành không đồng đều giữa mọi nơi thì ta phải quan tâm đến những vấn đề của nơi có nó.

Saigon đối với nhiều người ở nông thôn miền bắc vẫn là một nơi rất xa xôi, một nơi họ vẫn hằng mơ được đặt chân đến. Đối với nhiều người này, 'đi nam' vẫn là một trong những giải pháp để cải thiện cuộc sống tốt. Tôi đã chia sẻ với bà con của tôi ở quê nhà với sự trân trọng và lòng yêu thương vô bờ.

Ở Hà Nội bây giờ đang có kiểu chạy để đi lao động nước ngoài, chủ yếu có mục tiêu kinh tế, chính ở Saigon những ngày qua cũng có không ít thanh niên nông thôn kể khóc người cười vì chuyện chạy đó. Âu cũng chỉ bởi cái phận nghèo mà ra thế thôi. Sự khác biệt giữa Hà Nội và Saigon về nhiều mặt, đã tác động làm cho nhiều trí thức ở đây muốn chuyển công tác vào nam những năm 1980, chuyện ấy đến nay chỉ còn là một kỷ niệm mà thôi, mặc dù nó vẫn có giá trị nhắc nhở về vấn đề qui luật luân chuyển chất xám từ một nơi này đến một nơi khác mà trách nhiệm điều tiết bao giờ cũng thuộc về những nhà quản lý xã hội.

Tôi cũng không thể không thắc mắc về tình trạng làm ăn công khai của những người chuyên mua đổi ngoại tệ, cứ đi một đoạn đường Bờ Hồ chỗ nhà Bưu điện là gặp. Ở chùa Hương cũng có dịch vụ bình dân đổi tiền. Khách hành hương muốn có tiền lẻ để vào lễ ở rất nhiều điểm trên chùa thì đổi cứ 10.000 ăn 9.000 đồng. Toàn tiền loại 100 và 200 đồng. tuy vậy việc đổi tiền ở đây chỉ có tính cách trao đổi theo một nhu cầu hạn hẹp, chứ không mang tính nghiêm trọng như kiểu ở trên. Hiện tượng đổi tiền kiểu ấy, tôi đã gặp mười năm trước ở Phnôm Pênh: ngay từ bến phà Neak lung đã là cả một chợ tiền, bao nhiêu cũng có, đối tượng là những người Việt qua Phnôm Pênh mua hàng cần đổi tiền Việt nam lấy tiền Riel Campuchia. Tôi nghĩ đây là một hiện tượng không được lành mạnh lắm.

Hà Nội có những tính cách riêng, ai cũng biết. Và tôi cứ băn khoăn: làm sao mà nói ra được những tính cách ấy? Khả năng tôi lại chỉ có hạn, chỉ xin lược qua một đôi điều theo lẽ chủ quan mà thôi. Đây là chữ nghĩa trên đường phố. Tôi đã bắt gặp ở đôi nơi người ta viết tiệm chứ không hiệu, trà chứ không chè...Đất nước thống nhất mà, nay mọi cái đều có thể đã trong nhau.

Tôi cứ lấy làm thú vị cười một mình hoài về mấy chữ Sửa đuôi nắn cẳng trên mấy tấm bảng hiệu sửa xe gắn máy chỗ đầu cầu Long Biên. Sửa và nắn đi với nhau mới thân mật làm sao, lại nắn cẳng nữa chứ mới ngộ nghĩnh. Đọc đường Láng Thượng có nhiều bảng đề Giặt khô là hơi, Tắm nước nóng nước lạnh, hiển nhiên là nhu cầu có ở một nơi có khí hậu lạnh và ẩm. Quần áo giặt phơi ở nhà, biết khi nào cho khô, vào tiệm là tiện nhất. Tắm nữa, ở đây không phải là do hiếm nước ngọt như ở Hà Tiên, mà là do tính tiện nghi của nó. Đây nhé, một ông đi làm về, tạt vào tắm một trận nước nóng chỉ mất mấy ngàn đồng, xong rồi về nhà khỏi linh kinh đun nước tắm. Tiện thể, tôi cũng muốn nói đến một nét văn hoá tùy thuộc môi trường: cứ đi về miệt Rạch Giá, Hà Tiên, đến chơi thăm nhà ai, chủ nhà có quý khách từ xa về thì mời khách vào tắm.

Quanh khu gò Đống Đa tôi đọc được tập quán dùng Y của người bình dân (hay nói chung là mọi người), chẳng hạn tôi thấy Bác sỹ chứ không Bác sĩ, Bánh mỳ chứ không Bánh mì...Người ta viết Y cả khi không cần thiết. Tôi muốn nói đến sự khuyến cáo của cơ quan chức năng viết tiếng việt chuyên Y qua cả I (thí dụ: Quyết định 240/QĐ, 5-3-1984 của ngành Giáo dục). Chuyện này giờ được lờ đi, tất nhiên trách nhiệm của mỗi người chúng ta là hãy làm cho tốt nhất việc dùng chữ Y hay chữ I, để tiếng mẹ đẻ mỗi ngày mỗi trở nên trong sáng thêm lên.

Ở các ngã tư đường phố có treo bảng tên đường, tôi không hiểu tại sao thường chỉ treo một tên thôi, còn tên con đường cắt ngang lại treo ở một chỗ khác có khi ở chỉ gần ngay đấy. hình như treo hai bảng tên một chỗ, sát mép và thẳng góc với nhau nó đẹp hơn, thật không hay chỉ vì tôi đã quen thấy thế ở Saigon ?

Cách đặt tên ngõ cũng có vẻ không hay. Thử lấy thí dụ một phố Khâm thiên với ngõ nhiều như thế, mà mỗi ngõ mỗi tên thì bắt người ta nhớ nhiều tên quá, chưa kể địa chỉ ghi ra không giúp người ta định được vị trí của nó trên đường chính, lại khó ước lượng độ sâu của nó khi ngõ dài và không thẳng. Ở Saigon, ngõ gọi là hẻm, địa chỉ ghi cứ dùng mấy cái suyệc là xong. Nhà trong hẻm nhờ vậy mà tìm cũng dễ.

Này là người Hà Nội dân thường mà tôi gặp trên đường đi. Tôi thích cái tiếng nhỉ nói theo cách của các cô gái Hà Nội. Nó không là nhỉ mà là nhĩa, là nhior. 'buổi đi chơi vui quá nhĩa'. Khi nói, cái miệng hơi há ra; ở đó có tí vui, tí nghịch, tí níu kéo. Tí thỏa mãn. Hình như khi tuổi lớn lên, người ta không nói như thế nữa ?

Một lần tôi hỏi thăm đường một anh thanh niên. Anh nghe cái tên mới, nhìn tôi một lượt từ trên xuống dưới rồi nhanh nhẩu dùng cái tên cũ của con phố hướng dẫn cho tôi: 'Đấy, phố....là phố...ngày xưa đấy'. Sao lại 'Ngày xưa đấy' ? Có phải là anh đã kịp đánh giá đối tượng và nhanh nhận ra tôi là một người Hà Nội cũ ? hay chỉ là một phản ứng tự nhiên trước những câu hỏi kiểu như vậy mà anh đã gặp ? Dù ở trường hợp nào, tôi cũng một mặt thấy sợ cái tinh ranh của anh, một mặt cảm thấy yên ổn trong lòng khi nghĩ rằng qua cuộc nội chiến đã đi qua thật rồi.

Cuối cùng, tôi nói ý nghĩ của tôi về một con đường mà tôi cho là tiêu biểu của Hà Nội: phố Hàng Ngang, Hàng Đào. Hai cái tên ấy cứ phải đi liền vào nhau, cái nào trước cái nào sau cũng được. Một con phố nhỏ, không dài, chạy dốc từ Bờ Hồ lên qua cửa chợ Đồng Xuân, buôn bán sầm uất vào bậc nhất thành phố. Đường là đường một chiều nên cũng dễ đi. Đứng từ đầu cao nhìn tới, những cái xe chạy cái nào cũng như chồm lên một tí, nhìn thấy hay hay và cảm thấy trong lòng có đôi chút phần chần.

Nhà cửa thì hai hàng khít rịt. nhà đều hẹp bề ngang, vẫn mang vóc dáng xưa cũ ngày nào. Ở đó người ta buôn bán ở phía trước; còn ở phía sau. nhà nào hầu như cũng chứa mọi lối đi thường rộng tám hay sáu tấc, ít khi một mét, sâu vào phía trong, mọi thứ sinh hoạt diễn ra ở đấy. Tôi tưởng tượng ra hai dãy nhà cứ như hai lồng chim. Những cái lồng son nhốt những con chim quý trong đó. Chim lồng gạo trắng nước trong hót tiếng kinh doanh thảng ngày lạnh lốt.

Tôi có nghe ở dãy phố này trước đây giới chủ nhà tư sản phải rời đi ở chỗ khác, sau này khi tình hình rộng rãi họ mới mua lại chính nhà của mình và trở về đây với nghiệp buôn bán đã nhiều đời thuần thục. Ở nông thôn, trường hợp những căn nhà mà chủ vốn là phú nông hay địa chủ cũng có một tình trạng như vậy, một tỉ lệ khá những chủ nhà cũ đã về lại chỗ ở cũ của mình.

Người Hà Nội dân thường ngày nay biết đề ý đến nhiều chuyện lắm. Từ chuyện một cặp vợ chồng nên có mấy con là tốt, là hợp chính sách, đến chuyện mấy cô gái ở quê lấy chồng sang Trung Quốc chỉ bởi cái nghèo và do cái chính sách chỉ có một con bên ấy. Họ theo dõi Tin thế giới thu qua vệ tinh hàng ngày và bàn với nhau đủ chuyện năm châu bốn biển. Họ không ngại cật cục kiếm tìm nơi học tốt, tốn mấy cũng chịu, để gửi con cái vào đó với niềm hi vọng chứa chan về tương lai. Họ biết nhìn lại những gì mình đã làm trong những ngày qua. Nhiều người nay ăn nên làm ra, đã sống ra gì lắm một cuộc sống vô tư. Lại có người tối ngày cứ tùm tùm cười hoài cái phần số may mắn sống sót sau mấy cuộc chiến chinh chỉ bởi cái lý lịch xấu xí của mình không cho mình được vào bộ đội hay không được đi B. Và lạ, nhiều người mà tôi gặp lại ưa nói về những kỷ niệm những ngày cải cách những năm 50 ấy, tôi nghe họ mà không khỏi ngậm ngùi.

Còn nhiều. Mà, ngừng. Nhưng có một chi tiết tôi cảm thấy không nói ra thì không chịu được, trong khi chính tôi không biết nó đúng hay sai bởi tôi không có dịp để kiểm chứng, mà hỏi người khác thì tôi không muốn hỏi. Đó là, tôi thấy người Hà Nội đi ngoài đường ít nhíu mày hơn người ở Saigon. Ở Saigon, cứ ngồi ở một quán cà phê lề đường mà quan sát thì thấy số ấy không dưới 80% đâu, người ta nhíu mày cả trong khi cười. Lý giải chả để làm gì.

## **CŨNG KẾT LUẬN**

Cơn sốt nhẹ các ca khúc về Hà Nội giờ đây đã bắt đầu lắng xuống. Lạc vào đây có đôi tiếng hát muộn màng vịn vào không khớp nhịp. Chuyện đời xem ra mọi cái chẳng ở ngoài hai chữ thế với thời, mà trong đó mọi giá trị không thể không do khả năng và nhân cách.

Hôm trước khi đi Hà Nội, tôi nhớ đến một chuyện cũ bên Tàu: Giả Đảo xưa đêm ngày nhớ quay nhớ quất nơi mình đã sinh ra, mới một lần tìm về, về đến sông Tang càn đứng nhìn ngoảnh lại mới nhận ra rằng Hàm Dương mới chính là quê hương của mình. Hôm rời Hà Nội, tôi nghĩ thấy thương Giả Đảo quá, mà cũng chỉ chia sẻ với ông được một phần thôi. Tự dưng tôi thấy thèm nói với con tôi và cháu tôi quá, rằng quê hương ở trong ta, rằng trong đời phải cố mà tránh nội chiến bởi nội chiến bao giờ cũng là bi kịch.

Để chấm hết những dòng viết này, tôi xin mượn một câu hát hiện đang rất được phổ biến:

Chỉ còn em còn em

Im lặng đến tê người

Lão Đâu

(25-3-98)

Ghi Chú: Vào thời điểm này, giá vàng trên 480.000đ/ chỉ, giá đô la trên 12.900đ/USD

\* \* \*

## MỠI NỤ CƯỜI, MỘT TUỔI THỌ

### Truyện vui: Chó Đá biết cười.

Một nhà có hai anh em đã có vợ. Người anh giàu có, nhưng ích kỷ, không giúp đỡ ai, lại cho vay nợ lãi để bóp cổ người nghèo. Người em nghèo, nhưng có lòng đức độ, thấy ai nghèo hơn mình thì chia xẻ ngọt bùi.

Một hôm, ông Bụt hóa ra ông lão ăn mày, đến cổng nhà người anh xin cơm. Vợ chồng nọ đã không cho gì, lại còn mắng mỏ, xua đuổi.

Ông lão ăn mày sang nhà người em. Hai vợ chồng đương húp cháo, thấy ông già rách rưới, mời vào nhà cùng nhau ăn uống.

Ông lão ăn mày hiện ngay trở lại ông Bụt, và bảo vợ chồng này rằng: " Nhà người đạo đức, hãy theo ta lên núi đàng kia, ta chỉ cho việc này hay lắm". Họ theo ông Bụt lên núi. Ông Bụt đưa cái gậy cho người chồng, bảo đập vào đầu con chó Đá. Nó há miệng, thấy toàn những thoi vàng đỏ ối. Hai vợ chồng nhặt lấy nhưng cũng chỉ lấy đủ mang, chứ không đến nỗi tham lam. Được vàng, tậu ruộng, làm nhà, trở nên giàu có. Người anh thấy lạ đến hỏi em. Em kể lại đầu đuôi câu chuyện. Anh bảo em: " Hề chú thấy ông lão ăn mày, thì bảo ông vào nhà tôi, tôi sẽ thết đãi ông một bữa no say."

Trong khi anh em bàn nhau thì ông Bụt đã biết rõ. Khi người anh vừa về tới cổng đã thấy ông ăn mày vừa tới. Ông anh mời ông lão vào nhà, bảo vợ mổ gà làm cơm rượu thết đãi. Ăn uống no say, ông anh nói với ông lão rằng: " Hôm nay, tôi thết đãi ông hơn chú nó. Vậy ông cho chúng tôi nhiều vàng hơn." Ông lão gật đầu. Hai vợ chồng mừng rỡ đem một đôi quang gánh theo ông Bụt lên núi, chỗ có con chó Đá. Ông Bụt cũng đưa cho vợ chồng cái gậy, bảo đập vào đầu con chó. Nó há to miệng: trong cổ họng nó toàn những thoi vàng. Người chồng vội thọc cả cánh tay vào để lấy vàng. Con chó Đá ngậm miệng lại, anh chàng không rút tay ra được. Ngày ngày vợ phải đem cơm đến cho chồng, chẳng làm ăn gì được. Tiền của mỗi ngày một cạn.

Một hôm, chồng buồn bã bảo với vợ rằng: " Cứ tình trạng này thì người cũng chết, tiền cũng hết. Vậy, mình hãy ngồi xuống đây một lát, nói chuyện cho ta đỡ khổ." Con chó Đá ranh mãnh, để ý nhìn từng ly, từ khi người vợ ngồi xuống. Chẳng hay nó trông thấy gì lạ, bỗng bật cười, há to miệng. Người chồng rút tay ra được.

Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui, hai vợ chồng cầm đầu chạy. Được một quãng xa, hoàn hồn, ngoảnh lại nhìn, con chó Đá nó vẫn còn cười.

Nguyễn Văn Hồ

\* \* \*

## Mùa Xuân nhớ quê hương

Phan Chùng Thanh

Tuyết gió lạnh, bên ngoài phủ trắng,  
Nơi tha hương, gặng gượng mừng xuân  
Nhưng sao ruột thắt như vằn  
Vì ta vẫn nhớ ngày xuân quê nhà  
Nhớ gió bắc, mưa hoa Hà Nội  
Nơi hàng Đào gấp vội chen nhau  
Trai thanh gái lịch đủ màu  
Đông Xuân chợ Tết nhu cầu sắm đua.  
Nhớ lũ trẻ nô đùa đốt pháo,  
Nơi đầu đường ông lão ra tay  
Rồng bay phượng múa chữ thầy  
Hồng điều đối liễn lời hay tuyệt vời.  
Nhớ núi Ngự tế trời xứ Huế  
Nơi vua dân vạn tuế thanh bình,  
Hoàng mai, ché mứt nhiệt tình  
Trà sen, rượu đỏ, trâu mình thật xanh.  
Nhớ mái đây, lời thanh vang vọng  
Nơi sông Hương trang trọng hò lơ  
Thần kinh xứ Huế đón chờ  
Xuân lai tiết ấm còn nhờ thánh ân.  
Nhớ Lục Tỉnh người dân vui nhộn,  
Nơi Sài Thành bận rộn chợ hoa  
Bô Na, Đồng Khánh la cà  
Chen nhìn cúc quất rộ ra đủ màu,  
Nhớ Hóa Đạo ta cầu Phật hộ  
Nơi Vương Cung Mẹ độ bình an.  
Giao thừa pháo đốt miên man  
Mừng Xuân rượu mứt tràn lan Bến Thành.  
Bởi thế đó không đành hỷ lạc  
Nơi tha hương vẫn tạc Xuân quê,

Mong sao có dịp lại về

Quê hương đón Tết ê hề thú Xuân

Atlanta, Xuân 2000

Phan Chùng Thanh, CVA 1946.

\* \* \*

## TRUYỆN VUI CVA

### của **Cả Móm**

Truyện thật 100%. Thấy sao kể dzậy.

#### 1/ HỌC SINH CVA LÀM TỔNG THỐNG .-

Trong một buổi picnics, CVA/HO 19/ N.V.T mới đến Hoa Kỳ được mấy ngày, có hỏi tôi :  
Nghe nói có P.H.Đ ở vùng này phải không?

Phải

Ông có biết địa chỉ của hần không?

Địa chỉ và số phone của hần trong tờ báo hàng ngày nào mà chẳng có. Ông thử tìm coi.

Ngày hôm sau, điện thoại nhà tôi reo.

- Ô! T. đó hả; Tìm thấy địa chỉ của nó chưa?

Rồi, mà sao tôi dám liên lạc. Bây giờ nó làm lớn quá trời, làm tới Tổng Thống (President).... Mà cũng đúng thôi, nó đã làm phó mấy chục năm về trước rồi còn gì nữa.

Ông làm President thật đấy. Nhưng ông bình dân lắm. Cứ trông bức hình có hàng chữ President phía dưới trong báo đó, với nụ cười thật cởi mở, thật hồn nhiên, thật dễ thương như thế thì tôi chắc là Ông không nỡ từ chối tiếp chuyện với người bạn học CVA cũ đâu.

#### 2/ LẠC THIÊN THAI .-

Trong một buổi trình diễn văn nghệ chung của hai hội cựu học sinh Trung-Vương và Chu-văn-An tại bắc Cali vào khoảng mấy năm đầu của thập niên 1990, tôi nhớ nhất là màn nhạc cảnh vũ điệu Thiên Thai của các cựu nữ sinh TV. Sân khấu thiết kế như một động thiên thai thú thật, có hang đá, có cây cỏ, có suối chảy róc rách, có tiếng chim hót líu lo. Dưới ánh đèn xanh vàng mờ ảo, một bầy tiên nữ với làn voan trắng, thướt tha trong vũ điệu nghệ thường. Mơ màng như Lưu Nguyễn đang lạc động Thiên Thai, tôi nghe thấy đâu đây từ sân khấu xa xa, giọng ca thánh thót của bầy tiên nữ TV:

" Chúng em xin dâng chàng ... 2 trái đào thơm "

Rồi hình ảnh các Tiên nữ hiện ra trong giấc mơ: đồng loạt dướn mình nhẹ nhàng về phía trước, chân trước dùng làm trụ, chân sau đứng nhẹ trên ngón cái, đôi mắt lim dim, đôi bàn tay nâng theo thế dâng hiến trong khi cánh tiên trắng mỏng lật phật bay về phía sau giữa làn gió nhẹ.

Tiếng vỗ tay vang rền cả hội trường làm tôi tỉnh giấc mơ vàng.

( Ghi chú: Tôi nghe và thấy như vậy. Nhưng vì phải ngồi quá xa, không biết có đúng như vậy không. Nếu quý vị nào muốn biết chính xác, xin hỏi lại mấy vị CVA trong ban văn nghệ năm đó như CVA Nguyễn văn Hiền, CVA Trịnh như Toàn, CVA Nguyễn đình Phương... thì rõ )



\* \* \*

# BẠN BÈ CỦA TÔI

"Bạn bè của tôi...là chiếc lá trong trận bão dân tộc.Tuổi trẻ đôi mươi...bị phung phí như cỏ rác thôi...."(Phan Văn Hưng)

Đầu tiên, xin thú thật là tôi cũng bí đề tài và cũng xin nói thật là tôi cũng định trốn viết. Nhưng anh Hội trưởng của tôi thì không nghĩ thế, nên anh cứ hỏi cho ra ...bài, nên tôi cũng đành hứa ầu ..Ừ...thì...tôi sẽ viết về...Bạn bè của tôi

Chỉ có thể thôi mà anh lại nhớ dai ...kinh khủng!!!

- Phương ơi...thế bài "Bạn bè của tôi" đã xong chưa ?

Cái đáng ngại nhất đối với tôi là đánh máy ...Dân Mỹ nó gọi tôi là poor typist. Nhưng thôi, than thân trách phận cũng chẳng được gì, tôi cũng đành viết đại và mong quý vị cũng đọc... đại một đôi hàng.

Tôi thuộc loại quảng giao cho nên bạn bè của tôi thì đủ mọi hạng tuổi, đủ mọi giai tầng xã hội, đủ mọi sắc tộc, tôn giáo. Nhưng trong khuôn khổ tờ đặc san này, xin cho tôi được thu gọn trong một nhóm bạn của tôi dưới mái trường Chu Văn An, trong một lớp học và cùng chia sẻ với nhau hai thời điểm đáng nhớ của quê hương: 1968-1975.

Chúng tôi cùng thi đậu vào lớp Đệ Thất A2 và cùng học đến lớp 12B2. Chúng tôi vào trường, mang theo nỗi kinh hoàng của Tết Mậu Thân. Tôi vào lớp thi, mang theo trong lòng giọt nước mắt của mẹ, khi đứng trên một cao ốc, nhìn về khu xóm nhà tôi, lửa cháy rực trời....

May mắn thay!!! Sau đó, tôi vẫn được ôn bài trong căn nhà nhỏ của gia đình. Ngọn lửa chiến tranh đã dừng lại bên kia đường để lại chút bình yên cho con ngõ nhỏ và căn nhà có giàn bông giấy tím. Số phận đã đưa chúng tôi đến gần nhau sau cơn bão lửa Mậu Thân, rồi ném chúng tôi tan tành trong cơn bão tố dân tộc năm 1975. Bảy năm học, chúng tôi chia nhau từng niềm vui, nỗi buồn của thời niên thiếu...Rồi vào lúc chuẩn bị chia tay, cơn bão tố đã ném chúng tôi đi mỗi đứa một phương, kẻ còn, người mất. Chúng tôi bắt đầu xa nhau năm 1972 khi những bạn bè chúng tôi học trễ 2 năm nhận lệnh động viên. Một số bạn tôi đã bị lôi ra khỏi những băng ghế bình yên của lớp học, huấn luyện cấp tốc và bị đẩy lên những băng ghế gỗ của những chiếc GMC lao vào lò lửa của mùa hè 1972. Cường, Trưởng Ban báo chí của lớp chúng tôi đã ngồi trên một trong những chiếc GMC ra trận như vậy đó. Anh Trung Sỹ mới ra trường chưa làm xong một vần thơ xuất trận. Chiếc xe Cường ngồi đã nổ tung trên đường ra Quảng Trị.

Cái chết của Cường là nỗi ám ảnh cho chúng tôi. Mùi thuốc súng đã lảng vảng bay trên những nẻo đến trường....Lại một tốp nữa học dư một tuổi phải rời trường ra ngoài học nhảy lớp...Điều kỳ diệu của tốp này là mặc dù đi học trường khác, họ vẫn vào lớp rất đều đặn ...như ...không có chuyện gì

xảy ra ...Họ vẫn trả bài khi thầy kêu tên, và dĩ nhiên ...tham dự những trò tinh nghịch cũng rất tận tình...Minh Đen vẫn đi tranh giải volley cho lớp để giựt huy chương vàng. Luận vẫn ngồi ba hoa trong lớp cho đến...hết, nhiều người không biết Luận đang học Đại Học Khoa Học, vì hắn vẫn ngồi tỉnh bơ trong lớp 12B2. Dĩ nhiên biến cố năm 1975 đã làm chúng tôi phân tán mỗi đứa một phương.

Sau tháng 4 năm 1975, chúng tôi phải tập trung ở trường để đi hốt rác và đứng chỉ đường...Chúng tôi phải đi học chính trị, phải đứng hô to khẩu hiệu, phải hoan hô, phải đả đảo. Chúng tôi học ban Anh văn thì phải học những từ vựng sặc mùi chính trị. Rồi cuối cùng, chúng tôi cũng được thi Tú Tài...Nhưng thay vì thi 9 môn như trước, chúng tôi chỉ thi có 3 môn thôi: Toán Anh Văn và...(dĩ nhiên) Chính Trị. Ngoài bài Chính trị, những bài thi khác quá dễ đối với chúng tôi. Nhưng tâm trí chúng tôi bị đè nặng vì nỗi đau mất nước cùng với nỗi lo âu cho cha anh đi "học tập" mãi vẫn chưa về...

Từ ngày đó, chúng tôi thực sự xa nhau, thời thế và bất ổn xã hội đã đẩy chúng tôi mỗi đứa về một xó. Đứa phải đi đạp xích lô, đứa đi bán quần áo chợ Trời, đứa sửa xe đạp đầu phố, đứa sửa khóa, hay đạp xe bán dạo bóng đèn cũ. Lệnh bắt thanh niên đi tạp dịch mệnh danh Thanh Niên Xung Phong là nỗi ám ảnh cho chúng tôi trong nhiều năm sau đó. Phải có giấy tờ chứng minh đi làm đâu đó, nếu không...một chiếc xe bít bùng chở thẳng ra biên giới vắc đạn, không cần phải thông báo với gia đình.

Sự đàn áp khủng bố bao trùm trên thân phận chúng tôi, đã sớm biến chúng tôi thành những con người lọc lõi trước tuổi. Sau hơn mười năm gặp lại, chúng tôi cùng đau xót khi nhận định về thằng bạn cũ của mình. Già!!!Già quá. Chúng tôi đều chưa đến 30, nhưng đã xuất hiện những vết cằn cõi trên khuôn mặt...Cũng không có gì lạ cả...Chúng tôi đếm từng ngày lo âu, dành giựt miếng cơm manh áo, từng đêm sợ hãi tiếng đập cửa gọi dậy xét nhà....Mười năm không một giây phút bình yên...Nhiều đứa trong bọn tôi tóc đã hoa râm.

Hưng "nẫu" tính vốn dâm ngang như trẻ con, lại còn hay đờm dáng, nay tóc tai xơ xác, răng rụng móm mém, ánh mắt mệt mỏi như mắt ngủ đã lâu. Nhưng tôi cũng có những người bạn sau bao năm gặp lại cũng vẫn chẳng mấy may đổi thay. Tôi thấy điều đó ở Nguyễn quốc Thắng, Trương kim Nhạc, qua cách đùa giỡn của họ. Còn Nguyễn quốc Thái (tự Thái con) là tên bạn lâu năm nhất của tôi từ ngày còn tiểu học. Thái có tài vẽ rất đẹp. Tôi còn nhớ ngày chúng tôi còn học tiểu học ở trường tiểu học Hùng Vương, có lần Thái khoe tôi quyển hoạt họa Lucky Luke do Thái tự sáng tác. Sau này, hình như Thái không có dịp dùng gì đến cái tài hoa ấy.

Một kỷ niệm không thể nào quên được với Thái là câu chuyện vui của cả lớp chúng tôi năm lớp 9 (đệ Tứ). Năm đó, thầy Giám thị của chúng tôi là thầy Cảnh, thầy hay dọa nạt chúng tôi, nên chúng tôi tặng thầy cái hũ danh thầy "Cảnh hũ"...nói lái đi thành "củ Hành". Một hôm chúng tôi treo một củ hành tươi, xanh mơn mớn, lên chiếc quạt giữa lớp, một tên lại chạy lên bảng vẽ một củ hành rõ to...Không thể diễn tả được cơn giận của thầy giám thị ngày hôm ấy ...Thầy lôi cả lớp chúng tôi ra, quát cho mỗi đứa một trận, đứa thì một roi, đứa lãnh hai roi. Tôi cũng được thầy ưu ái tặng hai roi. Xong, thầy làm một màn morale rất hùng hồn trước lớp. Xui cho Thái, vốn đã nhỏ con, lại cận thị, Thái chuyên ngồi bàn đầu, ngay trước mặt thầy giám thị. Trong lúc thầy đang hăng say nói, tự

nhìen thày thấy tụi xóm nhà lá cứ tùm tùm cười, nhìn về phía thày. Thày nhìn xuống thấy Thái đang lấy quyển vở che trên đầu, thày hét lên giận dữ:

-Thái, tôi đang nói chuyện, em lại muốn giở trò gì ,hả???????

Thái kéo quyển vở xuống ngập ngừng:

- Dạ.....Thưa thầy...Như hạt mưa sa.....

Chúng tôi không thể nào nén được tiếng cười, nhưng khổ nỗi, lại phải ráng nhịn, cho nên trong lớp đứa nào cũng gục đầu xuống bàn ,tiếng khích khích lan thật nhanh, không kèm chế nhạo. Vào lúc đó phim "như hạt mưa sa" đang quảng cáo khắp nơi, mà cũng hay là sự hợp cảnh hợp tình với câu ví von của Thái .

Lần họp mặt đó chúng tôi còn gom được hơn mười người, còn có Tuấn, tên bạn học giỏi thứ hai trong lớp. Tuấn vẫn cười tươi rói như ngày nào làm demi trong đội bóng tròn của chúng tôi. Còn có cả Khánh mập, anh chàng hộ pháp , Trưởng lớp 12B2, hôm đó mới ở tù vượt biên về được vài tháng. Khánh là một tay đập volley xuất sắc, đã đem huy chương vàng về cho trường CVA. Chưa hết, trong trận đá banh giải vô địch toàn trường, thấy tôi đá hậu vệ bị đối phương "đốn " dữ quá, Khánh bảo tôi:

-Phương ,ra nghỉ đi, để tao thế cho.

Tôi vốn lúc đó ốm yếu, nên cũng ra ngoài . Ngặt nỗi Khánh đi coi thôi, đâu có mang quần đùi theo, mà tôi thì đang mặc cái quần rộng thùng thình. Hấn hối tôi :

-Cởi quần ra cho tao mượn lẹ lên.....

Thế là tôi cho hắn mượn .....quần rồi ra ngoài bó gối....chờ..

Trận đó đội chúng tôi vô địch. Tôi phải chờ Khánh chụp hình

xong mới lấy lại cái quần để chụp tấm hình kỷ niệm. Tấm hình đó Thanh vẫn còn giữ cho đến bây giờ.

Hôm đó có cả Dũng , con thày Tụy dạy thể thao. Nghe đâu Dũng đã bỏ nghề đi dạy, đang làm cho một công ty du lịch. Hoa thì cũng đang đi dạy Anh Văn. Tôi phải phục nghị lực của Hoa: Bị đi Thanh niên Xung Phong trong những ngày đầu bị ....lừa., trở về học lại Anh Văn rồi thi vào Sư phạm.... Nhưng cái anh chàng đa nghề nhất trong đám bạn tôi phải kể đến Luận đen. Mới thấy hôm trước hắn lúi húi sửa mấy cái loa phóng thanh, vài hôm sau đã thấy khiêng cái TV của thiên hạ về nào hàn, nào sửa . Rồi chỉ vài tuần sau , lại thấy Luận ngồi dĩa khóa sau chiếc xe sửa khóa đầu đường hay sau chiếc thùng bơm gas hộp quẹt....Hầu như chuyện gì kiếm cơm mà thiên hạ có làm là việc đó có Luận.....Từ anh thợ máy nổ đến anh thợ máy may, thợ điện....ôi thôi hết kể nỗi, chỉ mỗi một nghề Luận không làm đó là cái nghề hắn học ở Đại học: Sinh Hóa, ( có lẽ giống như Biochemistry ở đây). Hôm đó tôi còn gặp thêm vài người nữa. Kỷ niệm rất nhiều, nhưng khi về tôi thấy thật buồn....

Tôi gặp lại đám bạn di cư sang Mỹ hầu như gần đủ vào ngày đám cưới Quý, anh chàng chia tay trẻ nhất với đời sống độc thân. Tôi và Quý quen nhau hầu như từ ngày đầu vào CVA. Quý và tôi ngồi cạnh nhau, nói chuyện với nhau vẫn còn cậu cậu tớ tớ... Thanh tự nhiên trở thành chiếc cầu nối cả bọn với nhau. Tính Thanh vẫn thế, mềm mỏng, nhẹ nhàng và giản dị. Nhưng coi chừng !!! trên sân cỏ, Thanh là một trung phong rất cừ, lừa banh khéo léo và làm bàn rất chính xác. Đi cặp với Thanh là Hoàn, anh chàng Trưởng Khối Thể Thao của trường tôi quả là danh bất hư truyền...Hiện nay đang ở Tuổi ngoài 40 rồi, Hoàn vẫn còn đều đều chạy đua với trái banh. Vũ tiết Hùng ở tận Canada mà xem ra rất gần, ít ra, tôi cũng đã có vài lần cùng đếm bước với Hùng trên những con phố khuya của San Jose. Hùng ít thay đổi nhất, vẫn dáng cao, gầy như ngày xưa, chơi volley ở trường, vẫn cái máu văn nghệ và vẫn rất chân thành với bạn bè. Minh đen thì rõ ràng không thể chơi volley được nữa. Lúc này Minh trang bị thêm cái bụng cũng khá....nên chắc ít ai còn nhận ra Minh là một tuyển thủ của đội bóng chuyên vô địch Việt Nam. Minh vẫn thế, nói năng từ tốn và châm biếm nhẹ nhàng...Ngược hẳn với Minh là anh chàng Thái "lý thiết quái". Chưa gặp mặt là đã nghe tiếng Thái rồi, không khác gì cái hồi hẳn nhận được hõn danh của tiên ông họ Lý.

Mọi việc bắt đầu cũng vì cái tính lè phè của con cháu cụ Chu. Thường thì chúng tôi đến trường sớm để bạn bè đấu láo một

lúc trước khi vào lớp, nhưng cũng có lúc đến trường trễ. Mà đa số chúng tôi đều ngại vào cửa chính, vì bác Bít Tắt rất nguyên tắc, bác cứ hay mời thầy Giám thị ra mở cổng, thế là phải xin giấy vào lớp. Chuyện đó dễ lãnh cấm túc và khổ nhất là mời phụ huynh đến nghe morale...Cho nên hôm nào lỡ trễ, tụi tôi thường vòng qua đường Triệu Đà, kiếm một khoảng tường quen thuộc, trổ tài "bích hồ du tường". Hàng rào trường Chu Văn An thì đâu có cao bao nhiêu, chỉ cần nhảy lên chụp vào đầu tường rồi thì...bước qua hàng kềm gai cao chừng 6 tấc, thế là thót xuống sân, chỉ vài giây sau đã bình yên trong lớp. Nhưng nếu có xe đạp thì hơi rắc rối hơn, phải tìm một tên đồng cảnh ngộ, rủ hẳn cùng làm: một người đứng trên yên xe nhìn xem động tĩnh trước, xong một người leo lên trước, người đứng dưới chuyền hai chiếc xe lên cho người trên giữ, rồi hẳn mới thót lên sau. Lại một người nhảy xuống đỡ lấy hai chiếc xe, người kia chỉ việc nhảy xuống là xong, mạnh ai nấy chạy...Nói thì lâu, nhưng làm thì nhanh lắm, bằng cứ là chỉ có mình Thái là bị tóm được. Thật ra thì Thái xui, hôm đó tình cờ thầy Tổng Lãng lại đi đâu lòng vòng trong trường trông thấy Thái lúc hẳn đang chuyền xe xong rồi, chỉ nhảy xuống là...mất tích. Thầy kêu Thái đứng lại, dĩ nhiên đâu có chàng học sinh CVA nào lại hiền như vậy. Thái nhảy xuống định chạy trốn, nhưng lính quính thế nào, Thái nhảy xuống bị gãy chân. Báo hại thầy Tổng giám thị phải đưa Thái đi bệnh viện bó bột cái chân, mang đôi nạng cũng gần hết năm học. Và ngay sau đó tường rào quanh trường xây cao lên mấy lớp, lại báo hại tụi học sinh đi trễ phải .....nghĩ ra cách khác.

Lần đó chúng tôi còn gặp nhau nhiều lắm. Nguyễn mạnh Tiến, người có tên trong Who is Who, Hòa ở San Jose với tôi, Tường bay từ North Carolina sang, Thi xuất hiện chớp nhoáng như sao xẹt. Trong lần đó chúng tôi tìm được thêm những tin tức bạn bè: Thành ở San Diego, Lê quý Hùng ở Texas, Lân -San Jose, Cao Đầu Toàn -Orange County và cả Nguyễn Đức Hợp đang định cư ở Đức. Lần lượt chúng tôi còn biết thêm những tin tức của Nam, Hiền, Đức, Thiện, Hội, Lạc, Lộc, Hoàng Phúc Trạch...nữa.

Những dòng sau cùng này tôi xin dành cho Phùng Đăng Sơn. Sơn chơi thân với tôi từ năm đệ thất . Chính Sơn là người rủ rê tôi vào Hướng Đạo . Mà anh chàng rủ cũng hay lắm. Tôi nhớ mãi một ngày Chủ Nhật. Sơn rủ tôi đi đến sân trường Đại Học Sư Phạm "coi" Hướng Đạo. Tôi chả biết Hướng Đạo là cái gì, dù anh cả tôi đã sinh hoạt Hướng Đạo rất lâu, nhưng chiều lòng bạn, tôi cùng ra coi cho biết . Chưa biết ắt giáp gì, Sơn đưa tôi đến giới thiệu với đội của Sơn, rồi đưa tôi ra trước Thiếu Đoàn giới thiệu đoàn sinh mới. Thế là tôi vào Hướng Đạo và "dính " luôn cho đến ngày nay. Cả chuyện học nhạc của tôi cũng do Sơn rủ rê. Sơn học Mandoline, còn tôi học Guitar...

Cuộc sống chúng tôi cứ trôi dần như thế cho đến năm 1975,,,,Lúc đó Sơn đang là Trưởng Khối Văn Nghệ của trường CVA. Chiến cuộc tràn về thủ đô miền Nam, nhưng trường vẫn còn mở cửa . Rồi Tổng Thống từ chức, hai ngày sau tự nhiên Khánh rủ tôi, Sơn, Hùng , Trạch đi chụp hàng loạt hình ở trường. Tôi không biết đó là những tấm ảnh chia tay. Ngày hôm sau ,gia đình Khánh đi. Trưa ngày 28/4, Thanh và Sơn chạy lại nhà tôi rủ tôi cùng đi với gia đình Sơn. Tôi và đứa em xách túi chạy ra, vừa lúc gặp anh tôi, anh muốn tôi cùng đi với gia đình vì đi riêng sợ lạc. Tôi chạy ra nói với Sơn và Thanh đi trước, tôi sẽ cùng gia đình đi sau . Sơn quay về và cũng không đi. Thế là chúng tôi cùng ở lại, cùng chứng kiến những tháng ngày tang tóc của Saigon trong cơn đau quần quại trước sự trả thù tàn độc của Cộng sản trên xương máu lương dân miền Nam.

Sự độc tài man rợ của chế độ khiến chúng tôi quyết định vượt biên, mặc dù Sơn đang học năm thứ tư Đại học Dược Khoa .Một chiều tháng Bảy năm 1979, Sơn đạp xe đến nhà tôi , hẹn tôi đến nhà Sơn buổi tối có việc cần. Sơn nói xong vội vã đi ngay .

Tối hôm đó, trời hơi âm u, tôi đạp xe lại căn nhà quen thuộc của Sơn. Hai đứa kê hai chiếc ghế ra trước hiên nhà, nhìn ra con ngõ nhỏ. Vẫn chồ ngồi hàng ngày chúng tôi ngồi với nhau, nhưng câu chuyện không có những tràng cười ròn rã như mọi lần. Sơn cho tôi biết Sơn sẽ ra đi sáng sớm hôm sau. Đối với chúng tôi chuyện đó cũng thường , nhưng sao hôm đó trông Sơn nghiêm trang lạ lùng , nghiêm trang đến mức tôi không dám thốt lên một câu nói đùa như thói quen vẫn thế. Tính Sơn hay cười, cười toét miệng cả ngày,mà lại thích nói bông lơn nữa. Nhưng trong buổi tối hôm ấy, Sơn lại nói với tôi những chuyện mà bình thường Sơn giấu kín. Chúng tôi nói với nhau về những kỉ niệm, những ước mơ, và những thao thức băn khoăn....Mẹ Sơn đem cho chúng tôi mỗi đứa một bát chè, có lẽ bà cứng cầu bình an cho anh em Sơn ra đi.

Chúng tôi nói chuyện với nhau thật nhiều ,đã có lúc tôi thấy mắt Sơn rưng rưng. Tôi chưa bao giờ thấy Sơn buồn như vậy...Đã gần nửa đêm, chúng tôi đã ngồi với nhau thật lâu. Đã đến lúc chia tay nhau, tôi ngần ngại. Không biết nói gì, đành buông gọn:

-Thôi tao về, chúc mày ra đi bình an, tới nơi nhớ viết thư cho tao nghe !

-Ừ, mày về..

Sơn chỉ nói có thế , tôi dẫn xe ra, Sơn đứng trước cửa trông theo. Tôi quay lại:

-Tao về nhé...

Sơn gật đầu nhìn tôi, ánh mắt thật kỳ lạ, nửa như nuôi tiếc nửa như dằn dò,tôi quay đi và biết Sơn còn nhìn theo cho đến lúc tôi khuất dạng. Tôi đạp xe về mà cứ mãi băn khoăn về ánh mắt kỳ lạ của

Sơn.

Từ hôm đó,mỗi ngày tôi đều đến nhà Sơn. Hai ngày sau gia đình nhận được tin tàu ra khơi an toàn...Hai ngày sau ,có tin cơn bão đổ về vùng biển Việt Nam, tôi chắc Sơn đã đến nơi bình yên

.Tôi vẫn đều đặn chạy lại nhà Sơn mỗi ngày chờ điện tín. Một tuần, hai tuần rồi một tháng .....hai tháng....tôi viết số tàu gửi đi khắp nơi để dò hỏi tin tức chiếc tàu của bạn tôi.....

Hai mươi năm rồi , tôi vẫn không biết tin tức gì của chiếc tàu ra đi ngày ấy. Gia đình Sơn đi dò hỏi khắp nơi ,rồi chờ, rồi mong .Mỗi lần tôi đến nhà chơi , tôi buồn thất ruột khi cha mẹ Sơn nhìn tôi rưng rưng nước mắt nhớ con...

Bạn bè của tôi.....dù vượt sóng tìm đến một bến bờ hay cam chịu khóa tay tìm sống tại quê hương , cùng đều chia sẻ với nhau những kinh hoàng của một mùa Tết Khói lửa ngập tràn cùng nỗi đớn đau, cảnh nước mất, nhà tan.Dù ở nơi đâu, chúng tôi vẫn tiếc nuối cho một tuổi trẻ sớm lụi tàn, vẫn nghẹn ngào với những giấc mơ chưa trọn. Tuổi trẻ chúng tôi như những con diều giấy bị ném vào ngọn lửa căm hận, như những chiếc thuyền con ném vào cơn bão lốc ,bị nhận chìm như cơn bão năm nào đã nhận chìm hình bóng thân yêu của bạn tôi. Đại dương đã mang theo nó bao điều uất hận,đã mang theo một đôi mắt rưng rưng còn bao điều muốn nói. Không biết đôi mắt ấy có kịp nhắm lại bình an, hay mở trừng như gào lên phẫn uất khi đợt sóng dữ chồm lên đập vào những xác thân bơ vơ, khốn khổ, xóa tan tành những mơ ước đơn sơ của một kiếp người...../.

San Jose, Mùa thu 1999

Trần Minh Phương, CVA 1975 – Milpitas, CA

\* \* \*

# MÂY TRỜI NỬA NGÀY

**Vũ Tiên Phái**

Anh lại gặp em như trong mơ

Rồi quanh hoa nở tự bao giờ

Đừng như hôm trước em làm giận

Anh phải quay về lựa ý thơ.

Ngọn gió bay theo mái tóc dài

Nụ cười ánh mắt với bờ vai

Tại sao cứ phải là em nhỉ?

Để cả xuân rồi chẳng có ai.

Lặng nhìn em nhẹ bước chân đưa



Sao không ở lại trọn giờ trưa  
Hôm nay em có mang dù tím  
Hay để mây vàng rơi xuống mưa.  
Dành lại màu son trên đôi môi  
Làm sao em được một ngày vui  
Anh mong góp nhặt tình em để  
Nhuộm mảnh mây trôi nửa nắng thôi.

11/18/99

CVA Vũ Tiên Phái, Milpitas, CA.

\* \* \*

LTS: Phạm Bích Hà là phu nhân của CVA Hoàng Cơ Định (CVA59)

# Mơ về một Quê Hương Việt Nam của Thế Kỷ 21

Phạm Bích Hà

Có hạnh phúc nào hơn, khi được nhớ lại những ngày thanh xuân? được gặp lại bạn cũ, trường xưa ? được có dịp dặt lại chiếc xe đạp, với tà áo dài tung bay, trên con đường Nam Giao của xứ Huế mà Xuân Diệu đã mô tả " Con đường Nam Giao thẳng mà không bằng" ?

Chỉ có những lúc viết cho một cuốn đặc san ghi lại những kỷ niệm của tuổi học trò như thế này, tôi mới được sống lại với những kỷ niệm riêng mà chung ấy, và cứ mỗi lần như vậy, kỷ niệm lại nhạt nhòa lung linh sau làn nước mắt ...

Và Huế của tôi hôm nay, đã chìm ngập trong cơn lụt lội, tất cả đã bị cuốn trôi, tôi đã không được cùng Huế ngăn dòng nước chảy xiết, giữ lại thân xác đồng bào, ngăn chặn rác rến đừng bám vào những di tích đền đài, tôi cầu xin một ngày mai an lành và tươi sáng cho Huế, chiếc nôl đã cuu mang tôi trong những ngày thơ ấu. Từ chiếc nôl đó, tôi đã trưởng thành để thấy Quê Hương của tôi được toả rộng ra tới cả Sài Gòn, nơi tôi đã sống những ngày rộn ràng của tuổi sinh viên và cả Hà Nội nữa, quê hương của người đã êm ái gìn giữ tim tôi trong suốt 30 năm qua.

Cũng vì cái cơ duyên đó mà hôm nay tôi đã được góp mặt trong cuốn đặc san này. Là dâu Chu Văn An, tôi chẳng thể viết về kỷ niệm của Thầy cũ Trường xưa, nhưng tại sao lại chẳng nhân danh một người đã được gắn liền với cả Huế - Sài Gòn - Hà Nội để viết về Quê Hương chung của hết cả chúng ta.

Khi tờ Đặc san này đến tay bạn đọc, Quê Hương chúng ta đang đón mùa Xuân mới, hơn thế nữa, đón mừng một Thế Kỷ mới.

Suốt thế kỷ qua, Quê Hương chúng ta đã gánh chịu nhiều đổ vỡ, Dân Tộc ta đã có nhiều nỗi nhọc nhằn. Sang thế kỷ mới, thế kỷ thứ 21, Quê Hương Việt Nam, mà sao chúng ta không gọi bằng một danh từ trù mến hơn: Mẹ Việt Nam, phải là một dải hoa gấm, thanh thảo và bình yên.

Trong Trường Ca "Mẹ Việt Nam" của Phạm Duy và trong Anh Hùng Ca "Mẹ Việt Nam" của Hoàng Phong Linh, thì Mẹ chính là Tổ Quốc. Mẹ là giải giang sơn gấm vóc từ Ải Nam Quan tới Mũi Cà Mau, Mẹ là Dân Tộc, là Dòng Giống Việt Nam. Đây đã là những sự thật, từ bao thế kỷ qua.

Nhưng qua Thế Kỷ 21 thì sao ? Chúng ta sống trong một thế giới có nhiều đổi thay nhất trong lịch sử loài người. Đối với người Việt Nam chúng ta, cách đây không lâu, hình ảnh của quê hương là lũy tre xanh, là đêm trăng ướt lá dừa... Nhưng có xa Quê Hương mới thấy những khái niệm như trời, mây, sông, nước không đủ để mô tả thế nào là Quê Hương, mà Quê Hương còn là hồn quê Việt, hồn nước Việt hằng luân lưu trong huyết quản của chúng ta.

Nhớ về thời kỳ lập quốc với truyền thuyết Một Mẹ Trăm Con, với câu chuyện 50 con theo Mẹ lên núi và 50 con theo Cha xuống biển... Hồi đó làm gì đã có Ải Nam Quan hay Mũi Cà Mau ?

Vậy thì cái gì là đặc thù của Người Việt Nam, của Mẹ Việt Nam, đã có trước cả sông núi và độc lập với núi sông? Theo tôi nghĩ đó là "Tinh Thần Việt Nam" thể hiện qua hai chữ "Đồng Bào", nghĩa là anh chị em từ cùng một tế bào, cùng một bọc sinh ra, cùng Mẹ cùng Cha hay cùng một dòng họ. Tinh thần này được biểu hiện rõ rệt và truyền tụng suốt bao thế hệ qua ngôn ngữ của người Việt Nam. Hiếm có sắc dân nào lại gọi nhau bằng những tiếng xưng hô trong một đại gia đình như Ông, Bà, Chú, Bác, Cô, Di, Dượng, Anh, Chị vv... như người Việt Nam chúng ta.

Trong cái tình gia đình như vậy, dầu có lên núi hay xuống biển thì vẫn là anh em...

Không rõ cái cảnh gia đình người lên núi, kẻ xuống biển hồi hơn 20 thế kỷ trước đây đã diễn ra như thế nào, nhưng sự kiện là chúng ta vẫn duy trì được quốc gia qua bao thời đại đã chứng tỏ chuyện lên núi hay xuống biển chỉ là hiện tượng mở rộng vùng sinh tồn của tổ tiên chúng ta.

Cho đến 25 năm sau cùng của thế kỷ thứ 20, dân tộc ta mới thực sự gặp nạn và ly tán, dân ta đã hốt hoảng chạy ra biển, trốn lên rừng để bảo vệ giống nòi, cất giữ những giá trị cổ truyền, và hơn hết để thăng hoa dân chủ tự do.

Vì thế mà, bên cạnh những chuyến vượt biên đến được bến bờ, bên cạnh những đoàn người thoát chết, sự kinh hoàng còn in đậm trong ánh mắt, còn có những chuyến tàu không hề cập bến, những bước chân xiêu vẹo bỗng mất hút trong rừng sâu, tất cả đã đánh dấu sự phân ly tột cùng của dân tộc.

Qua tới Thế Kỷ 21, cầu mong điều đặc thù của Dân Tộc sẽ là hình ảnh từng đoàn, từng lớp những đứa con đã xuống Biển hay lên Núi trước đây, trở về quây quần trong một Đại Gia Đình Mẹ Việt Nam. Lúc đó, quan niệm "Người Con Gái Việt Nam Da Vàng" sẽ trở nên lỗi thời. Từ bốn phương, tám hướng trở về đoàn tụ, đàn con của Mẹ Việt Nam sẽ có đủ mọi màu da, có quan niệm và lối sống có thể khác nhau, nhưng vẫn đối xử với nhau như anh em một nhà, hoà thuận với nhau và giúp đỡ lẫn nhau như cái tựa Một Mẹ Trăm Con. Các con của Mẹ sẽ mang sự hiểu biết học hỏi được ở xứ người để biến Quê Hương của Mẹ thành một giải đất trù phú và để "Mùa đông thiếu áo, hè thời thiếu ăn" sẽ hoàn toàn chỉ còn là một hình ảnh mờ nhạt của dĩ vãng.

Vào thế kỷ thứ 21 này, ngay như khái niệm "quây quần trong một Đại Gia Đình" cũng tiến hoá hơn so với các thế kỷ trước. Quây quần không nhất thiết là phải sống cạnh nhau theo nghĩa địa dư. Với khả năng di chuyển mau chóng, phương tiện liên lạc hiện đại, chúng ta có thể gần gũi với nhau mà không cần phải tự giam mình sau một lũy tre làng hay lựa chọn chỗ ở trong khoảng cách của một chuyến xe đò liên tỉnh. Cũng trong tinh thần và hoàn cảnh đó, Quê Hương đối với các con của Mẹ Việt Nam không bắt buộc chỉ là nơi có "Chùm khế ngọt", có "Hoa Cau phủ trắng sau hè", mà có thể là nơi có những cánh đồng tuyết trắng, có thung lũng hoa vàng, có những cánh rừng lá đỏ mỗi lúc vào Thu... Vì ở đâu có tinh thần Việt Nam, ở đó có những đứa con của Mẹ Việt Nam, ở đâu có người Việt Nam, ở đó có Quê Hương Việt Nam. Và, bảo vệ Quê Hương Việt Nam

không còn chỉ là bảo vệ bờ cõi, bảo vệ lãnh thổ mà là làm sao gìn giữ và phát huy Tinh Thần Việt Nam, việc này sẽ là thiên chức của hàng triệu bà mẹ Việt Nam vô danh và nhỏ bé.

Ở trong nước, sau bao năm sống trong một xã hội giả dối và lừa lọc, người mẹ Việt Nam sẽ phải làm sống lại trong dân tộc lòng chân thành và dũng cảm như Nhà Thơ Phùng Quán đã ước mơ trong "Lời mẹ dặn" :

Yêu ai cứ bảo là yêu

Ghét ai cứ bảo là ghét

Dù ai ngon ngọt nuông chiều

Cũng không nói yêu thành ghét

Dẫu ai cầm dao dọa giết

Cũng không nói ghét thành yêu

Khởi đi từ lòng ngay thẳng, chúng ta sẽ hướng dẫn các con để đặt lại nền móng cho một xã hội Việt Nam công bằng và nhân ái, trong đó gia đình là một thành phần của xã hội và xã hội là sự nối dài, sự mở rộng của mọi gia đình. Với sự tiến bộ của khoa học, người mẹ Việt Nam không còn mang gánh nặng của một đàn con chất chiu như những "bà mẹ què" trong thế kỷ qua, người mẹ sẽ có điều kiện để thăng tiến và vui hưởng hạnh phúc trong mái ấm gia đình, và sẽ dành một phần công sức để lo cho xã hội như lo cho chính gia đình của mình.

Người phụ nữ Việt Nam cũng sẽ xây dựng lại ý niệm bình đẳng Nam Nữ mà dân tộc chúng ta đã có từ thời Bà Trưng Bà Triệu, người Nam và người Nữ đều có trách nhiệm và có chỗ đứng ngang nhau trong xã hội. Nên tìm hiểu nhau, hợp tác, giúp đỡ nhau để tạo những hài hòa, để có được những kết quả đáng khích lệ trong việc kiến tạo xã hội.

Người mẹ Việt Nam của thế kỷ thứ 21 cũng sẽ là những con người hành xử với một khối óc trong sáng. Chuyện bà mẹ Tăng Sâm của những thế kỷ trước, nếu có được kể lại, thì cũng chỉ là một tấm gương không phải là để noi theo, mà chỉ để răn người đời đừng bị ảnh hưởng bởi những lời đồn vô căn cứ. Người mẹ Việt Nam tin và bảo vệ những giá trị do mình tạo nên, cũng như tình thương mẹ dành cho con, không thể nào vì vài lời nói vu vơ mà thay đổi.

Đối với chúng ta tại hải ngoại, trong mỗi gia đình, người mẹ Việt Nam sẽ vừa là tượng trưng, vừa là sứ giả của Dân Tộc. Vì "tiếng nước tôi" luôn luôn là "tiếng mẹ ru từ lúc nằm nôi", cho nên duy trì tiếng nước Việt nơi các con sẽ là bổn phận và thiên chức của mẹ.

Một học giả hồi đầu thế kỷ có nói : Tiếng Việt Nam còn thì nước Việt Nam còn. Không dè câu nói đó có một giá trị tiên tri cho biết bao triệu người Việt sống tại hải ngoại. Nếu muốn cập nhật, thì chỉ cần thay đổi là: Tiếng Việt Nam còn thì tâm thức Việt Nam còn, thì Dân Tộc Việt Nam còn.

Nắm vững ngôn ngữ Việt Nam sẽ giúp cho người dân hải ngoại rút ngắn khoảng cách tâm linh đối với quê cha đất tổ, đồng thời nhờ nỗ lực để dạy con biết nói thứ ngôn ngữ của tổ tiên mà vô hình chung, người mẹ Việt Nam đã dành thêm thì giờ sống với các con, khiến tình mẹ con, tình gia đình và tình dân tộc thêm bền chặt.

Người mẹ Việt Nam ở hải ngoại không phải sẽ chỉ lo dạy cho con ngôn ngữ và tình gia đình, mà người mẹ cũng cần mang lại cho con mình, mà cũng là mang về cho Dân tộc, những giá trị tinh thần tốt đẹp của cộng đồng nhân loại, của những xã hội tự do dân chủ mà chúng ta đang sống, để bên cạnh những giá trị cổ truyền, ý thức công bằng và thái độ tôn trọng tha nhân cũng sẽ là đặc tính của người Việt Nam. Nhờ đó, ngoài di sản tinh thần do Tổ Tiên để lại là tình thân thương đối xử với nhau như anh chị em một nhà, người Việt Nam chúng ta sẽ luôn luôn là những người bạn tốt và được yêu mến bởi mọi sắc dân trên thế giới...

\* \* \*

# VÀI CẢM NGHĨ VỀ CUỘC SỐNG HIỆN TẠI

Ngày tôi còn nhỏ đã được nhắc nhở là khi lớn lên có làm gì ích lợi cho dân cho nước hay chỉ là phương giá áo túi cơm. Đến bây giờ tôi cảm thấy lo áo cơm mất hết cả thì giờ lẫn sức khỏe mà không đi đến đâu. Vì sống ở một môi trường khác nên đời sống và suy nghĩ cũng khác. Tôi có bà mẹ già gần 80, trong lòng muốn gần gũi, sớm hôm phụng dưỡng nhưng cũng đành bỏ hiếu đạo một bên. Nhớ bài thơ tổng biệt hành, mẹ già, vợ dại, con thơ nên cũng đành coi tất cả nhẹ như lông hồng để vác búa, kìm vô hãng xưởng làm thuê đêm, sáng về ngủ vùi như chết...

Ở một nước giàu mà nghèo là bất chí, ở một nước nghèo mà giàu là bất nhân, vì thế nên muốn chia xẻ một vài dữ kiện đến các bạn để cùng suy nghĩ: Work smart hơn là work hard. Do đó nên ôn cố tri tân:

Xã hội Việt nam và Trung hoa ngày xưa tôn trọng kẻ sĩ kinh thường người buôn bán. Xã hội Việt Nam ngày nay khinh thường kẻ sĩ. Thí dụ ở Việt Nam một cô gái bán thân làm 100 dollars một đêm, bác sĩ và kỹ sư làm khoảng 100 dollars một tháng, đó là chưa nói đến nghề nhà giáo bán cháo phôi...

Quốc gia có bốn giềng mối là: LỄ NGHĨA LIÊM SĨ. Mất LỄ NGHĨA nước rối loạn, mất LIÊM SĨ nước sẽ diệt vong. Nếu cả nước đều tham lam, không xấu hổ thì nước VN sẽ bị xóa tên trên bản đồ thế giới. Nay tạm quên NỢ NƯỚC để bàn lại NỢ ÁO CƠM ở Mỹ...

Nước Nhật bản ngày xưa tôn trọng kiếm khách, nay đã phải thay đổi để tôn trọng các kỹ nghệ gia. Hiện nay chúng ta sống ở Mỹ thì nên tìm cách ĐẦU TƯ (invest), thí dụ như đầu tư vào thị trường chứng khoán (stocks), mutual funds, địa ốc, v.v., bỏ tiền tối đa vào chương trình 401K, quỹ hưu trí Roth IRA hoặc các chương trình đầu tư, kinh doanh khác như mở hãng xưởng, công ty, cơ sở kỹ nghệ, xí nghiệp, thương mại. Sau đây là một vài con số tiền đẻ ra tiền mà chúng ta ít để ý tới, nó nói lên mãi lực đồng tiền tăng theo cấp số nhân:

Ngày xưa bên Tàu có một người đánh cờ tướng với vua, ông ta thắng, chỉ xin nhà vua cho ô cờ đầu tiên một hột gạo, ô thứ hai 2 hột, ô thứ ba 4 hột, cứ thế nhân đôi, cuối cùng tính ra cả nước không đủ gạo để giao. Vua không giữ được lời hứa nên đem chém. Theo sách của thầy Đinh Đức Mậu đến ô thứ 64 là bằng hai đoàn tàu xe lửa chở đầy gạo nối vòng quanh trái đất. Còn theo sách Mỹ thì bằng tổng sản lượng gạo của cả thế giới sản xuất năm 1990.

Thí dụ một kỹ sư mới ra trường đi làm được một hãng cho 2000 cổ phần (shares). Nếu may mắn stocks nhân đôi (split) 9 lần, cứ mỗi lần 1 share thành 2 shares, như vậy sau 9 lần splits, 2000 shares của anh ta sẽ thành 1,024,000 shares. Giả sử mỗi shares là 100 dollars thì kỹ sư đó sẽ có \$100,000,000. Nếu bỏ vào mutual fund với tiền lời cho là 12% một năm thì mỗi năm anh ta sẽ có tiền lời là \$12,000,000, hay là \$1,000,000 mỗi tháng. Số tiền lời hàng tháng này tương đương với đồng lương hàng tháng của 10,000 ông bác sĩ ở VN.

Chỉ cần bỏ ra \$10,000 mua stocks của hãng Microsoft mười năm trước kia, bây giờ thành triệu phú. Vì thích hột xoàn, một bà vợ có chồng làm cho hãng Cisco, xúi chồng bán stocks của hãng để mua một chiếc nhẫn kim cương làm của giá \$8000. Nếu không bán, bây giờ cũng thành triệu phú.

Người VN thường suy nghĩ vàng, bạc, kim cương là của cải, nhưng hiện nay trên thế giới tiền tệ căn bản dựa theo giá trị của tổng sản lượng Quốc Gia, trong đó chính là các hãng xưởng kỹ nghệ sản xuất những mặt hàng giá trị, đem lợi nhuận lại nhiều. Nhưng thế giới cũng khó để giữ công bằng trong vấn đề hối xuất, vì thế thị trường chung châu Âu đã ra một loại tiền riêng. Ngoài quý kim và sản vật giá trị theo luật cung cầu, còn đồng tiền do lòng tin của con người. Khi chiến tranh, giá trị đồng tiền sẽ thay đổi rất lớn, hàng năm lạm phát gia

tăng. Trong hai thập niên rưỡi qua, giá nhà trong vùng Vịnh đã tăng phi mã. Mua nhà phải mượn tiền nhà băng, sau 30 năm tổng cộng tiền trả thành gấp ba. Nếu đồng tiền không luân chuyển tự nó sẽ bốc hơi...

Hiện nay tại vùng Vịnh, một ông thợ đi làm sau khi trừ thuế và các chi phí linh tinh khác, mỗi tháng lương nhuận khoảng \$1200 mà tiền thuê apartment 2 phòng hàng tháng cũng là \$1200 thì còn gì để ăn?. Nếu vợ đi làm thì con cái phó mặc cho hư hỏng, để rồi sẽ đau khổ vì thấy bao công lao hy sinh trôi theo giòng thời gian. Mà nếu chỉ có một người đi làm thì phải có một lợi tức khác như tiền lời qua sự đầu tư hoặc người kia lương phải thật cao mới đủ sống. Muốn lương cao thì phải biết đầu tư về đường học vấn.

Tục ngữ ta có câu: “Phi thương bất phú”. Muốn có nhiều tiền thì phải biết đầu tư, kinh doanh. Nói về đầu tư thì cũng có nhiều cách. Nhiều bậc cha mẹ hy sinh, đi làm cực khổ để nuôi cho con cái học thành tài, người vợ nuôi chồng ăn học tốt nghiệp luật sư, bác sĩ, kỹ sư, v.v. Đó cũng là một cách đầu tư cho tương lai. Nhiều người cố gắng ăn hiền ở lành, tu nhân tích đức đó cũng là một cách để đầu tư cho kiếp này và kiếp sau.

Nói tóm lại chúng ta cần phải biết đầu tư, đầu tư, và đầu tư. Đầu tư đúng cách và đúng chỗ thì chúng ta vẫn có nhiều tiền mà không cần lúc nào cũng phải làm việc như trâu như ngựa, làm quần quật suốt ngày tối tăm cả mặt mũi.

Hiện nay, việc tối thiểu là phải gia nhập và cố gắng bỏ tiền tối đa theo luật định vào quỹ hưu trí 401K và Roth IRA. Chỉ cần năm năm về trước, một kỹ sư mới ra trường bắt đầu đi làm bỏ 15% tiền lương vào quỹ 401K, trong hãng thông thường sẽ cho thêm một ít, tất cả tiền này đầu tư vào mấy cái stock funds, bây giờ trung bình trong quỹ sẽ có khoảng hơn một trăm ngàn. Cứ tiếp tục như vậy thì chẳng mấy chốc sẽ trở thành triệu phú.

Có điểm lợi là tiền đóng vào quỹ 401K là tiền trước khi đóng thuế (pre-tax). Điểm bất lợi là phải đợi đến sau năm năm mươi chín tuổi rưỡi mới có thể rút tiền ra mà không bị phạt. Lúc rút tiền ra mới phải khai thuế. Tuy nhiên nếu lúc đó chúng ta đã về hưu thì tiền rút ra từ quỹ 401K là lợi tức duy nhất mà chúng ta phải khai thuế. Do đó, chúng ta chỉ phải đóng thuế ở mức thấp (lower tax bracket) nếu chúng ta không rút tiền ra nhiều quá

Thị trường chứng khoán (stocks) là con dao hai lưỡi. Nó có thể đưa bạn lên đỉnh cao phú quý nhưng nó cũng có thể đưa bạn đến chỗ làm than sạt nghiệp. Phải rất cẩn thận khi chơi stocks. Trước khi mua stocks phải nghiên cứu thật kỹ càng vì đồng tiền không dễ kiếm, lúc mới đầu bạn phải đi làm cực khổ mới tạo ra được.

Khi mua một cái TV, tủ lạnh, hoặc một bộ máy stereo, bạn bỏ nhiều thời giờ tìm hiểu xem hiệu nào tốt, sau đó bạn đọc báo, đi khảo giá coi chỗ nào bán rẻ. Bạn cẩn thận như vậy thì tại sao bạn lại không bỏ nhiều thì giờ học hỏi, nghiên cứu kỹ càng khi mua hoặc bán một cái stocks mà trị giá của nó có thể gấp hàng mấy chục lần cái tủ lạnh ?

Nhiều người cho rằng thị trường chứng khoán là một sòng bài khổng lồ (The stock market is a giant casino), nói như vậy cũng không ngoa nếu bạn chơi stocks theo kiểu trong ngày (day traders) hoặc chơi options. Sự khác biệt lớn nhất giữa stocks và bài bạc ở chỗ với stocks, bạn có thể điều nghiên, khảo sát, và tính toán được vì stocks thường đi đôi với sự làm ăn và tương lai của công ty, và nếu chơi lâu dài những hãng lớn thì thường thường triển vọng kiếm tiền rất cao. Khác với stocks, vào sòng bài, rất khó lòng mà thủ huê được chứ đừng nói chi đòi thắng, trước sau bảo đảm rồi cũng sẽ bị lỗ hoặc sạt nghiệp. Nếu may mắn thì lỗ ít, nếu xui thì mất hết của cải, gia đình tan nát rồi có thể biết đâu phải vào vòng lao lý. Cổ nhân có nói một câu rất đúng: “Cờ bạc là bác thẳng bàn, cửa nhà bán hết sa chân vào cùm.” Tuyệt đối tránh xa đánh bài. Đừng bao giờ nghĩ làm giàu tắt bằng cách đánh bài vì nếu đúng như thế thì các casinos ở Reno và Las Vegas đã xập tiệm từ lâu.

Không nên để tất cả trứng vào một giỏ. Cũng không nên chơi nhiều stocks quá vì khó theo dõi, kiểm soát. Nên kiếm những hãng nào vững, có triển vọng để chơi lâu dài (long term). Tốt nhất **không nên chơi stocks** mà nên đầu tư vào Mutual funds thì đỡ nguy hiểm hơn stocks. Có rất nhiều loại Mutual funds, tha hồ mà bạn chọn lựa. Funds an toàn thì tiền lời ít, muốn mạo hiểm thì tiền lời có thể cao hơn nhưng cũng có thể lỗ không biết chừng.

Ngoài vấn đề đầu tư, một chuyện khác cũng không kém phần quan trọng là chỗ ở.



Mấy năm nay đã nhiều người phải rời khỏi vùng vịnh (Bay Area) để đến tiểu bang khác hay di chuyển đến những khu tập nập mà tiền nhà còn rẻ, nhưng chúng ta nên nhớ một điều cần thiết là nơi ở (location) rất quan trọng cho vấn đề an ninh, cũng như học vấn của con cái và nhất là việc làm...

Khi xưa mẹ ông Mạnh Tử đã ba lần đổi nhà để con không bắt chước những thói hư, tật xấu của bạn bè hàng xóm...

Vài lời tâm sự với những kẻ sĩ mà:

Thi thơ thuở ấy nay phải thi thơ chôn này..

Nguyễn Quốc Long (CVA68), Sunnyvale, CA.

\* \* \*

# Picnic Liên Trường

Riêng tặng các bạn CVA :

Trần Khánh

Nguyễn Quý Hùng

Nguyễn Việt Tuấn

Hồ Hải Trân

Picnic Liên Trường được mở ra

Trường Nam, Nữ dự thật là đông vui

Chu Văn An-Trung Vương, tình xưa nghĩa cũ

Petrus Ký - Gia Long, người đồng hội, đồng thuyền

Võ Trường Toàn-Hồ Ngọc Cẩn, tình bè bạn

Đã có từ lâu ở Việt Nam

Từ mười giờ sáng ngày hai mươi hai tháng tám

Đã thấy người lớ nhỏ ở công viên

Quần áo gọn gàng trong ngày đi picnic

Vợ con, anh chị em tụ họp về đây

Hồ nước xanh gợn sóng lăn tăn

Đàn vịt nổi chìm, kiếm mồi trên thảm nước

Và nơi kia bên dưới bóng cây

Những gia đình tham gia sinh hoạt

Trái pông sô trên cỏ hàn huyền

Hoặc ăn uống những đồ ăn mang theo sẵn

Bầy em nhỏ được ngày vui thỏa thích

nhảy nhót, hò reo cho tới mệt nhoài

trong căn nhà jumping house xanh đỏ

Áo đầm ướt, trán mồ hôi nhỏ giọt

Buổi chiều về, bóng chiều dịu mát



Ban văn nghệ Chu Văn An biểu diễn  
Những nhạc phẩm thật là lành mạnh:  
Việt Nam!, Trường Làng Tôi, Học Sinh Hành Khúc...  
Rồi Trung Vương, Gia Long cùng tham dự  
Buổi đồng ca vang vọng cả công viên  
Tiếp theo là trò chơi bịt mắt  
Đi từng hàng thi tới đích trước tiên  
" Nhảy bao bố " cũng thật vui và khỏe  
Khởi hành đều, mà tới đích trước, sau  
Cuộc đi chơi rất là vui thú  
Gió thiên nhiên, không khí trong lành  
Bạn bè mới, cũ từ mấy mươi năm trước  
Gặp nhau đây, ôn lại chuyện ngày xưa  
Chia tay, chờ đợi picnic khác  
Còn mãi trong tôi những kỷ niệm hôm nay ...

Trần Khánh Hồng, CVA 1962, Concord, CA.

\* \* \*

# TƯỜNG THUẬT PICNIC LIÊN TRƯỜNG 1999

*Vũ Mạnh Phát*

*Một ngày Chủ Nhật cuối tháng tám năm 1999 vừa qua, lần đầu tiên tại Bắc Cali, sáu trường trung học đã hợp tác tổ chức một cuộc picnic tung bừng nơi một công viên xinh đẹp, gọi là Hellyer Park, cho hội viên, gia đình và thân hữu.*

*Tôi là một trong những người có duyên may theo rồi sinh hoạt này từ khi khởi thủy, nên tiện đây xin kể lại quý bạn nghe.*

*Sáu trường trung học nói trên là Gia Long, Trung Vương, Chu Văn An, Pétrus Ký, Võ Trường Toản, và Hồ Ngọc Cẩn. Cộng đồng người Việt tại vùng thung lũng điện tử này bắt đầu hình thành từ sau 1975, cho đến nay đã tăng lên đến con số trên dưới trăm ngàn người. Có rất nhiều sinh hoạt về mọi mặt. Riêng về văn hóa, thì có thể nói không có tuần lễ nào trôi qua mà không có cuộc ra mắt sách, đĩa CD, hay chương trình ca nhạc. Về xã hội thì có các hội đoàn giúp đỡ đồng hương trong đời sống hàng ngày, hội người già, hội hướng đạo, hội phụ nữ, vv... Về chính trị thì có các hội cựu tù nhân chính trị, vv...*

*Về ái hữu thì cũng có nhiều hội có tính cách địa phương, như hội Đà Lạt, Long An, Bạc Liêu, Quảng Nam Đà Nẵng, Huế, vv... Ai Hữu Cựu Học Sinh thì cũng có nhiều hội, và đôi khi cũng có sự hợp tác trong vài sinh hoạt,*

*như Gia Long và Pétrus Ký tổ chức chung picnic, Trung Vương và Chu văn An tổ chức picnic và tân niên, vv... Nhưng chưa bao giờ có sự tụ họp đông đảo như kỳ này.*

*Có lẽ trong chiều sâu tâm tư, nhiều người đã thấy cái hay của việc gác bỏ ra ngoài tất cả những dị biệt để cùng nhau chung vui và tạo một bầu không khí lành mạnh cho người Việt đủ mọi thế hệ gặp nhau tạo thêm tình bạn mới, nên khi ý kiến đưa ra về việc tổ chức một buổi picnic liên trường thì mọi người đều hưởng ứng ngay.*

*Ban Tổ Chức được thành lập từ khoảng đầu tháng sáu, và đã họp bàn và phân chia công tác tất cả là năm bận. Mỗi trường cử hai đại diện chính thức, nhưng cũng có nhiều người sốt sắng tham dự để đóng góp ý kiến và tình nguyện giúp đỡ ban tổ chức trong những công việc khác nhau. Cuối cùng thì đồng ý là Trung Vương lo liên lạc đặt phân ăn do nhà hàng cung cấp và làm thêm salad, Gia Long lo dưa hấu, Pétrus Ký lo trật tự, Võ Trường Toản lo văn nghệ và vệ sinh, Hồ Ngọc Cẩn lo in vé, làm banderolle và bảng hướng dẫn tham dự viên biết đường vào park, còn Chu văn An lo cung cấp nước uống, nước ngọt, nước đá và các phần muống nĩa, khăn chùi tay, vv...*

*Công viên Hellyer là một công viên do quận hạt Santa Clara điều hành, nằm về hướng Nam thành phố San Jose, ngay cạnh Xa Lộ 101, là một khu đất có phong cảnh hữu tình, với một cái hồ lớn nằm chính giữa, xung quanh là các khu picnic trên thảm cỏ xanh tươi. Xa xa là các dãy núi cao, làm cho công viên có vẻ êm đềm yên tĩnh, dù ngay gần thành phố mà vẫn mang vẻ tĩnh mịch của miền đồng quê. Có nhiều khu vực phải dành chỗ trước, trong đó khu lớn nhất, gọi là Cottonwood, cũng chỉ có đủ chỗ cho khoảng 300 người. Đó là khu mà ban tổ chức đặt dành cho picnic. Được đỡ một cái là xung quanh đó có nhiều chỗ thoáng mát cho người đến chơi trên cơ sở đến sớm được dùng trước, nên khu picnic có thể nói rộng cho đến cả ngàn người cũng không sao.*

*Ngày quyết định cho picnic là 22 tháng 8, 1999. Đồ ăn chính do một nhà hàng có tên là Boston Market cung cấp, gồm một hộp có một phần tư con gà quay, công thêm khoai tây nghiền và bắp, do nhà hàng đem đến và phục vụ tại chỗ. Ai muốn mua thì lấy vé được phân phối trước, giá vé là 5 Mỹ kim cho một phần ăn. Đây không phải là vé vào cửa, cũng không bắt buộc mỗi người phải mua một vé, mà có thể một gia đình 5 người mua 3 phần ăn cũng được. Ngoài ra, ai không mua vé vẫn được tiếp đãi nồng hậu, và có thể ăn dưa hấu, salad, hoặc uống nước ngọt thoải mái. Picnic cũng không chỉ dành riêng cho cựu học sinh các trường liên hệ và gia đình, mà các thân hữu cũng được mời tham dự chung vui.*

*Tin tức về buổi picnic được thông báo rộng rãi trên các phương tiện truyền thông như radio và báo chí, và đã gây ra một sự hứng khởi và trông đợi khác thường. Thời hạn chót mua vé là một tuần lễ trước picnic, mà số vé bán ra đã khoảng 800 vé. Đến ngày picnic, thì niềm ưu tư lớn của ban tổ chức không còn là số người tham dự ít quá, mà là số người đông như thế thì có gây trở ngại gì đối với nhân viên trông coi park hay không, và sự phục vụ của ban tổ chức có sơ sót gì có thể làm phiền lòng người tham dự hay không.*

*Chủ Nhật 22 tháng 8 là một ngày nóng khác thường. Từ sáng sớm, những người trong ban tổ chức đã đến tại địa điểm và lo dựng lều, treo banderolle mang tên các trường, cũng như bố trí các dàn âm thanh và sắp xếp bàn cho nước uống và chỗ phục vụ đồ ăn. Đặc biệt, có cả một cái jumping tent cho trẻ em có chỗ vui đùa.*

*Từ khoảng mười giờ sáng, người tham dự đã lục tục đến địa điểm, và cho đến khoảng gần 12 giờ trưa thì số người tham dự đã lên đến trên ngàn người, không những chỉ từ vùng San Jose và phụ cận như Oakland, San Rafael, mà còn những nơi xa khác như Fresno, Sacramento, Texas, thậm chí cả từ Úc, Pháp và Canada nữa. Trong các thành viên tham dự, ngoài cựu học sinh 6 trường và gia đình, còn có các thân hữu từ các trường khác như Quốc Học, Đồng Khánh, Lê Quý Đôn, Lê Văn Duyệt, Kiều Mậu Thủ Đức, Văn Lang, vv... nữa. Đặc biệt, phái đoàn Phan Thanh Giản-Đoàn Thị Điểm tại Cần Thơ gồm trên 20 người tham dự.*

*Khoảng gần 12 giờ trưa là bắt đầu phục vụ đồ ăn. Nhờ quyết định mượn nhà hàng, nên việc phục vụ rất là nhanh chóng kiến hiệu. Các anh chị trong ban tổ chức giúp một tay đắc lực trong việc phân phối đồ ăn, và với tinh thần kỷ luật và tôn trọng lẫn nhau của mọi người, việc phân phối đồ ăn diễn ra nhanh gọn, không có bất cứ trục trặc gì.*

Sau đó mọi người tản ra dưới các tàn cây có bóng mát ăn uống nói chuyện. Khu vực chính với ba dãy bàn dài là tập trung người đông nhất. Mọi người tỏ vẻ hài lòng với chất lượng đồ ăn. Một tham dự viên sau picnic đã viết thư khen ngợi là đồ ăn là 'the best ever!'

Sau khoảng hai giờ ăn uống và hàn huyên tâm sự, đến phần vui chơi chung. Các M.C. làm việc tích cực, thu hút được đông người tham dự. Có trò chơi cho trẻ em, thanh niên cũng như người trung niên và lão niên. Những tiếng cười nói vang lên thật vui vẻ. Có rất nhiều trò chơi, từ kéo dây, nhảy bao bố, đuôi rắn lái đầu rồng, ca hát tập thể, cướp cờ, đến đó đoán nghề nghiệp, vv... Mọi người đều như sống lại được những giây phút hồn nhiên của thuà học trò.

Cuộc vui kéo dài đến gần 4 giờ chiều, đúng như theo tính toán của ban tổ chức. Mọi người đều giúp một tay thu dọn chiến trường sạch sẽ đến nỗi các nhân viên thu dọn của công viên phải tỏ lòng thán phục và cảm ơn. Các nhân viên trông coi công viên cũng tỏ ra rất thân thiện và thông cảm, nên không có vấn đề trầm trọng gì xảy ra, ngoại trừ dăm ba cái ticket vì đậu xe không đúng chỗ.

Tôi hy vọng qua phần lược tả của tôi, quý bạn cũng có thể hình dung ra được cái hứng thú của cuộc gặp mặt lớn đầu tiên trong cộng đồng người Việt không mang màu sắc phe phái hoặc do động cơ tư lợi. Tôi cho đây là một bằng chứng khá hùng hồn cho thấy người Việt Nam tại hải ngoại cũng có thể ngồi lại, làm việc với nhau trong tinh thần phục vụ chung, và thực hiện có kết quả một sinh hoạt vui chơi lành mạnh cho mọi người. Theo tôi, sự thành công của buổi picnic có những lý do sau:

- 1) Đáp ứng nhu cầu tâm tư tình cảm của người Việt xa xứ.
- 2) Những người phụ trách làm việc có phương pháp, kế hoạch.
- 3) Những người phụ trách có tinh thần tương nhượng và biến báo để thích nghi với từng tình huống mới nảy sinh.
- 4) Cộng đồng người Việt có nhiều ưu điểm để biểu hiện khi có dịp thích hợp.

Kể qua để quý bạn nghe hầu cùng có dịp vui với chúng tôi, và hơn thế nữa, vui với cộng đồng Việt Nam hải ngoại đang lớn mạnh và ý thức được ưu điểm của mình.

Vũ Mạnh Phát, CVA 1959, Milpitas, CA.

\*\*\*

## TƯỜNG TRÌNH BUỔI HỌP MẶT TẾT MẬU DẦN 18/1/1998

Buổi họp mặt Tết Mậu Dần của Đại Gia Đình Bưởi Chu Văn An Bắc California đã được tổ chức vào tối ngày Chủ Nhật, 18/1/98, tại nhà hàng Phú Lâm, San Jose. Dù trời mưa to gió lớn, gần 400 người đã tới tham dự đúng giờ như chương trình dự liệu. Đây là điểm nổi bật làm nhiều người bất ngờ. Các thành viên của Hội đã đáp ứng lời kêu gọi của BCH trong TTCVA số 7 phát hành 1 tuần trước ngày họp mặt cũng như sự vận động qua các anh em trong nhóm điện thư.

Về phía các cựu Giáo Sư CVA thì có sự hiện diện của các GS Nguyễn Đình Hoà, Lê Văn Lâm, Nguyễn Đức Hiếu, Trần Quang Lăng, Cung Nhật Tân, Đinh Tiến Lăng. Về phía các trường bạn thì có đại diện các trường Trưng Vương, Gia Long và Petrus Ký. Giáo sư Phạm Huy Khuê thuộc Võ Đường Hùng Vương cũng hiện diện trong buổi dạ tiệc này.

Đặc biệt trong buổi họp mặt này là Hội đã đón chào CVA Mai Đức Khôi, mới tới vùng đất hứa được 2 tuần, và CVA Trần Khắc Thuyền đến từ miền Đông Hoa Kỳ. Chúng tôi ghi nhận có nhiều khuôn mặt mới tới sinh hoạt với Hội lần này là lần đầu. Điện văn chúc mừng buổi họp mặt của CVA Từ Khiết, TTK tam cá nguyệt san Thân Hữu thuộc Câu Lạc Bộ Bưởi - Chu Văn An và thân hữu, Paris, đã được đọc trong buổi họp mặt.

Điều khiển chương trình là CVA Trần Minh Phương, TTK, và CVA Phạm Phúc Hưng, PTTK. Sau nghi thức khai mạc và giới thiệu thành phần tham dự, CVA Phạm Huy Thịnh đã thay mặt BCH để chào mừng các tham dự viên và phát biểu : *"...Nhìn lại tập thể CVA thì chúng ta thấy gì?. Tập thể CVA gồm rất nhiều "nhóm", nhiều "loại" khác nhau . Chúng ta có nào là CVA chính qui, CVA nhậy dù, CVA người nhái, nào là CVA con nuôi, CVA con đẻ, con trai CVA, con gái CVA, nào là CVA Sài Gòn, CVA Hà Nội, CVA cổ thụ, CVA nguyên thủy ....Dù có gọi nhau là chính qui, nhậy dù, người nhái, con nuôi, con đẻ ... thì bên cạnh các từ đó luôn luôn có 3 chữ CHU-VĂN-AN , nghĩa là chúng ta đều là cựu-học-sinh Chu-Văn-An, đều đã tiếp thu ít nhiều tinh thần của Chu Tiên Sinh. Chúng ta đều có chung Tinh Thần Chu Văn An. Những giai thoại về sinh hoạt Chu Văn An cho thấy rằng, trong tập thể Chu Văn An , dù bất cứ ở nơi nào và trong hoàn cảnh nào, thì Tinh Thần CVA vẫn còn. Lửa CVA vẫn cháy. Nhánh lửa này tàn đi thì có nhánh lửa khác bùng lên thay thế. Lửa CVA vẫn cháy sáng, vẫn tỏa sức nóng, vẫn truyền hơi ấm ..."* và ban hợp ca đã đót lửa CVA bằng ca khúc " Chu Văn An Hành Khúc" với tiếng trống quân hành của ban nhạc TNT, tạo ngạc nhiên và thích thú cho mọi người . Nhiều người đã cầm lên bản in lời ca đặt trên bàn và hát theo .

Tiếp theo diễn văn là tràng pháo Mừng Xuân và Dạ Tiệc bắt đầu trong không khí rất là ồn ào, thân mật, đượm tình thầy trò, bằng hữu, đồng môn.

Các ca sĩ trẻ của ban nhạc TNT, một số trong tà áo dài trắng rất là học trò, đã trình diễn giúp vui với tất cả tâm hồn và nghệ thuật. Thực khách say mê. Rẻ Trung Vương , CVA Nguyễn Phục Hưng , là nghệ sĩ "cây nhà lá vườn" đầu tiên lên trình diễn. CVA Nguyễn Văn Thịnh cũng bất ngờ góp phần văn nghệ với giọng ca thật truyền cảm. Thân hữu Ngẫu Hồ đưa mọi người vào khung trời mộng mơ của Nguyên Sa, xuất thân từ CVA. TV Bích Huyền đã làm nhiều người ngỡ ngàng, nhất là Hoa Hậu CVA. GL Bích Ngọc, dù mệt mỏi với những trình diễn liên tục từ mấy hôm trước, cũng vẫn nhớ đến với anh em CVA và kiên nhẫn đợi chờ. Thật là quý! Tiếng hát của "Tà Áo Tím" đã làm say lòng người. Khi mọi người muốn ra về thì TV Thanh Hằng đã mời gọi mọi người ở lại với điệu hát quan họ Bắc Ninh " Người ơi người ở đừng về" vì chương trình còn nhiều mục hấp dẫn lắm! CVA Phạm Tài Tấn sau khi chứng minh là thế hệ con em bây giờ rất ư là "thâm nho", đã gửi "Lá thư" tới các " cụ " Chu Văn An.

Chương trình văn nghệ bắt đầu với bản "Xuân Ca" của Phạm Duy do toàn ban hợp ca " bắt đắc dĩ" , gồm các anh em trong BCH, BCV và được sự hưởng ứng góp mặt rất bất ngờ của các anh chị em khác như Bích Ngọc, chị Vũ Văn Tới, Nguyễn Văn Thịnh, Hoàng Gia Thụy, Lưu Văn Vịnh...Nếu sân khấu còn chỗ đứng thì chắc chắn còn nhiều người nữa lên tham gia. Rất nhiều thực khách đã cùng hát với các "diễn viên" . Điềm làm mọi người ngỡ ngàng và cười nghiêng ngả là sau 3 ca khúc chính của bài Xuân Ca, anh chị em trên sân khấu tiếp tục hát với lời " tự biên tự diễn " theo nhịp điệu của bài hát :

*Chu Văn An, chúng ta quây quần đêm nay*

*Ngày nay, ngày mai, cũng như ngày sau cứ vui dài dài*

*Chu Văn An, hát vang trong trời nắng xuân*

*Gặp nhau, mừng trao biết bao niềm vui những năm học trò*

*Chu Văn An! Vui mãi! Vui lâu!*

*Chu Văn An! Vui mãi! Bên nhau!*

Anh em trong BCH và BCV cũng "mang thân tự diễn cho người mua vui" với điệu Hồ lơ hó lơ mà nhiều người biết. Điềm là đặc điểm của dân CVA mà! "Diễn viên" trên sân khấu thay nhau hò! Giọng khàn



khàn, giọng chuông bễ ...đều hò hét. Chủ yếu là vui với nhau và tất cả mọi người đều tham gia mà! Sau mỗi câu hò là thực khách cười nghiêng ngả, vỗ tay theo nhịp và phụ họa hò theo như hoạt náo viên Trần Minh Phương kêu gọi trước khi "ban hò" lên sân khấu.

CVA Nguyễn Như Hùng thật là duyên dáng với mục "đó vui để mà ...vui thôi!" , được sự hưởng ứng tham gia bất ngờ tại chỗ của các bạn Thanh Hằng, Lê Duy San, Khổng Trọng Hinh, Vương Tử Cảnh và Nguyễn Quang Đầu để giải thích tất cả khúc mắc, lý do của câu thơ ' Aó cài khuy bấm, em làm khổ tôi' . "Một cơn mưa rào làm ướt vai người nữ sinh áo trắng trong sân trường cũng làm khổ tôi" đã đẩy lên những tiếng cười rộn rã, to nhất từ mấy bàn có các chị TV ngồi!

Hoạt cảnh " Hoa hậu Chu Văn An 98" với tài diễn xuất của CVA Nguyễn Đình Phương và Hoàng Duy Hiệu đã cho phỏ nháy cơ hội bấm lia để thu các thân hình ngả nghiêng, các khuôn mặt rạng nét cười của khán giả. Lúc đầu, khán giả rất hồi hộp vì bất cứ ai, nhất là các chị nữ sinh và các nàng dâu Chu Văn An, cũng có thể được bầu làm hoa hậu. Bà con xì xào là dân CVA đã điều từ đầu như vậy thì phen này dám có chị bị lôi lên sân khấu lắm! Mỗi câu nói của " đại diện Ban Tổ Chức (!)" Nguyễn đình Phương khi đọc điều lệ, kết quả cuộc tuyển lựa đều làm cho khán giả ôm bụng cười! Đến khi anh diễn giải ý nghĩa các câu nói ú ớ và cử chỉ điệu bộ của Hoa hậu Nguyễn văn Gù ...ở Nhà Thờ Đức Bà lại càng làm cho cử tọa ngả nghiêng thêm. Vương miện, giải khăn in chữ " Hoa Hậu Chu Văn An 98 " cùng cúp Hoa Hậu càng làm cho khán giả tha hồ xả ga cười mệt nghỉ .CVA lại Quốc Ấn đã đại diện một số anh em lên hỏi là CVA Nguyễn Đình Phương đã theo học khóa "ngôn ngữ cử chỉ" này ở đâu mà diễn giải hay thế! CVA Nguyễn Phục Hưng đã thay mặt ..."Hoa hậu TV (!)" tặng hoa cho Hoa hậu CVA!.

Xen lẫn chương trình văn nghệ là phần trao quà tặng đặc biệt cho những thành viên thật là đặc biệt của Gia đình Bưởi- Chu Văn An. Quà tặng đặc biệt đầu tiên được trao đến GS Nguyễn Đình Hoà, người đóng góp bài đầu tiên cho Đặc San và được đăng. Quà tặng cho người đầu tiên mua vé tham dự Dạ Tiệc Tết Mậu Dần được dành cho CVA Đỗ Thị Nhuận nhưng rồi lại lọt vào tay CVA Phạm Nguyên Khôi. CVA Mai Đức Khôi đã được trao món quà đầy tình đồng môn dành cho người mới tới Thung Lũng Hoa Vàng. Anh cũng nhận được thêm món quà từ chị Vicky Vân Trần, người đầu tiên trúng số số trong đêm, đã nhường lại cái may này cho anh. Phần số số rất hào hứng với tài hoạt náo cùng diễn xuất của các CVA Trần Minh Phương, Phạm Phúc Hưng, Hoàng Uông Lễ và cháu Lily Phạm.

Quà tặng Đặc San Xuân Mậu Dần 1998 đã được trao đến tận tay mỗi người tham dự. TBBC Vũ Mạnh Phát đã giới thiệu đặc san và cảm ơn tất cả các anh chị em đã đóng góp tài chính, bài vở, công sức cho sự thành tựu của đặc san này. Anh đã nhắc tới công sức của CVA Lê Duy San qua các đặc san trước, và các CVA Phạm Nguyên Khôi, Đặng Tường Ngữ, Đỗ Đình Lợi trong đặc san này . Mọi người say mê lật dở xem đặc san và một số đã yểm trợ tài chính cho đặc san tại chỗ và một số sẽ gửi chi phiếu yểm trợ sau.

Những người thích khiêu vũ được dịp "thực tập" đã ở lại đến phút chót và không chê bất kỳ điệu nhạc nào! Anh chị em được dịp vận động cho tiêu cholesterol thì có khi nào lại lãng phí thời gian, nhất là bên ngoài gió vẫn thổi, mưa vẫn rơi!

Sau buổi họp mặt, chúng tôi được biết có CVA đã né khỏi hội trường vì sợ được chỉ định lên ngôi Hoa Hậu , có ban hợp ca đột xuất, kết hợp các giọng nữ, đã "thực tập tại chỗ" mà không lên trình diễn được vì "trực trực kỹ thuật" của ban tổ chức. Xin thành thực cáo lỗi cùng các thành viên trong ban hợp ca .

Phạm Huy Thịnh, CVA 1959, San Jose, CA

( Trích TTCVA # 8 )

\* \* \*

# SINH HOẠT CHU VĂN AN

## **I) Bắc California:**

Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An Bắc California đã có những sinh hoạt chính yếu trong 2 năm qua được tóm lược như sau :

- 1.- HỌP MẶT TẾT MẬU DẦN vào ngày 18/1/98 tại nhà Hàng Phú Lâm, San Jose với gần 400 người tham dự . Đặc san Chu Văn An Xuân Mậu Dần cũng được phát hành trong dịp này .
- 2.- Tổ chức buổi Picnic Vào Hè ngày 14/6/98 tại Lakewood Park, Sunnyvale với 250 người tham dự.
- 3.- Đại Hội bầu lại Ban Chấp Hành nhiệm kỳ 1998-2000 được tổ chức tại Hùng Vương Institute, San Jose vào ngày 16/8/1999 .
- 4.- HỌP MẶT TẾT KỶ MÃO, kỷ niệm 10 năm thành lập Hội, được tổ chức vào ngày 17/1/1999 tại nhà hàng Lou's Village, San Jose với 350 người tham dự.
- 5.- Tổ chức Picnic HỌP MẶT LIÊN TRƯỜNG cùng với các trường bạn Trung Vương, Gia Long, Petrus Ký, Võ Trường Toản, Hồ Ngọc Cẩn vào ngày 22/8/1999 tại Coyote Hellyer County Park, San Jose với hàng ngàn người tham dự. Đây là lần đầu tiên có sinh hoạt liên trường tại vùng Thung Lũng Hoa Vàng. Buổi picnic rất thành công.
- 6.- Tổ chức họp mặt Mừng Xuân Canh Thìn vào ngày 12/2/2000 tại nhà hàng Thiên Thiên, San Jose và phát hành đặc San Chu Văn An 2000 vào dịp này.
- 7.- Tiếp tục phát hành Tin Thư Chu Văn An mỗi 3 tháng để thông báo tin tức cho các bạn đồng môn . Duy trì Gia Trang Tin Thư Chu Văn An Bắc California trên lưới, hoàn toàn miễn phí, tại <http://www.fortunecity.com/victorian/durer/43/cva.htm>
- 8.- Sinh hoạt diễn đàn điện thư CVA , để trao đổi tin tức một cách nhanh chóng, ngày càng phát triển.
- 9.- Yểm trợ phát thưởng cho học sinh Việt giỏi tại các học khu và trường Việt ngữ.

## **II) Nam California**

- 1.- Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Bưởi-Chu Văn An Nam California đã tổ chức họp mặt Tết Kỷ Mão vào ngày 26/2/99 . Số người tham dự lên đến gần 500 là một bất ngờ cho ban tổ chức. GS Nguyễn Xuân Vinh đã nói chuyện với anh em trong buổi họp mặt này. Giai phẩm Chu Văn An Xuân Kỷ Mão 1999 đã được phát hành trong dịp này.
- 2.- Hội đã cùng hơn 20 hội ái hữu các trường bạn tổ chức " Ngày Liên Trường Hè 99" vào ngày 1/8/99 tại Mile Square Park, Fountain Valley City, Orange County, California. Buổi picnic rất thành công với hơn 2000 người tham dự .

## **III) Canada**

- 1.- Montreal.- Hội Ái Hữu Bưởi-Chu Văn An tại Montreal, Canada đã tổ chức họp mặt " Kỷ niệm ngày Nhớ Ôn Thầy & 7 năm thành lập Hội vào ngày 28/11/1998 tại nhà hàng Lotté, Montreal với hơn 300 người tham dự. Đặc San Bưởi- Chu Văn An Canada, Vùng Montreal 1998 đã được phát hành trong dịp này .
- 2.- Toronto .- Nhóm Chu Văn An-Trung Vương vùng Toronto, Canada đã tổ chức buổi họp mặt Tết Mậu Dần vào ngày 10/1/98 với sự tham dự của 300 người . Đặc San đã được phát hành trong dịp này. Nhóm cũng tổ chức picnic vào tháng 7/98.



Buổi họp mặt mừng Xuân Kỷ Mão đã được tổ chức vào ngày 6/3/99 với 250 người tham dự. Đặc san Trung Vương Chu Văn An 1999 đã được phát hành trong dịp này.

#### **IV) PháP**

1.- Buổi họp mặt Tân Niên Mậu Dần 1998 của Câu Lạc Bộ Bưởi- Chu Văn An và thân hữu đã được tổ chức vào ngày 1/3/98 tại nhà hàng La Grande Dynastie với hơn 300 người tham dự.

2.- Buổi họp mặt Tân Niên Kỷ Mão 1999 cũng đã được tổ chức theo thông lệ vào chủ nhật 7/3/99 với gần 300 người tham dự.

Các số Tân Niên của tam cá nguyệt san Thân Hữu đã được phát hành trong các dịp này.

Phạm Huy Thịnh, CVA 1959, San Jose, CA

\* \* \*

## **ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC**

650 N. Jackson Ave, #13

San Jose, CA 95133

Tel: 408-272-3739

Chi phiếu yểm trợ xin đề:

**HỘI ÁI HỮU CHU VĂN AN**

Thư từ bài vở xin gửi về:

**TIN THƯ CHU VĂN AN**

646 E. Santa Clara Street.

San Jose, CA 95112

Tel/ Fax: (408) 280-5004

Email: [ttcva@juno.com](mailto:ttcva@juno.com)

Website: <http://www.fortunecity.com/victorian/durer/43/cva.htm>

\* \* \*

## **Lời cảm tạ**

Hội Ai Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An chân thành cảm tạ Quý Thầy, Quý Thân Hữu và Quý Bạn đã yểm trợ tài chính cho Tin Thư Chu Văn An trong năm qua và cho Đặc San Xuân Mậu Dần 1998, và đã đóng góp bài vở và hình ảnh trong Đặc San này.

Tất cả các bài viết trong Đặc san này không nhất thiết phản ánh đường lối và lập trường của Hội Ai Hữu Chu Văn An Miền Bắc California.

**CHU VĂN AN**  
**Đặc San Xuân Canh Thìn**

**(2000)**

**Hội Ái Hữu Cựu Học Sinh Chu Văn An**

**Bắc California, Hoa Kỳ**

*với các bài viết của*

Phan Cẩm Anh – Hà Quốc Bảo – Nguyễn Gia Bình - Vương Tú Cảnh – Trần Trung Chính - Nguyễn Đức Chung – Đào Văn Dương - Đào Đình Đắc – Vũ Bằng Đình - Hoàng Cơ Định – Phan Bích Hà - Thanh Hằng - Nguyễn Đình Hòa – Nguyễn Văn Hồ – Trần Khánh Hồng - Phạm Phúc Hưng - Đoàn Văn Khanh - Đặng Khắc Khánh - Hoàng Chí Kiên - Phạm Nguyên Khôi – Bùi Đức Lạc – Duy Lam - Nguyễn Huy Lăng - Ba Lăng – Lão Đậu - Nguyễn Phương Liên - Nguyễn Quốc Long – Cả Móm – Đỗ Khắc Nhuận - Vũ Đức Nghiêm - Lê Văn Ninh - Đặng Tường Ngữ – Lăng Nhân - Đỗ Thị Nhuận – Vũ Tiến Phái – Vũ Mạnh Phát - Nguyễn Đình Phương – Trần Minh Phương – Trần Việt Sơn - Nguyễn Quốc Sứy - Nguyễn Văn Tài - Đặng Vũ Thám – Phan Chùng Thanh - Đỗ Đăng Tiên - Phạm Huy Thịnh – Đinh Nhật Thịnh – Đặng Gia Thoại – Phạm Hữu Thuật - Nguyễn Đàm Duy Trung – Tuấn Tú - Minh Viên - Lưu Văn Vịnh – Nguyễn Xuân Vinh – Vũ Văn Vĩnh - Kim

Vũ

***Ban Biên Tập***

Phạm Phúc Hưng - Phạm Nguyên Khôi – Vũ Mạnh Phát - Nguyễn Đình Phương - Trần Minh Phương - Phạm Huy Thịnh

***Trình Bày – Layout***

Phạm Nguyên Khôi - Vũ Mạnh Phát

\* \*\*

**BAN CHẤP HÀNH**  
**HỘI ÁI HỮU CỰU HỌC SINH**  
**CHU VĂN AN MIỀN BẮC CALIFORNIA**  
**( NHIỆM KỲ 1998 - 2000 )**

**CHỦ TỊCH**

**PHẠM HUY THỊNH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

PHẠM PHÚC HÙNG

**TỔNG THƯ KÝ**

PHẠM NGUYỄN KHÔI

**PHÓ TỔNG THƯ KÝ**

VŨ MẠNH PHÁT

**THỦ QUỸ**

NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG

**ỦY VIÊN LIÊN LẠC**

HOÀNG UÔNG LỄ – NGUYỄN HUY TIÊN

**TRƯỞNG BAN VĂN NGHỆ**

TRẦN MINH PHƯƠNG

**BAN CỐ VẤN**

LẠI QUỐC ÁN - PHẠM HỮU ĐỘ - NGUYỄN THANH GIẢM - NGUYỄN HOÀNG HẢI - HOÀNG DUY  
HIỆU – ĐỖ ĐÌNH LỢI - LÊ DUY SAN - LƯU VĂN VỊNH